ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐA HIỆU 90

Ta mơ trống lệnh vang lời hịch
Hội bóng Cờ Vàng cứu muôn dân.
Lê Anh K27

Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
Ban Biên Tập Đa Hiệu

Chân thành cảm tạ:

Quý Giáo Sư,
Quý Chiến Hữu,
Quý Thân Hữu,
và Đại Gia Đình Võ Bị

đã ủng hộ tài chánh và đóng góp bài vở để thực hiện Đặc San Đa Hiệu 90.

ĐA HIỆU 90

■ *Chủ đề:*
Vì Tự Do Dân Chủ
Tổng phát hành:
Hội Võ Bị Bắc California
■ *Phát hành:*
Ngày 19/06/2010
■ *Chủ nhiệm:*
CSVSQ Nguyễn Hàm K25
■ *Chủ bút:*
CSVSQ Lê Đình Trí K29
■ *Trị sự kiêm thủ quỹ:*
CSVSQ Trương Thành Minh K28
■ *Hộp thư tòa soạn:*
ĐA HIỆU MAGAZINE
P.O. BOX 235
Mt. Eden, CA 94557
Tel: 510-303 7963
■ *Email*: dahieu09@gmail.com
■ *Website:* www.dahieu.com
■ *Hình bìa:* Cùng Nhau Lên Đường - *Thẩm Vân*

trong số nầy

Chương trình Đại Hội 17 06
Lá thư chủ nhiệm - Nguyễn Hàm K25 08
Thông báo BBT/ĐH 11
Kết quả GST/ĐH90 12
Giờ quyết định đã đến - Nguyễn Huy Hùng K1 14
Đôi điều suy nghĩ về Ngày Quốc Hận - ĐN Nhận K3 20
Hãy hành động để cứu dân cứu nước - VV Đức K22 27
Mệnh nước nổi trôi - Trần Văn Hiền VHV 36
Trên mỗi bước ta đi - Đặng Văn Thái K15 55
Một ngày Việt Nam - Trúc Hồ 57
Westminster ngày anh về - Nguyễn Đông Giang K19 59
Ngược giòng thời gian - Quế Hương 61
Bất hạnh không ngờ - Nguyễn Đông Giang K19 88
Lời của biển - Lê Anh K27 90
Người lính vẫn sống sau trận lửa - Phan Nhật Nam K18....92
Tài liệu giải mật cuộc họp kín Mỹ Trung về cuộc
chiến VN ngày 24/02/72 - Thẩm Vân K29 103
Câu chuyện chúng mình - Lê Minh Khải K14 126
Thương em dài thuở đợi chờ - Nguyễn Văn Ngọc K26 129
Vườn thơ Chu Thụy Nguyên K24 130
Cha tôi - Lê Thanh Tịnh 26B 133
Đêm dưới trời bơ vơ - Trương Thanh Nhạc K22 142
Mẹ ơi! Bố ơi! - Tường Thúy 20B 150
Nhớ cha - Quế Hương 161
Tìm mẹ - Tôn Thất Diên K10 163
Những cánh thư không hồi âm - Thu Nga 18B 184
Cơn mưa chiều nay - Tường Thúy 20B 192
Ta đợi em đã 35 năm - Quốc Nam K22 199
Bây giờ em ở đâu - Nguyễn Minh Thanh K22 201

Bao mùa nắng hạ - Phạm Văn Hòa K19 202
Nếu ai hỏi - Lê Văn Châm 212
Bài thơ tâm cảm - Lê Anh K27 214
Tháng Tư kinh hoàng - Lan Chi 10B 215
Vượt biên - Trần Ngọc Toàn K16 237
Người em Tha La - Quốc Nam K22 249
Đức tin tình yêu - Phạm Kim Khôi K19 251
Mũ đỏ mũ đen - Phạm Kim Khôi K19 252
Thiếu Úy Nguyễn Lương K24 - Nguyễn Văn Phúc 253
Em có về Đà Nẵng - Trường Khánh 268
Đường Việt Nam - Nguyễn Đức Quang 270
LĐ 147: Từ cuộc di tản 1975 - Phạm Văn Tiền K20 272
Sinh hoạt Võ Bị khắp nơi 287
Ra mắt Global Radio 294
Tin vui 295
Anh ra đi thật rồi sao - Tô Văn Cấp K19 301
Khóc NT Tôn Thất Chung - Phan Nghè K19 324
Như những vầng mây - Tường Thúy 20B 325
Tin buồn 326
Báo cáo tài chánh 335
Trả lời thư tín 343
Lời cuối 346

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI XVII
WESTMINSTER, CALIFORNIA, USA
Ngày 02–04, tháng 7 năm 2010

■ NGÀY THỨ SÁU 02/07/2010

16:00 – 18:00 Họp tiền Đại Hội

20:00 – 21:00 Lễ Truy Điệu Truyền Thống

Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ (Sid Goldstein Freedom Park)
14180 All American Way - Westminster, CA 92683

20:00 – 20:30 Sắp xếp đội hình

20:30 – 21:00 Tuyên đọc ý nghĩa Lễ Truy Điệu Truyền Thống
Rước Quốc-Quân Kỳ
Chào cờ Việt-Mỹ
Đặt vòng hoa (Tổng Hội và 31 khóa)
Lễ Truy Điệu Truyền Thống
Giá Quân Kỳ rũ
Tiễn Quốc Kỳ

21:00 Bế mạc

■ NGÀY THỨ BẢY 03/07/2010

Địa điểm: Hội trường City of Westminster
8200 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683

08:00 - 09:00 Ghi danh - Điểm tâm

09:00 - 10:00 Lễ chào cờ khai mạc Đại Hội XVII
Chuẩn bị đội hình
Rước Quốc-Quân Kỳ
Chào cờ Việt-Mỹ
Phút Mặc Niệm
Tiễn Quốc-Quân Kỳ

10:00 – 11:50 Giới thiệu thành phần tham dự Đại Hội
Lời chào mừng của Trưởng Ban Tổ Chức ĐH XVII
Tường trình của THT/Tổng Hội, THP/Truyền Thông
và Chủ bút Đặc San Đa Hiệu
Tường trình của CT/HĐTV-GS
Tường Trình của TĐT/TĐ/TTNĐH
Tường trình của LHT/LH và HT/HVB địa-phương

(Nếu Hội Võ Bị nào có phần tường trình sinh hoạt của Đoàn PNLV, xin tùy nghi giới thiệu vị Đoàn Trưởng PNLV ngay sau phần trình bày của vị Hội Trưởng)

11:50 – 12:00 Bầu chủ tọa đoàn

12:00 – 13:00 Cơm trưa

13:00 CSVSQ và PNLV tập họp lại trong hội trường.

Tham chiếu VT số 018/BCH/TH ngày 18/4/2010 và Lá Thư của THT ngày 20/4/2010:

Phòng họp nhỏ, Đoàn TTN/ĐH sinh hoạt vào thứ Bảy 3/7/2010. Đoàn PNLV sinh hoạt vào 9:30 sáng Chủ Nhật 4/7/2010.

13:00 – 16:00

Thảo luận các chủ đề do các Liên Hội / Hội / Khóa đề nghị theo tinh thần Văn Thư số 016/BCH/TH ngày 15/2/2010

16:00 – 17:00

Đề cử, giới thiệu ứng cử viên THT/TH và CT/HĐTV

Tóm lược quyết định của ĐH trong ngày thứ nhất

■ **NGÀY CHỦ NHẬT 04/07/2010**

08:00 – 09:00 Ghi danh và điểm tâm

09:00 – 12:00 Tiếp tục thảo luận về các chủ đề và đường hướng sinh hoạt của Tổng Hội cho nhiệm kỳ 2010-2012

12:00 – 13:00 Cơm trưa

13:00 – 13:15 Quyết định địa điểm tổ chức Đại Hội XVIII

13:15 – 14:00 Hoàn tất nghị quyết của Đại Hội XVII

14:00 – 16:00 Bầu THT/TH và CT/HĐTV-GS 2010-2012

16:00 – 16:10 THT/TH và CT/HĐTV-GS bàn giao trách nhiệm

16:10 – 16:15 Tuyên đọc quyết nghị của ĐH17

16:15 – 16:30 Bế mạc ĐH XVII

18:00 – 23:00 Dạ tiệc bế mạc Đại Hội XVII

Địa-điểm: Anaheim Marriott

700 West Convention Way, CA 92802, USA

Phone: (714) 750-8000

Lá thư chủ nhiệm

Hướng Về Đại Hội XVII

Chỉ còn ít tuần nữa, Đại Hội Võ Bị Hải Ngoại thứ 17 sẽ khai mạc. Đó là một khoảng thời gian rộn ràng cấp bách để BTC/ĐH chu toàn trách nhiệm trước tập thể cựu SVSQ/TVBQGVN.

Mọi công tác chuẩn bị cho đại hội đang trở nên dồn dập. Ban Tổ Chức hiện nay đang làm việc ngày đêm trong thời gian còn lại, và rồi sẽ tiếp tục để thực hiện các chi tiết trong thời gian diễn tiến của đại hội. Tất cả những chuẩn bị hiện nay đều có tầm quan trọng và tiến bước đồng hành để Đại Hội Võ Bị của chúng ta được hoàn thành tốt đẹp như mục tiêu đã đề ra.

Việc chuẩn bị hiện nay không những chỉ dành riêng cho Ban Chấp Hành/TH hay Ban Tổ Chức Đại Hội, mà còn là một công tác chung, một trách nhiệm chung của mọi CSVSQ/TVBQGVN trên thế giới, như là một ngày mừng Mẹ trăm tuổi, mọi người con đều góp một bàn tay hướng về Mẹ và đều được vui chung.

Hơn lúc nào hết, đây là khoảng thời gian người CSVSQ/TVBQGVN nên hướng về trường Mẹ bằng cách hướng về Đại Hội Võ Bị kỳ thứ 17. Bên cạnh việc ghi tên tham gia, ủng hộ, và vận động tham dự đại hội, một công tác quan trọng của tiền đại hội mà tất cả mọi cựu SVSQ cần chú tâm là chuẩn bị tham gia, góp ý vào các đề tài thảo luận trong đại hội.

BTC/ĐH cũng như BCH/Tổng Hội cảm thấy được khích lệ vô cùng về sự đóng góp của nhiều cựu SVSQ trong việc nêu chọn ra chủ đề của Đại Hội:

- Vì Tự Do và Dân Chủ cho Việt Nam

Trong đó bao gồm các tiểu đề nhắm vào việc đấu tranh lật đổ bạo quyền CS và bảo tồn đất tổ.

Đây là những chủ đề mang nhiều ý nghĩa thiết thực đối

với tổ quốc đang lâm nguy. Đất nước Việt Nam dưới sự cai trị của chế độ độc tài CS đang trên bờ vực thẳm để rơi vào tay ngoại bang Trung Cộng. Những chủ đề này thể hiện được tinh thần trách nhiệm của chúng ta đối với tổ quốc, và nói lên tâm tư của người cựu SVSQ/TVBQGVN trước thực trạng của dân tộc.

Ba mươi lăm (35) năm đã trôi qua kể từ ngày mất nước, nhiều tập thể, hội đoàn đã thay hình đổi dạng, có đơn vị đã tan nát vì những âm mưu lũng đoạn đánh phá của CSVN dưới nhiều hình thức, riêng người cựu SVSQ/TVBQGVN vẫn có thể tự hào rằng tập thể của chúng ta ,tập thể cựu SVSQ/Võ Bị vẫn còn là một tổ chức vững mạnh, sinh hoạt năng động trong tinh thần dân chủ nhưng luôn luôn mang tinh thần truyền thống của Trường Mẹ, và đồng thời vẫn giữ được sự kính trọng trong cộng đồng người Việt tại hải ngọai. Những gì chúng ta thảo luận đề đưa đến quyết định qua đại hội, sẽ ít nhiều, gián tiếp hay trực tiếp, ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng người Việt tỵ nạn CS, cũng như công cuộc đấu tranh chung của người Việt trong và ngoài nước.

Vậy, để việc thảo luận các chủ đề đạt hiệu quả và đưa ra được những phương hướng suy nghĩ và hành động thực tiễn, Tổng Hội gợi ý một số điểm sau đây:

1. Xác định khối cộng sản đang trong tiến trình tan rã. Trên thế giới chỉ còn lại năm ba đảng đang bám víu vào một chủ nghĩa lỗi thời và phản động để duy trì quyền thống trị. Tập đoàn CSVN dùng chủ nghĩa cộng sản lạc hậu xào trộn với mớ xà bần "tư tưởng HCM", rồi kẹp thêm cái gọi là "kinh tế thị trường định hướng XHCN" để tiếp tục thống trị và bóc lột nhân dân Việt Nam.

2. Xác định tập đoàn CSVN không đại diện cho dân tộc Việt Nam. Chúng không được đại đa số dân tộc chọn lựa, đề cử theo tiến trình dân chủ, tự do. Chúng cướp quyền cai trị bằng bạo lực qua sự hỗ trợ của cộng sản ngoại bang.

3. Bằng độc quyền thống trị, CSVN dùng mọi thủ đoạn để tước đoạt các quyền tự do của dân tộc Việt Nam: không

bầu cử tự do, đàn áp, cướp đất, chèn ép tôn giáo, ngăn chận thông tin... là những ví dụ điển hình. Mọi thành phần dân tộc chỉ làm nô lệ cho một thiểu số thống trị CSVN.

4. Vì không đại diện cho dân tộc Việt Nam và để duy trì quyền lực thống trị, CSVN dùng tất cả mọi phương cách để phục vụ cho mưu đồ riêng tư của chúng, bất kể quyền lợi dân tộc và sự trường tồn, vẹn toàn của đất nước. Các hành động buôn dân, bán đất, nhượng biển, sang rừng cho ngoại bang Trung Cộng là những chứng minh cho bản chất phi dân tộc, vô tổ quốc của tập đoàn CSVN.

Từ những xác định trên, các buổi thảo luận nên đề ra những chương trình hành động sắp tới cho tập thể cựu SVSQ và Tổng Đoàn TN/ Đa Hiệu, và PNLV. Xin nêu ra một vài gợi ý:

1. Sử dụng các phương tiện như truyền thông, hội thảo, tham luận, văn nghệ để liên tục nói rõ tính chất phản dân tộc của tập đoàn CSVN.

2. Đề ra các phương thức để ủng hộ và yểm trợ cho các phong trào đấu tranh vì Tự Do và Dân Chủ cho Việt Nam.

3. Tham gia tích cực vào các nỗ lực nhằm xác định chủ quyền của Việt Nam trên lãnh hải và lãnh thổ.

Lịch sử trước mắt đã chứng minh rõ ràng Liên Bang Sô Viết nơi sinh đẻ và là thành trì của chủ nghĩa cộng sản thế giới đã sụp đổ. Bọn chạy theo đuôi chủ nghĩa lạc hậu như Cộng Sản Việt Nam dù ngoan cố tới đâu rồi cũng sẽ bị đào thải do tính phi nhân phi nghĩa. Mọi nỗ lực của chúng ta là nhằm góp tay góp ý hiệp sức để thâu ngắn đoạn đường khổ nạn của dân tộc. Và đó là trách nhiệm và hoài bão cao lớn nhất của những chàng trai xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Hẹn gặp toàn thể quý giáo sư, quý niên trưởng, các bạn, quý chị, các cháu và thân hữu trong ngày Đại Hội thứ 17 của chúng ta.

Trân trọng kính chào,

Cựu SVSQ Nguyễn Hàm
Tổng Hội Trưởng

Thông Báo
Về Giải Sáng Tác Đa Hiệu

Nhằm cổ võ nội dung đặc san Đa Hiệu ngày càng phong phú hơn, Ban Biên Tập Đa Hiệu đã có sáng kiến mở Giải Sáng Tác Đa Hiệu bắt đầu từ số 88.

Cho đến nay, sau ba số phát hành, nội dung Đa Hiệu đã có phần khởi sắc và có sự chuyển hướng rõ nét. Một số cây viết mới xuất hiện lần đầu đã bắt đầu cộng tác; những cây viết lâu nay còn chần chờ, nay đã mạnh dạn góp bài.

Mặc dù GST không đòi hỏi nhiều bài tham dự, tuy nhiên số lượng người tham gia vẫn không nhiều! Riêng về thơ thì rất đầy đủ, dư bài để đăng, nhưng phần hồi ký hầu như không có bài tham dự, và ngay cả truyện ngắn hay nhạc, số lượng bài dự thi cũng rất hạn chế!

Chính vì thế, trong phiên họp viễn liên ngày 16/04/2010 vừa qua, BBT/ĐH đã quyết định tạm đình hoãn Giải Sáng Tác Đa Hiệu trong các số tới và sẽ mở lại khi có thể và qua đó đã đề nghị một hình thức khuyến khích mới như sau:

Tất cả những bài tác giả gửi đến tòa soạn hay do toà soạn sưu tầm được với đủ các thể loại như bình luận, quan điểm, hồi ký, truyện, tùy bút, thơ, nhạc v.v... nếu được chọn đăng, sẽ được BBT xem xét và đánh giá để chọn ra bài hay nhất trong thể loại đó. Tác giả bài viết được chọn là hay nhất của từng thể loại này sẽ được BBT trao phần thưởng khuyến khích tượng trưng bằng hiện vật và sẽ được công bố trên Đa Hiệu cũng như trên các phương tiện truyền thông khác của Tổng Hội.

Trong tinh thần cố gắng duy trì nội dung Đa Hiệu ngày càng phong phú, BBT rất mong được sự hợp tác của quý Giáo Sư, quý NT, quý chị, cùng toàn thể bạn đọc xa gần.

Trân trọng thông báo,

BBT/ĐH

Kết Quả Giải Sáng Tác Đa Hiệu 89

Kính thưa quý GS, quý NT, đại gia đình Võ Bị, cùng toàn thể độc giả Đa Hiệu,

Sau ba tháng làm việc để hoàn thành Đa Hiệu 89, đến nay công việc đã xong và Ban Trị Sự cũng đã gửi Đa Hiệu đến toàn thể quý vị trung tuần tháng Ba vừa qua. Toàn Ban Biên Tập xin hết lòng cảm tạ quý giáo sư, quý NT, toàn thể đại gia đình Võ Bị cùng bạn đọc xa gần đã cộng tác đắc lực, gửi thư thăm hỏi, ủng hộ tinh thần và tài chánh, cũng như đã đóng góp bài vở và công sức để Đa Hiệu ngày càng xứng đáng là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN.

Chính nhờ sự cộng tác đắc lực này mà nội dung Đa Hiệu ngày càng phong phú, tạo được một chỗ đứng riêng, và Giải Sáng Tác ngày càng hào hứng hơn. Hôm nay Ban Biên Tập Đa Hiệu xin hân hạnh công bố kết quả Giải Sáng Tác Đa Hiệu 89.

A. Giải sáng tác THƠ:

1- Giải Nhất:

- Tác phẩm: Xuân Về Anh Nhớ Bông Bí Nụ

Tác giả: Nguyễn Đông Giang K19

Phần thưởng 100USD.

2- Ba Giải Nhì Đồng Hạng:

- Tác phẩm: Mùa Xuân Rồi Sẽ Tái Sinh

Tác giả: Nguyễn Thị Khánh Hòa, TH

Phần thưởng: 50USD.

- Tác phẩm: Màu Tóc Úa

Tác giả: Vi Vân 20B

Phần thưởng: 50USD

- Tác phẩm: Nói Với Người Tình

Tác giả: Vi Vân 20B

Phần thưởng: 50USD

B. Giải sáng tác TRUYỆN NGẮN:

1- Giải Nhất:

- Tác phẩm: Những Giòng Ký Ức

Tác giả: Quế Hương TH

Phần thưởng: 200USD

2- Giải Nhì:

- Tác phẩm: Năm Năm Bến Cũ

Tác giả: Trần Đỗ Luân K21

Phần thưởng: 100USD

3- Giải Ba:

- Tác phẩm: Đôi Guốc Mộc

Tác giả: TeaLan 26B

Phần thưởng: 50USD

C. Giải Sáng Tác NHẠC:

1- Giải Nhất: Không có

2- Giải Nhì:

- Tác phẩm: Hậu Duệ Quân Võ Bị Hành Khúc

Tác giả: Đặng Văn Thái K15

Phần thưởng: 150USD

3- Giải Ba:

- Tác phẩm: Ca Khúc Phụ Nữ Lâm Viên

Tác giả: Phiêu Bồng (tức Nguyễn Văn Bồng K13)

Phần thưởng: 100USD

D. Giải sáng tác HỒI KÝ:

Không có bài tham dự.

Thông báo này sẽ đăng trên Đa Hiệu 90 sắp phát hành, trên website Đa Hiệu, trên diễn đàn vobivietnam. Chúng tôi cũng xin Ban Truyền Thông Tổng Hội, Tổng Đoàn TTNĐH, Ban truyền thông quý Hội địa phương, quý khóa cho đăng rộng rãi thông báo này trên diễn đàn của quý vị.

Sau hết, thay mặt BBT, chúng tôi xin có lời chúc mừng những tác giả đã đoạt giải. Xin quý vị hãy đón nhận giải như niềm vui trong cuộc sống và niềm khích lệ cho những sáng tác mới.

Thân ái kính chào Đoàn Kết và Xây Dựng.

Lê Đình Trí K29, chủ bút

Giờ Quyết Định Đã Đến!

■ *Nguyễn-Huy Hùng K1*

- Lửa thiêu Cộng Sản đang lan tràn trong nước.

- Chúng ta cần hoạt động hỗ trợ đồng bào trong nước quyết liệt hơn.

Chúng ta những người Việt Quốc Gia nhân bản, yêu nước đã quyết liệt đấu tranh chống Cộng Sản Việt Nam (CSVN) từ hơn nửa thế kỷ nay vì chúng ta biết rằng chế độ Cộng Sản là một hình thức thực dân, đế quốc, phong kiến, quân phiệt mới, một chế độ phi nhân độc tài tàn bạo vô nhân đạo gấp trăm ngàn lần những chế độ cũ. Các lãnh tụ cộng sản gian manh tuyên truyền xảo quyệt đưa ra những mục tiêu lừa bịp để lôi cuốn mọi người đi theo ủng hộ chúng cướp chính quyền như: - Nhân dân làm chủ - Mọi người có quyền bình đẳng - Lao động theo khả năng hưởng thụ theo nhu cầu - Không còn giai cấp giầu nghèo, cường hào ác bá, người bóc lột người - Không còn tư sản tư hữu, mọi của cải tài sản đều thuộc về nhân dân... nhưng do nhà nước quản lý...?

Gương Liên Xô cho chúng ta thấy là sau khi có được chính quyền trong tay thì chúng lại dùng phương thức tập

đoàn chuyên chính vô sản độc quyền cai trị đất nước, đàn áp bóc lột sức lao động của toàn dân một cách tàn bạo và thâm độc hơn tất cả những tập đoàn chuyên chính phong kiến, thực dân, quân phiệt mà loài người được biết qua các thời đại phát triển từ sơ khai cho đến nay. Toàn dân trở thành bầy nô lệ tiếp tục lao động khổ cực để phục vụ cho giai cấp lãnh đạo mới là tập đoàn cộng sản khát máu phi nhân - gọi một cách nôm na chính xác là Tập Đoàn Tư Bản Quân Phiệt Phong Kiến Đỏ.

Về chính sách và phương pháp chống cộng, chúng ta đã được thừa hưởng tất cả những khảo cứu và phương sách được coi là thuận lý và khoa học nhất do các chính trị gia và triết gia Âu Á nổi tiếng biên soạn hướng dẫn. Mã Lai Á và Nam Dương đã thành công trong việc loại trừ hết cộng sản trên đất nước của họ vào những năm cuối thập niên 1950. Hoa Kỳ cũng nhờ đó đã thắng cuộc Chiến Tranh Lạnh vào cuối thập niên 1980 qua đầu thập niên 1990, làm tan rã hoàn toàn cái nôi thành trì Cộng Sản Liên Xô và Đông Âu, đặt Trung Cộng vào trạng thái ngất ngư phải xét lại đổi mới theo kinh tế thị trường, Cuba ngắc ngoải, và bây giờ Bắc Hàn và Việt Cộng đang đến lượt bước vào thời kỳ khủng hoảng hậu quả của chiến dịch "diễn biến hoà bình" để giẫy chết.

Sau mốc lịch sử đau thương của đất nước Việt Nam từ ngày Quốc Hận 30/4/1975, một câu hỏi được đặt ra là: Vậy thì tại sao chúng ta cũng đã từng được Hoa Kỳ viện trợ để chống cộng sản, nhưng chúng ta lại thất trận phải bỏ nước ra đi lưu vong nơi xứ lạ quê người từ hơn 30 năm nay để cho hơn 80 triệu đồng bào Việt Nam ở trong nước phải chịu đựng sự bóc lột tàn bạo của bè lũ bạo quyền Việt Cộng còn thậm tệ hơn hoàn cảnh của các nông nô thời phong kiến

thực dân trước kia?

Nếu can đảm thẳng thắn xét lại những bài học kinh nghiệm đã trải qua, chúng ta phải chân thành mà nhận định rằng: Chúng ta có chính nghĩa, không thua cộng sản về mặt tranh luận lý thuyết, nhưng chúng ta đã thua cộng sản vì không phát huy được sáng kiến đem chiến tranh du kích và bạo lực tiêu diệt cộng sản ngay trong lòng xã hội cộng sản như cộng sản đã thực hiện đối với chúng ta, và cũng vì chúng ta quá quân tử, xử thế theo đạo Trời trọng Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, không xảo quyệt lừa bịp tàn bạo vô nhân bất nghiã như cộng sản, nên không thể áp dụng bạo lực một cách bừa bãi phi nhân.

Những điểm yếu khiến chúng ta tạm thua cuộc chiến máu lửa, có thể quy tại 3 lý do:

1. Một số chính khách lãnh đạo chính phủ Hoa Kỳ trước đây giúp chúng ta chống cộng sản nhưng không muốn chúng ta thắng vì lợi ích chiến lược toàn cầu của họ là đang trắc nghiệm phương thức tấn công làm tan rã hàng ngũ đối phương cộng sản bằng "diễn biến hoà bình" ngay trong đất nước Liên Xô, các nước Đông Âu và Trung Cộng trong thời gian cuối thập niên 1960 sang đầu thập niên 1970, để tránh nguy cơ làm bộc phát chiến tranh nguyên tử. Do đó, mọi sáng kiến tấn công của chúng ta vào hậu phương Cộng Sản Bắc Việt, dù hợp lý và cần thiết đối với hoàn cảnh của Việt Nam lúc bấy giờ, đã không được đồng minh Hoa Kỳ khuyến khích yểm trợ mà còn bị gạt bỏ một cách phũ phàng, bằng lý do là họ viện trợ cho chúng ta để tự vệ chứ không phải để chúng ta đi xâm lăng lãnh thổ miền Bắc Việt Nam để tiêu diệt Việt Cộng.

2. Những người lãnh đạo và các nhóm trí thức, chính khách của chúng ta không chịu cách mạng bản thân, không thích ứng kịp thời theo tiến triển tâm lý xã hội thời đại nguyên tử, vẫn quá câu nệ vào triết lý cai trị theo nhân bản Khổng Nho, nên trở thành lạc hậu lạc lõng không giải quyết thỏa đáng kịp thời những đòi hỏi của quảng đại quần chúng, lại không có những quốc sách hữu hiệu hướng dẫn

giáo dục, để mọi người sống trong tình trạng tự do quá trớn với tinh thần cầu an hưởng thụ, hoặc không dám áp dụng những biện pháp cứng rắn cần thiết đúng mức khi tình hình đòi hỏi, nên đến lúc xảy ra cảnh rối loạn hiểm nguy thì không còn cơ hội cứu vãn ổn định được đành buông xuôi.

3. Chúng ta dễ tự mãn, không chịu tiếp tục khai thác đẩy mạnh thắng lợi đến kết quả cuối cùng, chỉ dồn đối phương vào thế bại nhất thời rồi lơ là không phòng bị, để chúng có thời gian ổn định củng cố lại thế lực, theo chính sách cố hữu "lùi một bước để tiến lên hai bước" do các quan thầy cộng sản quốc tế đã truyền dạy cho chúng, để rồi khi đã ổn định xong chúng lại tung ra những chiêu pháp mới, khiến chúng ta bất ngờ rơi vào thế ứng phó thụ động mất đi khí thế tấn công lúc ban đầu.

Hiện nay, các thế lực chính trị kinh tế thế giới đang hòa hợp cùng Hoa Kỳ đẩy mạnh "diễn biến hoà bình" tại vùng Á Châu Thái Bình Dương để khai thác thu lợi tối đa cho quốc gia dân tộc của họ. Và cũng nhờ thế mà tại Việt nam hiện nay, đồng bào ở trong nước cũng đang dũng cảm lợi dụng thời thế đứng lên đấu tranh chống bạo quyền Việt Cộng để đòi quyền sống, đòi công bằng xã hội, đòi tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, tư do phát biểu và hội họp... Đây là thời cơ thuận lợi nhất cho chúng ta sát cánh bên nhau thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các chương trình hành động vận động thế giới hỗ trợ cho đồng bào trong nước, vùng lên mạnh mẽ hơn nữa để sớm đạt được thành quả sau cùng là loại trừ hẳn được bạo quyền Việt Cộng và đảng CSVN ra khỏi chính trường Việt Nam, để toàn dân tộc Việt Nam có được cuộc sống ấm no hạnh phúc với mọi quyền căn bản của con người được tôn trọng và bảo vệ bình đẳng, mà chúng ta đã dấn thân hành động nhưng chưa đạt được kết quả mong muốn suốt từ mấy chục năm qua.

Để thực hiện được điều này, chúng ta phải xét lại những hoạt động chính yếu mà chúng ta đã và đang làm xưa nay, để phối hợp đẩy mạnh liên tục hơn nữa là:

1. Cập nhật hoá và gửi thêm những bằng chứng xác thực

cụ thể mới nhất về những hành động vi phạm nhân quyền của bạo quyền Việt Cộng trong mọi hoàn cảnh sinh hoạt xã hội đối với đồng bào Việt Nam ở trong nước, đến đại diện các quốc gia thuộc tổ chức Liên Hiệp Quốc, đến các cơ quan lập pháp của tất cả các nước trên thế giới, nhằm vận động làm thức tỉnh lương tri nhân đạo của họ để họ áp lực cơ quan hành pháp của nước họ chấm dứt giao thương cũng như yểm trợ phát triển cho bạo quyền Việt Cộng. Bởi vì mọi chương trình trợ giúp của quốc tế gửi vào Việt Nam cho đến nay, đều bị tập đoàn bạo quyền Việt Cộng các cấp ăn chặn để làm giàu sống phè phỡn xa hoa và tiếp tục cấu kết với nhau củng cố uy quyền dùng bạo lực đàn áp bóc lột nhân dân, chứ quảng đại quần chúng dân tộc Việt Nam chẳng được tiếp giúp gì đáng kể, mà vẫn phải thường xuyên sống lam lũ khổ cực còn hơn dưới các thời phong kiến thực dân cai trị trước kia. Những hành động nhân đạo không được ban bố đúng nơi hợp với nhu cầu sẽ là tiếp tay với tội ác.

2. Mỗi đoàn thể tùy theo khả năng và phương cách hành động riêng, hãy gia tăng nỗ lực yểm trợ thực tiễn cho đồng bào của chúng ta ở trong nước về mọi phương diện, để họ vững lòng không chùn bước tiếp tục vùng lên theo dây chuyền tại khắp mọi nơi và trong mọi lãnh vực, để dồn bạo quyền Việt Cộng mọi cấp vào thế cùng không chịu đựng nổi phải rút lui giải thể trả lại cho toàn dân tộc Việt quyền tự chủ lựa chọn chế độ chính trị dân chủ thật sự không cộng sản như mong muốn.

3. Các đoàn thể đấu tranh nơi hải ngoại đang có những nhóm vệ tinh hoạt động ở trong nước Việt Nam, hãy tăng cường cài thêm người vào hòa đồng hoạt động trong các tổ chức ngoại vi của bạo quyền Việt Cộng, trong các đảng bộ quân đội nhân dân, công an nhân dân, cơ quan hành chánh trung ương và địa phương trong cả nước, để lôi cuốn thúc đẩy các phần tử này tự phát đứng lên sát cánh cùng đồng bào đấu tranh lật đổ bạo quyền, y như các đảng viên cộng sản và nhân dân các nước trong khối Liên Xô Nga và Đông

Âu đã làm vào cuối thập niên 1980 sang đầu thập niên 1990 trong thế kỷ 20 vừa qua trên đất nước của họ.

4. Và đặc biệt, các đoàn thể cũng nên dồn mọi nỗ lực vào cuộc vận động tất cả đồng hương Việt Nam đang sống trên toàn thế giới và quảng đại quần chúng địa phương nơi mình cư ngụ, quyết liệt tẩy chay không tiêu thụ các sản phẩm vật dụng do Việt Cộng xuất khẩu dưới bất cứ nhãn hiệu nào, của Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghiã Việt Nam hay của các công ty ngoại quốc hợp doanh với Việt Cộng sản xuất. Việc làm này nhằm mục đích cắt nguồn cung cấp ngoại tệ cho Việt Cộng dùng nuôi dưỡng các cơ sở Việt Cộng hoạt động tuyên truyền lừa bịp xảo quyệt nơi hải ngoại để giúp cho chế độ vô nhân của chúng được sinh tồn tiếp tục hại dân bán nước.

Dĩ nhiên còn rất nhiều việc khác nữa cần phải thực hiện, nhưng trên đây chỉ là những đề nghị hành động tối thiểu cấp thiết để chúng ta dồn trọng tâm nỗ lực thực hiện ưu tiên.

Hy vọng kết quả của những việc làm này sẽ là nguồn nhiên liệu thiết yếu hỗ trợ cho lửa thiêng ở trong nước bùng mạnh liên tục quyết liệt rộng khắp trên đất nước Việt Nam để nhanh chóng đốt cháy tập đoàn Việt Cộng Mafia Tư Bản Thực Dân Phong Kiến Quân Phiệt Đỏ sớm tan thành tro bụi, cho toàn dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách cai trị bạo tàn vô nhân phi nghĩa của chúng từ suốt hơn nửa thế kỷ nay.

Cầu xin ơn trên, Trời, Phật, và anh linh các anh hùng liệt nữ dòng giống Tiên Rồng Việt Nam phù trợ cho tất cả chúng ta.

NGUYỄN-HUY HÙNG(K1)

Cựu Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà,

Phụ Tá Tổng Cục Trưởng Chiến Tranh Chính Trị kiêm Chủ Nhiệm Nhật Báo Tiền Tuyến,

Cựu tù nhân chính trị, 13 năm lao động khổ sai trong các trại tập trung cải tạo của Đảng Việt Cộng và bạo quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam từ sau ngày Quốc nạn 30/4/1975.

Đôi Điều Suy Nghĩ Về Ngày Quốc Hận 30/04/2010

■ *Đỗ Ngọc Nhận K3*

Là một cựu quân nhân QLVNCH, tôi luôn luôn hãnh diện về quyết định đã tình nguyện đầu quân phục vụ nhiều năm trong QLVNCH chiến đấu chống cộng sản nhằm xây dựng và bảo vệ chính nghĩa tự do của chính quyền Quốc Gia Việt Nam ban đầu, và sau đó là chính thể Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) suốt trong hai cuộc chiến 1946-1954 và 1957-1975.

Sức mạnh dân tộc

Vào cuối năm 1988, Ông Phan Xứng, một nhân sĩ thời đệ nhất VNCH định cư tại Minesota gởi tặng tôi cuốn sách CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM do tác giả Tùng Phong soạn thảo. Cuốn sách vừa do nhà xuất bản Hùng Vương tái bản tại California, Hoa kỳ mùa thu năm 1988. Sau này tôi được biết: tác giả Tùng Phong chính là biệt hiệu của Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu, bào đệ của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Giáo sư học giả Tôn Thất Thiện đánh giá cuốn CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM là *"một viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng"* Việt Nam. Nghe nói, nguyên bản sách viết bằng tiếng Pháp, được các chiến hữu của tác giả dịch và phổ biến lần thứ nhất tại Sài Gòn sau khi nền đệ nhất VNCH

bị bức tử.

Mở đầu cuốn sách, tác giả Tùng Phong trích dẫn một câu văn có ý nghĩa rất sâu sắc của đại văn hào Nhật Bản Đức Phủ Tô Phong về sức mạnh dân tộc: ***Một dân tộc hùng cường là một dân tộc giàu chiến sĩ vô danh***. Với bản thân từng tham gia, đồng thời cũng là chứng nhân của cả hai cuộc chiến cận đại, tôi xác tín rằng: mặc dầu người quốc gia VN đã không thể chiến thắng trước thế lực của phong trào quốc tế cộng sản mà CSVN chỉ là tay sai, nhưng cuộc chiến đấu cho tự do của quân dân Miền Nam Việt Nam (MNVN) đã diễn ra vô cùng anh dũng và quyết liệt. Hằng hà sa số chiến sĩ VNCH đã hy sinh cho đại nghĩa mà những anh hùng tuẫn tiết không chịu quy hàng địch vào cuối tháng 4 năm 1975 như các tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú v.v... là *"những ngọn sóng mà ta thấy được. Dưới những ngọn sóng ấy còn âm ỉ một sức mạnh vô song, tuy âm thầm lặng lẽ mà bền bỉ kiên trì thúc đẩy cho ngọn sóng lên cao. Chính đó là sức mạnh của các chiến sĩ vô danh"* (CĐVN: Lời nhà xuất bản), và đó là sức mạnh dân tộc.

Thực vậy, trong chiến tranh VN, những chiến sĩ vô danh VNCH nhiều không kể xiết, bao gồm hằng trăm ngàn quân dân cán chính đã bỏ mình trên chiến địa khắp các nẻo đường đất nước, vô số kể bị cộng sản tàn sát oan uổng dưới mọi hình thức, hằng ngàn vạn bị cộng sản trả thù giam cầm dài năm không xét xử trong hàng trăm trại cải tạo sau khi chiến tranh chấm dứt và rất nhiều người đã gục ngã. Thêm vào đó, vô vàn đồng bào không thể kiểm chứng bị thủy táng trong lòng biển cả, vùi thây trong tận rừng sâu nước độc, bị hải tặc hãm hiếp giết hại oan nghiệt... trên đường đi tìm tự do lánh nạn cộng sản sau biến cố 30/04/1975. Họ rời bỏ quê cha đất tổ ra đi đến một nơi bất định, bất chấp mọi hiểm nguy kể cả tính mệnh của mình. Phong trào di cư lánh nạn CS không tiền khoáng hậu trong lịch sử thế giới về di cư của nhân dân VN đã thức tỉnh và đánh động lương tâm nhân loại về hiểm hoạ cộng sản, do vậy đã là yếu tố góp

phần không nhỏ vào biến động làm sụp đổ chế độ cộng sản Liên Bang Sô Viết và Đông Âu năm 1989.

Tưởng cũng cần nhắc lại, để bảo vệ biên cương do tiền nhân để lại, các chiến sĩ hải quân VNCH, mặc dầu rất bất lợi về tương quan lực lượng, nhưng đã dũng cảm chiến đấu với 53 chiến sĩ hy sinh, chống lại cuộc xâm lăng của lực lượng hùng hậu hải quân Trung Cộng, gồm có cả tàu ngầm, trong mưu đồ cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa của VNCH vào ngày 19/01/1974. Tôi còn nhớ vào thời điểm này, Phái Đoàn Quân Sự VNCH trong Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên tại Tân Sơn Nhất (lúc ấy tôi giữ chức vụ Tổng Thư Ký PĐ/VNCH) đưa ra bàn hội nghị Bản Tuyên Bố Chung đề nghị Phái Đoàn Quân Sự Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời MNVN (Mặt Trận Giải Phóng của CS) cùng ký chung với Phái Đoàn VNCH lên án Trung Cộng xâm lược. Phía cộng sản bối rối từ chối lấy lý do: *vấn đề tế nhị không thể quyết định (?)*. Rõ ràng sự lệ thuộc của CSVN vào đảng cộng sản Trung Hoa đã là vấn đề bản chất trong hệ thống kỷ luật đảng ngay từ thuở ban đầu.

Tình hình diễn biến phức tạp tại quốc nội suốt 35 năm qua kể từ ngày CS cưỡng chiếm MNVN 30/04/1975, đã mỗi ngày làm sáng tỏ thêm chính nghĩa rạng ngời của chính thể VNCH. Lịch sử cận đại chứng minh rằng: so với chế độ cộng sản toàn trị toàn cõi Việt Nam, thì thời kỳ 20 năm (1954-1975) MNVN dưới chính thể VNCH tuy ngắn ngủi nhưng lại vượt trội hẳn chế độ cộng sản về chủ quyền quốc gia, về uy tín quốc tế, về nền kinh tế hưng thịnh, về sự phát triển văn hoá, về truyền thống đạo lý dân tộc. Quan trọng hơn hết là nhân dân MNVN đã thực sự sống trong tự do, ấm no và hạnh phúc. Quốc gia VNCH lúc ấy không thua kém bất cứ nước lân bang nào trong khu vực.

Sức mạnh cộng đồng

Nhân kỷ niệm ngày quốc hận 30 tháng 4, tôi cũng muốn nói lên niềm hãnh diện về sự thành công lớn lao của cộng đồng người Việt quốc gia tỵ nạn CS tại hải ngoại, đặc biệt tại Hoa kỳ. Nhớ lại lúc ban đầu đối với đồng bào vượt biên

lánh nạn CS đi tìm tự do, CS lên án hết sức nặng nề hỗn xược, cho rằng đó là những bọn *"liếm gót giầy đế quốc, những cặn bã của xã hội, bọn ngụy quân ngụy quyền phản động v.v..."* Nhưng rồi theo thời gian, sự thành công của khối người tỵ nạn *"ngụy quân ngụy quyền phản động"* tại quốc ngoại về các mặt học vấn, kinh tế, chính trị và ngoại giao dần dần trở thành mối đe doạ chế độ nhưng đồng thời cũng là kho tàng béo bở ngoại tệ, cho nên CS quay hướng 180 độ dở trò ve vãn chiêu dụ. Bởi vậy, ngày 23/03/2003, Bộ Chính Trị đảng CSVN cho ra đời Nghị Quyết 36/NQ-TW (NQ36) quy định đường lối *đấu tranh nhằm khống chế* khối 3 triệu người Việt đang sinh sống tại nước ngoài. Sự ra đời của Nghị Quyết 36 CSVN chính là một bằng chứng cụ thể về sự thành công của người Việt tỵ nạn CS vậy.

Nguy cơ mất nước

Nguyễn Văn Trần, tác giả bài viết Năm nay 30-04, trong mục thời sự tạp chí điện tử Dân Chủ và Phát Ttriển đã có nhận định xác đáng cho rằng: *"Biến cố 30-04 của VN, sau 35 năm vẫn còn được nhiều người nhắc tới dưới những cái nhìn khác nhau, nhưng tuyệt đối không có cái nhìn đó là "sự giải phóng" ngoại trừ nhóm cộng sản cầm quyền tại Hà Nội Ngày nay, người dân trong và ngoài nước đều khẳng định đất nước đã thực sự lệ thuộc Tàu Bắc Kinh. Nhưng thật ra Việt Nam đã bắt đầu mất về mặt chính trị từ khi CS cai trị cả nước. Chế độ độc tài toàn trị đã cướp đoạt mọi quyền của dân thì người dân không còn làm chủ đất nước của họ. Hơn nữa, họ không làm chủ được mạng sống của họ nữa. Nay chỉ mất thêm lãnh thổ, biển vào tay ngoại bang. Nhưng trên quan điểm "cùng phe xã hội chủ nghĩa" thì Việt Nam vẫn tồn tại trong không gian xã hội chủ nghĩa, vì Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì không có biên cương quốc gia. Cùng "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" với nhau, vấn đề cầm quyền ở nơi này hay nơi nọ chỉ là sự ủy nhiệm mà thôi." (DC &PT- Thời sự 2010)*

Luật sư lão thành Trần Lâm hiện ở Hà Nội, nguyên Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao (CSVN), nguyên trưởng ban tuyên giáo tỉnh và hiệu trưởng trường Đảng

nhiều chục năm, trong bài viết với tựa đề: SỰ THAY ĐỔI ĐÃ GẦN KỀ, can đảm báo động tình hình chính trị nguy ngập của đất nước hiện nay với một số nhận định được trích dẫn đáng chú ý như sau:

- Người xưa có câu: "Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy." Người đời nay căn dặn: "Có những người sau khi gặp họ, bắt tay rồi phải xem lại tay ta có thiếu ngón nào không?" Việt Nam ngày nay làm gì cũng phải nghĩ đến Trung Quốc. Đó là môt chỉ dẫn quan trọng. Đó là ***"biết người."*** *Có lẽ, mọi người Việt Nam cần đào sâu suy nghĩ: "Mình đứng cương vị gì, mình bảo vệ đất nước ra sao trước Trung Quốc?" Còn nếu chấp nhận "nghèo thì hèn, mạnh thì được, yếu thì thua," và hơn thế nữa "cứu nhà hơn cứu nước, cứu thân mình hơn cứu Chúa," thì coi như mất nước. Đó là* ***"biết mình."***

- Gần đây việc dùng bạo lực tràn lan: bắt bớ giam cầm, xét xử các nhà dân chủ, với các tội gán ghép; xô xát đàn áp giáo dân, phật tử; bịt miệng, mạt sát các trí thức, bắt bớ xét xử các nhà báo Có nghĩa là đánh tất cả. Không hiểu nhà nước, Đảng dựa vào ai để tồn tại? Hay là người ta nói: khi sắp tan rã thường một chính quyền tăng cường đàn áp?

- Dựa vào Trung Quốc để tồn tại? Tôi chưa hiểu dựa như thế nào, không biết kịch bản Trung Quốc cứu sự đổ vỡ của Đảng và chính quyền Việt Nam ra sao. ***Tôi chỉ cảm thấy con đường duy nhất: tồn tại trong thân phận tôi đòi cho Trung Quốc. Không thể nói là tồn tại mà phải nói là bán đứt linh hồn cho quỷ sứ.***

- Đi với Trung Quốc thì mất nước, còn Đảng, còn quyền nhưng lại là đầy tớ; đi với Phương Tây thì mất quyền nhưng còn nước, chỉ mất thân phận tôi đòi. Mà đi với Phương Tây thì phải dân chủ, dân chủ thì phải phát động quần chúng." (Radio Free Viet Nam RFVN – Monday, 30 Nov 2009)

Bài học lịch sử

Về mối liên hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, Ông Ngô Đình Nhu cách đây nửa thế kỷ trong cuốn CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM đã viết như sau: *"Trung Hoa, suốt gần một ngàn năm lịch sử, lúc nào cũng muốn lấy lại mảnh đất (Việt Nam) mà*

Trung Hoa coi như bị tạm mất Trong 900 năm, từ năm 939 đến năm 1840, khi Tây Phương tấn công vào xã hội Đông Á làm cho những mâu thuẫn, nội bộ của xã hội này, tạm ngưng hoạt động, Trung Hoa đã bảy lần toan chiếm lại nước Việt Nam. Hai lần do nhà Tống chủ trương, ba lần nhà Nguyên, một lần nhà Minh và một lần nhà Thanh. Một hành động liên tục như vậy nhứt định có nghĩa là tất cả các Triều đại Trung Hoa đều theo đuổi một chính sách đặt lại nền thống trị trên lãnh thổ Việt Nam. (CĐVN tr. 235).

Ta cũng có thể thêm vào cuộc xâm lăng Việt Nam lần thứ 8 của Trung Hoa cộng sản năm 1979 do Đặng Tiểu Bình chủ xướng để dạy cho CSVN một bài học vì CSVN đã tuân lệnh cộng sản Liên Sô, tấn công lật đổ chế độ cộng sản Pol Pot tại Kampuchia, chư hầu của Trung Cộng.

Như vậy thì Trung Hoa dầu của Mao Trạch Đông hay Đặng Tiểu Bình, hay của các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, lúc nào cũng là mối đe dọa thường xuyên cho chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Vì kiêu căng, vì ngu muội, vì ngây thơ, vì phản bội tổ quốc, vì tham vọng cá nhân, vì bán nước cầu vinh v.v... CSVN không chịu học bài học lịch sử vô cùng quan trọng ấy. Hồ chí Minh đã du nhập chủ thuyết cộng sản ngoại lai vào Việt Nam, lại tự đặt mình trong hệ thống kỷ luật đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Trung Hoa, cho nên dân tộc đang phải gánh chịu hậu quả vô cùng khắc nghiệt như ngày nay.

Con đường cứu nước

Nhân tưởng niệm ngày Quốc Hận 30 tháng 4, chúng ta hãy nêu cao ngọn cờ chính nghĩa Quốc Gia Dân Tộc, vinh danh tri ân các chiến sĩ quân dân cán chính VNCH đã hy sinh cho đại nghĩa để bảo vệ non sông gấm vóc, tưởng nhớ các đồng hương đã bỏ mình trên đường tìm tự do.

Chúng ta hãy ý thức đầy đủ vai trò lịch sử của mình trước hiện tình vận mệnh đất nước bằng cách xây dựng cộng đồng người Việt quốc gia hải ngoại đoàn kết vững mạnh, ngõ hầu trở thành căn cứ địa yểm trợ hữu hiệu cho phong trào đấu tranh dân chủ trong nước.

Hướng về quê hương, chúng ta hãy cùng đồng bào quốc nội, hạ quyết tâm tiếp nối sự nghiệp của tiền nhân, của các bậc cha anh anh hùng trên đường tranh đấu chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc.

Lịch sử chứng minh, chỉ có sức mạnh đoàn kết của toàn dân, Việt Nam mới có điều kiện chống lại mưu đồ xâm lăng của kẻ thù truyền kiếp Trung Hoa từ phương Bắc.

Điều kiện tiên quyết để xây dựng tình đoàn kết dân tộc trong và ngoài nước hiện nay là phải tạo sức ép toàn diện *"thiên la địa võng"* buộc CSVN phải tức khắc trao trả lại quyền làm chủ đất nước cho nhân dân trong một thể chế chính trị tự do, dân chủ và nhân quyền. Đó chính là sự khởi đầu con đường đứng đắn nhất để cứu nguy dân tộc vậy.

Mong lắm thay!

Đỗ Ngọc Nhận K3

■ *Bản tham luận chính trị*

Hãy Hành Động Để Cứu Dân Cứu Nước

■ *Võ Văn Đức K22*

Kính thưa đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước,

Trước hiện tình nước nhà, đảng CSVN cầm quyền độc tài đảng trị, buôn dân bán nước, tham nhũng bóc lột, tước đoạt tự do dân chủ, nhân quyền của toàn dân Việt Nam, và bất chấp công ước, dư luận quốc tế, luật pháp quốc gia, đàn áp dã man những người bất đồng chính kiến, đấu tranh bất bạo động đòi các quyền tự do căn bản của con người, đòi bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải quốc gia bị bọn CS Trung Quốc cưỡng chiếm. Đảng CSVN đã và đang phá nát truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, cố tình tha hóa xã hội với mục đích tiêu diệt ý chí đối kháng của người dân để dễ bề toàn trị. Bọn chúng hèn hạ chấp nhận làm nô lệ Tàu Cộng, xem Tàu Cộng là bạn và đồng

bào ruột thịt là kẻ thù, và vô ý thức trước nạn hán hóa đang diễn tiến trên quê hương thân yêu. Đây là những sự thật đau lòng đang xảy ra trên quê hương Việt Nam, dưới chế độ man rợ của đảng CSVN đang cầm quyền.

Xét lại quá trình lịch sử từ năm 1945 đến năm 2010, Hồ Chí Minh và đảng CSVN cầm quyền đã và đang gây ra biết bao sai lầm và tội ác đối với quốc gia - dân tộc:

Năm 1945, Hồ Chí Minh lúc bấy giờ là thành viên Đệ Tam Quốc Tế, theo Cộng Sản Nga trở về Hà Nội dựng chiêu bài độc lập dân tộc, cướp chính quyền của toàn dân đấu tranh giành độc lập từ tay bọn thực dân Pháp.

Năm 1946, Hồ Chí Minh kêu gọi thành lập chính phủ liên hiệp, và ngay sau đó đã ám sát thủ tiêu các thành phần đảng phái quốc gia yêu nước, các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo và các nhà trí thức, nắm trọn độc quyền lãnh đạo để thực thi đường lối quốc tế vô sản.

Năm 1953 đến 1956, Hồ CHí Minh vâng lệnh Tầu Cộng cải cách ruộng đất giết hại hàng trăm ngàn người dân vô tội và sau đó giả vờ sửa sai để vuốt ve sự phẫn uất tột cùng của người dân miền Bắc.

Năm 1957, Hồ Chí Minh theo vết chân "Trăm Hoa Đua Nở" của Mao Trạch Đông, tạo ra vụ Nhân Văn Giai Phẩm giết hại những nhà trí thức, nhà văn, nhà tơ yêu nước.

Năm 1958, Hồ Chí Minh, lúc bấy giờ là chủ tịch nước và chủ tịch đảng, đã bảo Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ký công hàm nhường Hoàng Sa và Trường Sa cho Tàu Cộng để đổi lấy vũ khí, quân trang, quân dụng xâm lăng miền Nam, trong lúc hai quần đảo này thuộc chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

Năm 1968, Việt Cọng đồng ý ngưng chiến trong những ngày Tết thiêngliêng của dân tộc, đúng giờ giao thừa, Hồ Chí Minh đọc bài thơ chúc tết đồng bào ngầm ra lệnh tấn công bất ngờ vào các đô thị miền Nam, gây biết bao cảnh máu đổ thịt rơi trong Tết Mậu Thân, đặc biệt Việt Cộng chiếm thành phố Huế và đã tàn sát dã man hơn 5000 quân, cán, chính và đồng bào vô tội bằng hình thức đập đầu chôn

sống.

Năm 1969, Hồ Chí Minh về gặp Mark và Lenin, thì đồ đệ và con cháu của ông vẫn tiếp tục vâng lệnh Nga, Tàu xâm lăng miền Nam.

Năm 1972, Hiệp Định Paris được ký kết, Mỹ ngưng tham chiến và rút quân. Tổng Thống Nixon cam kết giúp đỡ miền Nam chiến đấu tự vệ, nhưng sau đó, quốc hội Mỹ, do đảng Dân Chủ kiểm soát, đã cắt hết viện trợ cho miền Nam Việt Nam.

Ngày 30/04/1975, miền Nam tự do bị sụp đổ là lẽ đương nhiên vì Hoa Kỳ đã cắt hết viện trợ, trong khi miền Bắc vẫn nhận sự yểm trợ tích cực của Nga, Tàu.

Thay vì một chính sách đoàn kết dân tộc xây dựng quê hương sau 30 năm chiến tranh giống như chính sách đoàn kết dân tộc của Hoa Kỳ khi chấm dứt cuộc nội chiến, thì đảng CSVN với những tên lãnh đạo ngu dốt đã đưa đất nước và dân tộc VN dến tình trạng thê thảm như ngày hôm nay.

Vì cái công hàm bán nước của Hồ Chí Minh, vào tháng 1 năm 1974, Trung Cộng xua quân đánh chiếm Hoàng Sa và Hải Quân VNCH phản công mãnh liệt, địch thiệt hại nặng nề. Lực lượng Hải Quân Việt Nam yếu hơn nên phải rút về nhưng tinh thần bất khuất và sự hy sinh cao cả của các chiến sĩ Hải Quân Việt Nam vẫn được toàn dân ngưỡng mộ.

Năm 1988, Trung Cộng đánh chiếm Trường Sa, giết hơn 30 quân lính CSVN giữ hải đảo, nhưng bọn CSVN không dám phổ biến tin tức và không một lời phản đối. Mãi về sau này, toàn dân Việt Nam mới biết sự kiện.

Năm 2000, CSVN âm thầm cắt Ải Nam Quan, thác Bản Giốc, vùng đất biên giới và lãnh hải giao cho Trung Cộng.

Năm 2004-2005, Hải Quân Trung Cộng bắn giết và húc chìm tàu đánh cá của ngư dân miền Trung trong vùng biển Đông thuộc lãnh hải Việt Nam, bọn CSVN hèn nhát không dám phản đối còn che chở cho quan thầy Tàu Cộng, cho là "tàu lạ, không biết quốc tịch!"

Năm 2009, CSVN cho Tàu Cộng khai thác quặng bôxít ở Tây Nguyên thuộc tỉnh Lâm Đồng và hiện nay đang cho

Tàu Cộng, Đài Loan, Hồng Kông thuê rừng đầu nguồn khai phá trồng cây kỹ nghệ kéo dài 50 năm. Hậu quả các việc này nguy hiểm đến môi trường của dân và an ninh quốc gia, bị toàn dân và các tướng hồi hưu CS phản đối, nhưng CSVN vẫn ngoan cố cho Tàu Cộng thực hiện kế hoạch và bất chấp ý kiến toàn dân, như thể đất nước Việt Nam này là của đảng CSVN mà thôi! CSVN còn cho các chú ba Tàu ra vào VN không cần visa, chứng tỏ bọn CSVN cầm quyền quá khiếp sợ và nô lệ quan thầy Tàu Cộng.

Hiện nay đảng CSVN có ba triệu đảng viên trên 87 triệu dân Việt trong và ngoài nước, nhưng quyền lực thật sự thuộc về bộ chính trị khoảng 15 tên và trung ương đảng khoảng 145 tên. Nhóm người này là đầu não quyết định chính sách đối nội, đối ngoại để bảo vệ quyền lợi của chúng và đồng đảng. Chúng không lắng nghe ý muốn và ý kiến của toàn dân Việt Nam trong và ngoài nước.

Nhóm người này có thể ví như con rắn độc, đầu rắn là bộ chính trị, xương sống rắn là trung ương đảng, và đuôi rắn là bọn công an và quốc doanh tay sai. Nhóm người này luôn luôn xuyên tạc sự tạc, vu khống, chụp mũ người dân yêu nước, ngay cả những người cộng sản phản tỉnh, và kể cả thế hệ trẻ có học trong nước nói lên sự sai lầm của chế độ là những thành phần phản quốc, tay sai của ngoại bang. Chúng đánh đập, bắt giam các thành phần yêu nước này và xử án phạt tù theo luật rừng với mục đích tiêu diệt ý chí đấu tranh để dễ bề toàn trị.

Người Việt hải ngoại thấy rõ âm mưu đen tối của chúng, tố cáo tội ác của chúng trước dư luận quốc tế thì được chúng phản ứng bằng luận điệu bịp bợm cũ rích là hận thù, là mặc cảm thua trận để tung hỏa mù lừa bịp người dân ít học và thiếu phương tiện truyền thông trong nước.

Vậy chúng ta phải làm gì đề cứu nước cứu dân? Chẳng lẽ cả một dân tộc 87 triệu người tê liệt ý chí đấu tranh, thụ động chấp nhận sự thật phũ phàng và ngồi nhìn chế độ này tác oai tác quái? Chúng ta phải có kế hoạch đối phó với tình thế hiểm nguy của quốc gia dưới chế độ CSVN vô loại

này. Tôi đề nghị một vài ý kiến thô thiển sau đây:

a/ Giai đoạn thứ nhất:

Phổ biến lý lịch của những tên đầu sỏ trong bộ chính trị và trung ương đảng CSVN, kể cả cha mẹ, anh em, vợ con của chúng lên báo chí hoặc các trang mạng điện tử cho toàn dân trong và ngoài nước biết để lúc cần, sẽ trừng trị nhóm người này (hay nói theo kiểu VC thường dùng là thực hiện lý lịch trích dọc, trích ngang cho thế hệ trong nước sau 1975 dễ hiểu).

b/ Giai đoạn thứ hai:

Tổ chức lực lượng dấu tranh du kích trong thành phố trên toàn quốc. Từng tổ 2 người hoặc cá nhân, với vũ khí thô sơ hoặc mua, hoặc cướp được của địch, sẵn sàng đập vào đầu hoặc xương sống của con rắn độc này. Con rắn độc này đang sống trong thành phố tiếp cận với chúng ta.

Đây không phải là hành động khủng bố giết người bừa bãi mà là hành động cần thiết có mục đích cao thượng, yêu nước đối phó với kẻ thù chỉ biết dùng bạo lực đàn áp dã man dân chúng đồng bào ruột thịt của mình. Hiện nay bọn người này hèn nhát sợ sệt quan thầy Tàu Cộng của chúng hơn sợ toàn dân Việt Nam. Chúng ta phải đấu tranh bằng hành động để chúng phải sợ mà thay đổi đường lối trở về với dân tộc.

Vì lý tưởng đấu tranh tự do, dân chủ, nhân quyền, bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải, quốc gia phú cường và tiến bộ, chúng ta phải chấp nhận hy sinh xương máu. Xin các đảng phái chính trị, các tôn giáo, các chiến sĩ tự do cố gắng vùng lên cứu nước cứu dân và viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc trước kẻ nội thù nham hiểm tán tận lương tâm!

Người Việt hải ngoại hỗ trợ các lực lượng đấu tranh trong nước bằng những phương tiện có được. Các tổ chức chính trị và trí thức hải ngoại sẽ có kế hoạch trợ giúp các lực lượng dân chủ trong nước khi chế độ CSVN đối hướng, từ chế độ côn đồ sang chế độ tự do dân chủ thật sự, hoặc chế độ này bị sụp đổ trước sức vùng dậy mãnh liệt của toàn dân Việt Nam trong những năm tháng sắp đến.

Lịch sử Việt Nam và thế giới cho ta thấy rằng "không một triều đại, một chế độ dù gian ác và tàn bạo đến đâu sẽ tồn tại mãi với thời gian." Châm ngôn có câu: "Gieo gió sẽ gặt bão." Bô chính trị và trung ương đảng CSVN nên suy ngẫm những điều trên và có những quyết định sáng suốt, ích quốc lợi dân, đồng thời tránh sự đồng hóa của Tàu Cộng, kịp thời để hưởng sự khoan hồng của toàn dân Việt Nam. Nếu tiếp tục ngoan cố phản dân hại nước, chắc chắn các ông không thể nào tránh khỏi công lý dành cho hành vi tội ác các ông đã gây ra đối với quốc gia dân tộc dù các ông còn tại chức hoặc về hưu.

Các ông cũng dẹp bỏ cái luận điệu bịp bợm, "Trung Quốc sẽ xua quân đánh chiếm toàn cõi Việt Nam nếu toàn dân trong nước vùng lên lật đổ chế độ" nhằm hù doạ toàn dân Việt Nam. Tàu Cộng chỉ đánh chiếm những gì mà Hồ Chí Minh và các ông đã ngu ngốc lén lút ký kết với nó; còn việc đánh chiếm nước Việt Nam có chủ quyền và có chân trong Liên Hiệp Quốc, thì chúng chỉ hù doạ mà không dám láo xược xâm lăng như các triều đại Nguyên - Mông ngày xưa.

Năm 1979, Tàu Cộng có dạy cho các ông một bài học, đánh phá các tỉnh biên giới phía Bắc, nhưng sau đó, vì áp lực quốc tế, chúng phải rút ra ngay. Hồ Chí Minh và các ông có nợ nần với Tàu Cộng thì từ từ chi trả sòng phẳng bằng vật chất chứ không thể để chúng bắt chẹt cắt đất dâng biển của tổ tiên trả nợ cho chúng.

Tại sao các ông cắt Ải Nam Quan, thác Bản Giốc, vùng đất biên giới phía Bắc và lãnh hải giao cho Tàu Cộng? Các ông là những người lãnh đạo quốc gia dân tộc hay là tay sai, thái thú của Tàu Cộng? Tôi nghe lời tuyên bố của ông Lê Công Phụng, đại sứ của các ông tại Hoa Kỳ, trả lời một câu hỏi về việc cắt đất dâng biển cho Trung Cộng, "Sống gần một nước lớn chúng ta phải biết điều," tôi cảm thấy tủi nhục cho dân tộc Việt Nam có một đại sứ khờ khạo, hèn nhát và phản quốc như thế!

Canada và Mexico sống gần một nước lớn như Hoa Kỳ, họ có sợ sệt và hèn nhát như các ông không? Nếu Tàu Cộng

liều lĩnh xua quân đánh chiếm nước ta như trong những thế kỷ trước, thì tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của các tiền nhân như Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung của dân tộc Việt Nam ở đâu? Chắc chắn Trung Quốc sẽ thất bại và không dám liều lĩnh làm những việc điên khùng này.

Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng CSVN còn thời gian 1 năm đến cái gọi là Đại Hội XI của các ông để suy nghĩ và quyết định. Các ông tham danh, tham lợi, vơ vét của cải thật nhiều, sống trên sự nghèo đói, đau khổ, oán ghét của đại đa số toàn dân, rồi lúc chết đi có mang theo được gì không? Các ông không sợ ô nhục cá nhân và giòng họ như Lê Chiêu Thống, Hồ Chí Minh hay sao?

Sao các ông tham sân si mê muội đến như thế?!! Các ông hãy tỉnh ngộ và chấp nhận tiến trình dân chủ hóa của thời đại ngày nay là giải pháp tốt đẹp nhất đưa đến tự do, dân chủ, nhân quyền, phồn vinh cho dân tộc và đất nước Việt Nam.

1. Chấp nhận chế độ đa nguyên đa đảng

2. Thả tất cả tù nhân chính trị và lương tâm

3. Trả các quyền tự do căn bản của người dân

4. Tôn trọng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp và lập hội

5. Tổ chức bầu cử quốc hội tự do, công bằng

6. Sửa đổi hiến pháp và luật pháp

7. Thành lập chính phủ điều hành quốc gia theo hiến pháp

8. Đòi lại lãnh thổ, lãnh hải bị Tàu Cộng chiếm đoạt

Đây là lộ trình hay nhất để cứu nước, cứu dân và cứu ngay cả các ông và giòng họ các ông.

Tóm lại, những ai còn nghĩ đến tiền đồ của quốc gia, dân tộc khôngkhỏi cảm thấy tủi nhục, đau lòng và chắc chắn phải làm một cái gì, dù rằng một ý nghĩ táo bạo, để cứu nước cứu dân trước cảnh độc tài đảng trị, buôn dân bán nước, tham nhũng, bóc lột, đàn áp những người yêu nước, các tôn giáo một cách dã man để tiêu diệt ý chí đấu tranh

và lòng yêu nước của người dân hầu nắm sự toàn trị của bọn cầm quyền CSVN trước hiện trạng nước nhà. Nhóm chóp bu CS này còn hèn hạ chấp nhận sự nô lệ Tàu Cộng và không ý thức về tham vọng hán hóa của bọn Tàu Cộng.

Tội ác của Hồ Chí Minh và đảng CSVN đối với quốc gia dân tộc trong suốt 65 năm qua như đã sơ lược kê trên là quá ít. Tội ác của chúng phải đưa ra tòa án quốc tế như vụ cải cách ruộng đất năm 1953 và vụ tàn sát dã man Tết Mậu Thân năm 1968. Đã đến lúc vì độc lập, tự do, dân chủ, nhân quyền và sự trường tồn của quốc gia dân tộc, đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước phải dũng cảm vùng lên chống lại chế độ vô loại này. Chúng ta đã nhẫn nhục chịu đựng, chờ đợi sự phục thiện của nhóm người lãnh đạo này quá nhiều thập niên rồi; hơn nữa, càng ngày chúng càng man rợ hung ác, tàn bạo đối với đồng bào ruột thịt và cúi đầu ngoan ngoãn trước quan thầy Tàu Cộng, kẻ thù truyền kiếp của dân tộc.

Chúng ta không trông mong gì hơn ở các nước tự do, dân chủ trên thế giới trực tiếp giúp đỡ lật đổ chế độ côn đồ này. Họ chỉ phản đối ngoại giao và dùng diễn biến hòa bình thay đổi về lâu về dài. Chúng ta phải tự lực cứu mình rồi trời sẽ giúp và bạn bè sẽ giúp chúng ta.

Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ đang lãnh đạo Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất, nhân dịp xuân Canh Dần ngày 8/2/2010, nhận thức sự lâm nguy của tổ quốc Việt Nam, đã ra thông điệp kêu gọi toàn dân đứng lên chận đứng tức khắc hiện trạng đảng và nhà nước CSVN đang ngăn cản sự phát triển quốc gia, làm cho văn hóa suy đồi, đạo lý nghiêng ngả, *"Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, ngụy dân tộc và phản dân tộc. Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi."*

Kính thưa đồng bào trong và ngoài nước,

Chúng ta vốn là một dân tộc hiền hoà, nhẫn nhịn nhưng không khuất phục trước kẻ ngoại thù và nội thù. Đảng CSVN cầm quyền còn một cơ hội cuối cùng với thời gian 1 năm đến đại hội XI vào năm 2011 để suy ngẫm, ăn năn, hối hận, cải tà qui chánh trở về với dân tộc.

Trong lúc chờ đợi bộ chính trị và trung ương đảng CSVN có những quyết định khôn ngoan sáng suốt đối với quốc gia và dân tộc, xin đồng bào trong nước và hải ngoại hãy phổ biến lý lịch và tài sản của các thành viên trong bộ chính trị và trung ương đảng CSVN trên báo chí hoặc trang điện tử để toàn dân Việt Nam trong và ngoài nước được biết.

Trân trọng kính chào đồng bào,

Một người Việt Nam yêu nước.

Võ Văn Đức K22

■ *Hồi ký*

Mệnh Nước Nổi Trôi

■ *Trần Văn Hiền, VHV*

LTS: Giáo sư VHV Trần Văn Hiền trong hồi ký, Mệnh Nước Nổi Trôi, đã ghi lại những thăng trầm trong đời binh nghiệp của mình cùng với vận nước, qua đó đã mô tả khá tỉ mỉ những diễn biến của TVBQGVN những ngày trước 30/04/75, đặc biệt giai đoạn bỏ Đà Lạt để di tản chiến thuật về Long Thành. Đa Hiệu trích đăng lại các chương 6, 7, 8 và 9 và xin hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc.

Đà Nẵng 73: Chiến dịch giành dân

Tôi về nước vào đầu tháng giêng 73 trước khi hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Quân trường vắng vẻ vì một số SVSQ và sĩ quan đã được gởi ra Đà Nẵng trong chiến dịch giành dân lấn đất khi Cọng Sản mở cuộc tổng tấn công mùa Hè 72, mà thường được gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa, bị QLVNCH đánh tan và bị dồn vào các sào huyệt cũ. Một vài hôm sau tôi cũng được gởi ra tham gia.

Theo các nhà quân sự, chính phủ Việt Nam Cọng Hòa đã làm chủ được 70% lãnh thổ miền Nam. Trước khi hòa đàm Paris sắp được ký kết, ông Henry Kissinger yêu cầu Tổng Thống Thiệu cố gắng giành dân lấn đất thêm để trên bàn hội nghị VNCH sẽ có lợi thế trong vấn đề phân chia

lãnh thổ miền Nam[1].

Đà Nẵng là thành phố lớn nhất miền Trung chẳng xa lạ đối với tôi. Sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ khiến thành phố phát triển như chưa từng thấy, khách sạn, quán ăn và hộp đêm mọc lên khắp nơi thu hút nhiều người ở khắp nơi đến làm ăn. Sau Hiệp Định Paris, Đà Nẵng không còn dễ kiếm tiền như trước nữa, phố xá bớt nhộn nhịp, một số khách sạn đóng cửa. Dân chúng gỡ trộm các căn cứ bỏ trống đem ra bán ở chợ trời Thanh Bình đủ thứ linh tinh.

Đơn vị SVSQ đóng tại Tiểu Đoàn Tâm Lý Chiến gần cầu Trịnh Minh Thế (De Lattre Detassigny), chiếc cầu này do người Pháp xây bắt qua sông Đà Nẵng nối liền thành phố với bờ biển trải dài từ bãi Mỹ Khê cho đến bãi Tiên Sa. Trên bãi biển là những căn cứ quân sự; ở cuối bãi Mỹ Khê là ngọn núi Ngũ Hoành Sơn. Tục truyền Phật Bà Quan Âm dùng phép thần thông biến năm ngón tay thành năm ngọn núi úp xuống đè nhốt Tề Thiên Đại Thánh vì tội phỉ báng Trời Phật, ngọn núi là một động cẩm thạch, có đường xuống âm phủ và cầu thang lên trời.

Tôi ra đây chiến dịch sắp chấm dứt nên không được giao công tác nào cả. SVSQ đi công tác một vài nơi mà sự có mặt dường như để tăng khí thế tình quân dân. Tôi tiếc không đọc được phúc trình công tác của SVSQ nên không biết rõ, nhưng tác phong và quân kỷ của SVSQ làm cho tôi càng mến phục. Trong thời gian này tôi có dịp ra thăm viếng cố đô Huế, nơi tôi sinh trưởng và lớn lên. Con đường cái quan vạn lý băng sơn chạy qua đèo Hải Vân là một phong cảnh hùng vĩ nín thở. Con đường đèo dài hơn 20 cây số, hồi trước một chiều nên có giờ đóng cửa và mở cửa đèo, nay rộng rãi hai chiều. Do nhu cầu quân sự, công binh Hoa kỳ Seabee (construction battalion) đã bạt núi xẻ rừng làm con đường đèo giống như một xa lộ. Trên đỉnh đèo, cửa Hải Vân rêu phong của năm tháng thu mình nhỏ bé, đây là cửa ải về Chiêm Quốc mà ngày xưa Công Chúa Huyền Trân đã đi qua. Ngoài mõm đỉnh đèo là ngôi mộ của nhà kỹ sư

1 Kissinger, Walter Isaacson, Simon &Schuster., New York, 1992.

Pháp đã xẻ con đường hầm xe lửa dưới chân đèo. Vị kỹ sư này đã tận tình cuộc đời cho xứ này, khi chết yêu cầu được chôn cất ở đây để được ngắm mãi cảnh núi non trời biển tuyệt vời.

Lần đầu tiên tôi trở lại cố đô Huế sau hơn mười năm xa cách. Huế thơ mộng ngày trước bây giờ không còn nữa, dấu vết chiến tranh Mậu Thân và Mùa Hè Đỏ Lửa vẫn còn. Con đường Trần Hưng Đạo chạy ngang thành phố từ chợ Đông Ba đến cầu Bạch Hổ rộng rãi nhưng nóng nảy vì hàng cây giữa đường bị dẹp bỏ.

Cầu Tràng Tiền Huế bị sập năm 68, vết tích tội ác VC

Một vài căn phố bị tàn phá trong trận Mậu Thân vẫn chưa được xây cất lại, một chiếc cầu mới được quân đội Mỹ cất từ câu lạc bộ thể thao ngang qua sông Hương trước Cột Cờ Nhà Vua để chuyển quân. Đàng xa, hướng chợ Đông Ba, là cầu Tràng Tiền 6 vài 12 nhịp là một hình ảnh thơ mộng của thành phố Huế, bây giờ thấy lại cũ kỹ và nhỏ bé. Lầu Ngọ Môn sập đổ vẫn chưa được tu bổ, cửa Đông Ba bị bom phá mất lầu thượng. Tôi mơ về Huế, nhưng bây giờ thấy thành phố điêu tàn và thê lương. Bên kia sông là đường Lê lợi, đây là khu hành chánh, bệnh viện, trường học và đại học Huế. Trường Đồng Khánh và Quốc Học là hai hình ảnh thân mật gợi lại những kỷ niệm của tuổi học trò đối với những người xa Huế.

Hai tuần sau chúng tôi trở lại Đà Lạt cùng với SVSQ trên chiếc máy bay C123.

Đà Lạt Di Tản 75

Sau chiến dịch "Giành dân lấn đất" mùa văn hóa bắt đầu khai giảng lại. Sau hai năm làm sinh viên ở nước ngoài tôi trở lại làm giảng viên như cũ.

Ngôi nhà tôi ngụ nằm trên đường Lê Thái Tổ đối diện

với kho xăng quân đội, con đường này là trục giao thông nối liền Đà Lạt - Phan Rang - Nha Trang, nên ban ngày xe cộ nhộn nhịp, nhưng ban đêm vắng vẻ. Trước kia khu vực này không được an ninh, đàng sau nhà là thung lũng, đây là đường đi lén lút của Việt Cộng để pháo kích kho xăng hay quân trường Võ Bị; phía bên kia thung lũng là dinh số 3 của cựu Hoàng Đế Bảo Đại; về hướng trại Mát là trung tâm huấn luyện Cảnh Sát Dã Chiến; cách mấy khu vườn là ngôi nhà sập đổ và cháy đen của một vị trung tá bị Việt Cọng gài chất nổ giết chết cả gia đình. Bây giờ hòa bình vãn hồi, chúng tôi ước mơ xây tổ ấm ở ngôi nhà này giữa khung cảnh thơ mộng và yên tĩnh.

Cuộc đời người lính Võ Bị Đà Lạt thầm lặng xa lánh cuộc sống vui nhộn ở Sài Gòn. Ban ngày dạy học, hết giờ trở lại làm người lính. Tuy không phải ở chiến trường, người sĩ quan Võ Bị vẫn ở trong vùng lửa đạn; có người bị thương như Trung Úy Giảng Viên Trương Tiếu Oanh, hay ngã mình như Thiếu Tá trưởng khoa phòng thí nghiệm nặng Đào Thiện Yết khi Việt Cộng đột kích phá hoại quân trường vào năm 70.

Mùa văn hóa chấm dứt và lễ mãn khóa K27 cuối năm đã tới. Đây là một ngày lễ lớn không những của quân trường mà của cả dân chúng Đà Lạt. Năm nay buổi lễ được tổ chức rầm rộ lớn hơn mọi năm mà chẳng ai ngờ là buổi lễ cuối cùng của quân trường. Các vị chức trách cao cấp hành chánh cũng như quân sự đều lên dự; các phái đoàn ngoại giao và quân sự ngoại quốc đều được mời.

Lễ mãn khóa thường bắt đầu bằng một vở kịch lịch sử hay thời sự đại quy mô và sống động trên bãi cỏ trước mặt quan khách. Vở kịch năm nay là "Ấp Chiến Lược." Nhớ lại năm nào vở kịch "Đại Phá Quân Thanh," đến hồi quân Nam vây hãm thành Thăng Long, tướng Tàu Tôn Sĩ Nghị bỏ ấn kiếm chạy trốn, thì viên đại sứ Trung Hoa Đài Loan tức giận đứng dậy ra về.

Vở kịch "Ấp Chiến Lược" năm nay mang đầy ý nghĩa vì sau buổi lễ phái đoàn chính phủ và ngoại quốc sẽ xuống

quận Sông Pha trên đường Đà Lạt-Nha Trang viếng thăm ấp chiến lược kiểu mẫu ở Thung Lũng Chết. Vùng nầy trước đây không an ninh và khô cằn, nhưng từ ngày đập thủy điện Đa Nhim được xây cất, và dưới chính sách ấp chiến lược, vùng này trở nên trù phú, dân cư đến tụ tập đông đảo. Vở kịch diễn tả sống động cảnh sinh hoạt trong làng, và khi Việt Cộng đến đánh phá, dân chúng tiếp tay với quân đội để bảo vệ thôn xóm.

Tiếp theo là lễ chính thức, sinh viên sĩ quan thủ khoa giương cung bắn bốn mũi tên ra khắp bốn phương nói lên chí vẫy vùng ngang dọc, rồi tất cả khóa 27 quỳ gối tuyên thệ và tung nón lên trời để mừng ngày ra trường. Sau đó 4 khóa SVSQ trong lễ phục áo jacket trắng, quần xanh da trời đẹp đẽ đi diễn hành oai nghiêm qua trước khán đài quân khách, bước đi đều đặn không lỗi nhịp giữa sự hoan hô nhiệt liệt của mọi người.

Vào đầu mùa Xuân 75 Đà Lạt đẹp vô cùng, thời tiết ấm áp, bầu trời trong vắt, hoa anh đào nở rộ ở các đường phố. Tuy các chiến trường bắt đầu sôi động lại, Việt Cộng gia tăng đánh phá Tây Ninh, Phước Long, Quảng Trị... nhưng Đà Lạt vẫn yên tĩnh. Du khách ở Sàigòn vẫn lên đông đảo. Không hiểu sao thành phố được quét dọn sạch sẽ lúc này, bờ hồ được đắp cỏ, và một vài công thự được tu bổ. Có người thấy những chiếc xe Hoa Kỳ đen bóng lui tới dinh 2 ở đầu đường Lê Thái Tổ thì nói đó là nơi sẽ mở hội nghị trung lập. Quân nhân đã bắt đầu lệnh cấm trại 100%. Tôi lại thấp thỏm suốt đêm ở trong quân trường, khi về nhà sáng hôm sau thấy vợ con bình an mới yên tâm.

Rồi một buổi chiều bỗng dưng có tin đồn Việt Cộng tràn về thành phố, thế là phố xá đóng cửa, chợ búa hết đông và dân chúng hối hả di tản về Sài Gòn hay Nha Trang. Các bến xe đông nghẹt, tất cả xe đò, xe hàng và xe du lịch đều chật cứng người rời khỏi Đà Lạt vội vàng. Tôi đã gởi vợ con về Nha Trang, nên bây giờ có thể an tâm cố thủ trong quân trường.

Tướng chỉ huy trưởng trường Võ Bị đặc trách làm tổng

trấn Đà Lạt và Lâm Đồng, trường Võ Bị biến thành bộ chỉ huy của tất cả đơn vị bảo vệ cao nguyên. Chiến thắng trận Lâm Đồng của Địa Phương Quân với chiếc xe Molotova tịch thu được mang về trưng bày ở chợ Hòa Bình, Đà Lạt mang lại chút phấn khởi cho dân chúng. Nhưng tình hình chiến trường các nơi xa bi quan, hết Ban Mê Thuột, Pleiku, Kontum, đến Quảng Trị, Huế, rồi Đà Nẵng. Khi thành phố này lọt vào tay cộng sản thì không còn hy vọng gì nữa. Lệnh cấm quân bắt đầu, không ai nói, nhưng đều hiểu ngầm số phận Đà Lạt sẽ giống như các tỉnh khác. Tất cả sĩ quan và SVSQ được trang bị 2 đơn vị hỏa lực và ở trong thế sẵn sàng.

Nhưng Đà Lạt vẫn yên tĩnh và chờ đợi số phận, một số gia đình không chịu được không khí ngột ngạt của Sài Gòn lò mò trở lại Đà Lạt. Tình hình trở nên nguy ngập, con đường Sài gòn - Đà Lạt bị cắt đứt. Rồi một buổi chiều quân trường có lệnh di tản. Đoàn xe VBQG dẫn đầu bởi một thiết vận xa M.113 gắn khẩu đại liên 12.7 ly và một xe bọc sắt của Bộ Chỉ Huy, trung đoàn SVSQ là lực lượng chính bảo vệ đoàn xe. Các cơ quan chính quyền như Toà Hành Chánh, Tiểu Khu Tuyên Đức, Công An... đều di tản theo. Khi dân chúng thấy trường Võ Bị rời Đà Lạt, họ không còn lý do ở lại, vì Võ Bị Đà Lạt là lực lượng bảo vệ họ xưa nay. Đoàn xe Võ Bị rời quân trường theo đường Lê Thái Tổ, chạy xuống Trại Mát, Đơn Dương, rồi Sông Pha. Đây là con đường tử đạo theo binh thư, vì con đèo Sông Pha hiểm trở vô cùng, một bên là núi và một bên là thung lũng, chỉ cần một trung đội địch phục kích là có thể cầm chân tất cả đoàn quân, may mắn suốt đoạn đường không xẩy ra một cuộc đụng độ nào cả. Khi đến Đơn Dương, đoàn xe bắt đầu đi chậm lại vì con đường bị nghẽn đàng trước. Đứng đây nhìn lên Đà Lạt xe cộ chạy nối tiếp không ngừng, con đường đèo lấp lánh ánh đèn như hội hoa đăng. Dân chúng trong vùng ngơ ngác đứng nhìn xem đoàn xe đi qua như chẳng hiểu chuyện gì, một anh lính địa phương quân còn đứng gác trong một chòi canh nói vọng ra,

"Trung úy ơi, sao em thấy buồn quá!"

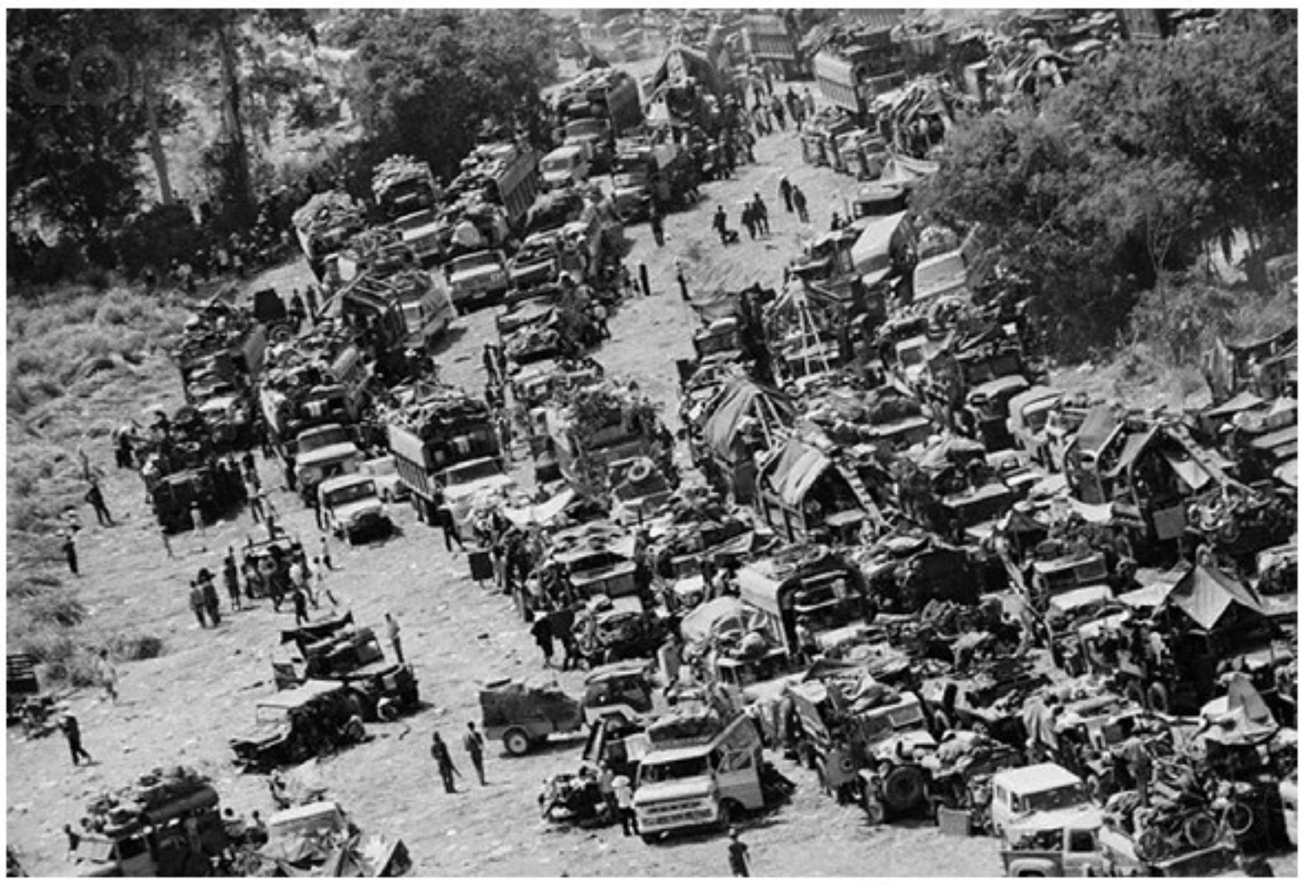

Hình ảnh di tản 23/03/75. Ảnh Corbis

Xe chạy đi rồi tôi cảm thấy một mối thương tâm. Đoàn xe chạy suốt đêm, và khi gần sáng đến quận Sông Pha, trụ sở quận đã bỏ ngõ, hồ sơ đốt cháy ở sân còn un khói. Đoàn xe lại tiếp tục lên đường, khi vào địa đầu thành phố Phan Rang, dân chúng đang di tản, một vài phần tử vô kỷ luật xách súng bắn lách tách để hôi của, đến chiều xe ngừng lại ở Tiểu Khu Phan Rang trông vắng vẻ. Tướng chỉ huy VBQG đã rời đoàn quân khi nào không hay dường như tìm cách cứu giúp đoàn quân trên đường rút lui. Bây giờ đoàn quân như rắn mất đầu. Một sĩ quan khối Quân Sự Vụ xuất hiện nói không có gì mà mất tinh thần, lực lượng chúng ta còn nguyên vẹn, nếu cần chúng ta có thể mở đường máu để vào Sài Gòn. Tôi cảm thấy ớn lạnh cả xương sống. Màn đêm buông xuống, tứ bề yên lặng chẳng nghe tiếng súng. Mệt mỏi, tất cả mọi người kiếm chỗ ngã lưng mà chẳng canh gác. Sáng hôm sau trời vừa sáng Việt Cộng bắt đầu pháo kích vào thành phố, lúc đó chẳng còn lệnh lạc, mạnh ai nấy chạy, tất cả ùa lên xe và đoàn xe phóng chạy, thỉnh thoảng một khẩu đại bác bỏ rơi bên đường, đến chiều tối thì đến Tiểu Khu Phan Thiết, viên tiểu khu trưởng cũng đã bỏ đi mất đất rồi. Đêm đó chúng tôi nằm ngủ và chẳng có kế hoạch gì cả. Đến sáng hôm sau Việt Cộng bắt đầu pháo kích, không ai bị thương, rồi chúng tôi lại lên xe và đoàn xe chạy ào về phía Hàm Tân, hai bên đường dân chúng lũ lượt kéo nhau đi tràn ngập, đoàn xe chạy chậm lại vì nghẽn đường. Bỗng có lệnh,

"SVSQ hãy xuống xe nhường chỗ cho đồng bào!"

Tôi vừa bước xuống thì xe chạy vụt bỏ lại một mình tôi.

Đi bên lề đường giữa đám đông, và nhìn quanh chỉ thấy một mình là quân nhân, cảnh dân chúng kéo nhau đi lếch thếch không biết đi đến nơi nào; mẹ bế con vừa dẫn theo sau bầy con nhỏ, chồng nắm tay vợ đi hớt hải, người thì gánh đồ đạc trong quang gánh, kẻ đội trên đầu chiếc rương, người gánh con trong đôi thúng, bà già đơn chiếc mếu máo khóc lóc, lại có người dẫn đôi bò kêu be be, trong khi trên đường xe chạy nối nhau; đủ thứ xe, xe đò, xe du lịch, xe chở hàng, xe jeep, xe cày, xe be, xe nào xe nấy đều đầy người, có người đứng níu ngoài xe, hay ngồi trên trần xe. Tôi đi thất thểu như một lính Quốc Xã bại trận. Bỗng thấy đàng xa một chiếc xe Dodge quân đội tiến lại, tôi đưa tay vẩy, xe chạy chậm lại, một Trung úy VBQG ngồi cạnh tài xế kéo tôi lên. Con đường bây giờ tắt nghẽn đàng trước, nên xe chạy chậm rì, hễ xe nào chết máy là bị đẩy xuống hố. Một quân nhân thấy xe tôi chở đàng sau chiếc thùng xăng rỗng thì tưởng là chứa xăng chạy tới nói,

"Trung úy cho em một tý xăng kẻo bỏ chiếc xe Jeep mới thì tiếc quá."

Nhưng xăng đâu mà thừa lúc này, thế là chiếc xe bị đẩy xuống hố liền. Xe hành khách, xe GMC nằm rải rác dưới hố đường. Lạ thay giữa tình cảnh chạy giặc như vậy vẫn có hạng người chực sẵn tháo gỡ bộ phận máy móc những chiếc xe vừa bị đẩy xuống hố; súng M16 vất bừa bãi hai bên đường. Đến trưa chúng tôi đến Vĩnh Hảo, rồi Cà Ná. Đây là một thắng cảnh du lịch mà công ty Air VN thường giới thiệu. Bờ biển lởm chởm đá, sóng đánh vào trắng xóa, tôi chẳng còn thấy gì đẹp lúc này nữa. Xe chạy chậm rì như vậy suốt đêm, mỗi lần xe ngừng lại lâu, anh lính tài xế lại tắt máy để tiết kiệm xăng nhớt. Đến sáng hôm sau tất cả xe cộ không còn chạy được nữa, có người nói đàng trước nghẽn rồi vì hôm qua có đụng độ lớn, không phải với địch mà giữa một đơn vị Biệt Động Quân di tản và một đơn vị Địa Phương Quân. Rồi anh lính tài xế bỏ xe chạy lại đàng trước nghe ngóng tin tức, một chốc sau anh trở lại nói,

"Em sẽ bỏ xe lại, hai trung úy cũng nên cởi áo nhà binh."

Không còn cách nào khác, tôi và người bạn tuột hết áo quần nhà binh và chỉ còn giữ đôi giày lính. Quang cảnh bây giờ hỗn độn, chỗ này sắp tới địa phận Hàm Tân, trời nắng gắt, nhà cửa hai bên đường bỏ trống, những giếng nước đều khô cạn, nơi nào còn nước dân chúng bu lại vét chút nước bẩn cặn còn lại. Tôi lượm được một cái vỏ chai xa xị và hứng được chút ít, khi nào khát lắm mới dám nhấp một hớp để cầm hơi. Đến chiều chúng tôi đến một bãi đất rộng, hàng trăm chiếc xe đậu ngổn ngang, tôi và người bạn kiếm một chỗ cạnh một chiếc xe đò ngồi nghỉ, xung quanh dân chúng ngồi la liệt. Bỗng chợt thấy hai người đàn bà đang bê chiếc cần xế nặng một cách khó khăn từ trần xe xuống, chúng tôi mới đứng dậy đỡ dùm. Đó là hai chị em di tản từ Pleiku về. Thấy chúng tôi hốc hác, người chị mới nói còn mấy lon sữa đặc và cà phê, nếu kiếm được nước thì có cà phê uống ấm bụng. Chúng tôi đi kiếm một hồi lâu mới mang về được một ấm nước. Thế là mỗi người được một tách cà phê sữa đậm đà. Suốt đêm tôi thao thức lo sợ Việt Cộng cắt Hàm Tân thì không còn cách nào về Sài Gòn được. Sáng hôm sau, mọi người còn ngủ, tôi lặng lẽ bỏ đi trước. Đi được một hồi lâu thì đến rừng lá. Lâu nay nghe nói, bây giờ mới thấy, đó là một loại dừa gai, lá xoè như cánh quạt dùng để lợp mái nhà. Dãy rừng này dày đặc. Đây là chiến khu của Cộng Sản mà quân đội VNCH cũng như Hoa Kỳ đã nhiều lần mở cuộc hành quân nhưng không vào được. Hai bên đường dân chúng vẫn kéo nhau đi, đến một chặng đường xác chết nằm ngổn ngang. Đây có lẽ là cuộc đụng độ hôm qua giữa đơn vị Biệt Động Quân chạy vào thành phố và lực lượng Địa Phương Quân. Tôi rởn tóc gáy không dám nhìn khi bước qua các xác chết; có xác nằm ngửa trợn mắt há mồm, có xác nằm sấp gối lên xác khác, có xác bị xe cán nát, ruột đổ ra ngoài, ruồi bọ bu đầy, và thê thảm nhất là xác một người đàn bà nằm ngửa với đứa con thơ còn bám trên ngực. Từ đây đến Hàm Tân khoảng hơn 10 cây số, bây giờ dân chúng hai bên đường thưa thớt. Khi đến một quảng đường mà nhà cửa hai bên bằng gạch

lợp ngói tôi đoán đã gần thành phố. Chợt thấy một anh lính cỡi Honda chạy về hướng thành phố, tôi vẫy tay và xưng là quân nhân xin quá giang, anh ta vui vẻ đèo tôi đến chợ Hàm Tân. Khi tôi hỏi tiền xăng nhớt bao nhiêu, thì anh nói chỉ xin đôi giày lính thôi. Tôi chẳng chút tiếc nuối cởi giày trao liền. Chợ Hàm Tân nhỏ bé, tôi cần mua một đôi dép và một chiếc áo chemise. Chợ vắng vẻ, thấy một chị bán hàng đang dẹp hàng tôi mới hỏi,

"Sao còn sớm mà chị đã dẹp hàng?"

Chị nhìn tôi ăn mặc dân sự thì an tâm nói,

"Hôm qua quân lính di tản về đây phá phách dữ quá."

Tôi thầm nghĩ mình thua cọng sản đến nơi rồi, thế mà quân đội còn làm mất lòng dân. Tôi hỏi bến ghe vào Sài gòn; bến ghe nằm sau chợ. Chiếc ghe đuôi tôm nhỏ bé đã có một hành khách, khi tôi xuống thì ghe chạy liền. Ghe chạy sát bờ, đến tối thì đến Long Điền. Chỗ này cũng giống như các nơi khác miền Nam, không khí nhộn nhịp vui vẻ, khách hàng ngồi ăn uống quanh các xe nước mía, hủ tiếu, phở, trái cây... dưới các ngọn đèn khí đá, và trông chẳng có chút không khí chiến tranh. Tôi thức suốt đêm không ngủ và mong trời sáng để lên xe đò về Sài Gòn.

Ngồi ở quán cóc bến xe Phan Văn Hùng gần Ngã Sáu Sài Gòn chờ chuyến xe đò chạy đường Vũng Tàu để trình diện đơn vị VBQG đóng tại căn cứ Long Thành, vừa nhìn ra đường Lê Lai tấp nập xe cộ ngược xuôi ban mai, tôi thẩn thờ như đang sống trong cơn ác mộng. Mới cách đây ba hôm quân trường oai phong hùng cứ một vùng cao nguyên, và sau cuộc di tản vội vàng hoảng hốt, quân trường bị xóa tên một cách đau thương, và lực lượng VBQG tan rã trong chốc lát một cách đau lòng khó mà có thể tin được sau hơn ba thập niên được thành lập tốn bao công lao và xương máu. Cảnh đường phố đông đúc hơn thường lệ bao phủ trong một bầu không khí chiến tranh và lo ngại, tuy nhiên dân chúng chẳng hay lực lượng cọng sản hùng hậu đang tiến về thủ đô Sài Gòn, và tôi cũng không hay tình hình nguy ngập của Sài Gòn, nhưng tôi là người lính thời chiến tôi

phải trở về đơn vị.

Long Thành 75: Võ Bị Không Còn Nữa

Đứng trong hàng ngũ dự lễ ra trường SVSQ hai khóa 28 và 29 tôi thấy đau lòng. Phía sĩ quan áo quần lếch thếch và mất tinh thần; ngược lại Trung Đoàn SVSQ hàng ngũ vẫn chỉnh tề. Họ là một thế hệ thanh niên chọn binh nghiệp làm lý tưởng cuộc đời, họ hiên ngang nhận trách nhiệm đất nước giao phó. Trong căn cứ tang thương đang hấp hối từng ngày, từng giờ, họ trông giống như đoàn quân Thần Phong Kamikazé sắp ra trận để phục vụ đất nước. Ai mà không cảm động thương tâm trước tình cảnh này. Bây giờ họ không còn gì cả, không quân trường yêu dấu, không bộ lễ phục đẹp đẽ và cả cấp chỉ huy nữa! Nhớ lại cách đây không lâu, họ oai nghiêm trong bộ lễ phục đi diễn hành hiên ngang trước quan khách được hoan hô nhiệt liệt. Bây giờ vì tình hình đất nước lâm nguy, họ được gắn lon sớm để ra chiến trường. Các vị tướng tá đàn anh gởi đàn em ra mặt trận trong khi đó họ ở đâu? Thật chẳng khác gì hồi Đại Chiến thứ nhì, khi quân đội đồng minh tấn công vũ bão vào Berlin, các lực lượng quân đội bảo vệ thủ đô được lệnh bám từng tấc đất, trong khi các vị tướng tìm cách chuồn ra khỏi Berlin! Tôi không nhớ rõ bên khối Quân Sự vị nào thay mặt đọc nhật lệnh ra trường hôm đó, về khối Văn Hóa một vị trung tá thay mặt, khi đọc xong nhật lệnh thăng chức cho một số sĩ quan cấp úy, ông buồn rầu nói,

"Bây giờ các anh ai được thăng cấp thì hãy mua lon mà tự mình gắn lấy!"

Nhớ lại hồi trước có một sĩ quan được thăng thiếu úy, vội vã ra phố mua một cặp hoa mai vàng chói tự gắn lấy mà không chờ lễ gắn lon bị phạt tội phạm quân kỷ! Tôi được thăng cấp đại úy, nhưng tôi chẳng cảm thấy sung sướng trước sự hấp hối của miền Nam, và chẳng buồn tình mua cặp lon 3 hoa mai gắn trên ve áo. Con đường Vũng Tàu bị cắt đứt, và vài hôm sau Sài Gòn mất.

Sàigòn 30 tháng 4

Hiệp Định Paris được chính thức ký kết vào ngày 27/1/73

gồm nhiều điều khoản bất lợi cho chính phủ Việt Nam Cọng Hòa. Chính phủ Nixon biết vậy nhưng không có cách nào khác.

Khi Tổng Thống Nixon ra tranh cử vào năm 1969, ông hứa hẹn giải quyết chiến tranh VN và mang quân đội Hoa Kỳ về, nhưng khi đắc cử ông xem chiến tranh VN là chuyện nhỏ chưa cần giải quyết gấp mà mục tiêu chủ yếu là thực hiện chủ thuyết cân bằng lực lượng thế giới thì mới giải quyết được chiến tranh.

Sau Đại Chiến thứ nhì, cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu. Ở Âu Châu, khối Nga Sô chiếm được một số các nước Đông Âu, trong khi ở Á Châu Trung Cộng đang bành trướng mạnh và hăm dọa nền an ninh và quyền lợi Hoa Kỳ ở Đông Nam Á, nên chính phủ Eisenhower đưa ra chủ thuyết Domino, hàm ý hễ một quốc gia Đông Nam Á lọt vào tay cộng sản thì cả vùng sẽ sụp đổ theo. Chủ thuyết này được các chính phủ Hoa Kỳ kế tiếp duy trì.

Hòa đàm Paris 1973

Tổng Thống Nixon sau khi thành công trong kế hoạch chia rẽ được Nga Sô và Trung Cộng và giành được ảnh hưởng của khối Ả Rập Trung Đông, ông bắt đầu giải quyết chiến tranh VN. Ông là một người chống cọng triệt để và bênh vực cuộc tranh đấu của VNCH, nhưng trước sự đòi hỏi của dân chúng Hoa Kỳ phải giải quyết hoà bình gấp và áp lực của Quốc Hội, Hoa Kỳ buộc lòng phải ký kết

Trong hội nghị hòa đàm Paris, một số điều khoản được thông qua dễ dàng, trừ hai điều quan trọng mà cả hai phe bàn cãi dây dưa trong bốn năm hòa đàm là: (1) Giải tán chính phủ Nguyễn Văn Thiệu để thành lập chính phủ gồm 3 thành phần; và (2) quân đội Hoa Kỳ phải đơn phương rút lui. Trong thời gian hòa đàm, Hoa Kỳ đã tổn thất thêm 25.000 quân. Cuối cùng hai phe đi đến thỏa thuận: (1) Chính

phủ Nguyễn Văn Thiệu vẫn cầm quyền, và sẽ có một cuộc bầu cử gồm ba phe tham dự; (2) Quân đội ngoại quốc rút ra khỏi miền Nam hàm ý quân đội cộng sản không phải là ngoại quốc vẫn được quyền ở trên lãnh thổ miền Nam.

Những điều khỏan bất lợi này không được chính phủ VNCH chấp nhận. Trong khi chính phủ Nixon ở vào cái thế không đừng được, phái ông Kissinger sang thuyết phục TT Thiệu, ông Thiệu không chịu và đã quay lưng khóc, khiến ông Kissinger về tay không và thú nhận,

"Trong cuộc đời chính trị hơn 15 năm tôi chưa bao giờ gặp cảnh ngộ như vậy"[2]. Sau đó tướng Alexander Haig, phụ tá Cố Vấn An Ninh Quốc Gia, được phái qua thuyết phục Tổng Thống Thiệu. Ông Thiệu vẫn giữ lập trường không nhượng bộ và đã hỏi lại ông Haig, "Ông là tướng, tôi cũng là tướng, giả sử có cuộc xâm lăng Nga Sô trên lãnh thổ Hoa Kỳ, và nếu có một cuộc ngưng chiến, ông có chấp nhận để quân đội Nga Sô ở lại trên đất Mỹ không?"[3]

Tổng Thống Nixon hiểu rõ hoàn cảnh, nhưng ông không có cách nào khác trước áp lực của lưỡng viện Quốc Hội, nên lại phái ông Kissinger sang Sài Gòn lần thứ hai với một lá thơ cầm tay cam kết chính phủ Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh nếu cộng Sản vi phạm hòa ước. Do đó cuối cùng chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đồng ý ký kết Hiệp Định Paris.

Tổng Thống Nixon được tái cử nhiệm kỳ 2, và Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27/1/73. Nhưng không may những biến cố khác dồn dập xảy ra: Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua việc cắt giảm viện trợ kinh tế và quân sự; tiếp theo tháng 6/73 không cho sử dụng Không Lực Hoa Kỳ ở VN, Lào và Campuchia, rồi tháng 7/73 với đạo luật War Power Act, không cho gởi quân đội Hoa Kỳ ra ngoại quốc; và cuối cùng sự từ chức của Tổng Thống Nixon vì vụ Wartergate vào tháng 8/74 thì số phận miền Nam coi như không còn nữa! Trong khi đó, cộng Sản miền Bắc được khối cộng sản viện trợ hùng hậu đang chuẩn bị chiến tranh

---

2 Kissinger, Walter Isaacson, Simon&Schuster., New York, 1992.
3 Ibid.

đánh chiếm miền Nam.

Sau trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, lực lượng cộng Sản bị thiệt hại nặng nề và gặp khó khăn về tiếp liệu vì bị Hải Lực Hoa Kỳ gài mìn phong tỏa vịnh Bắc Việt và Không Lực Hoa Kỳ oanh tạc nặng. Nhưng sau Hiệp Định Paris 73, Tướng Văn Tiến Dũng củng cố lại tất cả các sư đoàn ở vùng giới tuyến, và vào đầu năm 74, tướng Dũng trang bị lại tất cả sư đoàn với vũ khí tối tân, xây cất những đường sá mới, thiết lập những ống dẫn dầu để yểm trợ cho công việc tiếp vận vào miền Nam, sửa sang lại đường mòn Hồ Chi Minh, thiết lập những trung tâm huấn luyện, dựng lên những trung tâm sửa chữa, dự trữ đồ tiếp liệu và thành lập những đơn vị cứu thương. Cho nên vào cuối năm 74, quân đội cộng sản không còn sợ vấn đề tiêp liệu nữa và trở thành một quân đội tân tiến.

Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thúc giục tướng Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công miền Nam, nhưng Ủy Ban Quốc Phòng gồm tướng Giáp và Dũng tỏ ra e dè. Trong buổi họp Bộ Chính Trị năm 74, Dũng tiên liệu phải mất nhiều năm để xâm chiếm miền Nam vì sự can thiệp của không lực Hoa Kỳ. Trước khi mở cuộc tổng tấn công miền Nam, Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long cách Sài Gòn 40 dặm về phía Đông-Bắc để đánh giá tình hình quân lực VNCH. Vào ngày 26/12/74, Dũng cho hỏa lực pháo kích, và vào ngày 5/2/75 tung 2 sư đoàn với thiết giáp và pháo binh yểm trợ tấn công thị xã, nhưng máy bay B.52 không xuất hiện, còn không lực VNCH quá yếu. Phước Long mất ngày 6/2/75 cho thấy Hoa Kỳ không can thiệp, nên Bộ Chính Trị Cọng Sản chỉ thị cho Văn Tiến Dũng mở cuộc tấn công Ban Mê Thuột. Chiến lược của Dũng là giương đông kích tây, nghĩa là khuấy rối chỗ này, rồi tập trung lực lượng đánh chỗ kia. Dũng cho một đơn vị khuấy rối Pleiku, trong khi tung 3 sư đoàn đánh Ban Mê Thuột. Cuộc tấn công bắt đầu ngày 10/3/75 và Ban Mê Thuột thất thủ ngày 11/3/75. Tình hình chưa đến nỗi bi quan theo một số nhà quân sự ngoại quốc, thì ông Thiệu có những quyết định vội vàng và hoảng sợ,

bỏ Pleiku và Kontum để phản công lại Ban Mê Thuột; và bỏ Quảng Trị và Huế để cố thủ Đà Nẵng.[4] Đà Nẵng rơi vào tay CS ngày 29/3. Như vậy CS đã chiếm trọn vùng 1 Chiến Thuật, Dũng tiếp tục xua quân chiếm vùng 2 Chiến Thuật, và quân đội VNCH sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 25/3 Bộ Chính Trị ra lệnh cho Văn Tiến Dũng chiếm Sài Gòn trước mùa mưa vào giữa tháng 5. Văn Tiến Dũng đề nghị với Bộ Chính Trị gọi chiến dịch này là chiến dịch Hồ Chí Minh. Dũng liền tung 16 sư đoàn bộ binh, hàng trăm chiến xa, trọng pháo và hỏa tiễn, súng phòng không vào thành phố Sài Gòn.

Vào đầu tháng 4/75, lực lượng cọng sản gồm 18 sư đoàn tiến về Sài Gòn theo 5 mũi dùi với mục đích đánh chiếm thành phố chớp nhoáng để tránh cuộc ác chiến giành từng khu phố. Bất lực, ông Thiệu từ chức trao lại chính quyền cho cụ Trần Văn Hương và rời Việt Nam ngày 21/4 giữa lúc Xuân Lộc, cửa ngõ vào Sài Gòn rơi vào tay Cọng Sản.

Sài gòn trong những ngày đầu tháng 4/75 bao trùm không khí chiến tranh, thành phố và các vùng phụ cận đầy nghẽn dân chúng di tản từ cao nguyên và các tỉnh miền Trung về, họ ngơ ngác như những kẻ mất hồn vì gia đình thất lạc, tài sản tiêu tan, hoàn cảnh thật đau thương. Có người lạc vợ hay mất chồng; có người bỏ mạng vì chen lấn, hay chết đói, chết khát trên những tàu cũ kỹ thiếu an toàn di tản từ Ïà Nẵng vào Sài gòn một cách liều lĩnh; có người rơi xuống biển hay chết thê thảm khi chiếc tàu kéo theo đứt dây trôi ra biển cả. Giữa lúc đó tin tức thất trận các nơi gởi về hàng ngày khiến dân chúng càng hoang mang; đồng thời có những tin đồn thất thiệt như chính phủ Hoa Kỳ đang điều đình ngưng chiến, hay phi cơ B.52 sẽ xuất hiện vào giờ cuối cùng, hay Trung Cọng đang làm áp lực ở biên giới Bắc Việt để cộng sản rút quân, trong khi một số người tìm cách vào sân bay Tân Sơn Nhất để di tản ra ngoại quốc với các kiều dân và nhân viên Hoa Kỳ.

Cụ Trần Văn Hương được mời ra lập chính phủ. Buổi lễ

4 Vitory at At Any Cost, Cecil B Cuurey, Aurum Press limited, 1997.

bàn giao được TV Sài gòn trực tiếp truyền hình, cụ trông già nua, mái tóc bạc phơ, giọng run run như khóc, cụ kêu gọi thống thiết dân chúng siết chặt hàng ngũ sau lưng quân đội và nguyện hy sinh hơi thở cuối cùng tấm thân già để phục vụ đất nước, nhưng chẳng mang lại được chút hy vọng cho mọi người.

Tình hình Sài gòn càng nguy ngập hơn, các trục lộ nối liền với Tây Ninh, Vũng Tàu và Cần Thơ đều bị cắt đứt.

Được non một tuần cụ Trần văn Hương nhường lại cho tướng Dương Văn Minh vào ngày 28/4 để điều đình ngưng bắn với cộng sản. Trong khi đó một phi đội phản lực cọng sản gồm 5 chiếc A37S tịch thâu được của không lựcVNCH dội bom xuống phi trường Tân Sơn Nhất phá tan kế hoạch di tản nhân viên Hoa Kỳ bằng không vận. Siết chặt vòng vây Sài Gòn, sáng 29/4 cộng sản bắt đầu pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào trung tâm thành phố, tiếng đạn nổ rền trời, một quả rơi xuống xóm Bùi Viện gây nên một đám cháy lớn, một quả rơi xuống sân chùa Chà cuối đường Lê Thánh Tôn nghe tản thần, cả khu phố rung rinh, may không gây thiệt hại gì cả. Một bà già thấy dấu vết quả đạn để lại trong sân chùa nói với lòng thành kính, "Thật nhờ Đức Bà che chở!"

Ông Dương Văn Minh được tháp tùng bởi đám VC trong ngày 30/4/75 (ảnh Corbis)

Sáng 30/4/75 tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn lúc 10g15' trao chính quyền lại cho quân đội cộng sản để tránh đổ máu.

Đứng trên sân thượng ngôi nhà ở phố Nguyễn Phi gần chùa Chà, nghe chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn vào chiều ngày 29 tháng 4, tôi sững sờ không ngờ Sài Gòn mất quá đột ngột và cảm thấy như kẻ

bị bỏ rơi trên hoang đảo, vì từ đây bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Sáng 30/4, khi nghe tiếng xe tăng của quân đội cộng sản vào thành phố tôi run người lên. Trước viễn ảnh một cuộc tắm máu ở Sài Gòn như ở Phnom Penh, tôi lấy kéo cắt vụn tấm thẻ căn cước sĩ quan bọc nhựa và thủ tiêu những tấm hình mặc quân phục như có thể tẩy xóa cuộc đời lính của mình. Suốt mấy ngày tôi không dám ra đường, lòng lo sợ như người mất hồn. Một người bạn thân vốn là thanh tra Giám Sát Viện ghé lại thăm nói,

"Tôi đến rủ cậu đi phố chơi, có gì mà sợ, tôi vẫn đi làm việc bình thường và được lãnh lương tháng này, mỗi ngày đến sở tập ca bài hát cách mạng vui lắm."

Tôi yên lặng mỉm cười và nghĩ thầm, trong cuộc tỷ võ, các võ sĩ chọi nhau lỗ đầu chảy máu, nhưng khi vãn cuộc họ ôm nhau trong tình huynh đệ; ngược lại trong cuộc chiến tranh giữa hai nước, nhất là trong cuộc nội chiến VN, khi cuộc chiến tranh tàn không có nghĩa là huề cả làng, mà phe quốc gia bại trận phải chịu những sự trừng phạt và trả thù không lường được của phe cộng sản. Tôi đang thất thỏm chờ đợi một hình phạt mà không biết xảy ra khi nào.

Một tháng sau tôi cũng như tất cả cán bộ quân dân chính đi trình diện học tập. Tôi trình diện ở trường Gia Long. Nghe đi học tập vợ tôi tưởng như đi học chính trị nên vẫn đi thăm bà ngoại đau nặng ở Nha Trang, tôi mang theo mùng mền, hai bộ áo quần, bàn chải, kem đánh răng, chén đũa và tiền ăn tiêu trong 10 ngày như được thông báo. Tôi bớt lo sợ vì thấy trước đó binh sĩ chỉ đi học ba ngày tại phường, rồi được về nhà.

Tôi hôn ba đứa con và nói các con hãy ngoan ngoãn, ba sẽ về cuối tháng. Chiếc xe Lam đỗ xuống trước chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan, tôi xuống xe và bước trên lề đường đến trường Gia Long, người trình diện đi tụm năm tụm ba trông giống như thí sinh đi thi tú tài, nhưng một điều không giống là thay vì cầm bút mực thì người nào người nấy đều cầm một cái xách tay hay mang một cái sắc trên vai.

Thấy một cậu khoảng trên 20 tuổi, thấp và mập mang một cái ruột tượng quanh vai, tôi mới hỏi thân mật,

"Bồ mang cái gì mà trông như lính thú ngày xưa vậy?"

Cậu vui vẻ trả lời,

"Em xấu máu đói, nên sợ đói lắm, me em may cái ruột tượng này chứa đầy gạo."

Tôi nghĩ thầm đi một tháng có chết gì đâu, có tiền mang theo muốn ăn gì không được, hóa ra cậu này có lý, chắc cậu này đã có ai ở ngoài Bắc vào nói cho biết.

Tôi đứng nối hàng trước chiếc cửa hông trường Gia Long, một tên bộ đội thâu nhận giấy trình diện, hễ ai nộp giấy tức là cửa ngục khép lại. Ai dại dột đến hỏi dù không phải là hạng đi học tập là tự nộp mình một cách oan uổng. Có tiếng chào,

"Thầy Chín! Thầy cũng trình diện ở trung tâm này?"

Tôi thấy mặt quen, nhưng không nhớ gặp ở đâu, sau này ở cùng một tổ mới biết đó là anh Nguyễn Văn Nghĩa, sinh viênVBQG K23.

Mọi người ngồi xổm giữa sân thành hàng. Nhìn những tên bộ đội đứng giữa sân tôi nhớ lại 5 năm trước đây khi bị bắt dẫn vào rừng Liên Khương, Đà Lạt, tôi đã thấy những khuôn mặt Việt Cộng đội nón cối như thế, hồi đó tôi nhất định không ra đầu thú, nên thoát chết, nay số phận trớ trêu, miền Nam mất, hết đường chạy trốn tôi phải nộp mình. Chiếc sân trường Gia Long đầy người, hễ cứ đủ 11 người, người ngồi đầu là tổ trưởng, và người cuối là hậu cần. Tôi tình cờ ngồi đầu toán nên tự nhiên làm tổ trưởng ngày từ phút đầu, rồi một tên bộ đội khác dẫn vào trong một lớp học. Một chốc sau loa loan báo hậu cần thu tiền mỗi người 10$ để trả tiền ăn hai buổi trong ngày. Đến 11 giờ, một chiếc xe van hiệu Ford của nhà thầu mang thức ăn đến, cơm nóng và ba món ăn tươm tất ngon lành, mọi người ngồi ăn, và ngây thơ nói,

"Chúng mình ở một tháng như vậy chẳng đến nỗi nào."

Tôi cũng nghĩ thầm trong bụng như vậy. Phòng chúng tôi ở tầng 2 trường Gia Long. Khi ăn xong ai nấy phải chạy

xuống lầu để rửa chén đũa, một người bạn trẻ tôi mới gặp lần đầu tiên thấy tôi đi xuống lầu thì nói thân mật,

"Anh khỏi mất công đi xuống, đưa chén đũa em rửa dùm cho."

Suốt ba ngày, hết chờ ăn lại ngủ chẳng thấy động tĩnh gì cả, thì tối ngày thứ ba tất cả được gọi ra sân tập họp và được lùa lên những chiếc xe Zil đã đậu sẵn từ khi nào không hay trên đường Phan Thanh Giản, cứ mỗi xe khoảng 40 người. Chiếc Zil nhỏ hơn chiếc GMC nên phải đứng chen nhau, hành lý phải bỏ xuống sàn và dẫm chân lên trên, rồi mui xe được buông xuống. Đoàn xe chạy theo đường Phan Thanh Giản, rồi biến mất trong đêm chẳng biết phương hướng nào, xe bịt bùng chật chội. Mặc dù xe đã chạy, nhưng vẫn không xóc lại được số người quá đông, người thì kiểng chân, một tay níu trần xe; có người mỏi chân nằm liều trên đống hành lý; có người buông mình mặc cho người khác xô đẩy. Không khí ngột ngạt, thỉnh thoảng có tiếng văng tục,

"Đ.M. chật qúa, chịu hết nỗi!", "Đ.M. thằng nào đánh rấm thối quá!"... Xe chạy suốt đêm, mệt mỏi và nóng nực tôi chợp mắt khi nào không hay. Khi nghe tiếng ồn huyên náo tôi choàng tỉnh, thì hay đã đến nơi. Mui xe được vén lên, và mọi người nhảy xuống, có người đi loạng choạng, có người tê chân ngồi một chốc mới đi được. Trời tối chẳng biết đây là chỗ nào, có người nói nhỏ, đây là căn cứ Sư Đoàn 5 Trảng Lớn, Tây Ninh.

Trảng Lớn! Đây là chặng đầu trong chuỗi đảo học tập.

Trần Văn Hiền, VHV

(Trích hồi ký: Mệnh Nước Nổi Trôi)

Một Ngày Việt Nam

Nhạc: Trúc Hồ
Lời: Trầm Tử Thiêng
Cali 25.2.1996
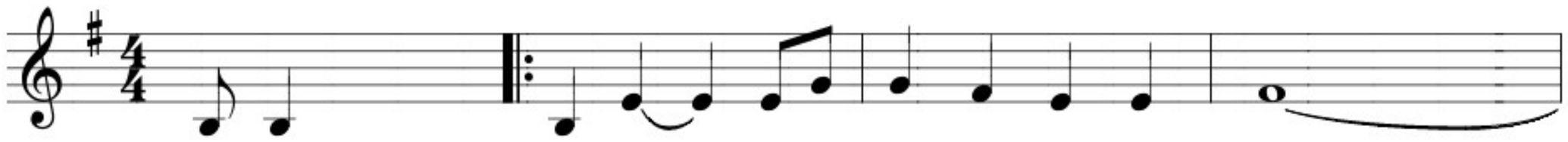
1. Từ nghìn trùng xa ai vẫn hát vang lời Việt Nam.
2. Choàng mộng nửa đêm, ai đánh thức khu vườn tuổi thơ.
3. Tựa vào lòng nhau, ơi nhớ trái tim gọi Việt Nam.
4. Từng vòng tử sinh, quay thấm thóat cũng vài nghìn năm.
5. Dù nhục dù vinh, xin hãy hát vang lời Việt Nam.
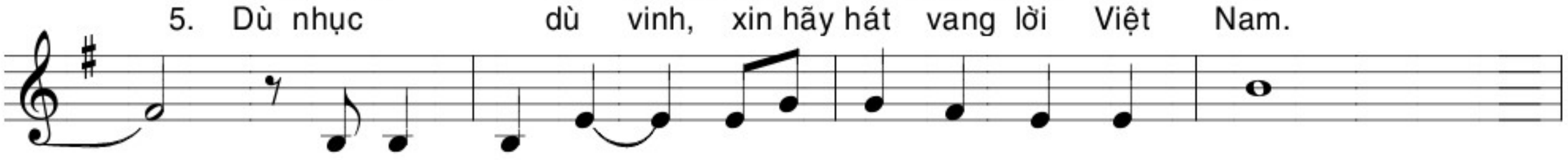
1. Nhìn về đại dương, ta nhớ hướng quê nhà ở đó.
2. Và gọi dòng sông, đưa lối tới cuối làng đầu xóm.
3. Tựa vào lòng nhau, ơi những trái tim cùng giòng máu...
4. Nhiều lần nằm mơ, ôi đất nước bao lần đổi mới.
5. Tựa vào lòng nhau, ơi những trái tim cùng giòng máu.

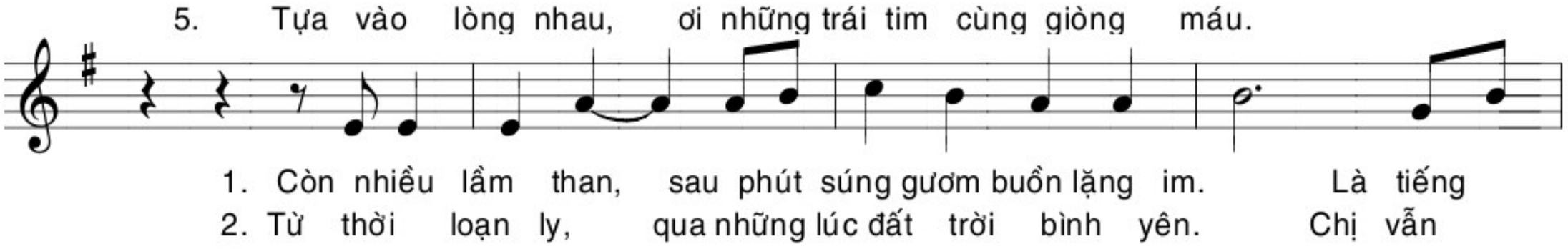

1. Còn nhiều lầm than, sau phút súng gươm buồn lặng im. Là tiếng
2. Từ thời loạn ly, qua những lúc đất trời bình yên. Chị vẫn
3. .....
4. Bằng cuộc bể dâu, xương trắng vẫn cao nghều thành non. Dòng máu
5. Gọi người gọi ta, Gọi số kiếp lưu đày gần xa. Gọi bóng
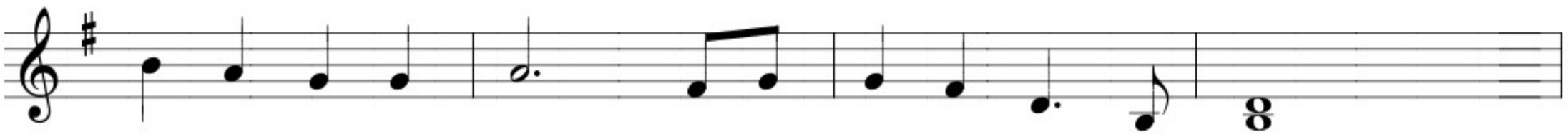
1. khóc thương đời biệt ly. Bên tiếng hát ru gọi người về.
2. hát ru tình chờ mong. Mẹ vẫn hát ru đời thủy chung.
3. .....
4. vẫn tuôn trào thành sông. Chưa thấy bóng thanh bình một lần.
5. tối ngưng bài cuồng ca. Cho tiếng hát mơ ngày Việt.....
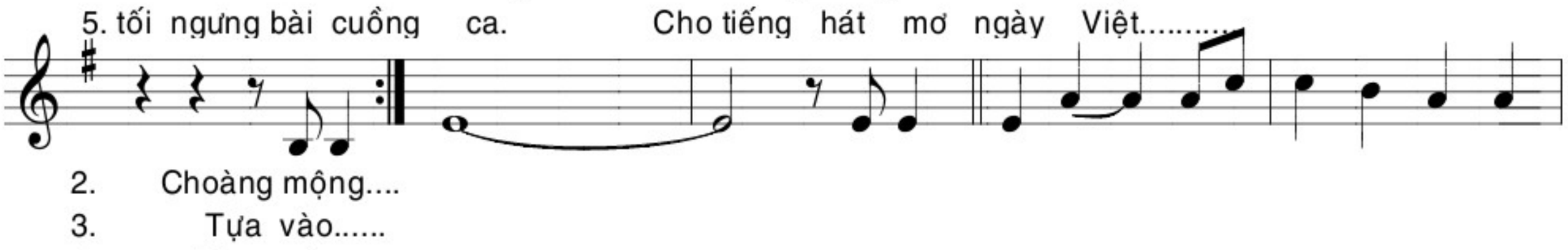
2. Choàng mộng....
3. Tựa vào.....
4. Từng vòng...
5. Dù nhục...

.....Nam. Một ngày Việt Nam, Ngày thoát bóng đêm dài lầm
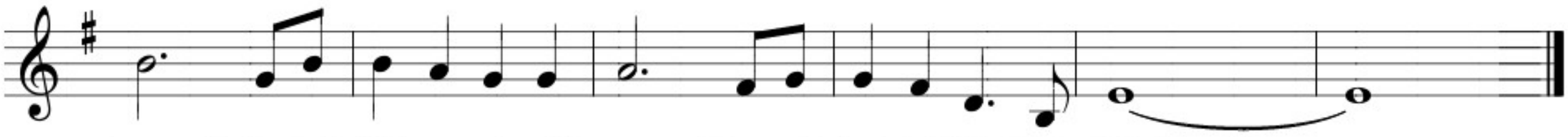
than. Ngày thế giới reo mừng hòa vang. Trong khúc hát "Một Ngày Việt Nam."

Trên Mỗi Bước Ta Đi

Nhạc và lời: Đặng Văn Thái K15

Am C Dm
Trên mỗi bước ta đi, hồn thiêng sông núi réo gọi.
Am
Mang giòng máu quật cường, thúc giục mỗi bước ta đi.
C Am Dm
Hận thù dâng ngập lòng, căm hờn sôi sục
C7 E7
nóng. Trận chiến tàn, nhưng cuộc chiến vẫn chưa tan.
Am Dm Am
Đồng bào hỡi! Máu đã tuôn rơi trước Phật đài, trên từng giáo
G E7 C
xứ. Người dân oan gào vang quân cướp đất. Nhà đấu tranh còn gông cùm ngục
D G E7 Am
thất. Hỡi quân bạo tàn, phường bán nước lũ buôn dân.
Am C Dm
Trên mỗi bước ta đi, toàn dân cả nước nổi dậy.

CULTURE

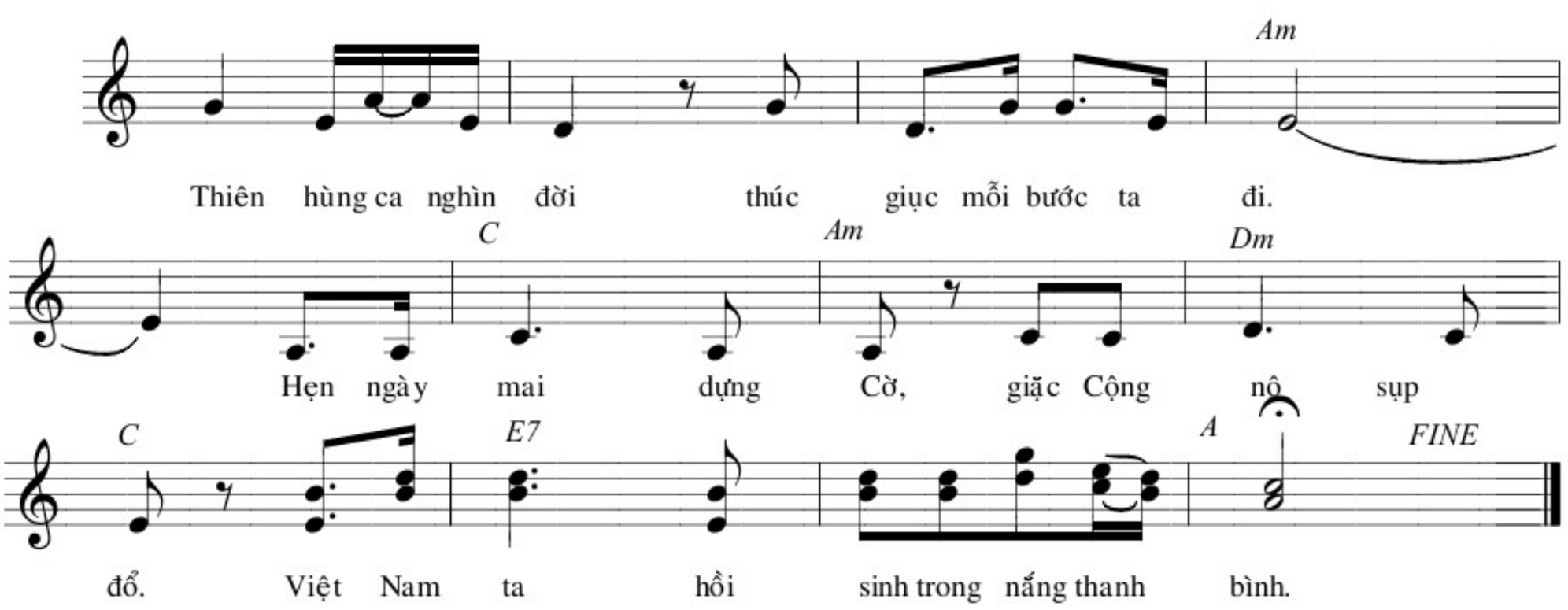
Am
Thiên hùng ca nghìn đời thúc giục mỗi bước ta đi.
C
Am
Dm
Hẹn ngày mai dựng Cờ, giặc Cộng nô sụp
C
E7
A
FINE
đổ. Việt Nam ta hồi sinh trong nắng thanh bình.

Khu Hòa Bình, Đà Lạt - by Thẩm Vân

Giai Sáng Tác Đa Hiệu 90

■ *Giải Sáng Tác Đa Hiệu 90*

Westminster, Ngày Anh Về

■ *Tặng những chiếc áo dài VN ở quê người – nđg*

Lòng mừng, về thăm Westminster
Đi trên Bolsa, vàng rực phố cờ
Áo dài Việt Nam, bay trên đất lạ
Cuối tháng Tư buồn, anh viết bài thơ

Áo dài em bay, tiếc ngày tháng cũ
Còn nhớ không em, xưa buổi lên đường
Em mang Tổ quốc, đi vượt biển
Thơ, vẫn vô cùng, nhớ quá quê hương

Về đây gặp, những bạn bè xưa
Đời tù tội, nhiều năm chung đủ
Người thù người, cắt tình máu mủ
Đủ rồi, anh bỏ đất sang sông

Anh tin rằng, như có cố hương
Theo chúng ta, những ngày lạc bước
Ngày tháng này, của bao năm trước
Sài gòn cờ bay, rộn rã tấm lòng

Em có tình, có nghĩa với non sông
Nên mới gặp, anh đem lòng cảm mến
Nước Mỹ, những ngày anh mới đến
Nhìn lá cờ bay, nước mắt chảy dài

Thành phố anh về, đã có bóng em
Con đường Bolsa, đầy dấu chân mình
Tiếng nói tiếng cười, người lên kẻ xuống
Hơi hám quê nhà, ấm buổi nhục vinh

Lòng mừng, về thăm Westminster
Thành phố tháng Tư, đẹp những áo dài
Trong nỗi vui buồn, anh xin quên hết
Quên cả chính mình, đời đã tàn phai.

Nguyễn Đông Giang K19

- *Hồi ký sau 30/4*
- *Dự Thi GST/ĐH90*

Ngược Giòng Thời Gian

■ Quế Hương

Những Kỷ Niệm Về Cha

Cha tôi đang ngồi đó, trên bàn thờ trong một khung hình chữ nhật được viền quanh bằng những mảnh gỗ nâu nho nhỏ. Mắt cha như đang hướng về phía chân trời nơi có một giấc mơ về sự thành đạt của các con, cùng một nỗi ưu tư về cuộc chiến tranh tương tàn mấy chục năm đã qua, và nỗi buồn cho số phận tù đày của một người lính. Hôm nay là ngày giỗ thứ mười một của cha, như thông lệ, dù có bận rộn đến đâu, chị em tôi vẫn phải dành một ngày họp mặt nhau ở thành phố Salt Lake để cúng cha, và cũng để ôn lại những kỷ niệm vui buồn khi cha còn sống trong gia đình. Năm nay, chỉ riêng một mình tôi là không về họp mặt được, thời tiết khắc nghiệt, vé tàu bay lại quá đắt, chỗ tôi ở phải bay hai chuyến mới tới được Utah. Tôi đành phải ngồi lại đây mà hồi tưởng đến cha một mình! Trong trí nhớ mờ nhạt của tôi, chầm chậm hiện ra một khung trời tươi mát ở vùng cao nguyên Đà Lạt, với nhiều đồi thông bao bọc chung quanh những thung lũng nên thơ và những vườn rau xanh ngan ngát. Cũng chính nơi này tôi đã trải qua thời kỳ niên thiếu và còn giữ lại chút kỷ niệm

với cha tôi trong suốt thời gian ấy. Đó là những ngày cha dắt chị em tôi đi chơi ở Đồi Cù, hoặc xuống thác Cam Ly xem voi, rồi lên khu chợ Hoà Bình đi dạo, khi đi dạo lúc nào cha cũng mua cho chúng tôi bánh mì "baguette" nóng giòn mới ra lò ở hiệu bánh mì Vĩnh Chấn. Có khi cha chở chúng tôi đến vườn hoa Bích Câu để chụp hình. Vào những ngày lễ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, hay là ngày Quốc Khánh, cha thường cho chị em tôi vào trường Võ Bị để xem sinh viên diễn hành. Chúng tôi rất vui thích khi được tận mắt nhìn đoàn sinh viên Võ Bị oai nghiêm trong bộ lễ phục trắng, chân bước đều, thẳng thắn trong tiếng kèn và tiếng trống vang dội hào hùng.

Thuở nhỏ, tôi yêu cha tôi nhiều hơn mẹ, mặc dù cha rất ít gần gũi các con và thường vắng nhà luôn. Nhưng mỗi khi cha ở nhà là chị em tôi lại xúm xít bên cha để nghe cha kể chuyện võ hiệp Tàu, và thỉnh thoảng cha còn dạy chị em tôi hát, những bài hát như là:

"Mờ trong bóng chiều một đoàn quân thấp thoáng..." rồi bài:

"Bao chiến sĩ anh hùng lạnh lùng vung gươm ra sa trường...."

Đặc biệt những đêm mưa dầm trời lạnh buốt, cha mua bắp nướng cho chúng tôi ăn. Tôi không sao quên được cái hương vị thơm ngon của bắp cùng với khung cảnh đầm ấm của cha con tôi bên nhau, và bằng giọng kể chuyện diễn cảm, cha đã biến câu chuyện võ hiệp thành một vở kịch sống động trong đầu óc giàu tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ. Tôi đã nghĩ trong đầu cha tôi hẳn phải có một kho chuyện đủ loại từ chuyện cổ tích, chuyện đường rừng đến chuyện võ hiệp, chuyện lịch sử, chuyện trinh thám.... Một lần tôi hỏi cha:

"Sao bố có nhiều chuyện để kể vậy bố?"

Cha cười bảo:

"Bố đọc ở trong sách ra chứ đâu, sách giúp mình biết được nhiều chuyện hay lạ lắm con biết không?" Thật vậy đọc sách là thú vui của cha tôi, ngày đó nhà tôi giống như cái thư viện nhỏ, kệ sách của cha choán hết mọi chỗ trong nhà từ góc tường này đến góc tường kia.

Cha cũng thường khuyến khích chúng tôi đọc sách như

cha. Tôi còn nhớ cuốn sách đầu tiên cha mua cho tôi đọc là cuốn: "Tấm Lòng Vàng" của Nguyễn Công Hoan, sau đó là cuốn "Nhánh Rong Phiêu Bạt" của Võ Hồng, tiếp đến là "Thềm Hoang" của Nhật Tiến và còn rất nhiều sách truyện thiếu nhi của các nhà văn khác như: Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Tô Hoài.... Dần dần văn học đã đi vào đời sống tuổi thơ của tôi như một giòng nước mát truyền từ cha. Tuy cha tôi là một giáo sư dạy toán, song cha lại rất yêu thích văn chương và âm nhạc. Hồi ấy, cha tôi có một cây sáo tây rất đẹp đựng trong cái hộp dài có bọc nhung đỏ cả trong lẫn ngoài. Cha đã mua cây sáo ấy tận bên Pháp khi còn là sinh viên du học, những lúc rảnh rỗi cha tôi thường lấy nó ra lau chùi và thổi vài bài chơi.

Tôi không giống được cha tôi ở đặc điểm: "văn 'toán' song toàn" khi mà văn học gần tôi bao nhiêu thì toán học lại càng xa tôi bấy nhiêu, và dù văn học đã đem lại cho tôi nhiều kết quả tốt đẹp ở trường, cha mẹ tôi vẫn không lấy đó làm vui. Mẹ thì quan niệm cuộc đời không phải là một bài thơ, hay một bài văn, mà cuộc đời là một bài toán. Mẹ sợ văn thơ sẽ nhiễm vào tôi cái tính lãng mạn, dễ sa ngã trong tình cảm sau này, thế nên mẹ tôi rất nghiêm khắc, và kiểm soát tôi khắt khe trong việc viết lách. Khác với mẹ, cha tôi chẳng khuyến khích, cũng không ngăn cản, và cha đã không nỡ xé đi những "tác phẩm nghệ thuật" của tôi như mẹ đã từng xé.

Khi tôi bắt đầu lên trung học đệ nhị cấp, cha tôi đi làm thêm rất nhiều giờ tôi càng ngày càng ít gặp cha hơn. Sáng nào cũng thế, cứ nghe những tiếng chim hót ríu rít trên đầu ngọn thông là tôi thức giấc, tiếng chim như chiếc đồng hồ báo cho tôi biết một ngày mới đã bắt đầu. Thế mà cha tôi đã bắt đầu một ngày mới sớm hơn cả tiếng chim hót, và khi cha trở về thì chị em tôi đã lên giường ngủ. Tôi còn nhớ có một buổi sáng chủ nhật, tôi chợt thức giấc không phải vì nghe tiếng chim ríu rít quen thuộc mà là tiếng nổ xe rất lớn từ chiếc Vespa của cha tôi (cha tôi thường lái Vespa đi dạy thêm ngoài giờ). Buổi sáng hôm đó trời rất lạnh vì có

những cơn mưa bão từ mấy hôm trước, đường đất đỏ lầy lội. Cha tôi đã chuẩn bị lái xe đi làm trên con đường đầy bùn đất đỏ dưới cái lạnh buốt giá, trong khi tôi vẫn còn nằm trên giường với chiếc chăn ấm. Lúc ấy, tôi vùng dậy và chạy ngay đến bên cửa sổ định hỏi cha tôi: "Sao hôm nay chủ nhật mà bố cũng phải đi làm?" nhưng tôi đã chẳng kịp hỏi cha được câu nào, chỉ nhìn thấy một đám khói của chiếc xe Vespa còn vương lại phía sau bóng cha. Tôi cảm thấy thương cha tôi làm sao, khi tôi nhận ra rằng cha đã làm việc vất vả biết bao để nuôi nấng chúng tôi. Tôi chợt mơ ước sao cho mình thật mau lớn để đi làm kiếm tiền phụ giúp cha. Chiều hôm đó, cha tôi mang về cho tôi hai cuốn sách, một cuốn là: "Cánh Hoa Chùm Gửi" của Quỳnh Dao và cuốn kia là: "Trong Mưa Móc Hạt Huyền" của Túy Hồng, cha bảo: "Này con Mai, bố cho hai cuốn sách này con đọc được đấy, chuyện rất khá!" Tôi cảm động lắm vì thấy cha hãy còn quan tâm đến việc đọc sách của tôi. Tôi định bụng nếu có dịp nào tôi sẽ làm một cái gì đó để tặng cha.

Vào đầu năm 1975, trường tôi dự định làm một tờ đặc san để bán gây quĩ "cây mùa xuân chiến sĩ", và để chọn những bài viết hay cho đặc san, nhà trường đã tổ chức một cuộc thi viết về: "Mùa Xuân, Tuổi Trẻ và Quê Hương". Năm ấy, chiến sự hãy còn sôi nổi ở nhiều nơi, cha tôi phải cấm trại luôn, ban ngày cha tất tả về nhà, ăn vội chén cơm rồi lại ra đi, tôi thương cha quá. Thế là trong đầu tôi nẩy sinh một bài viết cho cha. Tôi tham dự cuộc thi với bài viết chân thật giản dị về người cha yêu quí của tôi. Khi nộp bài tôi mới thấy bài của tôi thật lạc lõng giữa những bài viết có nhiều nội dung phong phú về xuân thật dễ thương. Sau một tháng, nhà trường công bố kết quả, điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là nghe bài của tôi đoạt giải nhất, và lễ phát giải thưởng sẽ được tổ chức vào trung tuần tháng ba tới. Hôm đó, tôi cứ đờ người ra không biết là thật hay mơ. Thực sự, tôi không mong ước mình sẽ đoạt giải, chỉ mong là bài mình sẽ được đăng trong tờ đặc san nhà trường để mang về khoe với cha tôi như một lời cám ơn vậy. Khi cô

hiệu trưởng gọi tên tôi và nói: "Bài của em viết hay lắm, đọc rất cảm động," tôi mới lúng túng: "Dạ... thưa cô em... em... cứ nghĩ là bài của em không đúng với chủ đề mùa xuân." Cô từ tốn bảo: "Đâu phải chỉ có mùa xuân thôi đâu, mà còn có cả tuổi trẻ nữa, tuổi trẻ ngày nay nghĩ gì và làm gì cho gia đình, quê hương. Cô thấy tuổi trẻ bây giờ ít ai chịu nghĩ đến cha mẹ lắm. Em đã nghĩ đến cha em thì đó là phần thưởng xứng đáng cho em rồi đấy." Rồi cô vỗ vai tôi bước đi. Tôi vui sướng thầm nhủ sẽ giữ bí mật này cho đến ngày nhận giải, tôi sẽ đem về cho cha mẹ tôi một sự ngạc nhiên.

Khoảng hai tuần sau vào một buổi sáng tháng Ba, tôi cắp sách đến trường thì thấy các bạn trong lớp chỉ lác đác vài đứa, bao nhiêu sự hân hoan chờ đón ngày phát thưởng trong tôi chợt vụt tắt, bởi tôi linh tính một chuyện gì đó không may sẽ xảy ra. Đúng vào lúc đó một đứa bạn gái chạy đến hỏi tôi: "Mày có biết Việt Cộng đã 'lấy' Buôn Mê Thuột đêm qua không?" Tôi giật mình kinh ngạc: "Thiệt hả?" Vừa hỏi dứt lời thì tôi nghe một tiếng nổ lớn, tiếp theo là vài tiếng súng bắn lẻ tẻ, tôi và các bạn gái giật mình cuống quít chạy tứ tán.... Sau đó nhà trường thông báo cho các học sinh nghỉ học vì tình hình an ninh đang báo động. Tôi vội vã trở về nhà thì lệnh giới nghiêm cũng vừa ban hành. Thế là ngày phát thưởng không còn nữa, tôi cứ tiếc là đã không tặng được cha bài viết của tôi, bài viết mà tôi đã muốn thay lời nói để bày tỏ lòng yêu thương, quí trọng đối với cha. Tôi cũng tiếc đã không nhận được giải thưởng cuối cùng trước khi tôi từ giã nền giáo dục dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Rồi thì gia đình tôi đã rời khỏi vùng đất đỏ cao nguyên dọn về Sài Gòn bỏ lại vườn tược, nhà cửa, và bao kỷ niệm êm đềm khác của riêng tôi.

Những Năm Tháng Vắng Cha

Cuối tháng 4 năm 1975, bùng nổ một sự kiện lịch sử đầy sợ hãi và lo lắng của người dân miền Nam: Việt Cộng chiếm miền Nam!!! Ngay cả tôi, một con bé vừa tròn mười

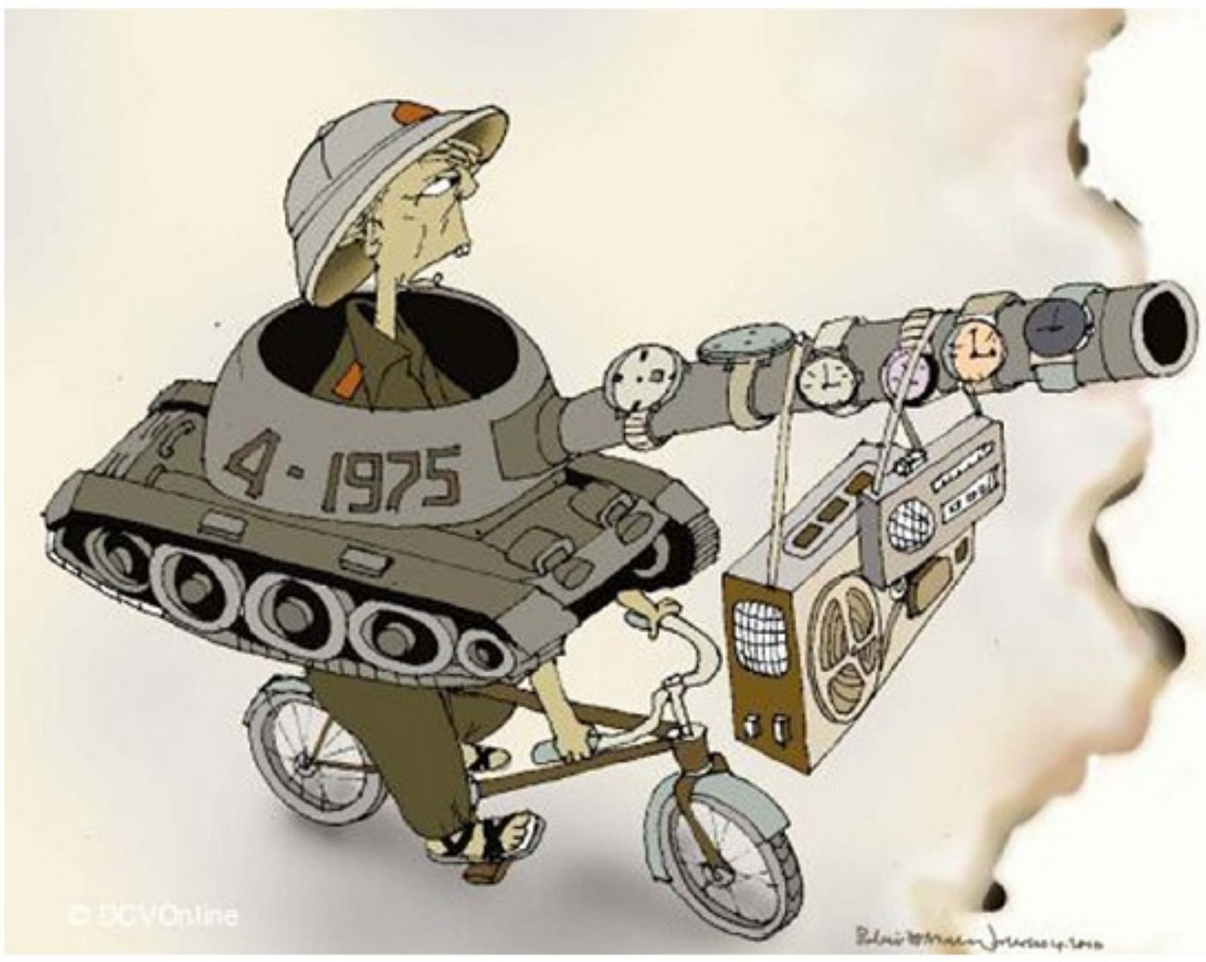

VC tiến vào Sài Gòn ngày 30/4/75
(tranh biếm họa Ba Bùi)

lăm tuổi, đâu đã hiểu biết gì nhiều về cuộc chiến tranh hôm qua, vậy mà tôi đã cảm thấy một thất vọng não nề, một bầu trời u ám, một tương lai tối đen cho gia đình tôi nói riêng, và cho cả miền Nam nói chung. Cái bóng đen kinh hoàng ấy đã bao trùm xuống gia đình tôi từ lúc cha tôi bị đi cải tạo. Mẹ tôi đã phải chống chọi với mọi khó khăn trong thời điểm mở đầu rất khắc nghiệt của chế độ Cộng Sản, lao vào cuộc sống mới giành giật từng miếng cơm manh áo cho tất cả mười đứa chúng tôi (lớn nhất là 17 tuổi, nhỏ nhất là 4 tháng tuổi) và một bà ngoại già yếu. Với hai bàn tay trắng, không chút kinh nghiệm bương chải ngoài đời, và cũng không có một sự giúp đỡ nào từ phía họ hàng, người thân hay bè bạn, Mẹ tôi dù đã cố gắng hết sức mình vẫn không kéo được chúng tôi qua khỏi con vực nghèo đói của cuộc đời. Cái nghèo đói tấn công vào gia đình tôi rất nhanh, mỗi ngày tôi đi học với cái bụng rỗng cồn cào đến run rẩy, để ngán ngẩm ngồi nghe những bài giảng về tập thơ "Nhật Ký Trong Tù" của Hồ Chí Minh. Và mệt mỏi với những bài ngợi ca về cuộc chiến thắng vĩ đại thống nhất đất nước. Đầu óc tôi bấy giờ chỉ nghĩ đến khi nào thì cha tôi sẽ được nhà nước Cộng Sản thả về? Và khi nào thì gia đình tôi sẽ được trở lại một đời sống bình thường đủ ăn, đủ mặc? Tinh thần tôi suy sụp theo cơn đói và nhất là mỗi khi đi học về tôi lại nghe tiếng gào khóc của em bé tôi trong cơn khát sữa. Tôi chán học, chỉ muốn đi làm kiếm tiền để giúp mẹ. Sau mấy ngày trốn học đi lang thang tìm việc làm, tôi đã chẳng tìm được việc gì ngoài việc làm cho mẹ tôi buồn và khóc. Mẹ

đã năn nỉ tôi đi học lại, và mẹ bảo tôi, thử nghĩ xem cha tôi sẽ đau khổ biết chừng nào khi cha trở về trong cảnh gia đình tan nát, các con hư hỏng, bỏ học hành. Nghe mẹ nhắc đến cha, tôi thấy lòng mình ấm lại, mẹ tôi nói đúng, tôi phải đi hết con đường học vấn dù có nhiều chông gai trở ngại, dù phải ngồi hàng giờ, hàng tháng nghe những bài giảng chính trị khô khan, phải cần mẫn với những công tác lao động trong trường, tôi vẫn phải, và luôn phải cố gắng để không phụ lòng cha mẹ tôi.

Cũng vào những năm đầu ấy, nhà nước phát động phong trào "bài trừ văn hóa đồi trụy". Nhà nào có sách cũng phải đem ra nộp cho văn hóa phường. Sách của cha tôi rất nhiều. Trước khi dọn nhà lên Đà Lạt làm việc, cha tôi đã gửi toàn bộ những tủ sách của cha ở nhà cô, chú tôi, đa số là sách khoa học, một số là sách tâm lý giáo dục và sách lịch sử. Nhưng những người cán bộ phường ấy đã không phân biệt được các loại sách hay và giá trị của từng cuốn sách. Sách nào cũng bị xếp vào loại "văn hóa đồi trụy" hoặc là mang tư tưởng "tiểu tư sản, phản động", họ buộc phải đem nộp để hủy bỏ. Tôi nhìn những cuốn sách mang đầy kỷ niệm của cha tôi rơi vào tay họ mà buồn đến chảy nước mắt. Sau lần kiểm kê sách đó, tôi cảm thấy chán ghét chế độ đã ngăn cách cha con tôi lại còn cướp đi những giá trị tinh thần quí báu của cha tôi để lại. Tôi càng cảm thấy thất vọng hơn khi nhìn ra con đường tương lai u tối trước mặt mà tôi sẽ phải sống, phải học, rồi trưởng thành dưới tư tưởng của họ.

Tháng 6/1977, sau khi tôi đã thi đậu xong bằng tốt nghiệp lớp 12, tôi cứ tưởng là đã trút được gánh nặng sách vở để bắt đầu đi tìm việc làm. Vậy mà không, mẹ tôi lại muốn tôi thi vào đại học sư phạm. Thật tình, tôi đã chẳng còn muốn đi học lên làm gì nữa, tôi cố trình bày với mẹ những điều tôi được biết về chuyện thi cử rằng: Vào đại học sư phạm không phải là chuyện dễ, học sinh phải có lý lịch trong sạch đến ba đời. Đó là chưa kể đến diện ưu tiên cho những thí sinh thuộc thành phần đi bộ đội, những gia đình có công với cách mạng, gia đình bần nông hay công nhân.... Hơn

nữa tôi cũng không muốn trở thành một giáo viên dạy văn dưới chế độ Cộng Sản khi mà chính trị đã xen lẫn vào văn học. Tôi còn đưa ra gương điển hình của anh trai tôi đã thi rớt đại học năm trước dù rằng anh học rất khá và rất chăm chỉ. Song, những lý lẽ của tôi vẫn không thuyết phục được mẹ, và mẹ tôi với một thái độ vừa cương quyết, vừa nhẹ nhàng, vừa động viên, vừa năn nỉ đã làm tôi không thể trái ý mẹ. Tôi không muốn mẹ tôi lại khóc lần nữa vì chuyện học hành của tôi. Thế là tôi ngoan ngoãn lên đường ứng thí cho mẹ vui lòng sau khi biết chắc rằng tôi sẽ không bao giờ thi đậu. Những tháng hè chờ đợi kết quả là những tháng ngày hồi hộp và lo lắng nhất, khi trong phường tôi ở đang phát động rầm rộ phong trào "nghĩa vụ lao động" và "thanh niên xung phong." Thanh niên nam nữ, ai ai cũng phải tham gia một trong hai công tác đó nếu không có công ăn việc làm. Anh lớn của tôi đã phải đi thanh niên xung phong từ năm ngoái vì anh đã thi rớt đại học và cũng không thể tìm được việc gì để làm. Trong thư viết về nhà anh có nói: "Môi trường thanh niên xung phong rất cực khổ và tạp nhạp, không thích hợp cho con gái đâu", bởi thế mẹ và tôi rất lo sợ nếu tôi không có ngay một việc làm ổn định, tôi phải có nghĩa vụ đi lao động để xây dựng đất nước, đi đào kênh, đi thủy lợi, đi thanh niên xung phong, cái nào cũng ghê!! Tôi không muốn xa mẹ, xa em, tôi chạy vạy mọi nơi tìm việc, trong khi mẹ con tôi đang bối rối thì tôi nhận được giấy báo đi tập trung lao động thủy lợi vào tuần tới. Mẹ và tôi cùng quýnh quáng, mẹ dắt tôi lên phường năn nỉ họ xin gia hạn cho tôi thêm thời gian đi lao động vì tôi đang chờ kết quả thi đại học. Mẹ tôi cũng hỏi có cách nào cho tôi được miễn không, người cán bộ phường nói:

"Nếu không đi thì phải đóng tiền, nhưng việc đóng tiền chỉ dành cho những người sức khoẻ kém, hoặc ở tuổi trung niên, con chị là thanh niên thì phải thi hành nghĩa vụ."

Mẹ con tôi ra về trong nỗi buồn lo đến méo xẹo mặt mũi. Ngày hôm sau, mẹ dắt tôi vào hợp tác xã may mặc chỗ mẹ đang làm cố xin ông tổ trưởng xếp cho tôi một công

việc gì cũng được để tôi có thể trì hoãn việc đi lao động. Thương tình mẹ con tôi, ông xếp tôi vào tổ làm khuy áo, tổ này đang thiếu người. Tuy nhiên, ông chỉ nhận tôi vào làm công nhật chứ không nhận như một tổ viên hợp tác xã chính thức, vì thế công việc này cũng không thể bảo đảm cho tôi "thoát" được "nghĩa vụ lao động." Thôi đành chịu vậy, tôi cũng phải làm một cái gì đó để đỡ đần cho mẹ hơn là không làm gì hết, còn chuyện đi lao động, cứ mặc kệ tới đâu hay tới đó. Tôi lủi thủi về nhà với bao nhiêu rối rắm trong lòng... Rồi một sự may mắn tình cờ đã đến, tôi nhận được thư báo của trường đại học sư phạm ngay khi tôi vừa bước chân vào nhà. Trong thư, nhà trường cho tôi biết là tôi đã không đủ điểm đậu vào đại học sư phạm (tôi đã biết chắc điều này rồi) nên họ chuyển tôi xuống trường trung học sư phạm Mẫu Giáo, và có lẽ vì thành phần lý lịch của tôi không được rõ ràng, nên tôi chỉ được nhận vào học khoá cấp tốc 3 tháng, thay vì học khoá chính quy 1 năm. Tôi hết sức mừng rỡ, càng tốt, chỉ cần học thêm có 3 tháng nữa thôi là tôi đã có một công việc hẳn hoi để giúp mẹ, và cái may trước mắt là tôi đã không phải đi lao động thủy lợi, vì theo thông báo trong thư tôi phải có mặt ở trường thứ hai tuần tới. Tôi bỗng tưởng tượng đến sự vui mừng hiện trên khuôn mặt của mẹ, tôi phải rất cám ơn mẹ tôi về chuyện này, nếu tôi không chịu đi thi đại học như lời mẹ khuyên bảo, thì làm sao tôi có thể tìm được việc làm với mảnh bằng tốt nghiệp lớp 12, lại chưa biết một nghề chuyên môn nào cả. Tôi cũng không nhanh nhẹn như các em tôi để theo những người buôn thuốc tây ngoài chợ trời sau giờ học. Mẹ tôi đã nhìn thấy tôi là một đứa con chậm chạp, không có khả năng lăn lộn với cuộc sống bán buôn và càng vụng về hơn trong những công việc tỉ mỉ chân tay. Bấy giờ tôi mới hiểu vì sao mẹ tôi quan niệm cuộc đời là một bài toán, một bài toán thật hóc búa! Vào thời điểm đó không ai đã có thể tìm ra một đáp số chính xác cho bài toán của cuộc đời mình.

Ngôi trường Trung Học Sư Phạm Mẫu Giáo nằm trên con đường đã được đổi tên sau tháng 4/1975 là đường Tôn Đức

Thắng (tôi thật sự không nhớ tên đường trước 75). Cạnh sát bên trường là xưởng đóng tàu "Ba Son". Hệ thống giáo dục của trường trong năm học 1977-1978 chia làm 3 hệ đào tạo: Khối A là hệ chính qui học một năm, còn gọi là hệ 12+1, khối B là hệ đào tạo ba năm cho những học sinh vừa tốt nghiệp xong lớp 9, còn gọi là hệ 9+3, và hệ sau cùng là khối C, hay còn gọi là hệ cấp tốc. Thành phần nhân viên trong trường từ các giáo sư, đến khối văn phòng, học sinh toàn là phụ nữ, và tất cả học sinh trong trường

Sau 30/4, VC hô hào bài trừ văn hóa phản động trên khắp miền Nam

đều được gọi là giáo sinh. Khi vào học khối C, tôi mới biết rằng đại đa số giáo sinh trong khối C là những chị sinh viên đang học dở dang đại học Văn Khoa trước năm 1975, lý do là nhà nước "giải thể" trường đại học Văn Khoa, buộc các sinh viên phải chuyển sang đại học hay trung học sư phạm. Các chị sinh viên ấy đa phần thuộc gia đình "Ngụy Quân, Ngụy Quyền". Tôi gặp N.A. là con gái của một vị giáo sư cùng dạy ở trường Võ Bị Đà Lạt với cha tôi. Chúng tôi được coi như là số ít trong số những học sinh trung học lọt vào khối C của trường này. Mỗi giáo sinh đều có tiêu chuẩn lãnh nhu yếu phẩm hàng tháng như vài ký gạo, một ký đường, hai hộp sữa, và một ít tiền học bổng. Điều này làm tôi thấy yên tâm là tôi có thể tự lo tiền sách vở để bớt đi chút gánh nặng cho mẹ. Tôi lại tiếp tục cắp sách đi bộ đến trường mỗi ngày, lần này con đường đến trường dài hơn con đường hồi còn ở trung học. Sáng nào tôi cũng khởi hành từ nhà lúc năm giờ bốn mươi lăm, và đặt chân đến cổng trường thì vừa đúng lúc còi của xưởng Ba Son hụ 7

giờ, rồi tiếng chuông reo vào học của trường tôi vang theo. Ngày ngày, cơn đói vẫn hành hạ tôi trên đường đi học, tôi cứ phải đếm từng bước chân mình để cố quên cái đói, để nuôi sự kiên nhẫn, và tự nhủ: phải ráng cố gắng, chỉ ba tháng thôi, thời gian sẽ qua nhanh, không bao lâu nữa mình sẽ kiếm được tiền.

Chương trình học thì không có gì là căng thẳng lắm, chỉ có điều kỷ luật của trường quá khắt khe khiến cho tôi chán nản. Thí dụ như khi chuông reo vào học bảy giờ là nhà trường sẽ đóng cửa, học sinh nào đến sau bảy giờ thì coi như vắng mặt. Học sinh không đeo phù hiệu thì bị đuổi về... còn rất nhiều những luật lệ khó khăn khác mà tôi không nhớ hết. Vì là khoá cấp tốc nên thời gian học cũng gấp rút, chúng tôi học từ bảy giờ sáng cho đến bốn giờ chiều, nghỉ một tiếng rưỡi giữa trưa....

Thấm thoát thời gian ba tháng trôi qua, tôi háo hức chờ đợi nhà trường ra thông báo ngày đi thực tập và ngày tốt nghiệp. Bỗng nhiên, một sự kiện lớn đã làm tan biến bao niềm háo hức trong tôi. Nhà nước đưa ra kế hoạch "đánh tư sản" từ cấp phường đến cấp quận. Họ dùng các phương tiện báo chí, truyền thanh để tuyên truyền, lên án, đả kích thành phần tư sản rất ghê gớm. Theo sắc lệnh của nhà nước, tất cả các học sinh trung học chuyên nghiệp, sinh viên đại học khắp nơi đều phải tham gia công tác "kiểm kê chống tư sản". Và thế là cả khối C của chúng tôi đều bị huy động đi công tác này thay cho việc đi thực tập. Nếu giáo sinh nào mà không tham gia thì sẽ không được ra trường, công tác này cũng tính điểm như điểm đi thực tập vậy. Hôm đó tôi về nhà báo cho mẹ biết chuyện tôi bị bắt buộc đi công tác "đánh tư sản" với sự bực tức hậm hực, mẹ tôi ôn tồn bảo: "Thôi ráng đi con, gió chiều nào thì phải theo chiều ấy, chống cự làm sao được." Tôi vẫn không hiểu đánh tư sản là gì? Và tại sao phải đi đánh tư sản? Buổi chiều, tôi được lệnh tập họp ở trường vào khoảng 5 giờ cùng với các chị bạn, chúng tôi bàn tán đủ điều. Ai cũng lo lắng không biết mình sẽ làm gì? Đi đâu? Và điều kiện ăn ở thế nào?

Khoảng một tiếng đồng hồ sau có mấy chiếc xe cam nhông đến, người tài xế thúc giục chúng tôi lên xe một cách bí mật. Những chiếc xe cam nhông ấy đã thả từng nhóm học sinh chúng tôi xuống những địa điểm khác nhau, tôi bị thả xuống sau cùng với một nhóm người lạ hoắc ở một khu phố chẳng biết là đâu. Có hai người đàn ông trung niên đón nhóm người lạ và tôi ngay ở đầu xe; họ điểm danh, đếm số rồi dắt chúng tôi vào một ngôi nhà rộng. Tôi thật lo sợ khi nhìn thấy rất nhiều người đàn ông, đàn bà đủ mọi lứa tuổi ngồi chật cả căn phòng, tôi thầm hỏi: "Người ở đâu mà nhiều vậy kìa?" Tiếng nói chuyện ồn ào và hơi người nồng nặc khiến tôi phải bước ra ngoài hiên. Tôi nghe tiếng gào rất to của một trong hai người đàn ông trung niên lúc nãy cố át tiếng ồn thông báo rằng: "Chúng ta có lệnh phải chờ đến sáng sớm mai mới có phân công cụ thể". Chờ nữa, sao tôi chán ghét chữ chờ quá, tôi cứ đi quanh quẩn trước hiên nhà, rồi thì trời tối dần, muỗi bắt đầu vo ve, tôi đành phải vào nhà, nhìn chung quanh thấy đã có mấy người trải báo ra nằm, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái người nằm, kẻ ngồi san sát bên nhau, trông hỗn tạp làm sao, dễ sợ làm sao! Tôi cố tìm cho mình một chỗ nghỉ qua đêm. Nhìn mãi tôi mới chọn được một góc nhà chật hẹp khuất sau cái cột gỗ, phía trước cái cột có một người đàn bà đang ngồi ngủ gục. Đêm ấy tôi không dám nằm xuống cứ ngồi bó gối nhìn mọi người, lúc nào mệt thì gục đầu trên hai cánh tay. Mới xa nhà có mấy tiếng đồng hồ mà tôi đã thấy nhớ nhà, tôi nhớ mẹ, tôi nhớ bà ngoại, tôi nhớ đến em bé út của tôi, không biết tối nay em sẽ vòi ai quạt cho em ngủ. Tội nghiệp cho em tôi đã hai tuổi rưỡi rồi mà em vẫn chưa biết nói, chỉ ngọng nghịu từng từ một. Rồi mơ màng trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, tôi thấy cha tôi trở về nhà với một bao gạo to trên vai, chị em tôi chạy ra mừng rỡ, thi nhau reo hò: "A, bố về, bố về." Cha tôi xoa đầu từng đứa và bế em bé út tôi trên tay, rồi cha bảo: "Bố chỉ được về có một tí thôi phải đi bây giờ?" Tôi hỏi cha: "Bố đi đâu?" Cha buồn rầu nói: "Đi vào trại cải tạo!" Ngay lúc ấy có hai người bộ đội tới kéo

cha tôi đi. Chúng tôi gào khóc: “Không, không, bố không đi đâu, thả bố tôi ra...” trong sự giằng co, xô xát, bao gạo đã đổ ra tung toé trên sân nhà, cha tôi không dám quay lại nhìn đàn con.... Tôi mệt mỏi trong cơn mê, cảm thấy đầu mình nặng trên cánh tay và hai đầu gối ướt sũng.... Tôi nhớ cha tôi tha thiết....

Sáng hôm sau tôi được phân công về vùng Hậu Giang, Chợ Lớn. Nơi đây tôi phải dự một cuộc họp với ban lãnh đạo công tác để biết mình phải làm những gì trước khi “ra trận.” Trong buổi họp tôi gặp lại nhiều chị bạn quen học chung khối, tôi rất vui mừng và thấy mình bớt lẻ loi, cô độc giữa đám đông xa lạ. Ban lãnh đạo công tác gồm hai người đàn ông, một người là "cụm trưởng" khoảng 40 tuổi, nói giọng Nghệ Tĩnh, còn người "cụm phó" thì trẻ hơn độ khoảng trên dưới 30 nói giọng nam. Anh ta có đôi mắt sắc bén với cái nhìn như muốn ăn tươi nuốt sống người đối diện. Cả hai đều là đảng viên của trường đảng Nguyễn Ái Quốc được bổ sung về điều hành công tác “đánh tư sản” này. Một cụm thì khoảng từ 10 đến 15 nhà, mỗi nhà hai ông “đảng viên” xếp ba người vào “đóng chốt”, cứ một học sinh thì đi kèm với hai người dân địa phương. Tôi “bị” đưa vào một nhà tư sản đã từng là đại lý bán trà. Cũng như số phận của bao nhiêu giáo sinh khác, tôi phải giữ chức tổ trưởng để thực hiện công việc kiểm kê trên giấy tờ, và báo cáo hằng ngày cho hai ông trưởng, phó. Hai người địa phương cùng đi chung với tôi cũng còn trẻ, một cô gái và một anh chàng thanh niên chắc chỉ hơn tôi vài tuổi. Chúng tôi được lệnh phải “canh gác”, “theo dõi” mọi thành viên trong nhà. Khi người trong nhà đi ra ngoài phải cho chúng tôi biết là đi đâu, và nếu họ có xách theo giỏ thì phải khám xét phòng khi họ dấu diếm tài sản để tẩu tán đi nơi khác. Tôi cảm thấy hổ thẹn cho công việc mình đang làm, và tưởng như mình là kẻ đồng lõa với một tổ chức ăn cướp rất lớn của chính phủ. Cái gia đình tư sản mà tôi đã được đặt chân vào hơi giống như một tiệm bán thuốc bắc. Vừa bước qua cái cửa sắt là tôi đã thấy ngay môt cái quầy gỗ cong

cong hình chữ C, đằng sau quầy là một cái tủ lớn có những ngăn kéo nhỏ. Hai bên phải và trái của cái tủ lớn là những kệ chất đầy thùng sắt tây rỗng sơn đen. Nhìn quanh nhà, tôi không thấy có cái vẻ gì là "tư sản". Bà chủ nhà là một bà già người Tiều, luôn mặc bộ đồ sẩm màu xanh dương, bà có mái tóc ngắn đã bạc nhiều. Khi tôi đặt chồng giấy tờ trên quầy và ngượng nghịu hỏi bà những câu hỏi về sự thu nhập buôn bán, cùng tài sản của gia đình để tôi ghi vào giấy. Tôi đã đọc được sự đau khổ trên khuôn mặt bà, và nhận ra sự thành khẩn trong lời nói:

"Chời ơi! ngộ nói thiệt cho nị nghe, ngộ nghỉ páng lâu dzồi. Lúc trước puông páng cũng nhỏ thôi, đủ hai bữa cơm qua ngày, đâu có tiền pạc gì nhiều đâu mà khai páo", rồi bà quay sang phía sau cái quầy vói tay lấy một thùng sắt tây xuống và mở ra cho tôi xem bên trong cái thùng rỗng:

"Đây, đây nị coi nè thùng không mà, đâu có trà nữa đâu mà páng!"

Tôi ái ngại nhìn bà, thấy tội nghiệp bà quá, tôi gật đầu và hỏi:

"Con tin bà rồi, nhưng nếu bà không buôn bán nữa, sao họ tìm ra thuế môn bài có tên bà?"

Bà chủ nhà chặc lưỡi:

"Ậy, cái thuế môn bài đó là cũ lắm dzồi. Mấy ông cách mạng đó không có chịu nhìn cái năm, cái tháng cho dzõ một chút."

Tôi thở dài nói:

"Thiệt tình con cũng không muốn làm khó bà đâu, người ta bắt con làm thôi, hay bà cứ nói đại con số nào cũng được để con ghi vào đây?"

Bà chủ nhà lắc đầu:

"Ngộ giờ già dzồi, đâu có nhớ páng lời lỗ pao nhiêu mà nói, pỏ páng lâu dzồi!"

Tôi bối rối nhìn tập giấy, những hàng, những cột sao mà rắc rối quá, không biết mình phải ghi làm sao đây để báo cáo mỗi ngày cho hai lão đảng viên dễ ghét kia. Bất chợt tôi nhìn vào cột tài sản, rồi nhìn những thùng sắt tây đen

rỗng trên kệ, nhà bà có còn cái gì đâu ngoài những thùng sắt tây này. Một ý nghĩ loé lên trong đầu tôi:

"Thôi vậy đi, bây giờ con với bà sẽ đếm hết những thùng sắt tây này, bà còn nhiều thùng như vậy không, con sẽ ghi vào cột tài sản số thùng rỗng mà hiện giờ bà đang có."

Hình như tôi nói hơi nhanh nên bà chủ nhà ngơ ngác hỏi lại: "Là làm sao, cột tài sản gì?"

Tôi ghé vào tai bà chậm rãi nói: "Tài sản của bà là những thùng sắt tây rỗng này, mình sẽ đếm nó và ghi vào giấy."

Bà mừng rỡ gật đầu:

"Ồ dzậy thì phải, cám ơn nị nghe, ngộ còn nhiều thùng ở chên gác kìa!"

Một buổi chiều có cuộc họp lớn giữa các cụm với nhau, tôi nghe tin một chị nào đó đã tìm ra mấy cây vàng của chủ nhà giấu trong những nắm than đá. Công trạng ấy đã được xem như một chiến tích lớn lao trong công tác "đánh tư sản", và càng được thổi phồng khắp nơi trong các cụm, cũng nghe đồn chị đã được kết nạp vào đảng ngay tại hiện trường. Một thành tích dữ dội khác là những thành viên địa phương ở nhà nào đó đã khám phá ra nhiều vải vóc, và những tài sản quí giá được chủ nhà giấu đằng sau bức tường trong nhà. Sau lần nghe những thành tích "nổi cộm" ấy, ông cụm trưởng của tôi không ngớt thúc hối chúng tôi phải kỹ lưỡng hơn trong việc theo dõi chủ nhà, phải cố tìm tòi cho ra những tài sản mà chủ nhà giấu diếm. Ông ta còn ra lệnh mỗi ngày chúng tôi phải báo cáo thêm về diễn tiến của sự tìm tòi, khai thác. Tôi bắt đầu thấy sợ những buổi họp báo cáo, vì nhà tư sản mà tôi đang "đóng chốt" chẳng có gì để khai thác. Chiều nào đi họp báo cáo, tôi cũng lắc đầu cho qua chuyện. Ông đảng viên cụm trưởng rất bực mình tôi, ông xem lại mớ giấy tờ kiểm kê của nhà tư sản bán trà lẻ, dựa trên giấy tờ tôi làm ông không tin bà chủ nhà đã khai báo thành thực; và tôi đã bị ông khiển trách về sự lơ là trong công việc. Ngày hôm sau ông cầm xấp giấy đến nhà bà gặng hỏi:

"Sao bà chủ, còn bao nhiêu trà nữa khai ra hết đi, giấu diếm làm gì?"

Vẫn khuôn mặt đau khổ và giọng nói thành khẩn, bà cố thanh minh cho cái nghề buôn bán trà lẻ rằng đã chấm dứt, nhưng cái lão đảng viên vẫn tiếp tục tra hỏi. Tôi đã muốn bịt lỗ tai lại để không còn nghe thấy những câu "khảo của" hèn hạ của lão đảng viên ấy.

Mấy ngày sau, tôi bị đơn phương chuyển đến một nhà tư sản khác để tiếp tục làm công tác kiểm kê. Lần này nhà tư sản là một tiệm tạp hoá, thật khôi hài vô cùng! Nhìn thấy bà chủ tiệm với vẻ hiền hậu, chân chất, tự nhiên tôi thấy thương cho số phận của những người dân buôn bán quá! Họ đã vất vả biết bao nhiêu giờ còn bị liệt vào thành phần "tư sản mại bản" "bóc lột" nhân dân. Không biết họ đã bóc lột nhân dân nào? Tôi vốn không thích những con số từ hồi còn đi học, mà bây giờ tôi phải ngồi đếm từng mặt hàng trong cửa tiệm để ghi, để cộng, chán chường quá! Sau hai ngày quay cuồng với giấy tờ kiểm kê, tôi mệt mỏi đề nghị với bà chủ tiệm là tôi sẽ chỉ kiểm những món hàng lớn nào mà bà muốn tôi ghi vào giấy thôi, còn cả bao nhiêu món hàng linh tinh khác tôi phải chịu thua vì quá nhiều. Bà chủ tiệm cũng đồng ý với tôi như thế.

Sau 30/4, VC sử dụng học sinh sinh viên để đánh tư sản mại bản

Khi công tác "đánh tư sản" hoàn thành, tôi vui mừng được trở lại trường để tiếp tục cho xong cái sự nghiệp "trồng người" cấp tốc. Thế mà có xong được đâu, một công tác khác được bí mật thông báo trong nội bộ: công tác "đổi tiền". Tôi may mắn hơn các chị bạn khác là đã bị lọt sổ ra

ngoài chuyến đi đó. Không tham gia công tác thì ngày nào tôi cũng phải đến trường làm những công việc lao động lặt vặt để có điểm thực tập cho mình. Tôi không biết, càng không hiểu nổi là tôi đang được đào tạo trong một hệ thống giáo dục mầm non kiểu gì đây? Đáng lẽ ra tôi đã phải học xong từ ba tháng trước, nhưng khoá học kéo dài đến gần hết một niên khoá rồi, học sinh chúng tôi cứ còn bị cột chặt vào những công tác này, công tác nọ đến bao giờ nữa?... Trong thời gian đó, rất nhiều người đi vượt biên, nhà nước cũng đã tịch thu được rất nhiều nhà vắng chủ. Họ chưa biết sử dụng những căn nhà đó để làm gì, thì vừa khi công tác đổi tiền kết thúc, toàn bộ học sinh khối C chúng tôi lại bị "lùa" đi công tác "giữ nhà" cho nhà nước! Họ gọi công tác này bằng cái tên rất hoa mỹ là "thanh lý nhà cửa". Lần đó, chúng tôi đi chung với những công nhân "Cục Đường Biển". Trở lại khu Chợ Lớn quen thuộc, chúng tôi được chia ra nhiều nhóm nhỏ rồi thì cứ ba người lại vào một nhà, nhiệm vụ của chúng tôi là phải kiểm kê những tài sản chủ nhà bỏ lại, thí dụ như: TV, tủ lạnh, nồi cơm điện, quạt... và còn phải trông coi căn nhà đó cho đến khi nhà nước có lệnh dùng căn nhà ấy vào việc gì đó thì chúng tôi mới được ra về. Công tác này có vẻ nhàn hạ đến nhàm chán và lại kéo dài hơn công tác "đánh tư sản". Theo qui định của công tác "thanh lý", chúng tôi không được phép mang ra khỏi nhà bất cứ thứ gì. Trong căn nhà tôi đã bị vào "thanh lý", tôi tìm thấy rất nhiều sách chữ Tàu. Tôi nghĩ bụng nếu tôi gửi được cho cha tôi những sách này chắc là cha phải thích lắm. Cha tôi đang tự học thêm chữ Tàu trong tù để giết thời giờ, và lần nào có dịp thăm nuôi, cha cũng bảo mẹ tôi mua báo Tàu cho cha đọc. Nhắc đến đây, tôi chợt nhớ một anh CSVSQ Võ Bị, người đã từng ở tù chung với cha kể rằng anh đã học được ở cha tôi chữ "quân tử" từ hai câu: "Bần tiện bất duy năng" nghĩa là dù nghèo mà không tham lam, và "uy vũ bất năng khuất", gặp cường quyền cũng không khuất phục. Theo anh, điều đã làm anh rất mến phục cha tôi là chỗ dù sống trong cảnh khổ nào cha vẫn không đánh

mất tư cách và phẩm chất của người quân tử.

Công tác "thanh lý" đã chiếm gần hết cả mùa hè, sau khi chúng tôi trở về trường lại, nhà trường đã gấp rút tổng kết điểm và hoàn tất thủ tục ra trường để kịp gửi toàn thể giáo sinh khối C về các quận, huyện nhận nhiệm sở trước ngày nhập học. Tôi đã thực sự bước vào nghề dạy trẻ từ năm học 1978-1979. Năm đó, sở giáo dục ra chỉ thị mở rộng ngành nhà trẻ mẫu giáo xuống từng phường xã. Mỗi phường phải có một trường mẫu giáo và một nhà trẻ riêng biệt, và để bảo đảm cung cấp đầy đủ số lượng giáo viên mẫu giáo cho từng phường xã, chúng tôi được thông báo là giáo sinh ở phường nào thì về phường đó dạy. Tôi nhận nhiệm sở về phường 4, quận 3 nơi tôi cư ngụ. Ngày tôi tìm đến trường để trình diện bà hiệu trưởng, một cảm giác lo âu lẫn thất vọng dậy lên trong lòng tôi khi bà hiệu trưởng đón tôi với cái nhìn từ đầu đến chân không mấy thiện cảm cho lắm. Có lẽ bà "kỳ thị" tôi vì cái vóc dáng nhỏ bé gầy gò, với bộ quần áo nghèo nàn. Sau này tôi mới biết thêm rằng bà không thích nhận giáo sinh khối C, vì bà nghi ngờ khả năng chuyên môn của hệ đào tào cấp tốc. Còn về trường lớp, đó không hẳn là một ngôi trường mà chỉ là một căn phòng dài được mượn từ cơ quan phường đội ở trên lầu. Căn phòng ấy được ngăn làm hai lớp, tôi là một trong hai giáo viên sẽ dạy lớp bên trong, và một người bạn khác học chung khối C với tôi sẽ phụ trách lớp bên ngoài.

Những ngày đầu đi làm của tôi cũng thật là chua chát, đắng cay. Tôi luôn chịu sự đối xử bất công của bà hiệu trưởng so với T. bạn dạy chung, mặc dù tôi rất chăm chỉ, đi làm đúng giờ, soạn giáo án đúng ngày. Nhưng hình như bà không bao giờ hài lòng với mọi sự cố gắng của tôi. Có nhiều hôm, vì cơn đói vật vã, khiến tôi mệt mỏi và không có sức để đi tới đi lui nhiều. Giờ vui chơi, tôi chỉ ngồi một chỗ bất động nhìn học trò chạy nhảy như chong chóng. Bà đã bực dọc la lối tôi như một đứa trẻ: "Em làm cô giáo gì mà thụ động quá vậy hả, chẳng biết dạy học trò cho ra nề nếp gì hết, đâu phải đi vô dạy là cứ ngồi đó hoài để lãnh

tiền đâu?" Bà không biết mà chắc cũng chẳng cần biết là gia đình tôi đã không có cơm ăn gần cả tuần rồi, chỉ toàn ăn cháo độn rau muống. Hai hôm trước cháo cũng không có mà ăn, phải ăn rau muống luộc không. Tôi đang thấp thỏm chờ tháng lương đầu và chút nhu yếu phẩm đem về cho mẹ đổi lấy gạo nấu cơm.... Một buổi sáng, tôi đến trường trong cái mệt và đói lả người, tôi cố lết vào lớp tìm một cái ghế ngồi phịch xuống. Hôm đó, T. không đến trường, cũng không thấy bóng dáng bà hiệu trưởng đâu, bà thường viện cớ cho sự vắng mặt của bà là phải đi xuống phường thường xuyên đốc thúc họ cấp nhà cho trường mẫu giáo, chứ trường ốc như hiện giờ ai mà thèm cho con đi học. Tôi nhìn những đứa bé học trò trong lớp toàn là con nhà nghèo, đứa nào mặt mũi cũng lem luốc, mũi dãi chảy lòng thòng. Có đứa mang chân không đi học, tôi chợt xót xa nghĩ đến hình ảnh của các em tôi có khác gì những đứa bé nhà nghèo này đâu. Tôi mong cơn đói sẽ qua đi để tôi đứng dậy phát tập cho học trò tô màu. Cái đói đã làm tê liệt cả não bộ của tôi, cả tứ chi tôi không buồn nhúc nhích. Nếu bà hiệu trưởng có mặt ở đây thì chắc chắn tôi sẽ bị trách móc về chuyện đi vô dạy mà cứ ngồi hoài.... Bất chợt, em trai kế của tôi từ nông trường lao động ghé qua trường thăm tôi. Thấy bóng em, tôi vịn thành ghế đứng lên, chầm chậm bước ra cửa, nhìn em tôi đen đủi và già đi rất nhanh so với tuổi mười tám của em, tôi cười trong nước mắt. Không đợi tôi hỏi, em tôi nói ngay một hơi:

"Em mượn xe đạp của thằng bạn chạy về đưa nhu yếu phẩm cho bà, không thấy Mai ở nhà, mấy đứa nó nói Mai đi dạy ở đây. Em ghé qua thăm Mai một chút rồi phải đi liền, Mai xanh quá à!"

Tôi cảm động không nói được, nước mắt cứ rơi. Tiếng em tôi hỏi:

"Sao Mai khóc vậy? Bộ dạy ở đây cực lắm hả?"

Tôi lắc đầu, ngập ngừng nói: "Chi... chị .. đói quá, nhà mình mấy hôm nay... khổ lắm. Mẹ chạy không nổi hai bữa cơm cho cả nhà, mà chị thì... chẳng phụ gì được cho mẹ...

VC đi chợ trời ở Sài Gòn sau 30/4 - ảnh Corbis

ngậm cho chị làm gì?"

đi làm cứ mong lương hoài mà chưa có." Tôi sụt sịt gạt nước mắt, em tôi ngắt lời:

"Em biết cái khổ của nhà mình, bởi vậy em không dám ở nhà lâu. Không biết chừng nào bố mới về cho tụi mình đỡ khổ...." Em tôi chợt ngừng nói và móc túi áo lấy ra một gói nhỏ đưa cho tôi:

"Em cho Mai nửa cục đường tán nè, Mai ăn đi đỡ đói lắm đó. Ở chỗ em mỗi lần đi lao động mệt đứa nào cũng phải thủ cục đường để ngậm cho khoẻ."

Mắt tôi sáng lên: "Vậy hả? Sao Thái không để dành mà

"Mai đang đói ngậm liền đi cho khoẻ, em đã ăn nửa cục rồi mới có sức đạp năm cây số về đơn vị bây giờ chứ."

Tôi cầm nửa cục đường thẻ nhìn em nghẹn ngào... Em tôi nói:

"Thôi, em phải đi đây, Mai ngậm liền đi cho khoẻ để có sức la hét tụi nhỏ."

Nói rồi em đạp xe đi nhanh. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo em, vừa run rẩy bỏ cục đường vào miệng. Vị ngọt của đường, và vị mặn của nước mắt pha lẫn vào nhau trong cổ họng tôi như tắc nghẽn lại.... Đúng như lời em trai tôi nói, chỉ vài phút sau tôi bỗng thấy mình khoẻ hơn một chút. Tứ chi tôi đã muốn hoạt động trở lại để tôi có thể chơi đùa với những đứa bé ngây thơ trong lớp. Sau giờ học, bà hiệu trưởng tạt qua trường đem cho tôi một tin thật khủng khiếp: phòng giáo dục không có tiền trả lương cho giáo viên trong 3 tháng, chúng ta sẽ được "truy lãnh" 3 tháng lương vào tháng 12. Tai tôi như ù đi, tôi tưởng như con ma đói đang cào bụng tôi đến chảy máu. Trời ơi, ba tháng không lương! Tôi sẽ

phải làm sao để giúp gia đình tôi trong cơn túng quẫn này?? Ba tháng không lương, tan nát hết bao nhiêu hy vọng của tôi rồi. Tôi không biết tôi còn được bao nhiêu sức lực để vượt qua những cơn đói dài trong những ngày tháng tới? Ba tháng không lương, có ai tin được đó là sự thật dưới chế độ cộng sản? Đảng và nhà nước đã làm được gì cho nhân dân sau khi hòa bình, ngoài sự phát triển cái nghèo, đói và bệnh hoạn, ngoài việc hô hào dân chúng là đất nước hãy còn khó khăn, mọi người dân chúng ta phải biết khắc phục, còn phải khắc phục đến bao giờ? Thật là một nền hoà bình trong ai oán và uất hận. Trên đường về nhà tôi cứ lẩm bẩm mãi câu: "ba tháng không lương" như một người khùng, rồi tôi bật khóc tức tưởi....

Bây giờ ngồi đây tôi vẫn còn khóc, khóc mãi trong suốt cuộc hành trình ngược dòng thời gian về một quãng đời đen tối của sự nghèo đói sau chiến tranh. Còn biết bao nhiêu điều tang thương đã xảy ra trong gia đình tôi. Những năm tháng vắng mặt cha, có những khúc quanh trong cuộc đời gợi cho tôi nhiều xúc cảm quá đớn đau, quá xót xa, đến độ tôi không tài nào nhấc bút lên viết hết được, và phải dừng lại nỗi nhớ của mình....

Ngày Cha Trở Về

Tháng 9 năm 1981, cha tôi bất ngờ trở về. Tôi không sao diễn tả hết được sự vui mừng của chị em tôi lúc ấy. Chúng tôi quấn quít bên cha suốt một ngày, các em tôi cứ thay phiên nhau hỏi cha đủ mọi chuyện. Ngày cha về cũng là ngày căn bệnh ung thư của mẹ tôi đã sang thời kỳ cuối. Mẹ tôi thường mệt mỏi và có lúc mẹ gần như bị kiệt sức. Thời gian đó tôi đã đi dạy kèm trẻ thêm được nhiều chỗ, nhưng tiền lương và tiền dạy thêm của tôi chỉ vừa phụ chút ít tiền ăn trong gia đình, không đủ để chi phí tiền thuốc cho mẹ. Cha tôi đã bắt đầu đi tìm việc ngay, cha liên lạc với vài người bạn quen ở "Hội Trí Thức Yêu Nước" để xin một chỗ dạy tiếng Anh cho "Trung Tâm Dịch Thuật". Trong khi chờ đợi việc làm này, cha tôi đã lặn lội lên tận Thủ Đức,

vào một trường trung học để nộp đơn xin dạy toán, khi cha về nhà, tôi nghe cha kể với mẹ rằng:

"Tay hiệu trưởng có vẻ cũng là lính. Lúc hắn đọc xong lý lịch của tôi hắn hỏi: Trước kia anh là trung tá à? Tôi nói vâng. Hắn nói ngay nếu trước kia gặp tôi thì anh đã bắn tôi đấy hử. Tôi nói, dĩ nhiên nếu tôi không bắn anh thì anh cũng bắn tôi. Chắc chắn là việc làm này tiêu rồi. Mai tôi lại đi tìm việc chỗ khác vậy!" Cha tôi cứ đi xin nhiều chỗ, và rồi cứ chờ, cho đến một ngày, không thể chờ lâu hơn nữa cha tôi tự đăng báo dạy kèm toán tại nhà. Sau ngày báo phát hành, cha tôi nhận được hai chỗ dạy kèm tư gia. Ngày nào cha cũng đi bộ rất xa để đến chỗ dạy, cứ như thế ròng rã gần một năm trời cha mới mua được chiếc xe đạp. Xuân năm 1982, gia đình tôi ăn một cái tết nghèo nhưng rất ấm cúng với không khí đoàn tụ. Ra tết được vài ngày, bà ngoại tôi bị ốm, sức bà già yếu lại thiếu ăn, thiếu thuốc men chạy chữa nên chẳng bao lâu bà tôi qua đời. Do quá nhiều lo toan cho việc mai táng bà ngoại và sự thương nhớ bà nên bệnh tình của mẹ tôi nặng thêm lên, tế bào ung thư từ ngực trái của mẹ đã lan sang phổi làm cho mẹ tôi rất khó thở mỗi khi mẹ nằm xuống. Rồi trên toàn thân bên trái các tế bào máu cũng từ từ vỡ ra, nổi lên những đốm đỏ li ti dày đặc. Mẹ tôi đã ra đi sau một tiếng nấc nghẹn ngào trong giấc ngủ. Mẹ đi thật lặng lẽ, bình yên chẳng có lời từ biệt hay trối trăn gì với cha và chị em tôi. Đêm tang lễ, cha cứ đi chung quanh quan tài của mẹ, hai nắm tay đấm đấm vào nhau, cha buồn bã, thở dài và gục đầu lên quan tài rất lâu, có lẽ cha tôi khóc. Chỉ trong một năm thôi cha đã phải lo hai cái tang, còn nỗi đau nào hơn nỗi đau này không?

Sau ngày mẹ tôi mất, cha tôi thay đổi tính tình một cách kỳ lạ. Cha trở nên gắt gỏng hay la mắng chúng tôi, và đứa con cha thường la mắng nhiều nhất đó là tôi. Nhiều lúc tôi đã bị mắng oan vô cớ cũng không hiểu tại sao. Tôi chỉ đoán rằng chắc cha tôi có nỗi khổ tâm của một người vừa làm cha, vừa làm mẹ trong một gia đình đông con. Và cũng có thể tôi là đứa con vụng về đã chẳng giúp được cha tôi

những việc như ý cha muốn. Chúng tôi đã thật sự trưởng thành từ ngày thiếu vắng mẹ, mọi chuyện trong nhà cha đều để chị em tôi lo liệu. Cuộc sống gia đình tôi bấy giờ đã tạm ổn vì những đứa em kế tôi lớn dần, chúng tôi đã đi làm phụ thêm với cha lo cho các em nhỏ. Riêng cha tôi thì dạy tư rất nhiều giờ, cha dạy lớp sáng, lớp chiều, lớp tối kể cả ngày chủ nhật. Bận rộn là thế, nhưng tối nào cha tôi cũng dành thời giờ để đọc sách tới khuya. Có khi tôi thấy cha cũng hay ngồi viết (sau này tôi mới biết là cha tôi viết hồi ký). Rồi một ngày cha tôi bị bệnh.... Sau một đêm ngủ dậy, cha không cử động được chân tay và không ngồi dậy nổi, chị em tôi rất kinh ngạc và lo lắng, một cảm giác sợ hãi bao quanh lấy chúng tôi, không thể ngờ được... Cha tôi đã bị liệt!!! Chị em tôi đã hết sức chạy chữa cho cha bằng mọi cách: châm cứu, uống thuốc, tập vật lý trị liệu, chạy điện. Sau một thời gian dài chữa trị cùng sự tập luyện, cha tôi đã ngồi dậy được và chập chững những bước đi rất yếu. Dù còn rất muốn làm việc, cha tôi vẫn không thể làm được gì nữa, phải từ giã công việc dạy học, cha rất tiếc nuối. Mỗi ngày cha chỉ nằm đọc sách và xem T.V., hoặc cha chống gậy đi loanh quanh trong xóm. Có những tối khu phố tôi ở bị cúp điện, chúng tôi lại ngồi quanh bên cha để nghe cha kể chuyện. Cha không còn kể chuyện võ hiệp như ngày chị em tôi còn bé, mà cha kể về những bi kịch và mâu thuẫn trong cuộc đời. Cha tôi kể rất nhiều tôi không làm sao nhớ hết nổi.

Tháng 9/1995 gia đình tôi giã từ Việt Nam để đi Mỹ theo diện H.O. Vì là diện "trọc đầu" (không có người thân bảo lãnh) nên một hội từ thiện của nhà thờ đã bảo trợ gia đình tôi đến tiểu bang Utah. Khi bắt đầu hội nhập vào xã hội mới, chúng tôi rất ngỡ ngàng với mọi thứ tiện nghi xa lạ. Đời sống bận rộn với việc học và việc làm đã khiến chúng tôi không có thì giờ để gần gũi cha. Điều này đã làm cho cha tôi cảm thấy cô đơn, nên cha đã bớt nóng nảy và trở nên trầm lặng hơn. Bấy giờ cha tôi vẫn quanh quẩn trong nhà, vẫn làm bạn với sách, vẫn xem TV mỗi ngày. Cha

tôi thường nói: "Bố có đến 10 đứa con, vậy mà lúc nào bố cũng ăn cơm một mình". Nghe cha nói thế, chúng tôi đã cố gắng dành chút thời giờ vào ngày cuối tuần để ăn cơm chung và nói chuyện phiếm với cha. Một lần trong bữa cơm gia đình cha tôi nói:

"Dạo này sao bố cứ nằm mơ thấy Việt Cộng đến bắt đi hoài, đã sang đến Mỹ rồi mà cũng chưa thoát được chúng nó trong tư tưởng!"

Em trai tôi nói: "Chắc bố suy nghĩ chuyện cũ nhiều quá nên nó ám ảnh vô giấc mơ của bố thôi." Cha tôi không trả lời, mắt cha buồn buồn nhìn về phía khung cửa sổ, tôi biết có lẽ cha tôi đã không thể quên được chuyện tù đày một cách dễ dàng, nhất là khi ngồi một mình suy tư... Mỗi tối đi làm về, tôi thường ghé qua phòng cha để xem cha còn thức hay đã ngủ. Thấy cha đọc sách hay nằm coi TV là tôi yên tâm được một chút. Tôi thường chép miệng thầm: "Phải chi mẹ còn sống đến giờ này với bố!"

Những ngày cuối cùng của cha tôi đã trải qua trong bệnh viện, cha hôn mê suốt hai tháng trời, chúng tôi cứ tưởng rằng cha sẽ bỏ chị em tôi ra đi ngày nào đó. Nhưng rồi, sự màu nhiệm vô hình đã đến, một ngày cha tôi đã mở được mắt ra, nhìn chằm chặp lên trần nhà, cái nhìn thật vô định, tuy mắt cha đã mở, tay cha vẫn chưa cử động được, và cổ của cha vẫn cứng đờ. Theo lời bác sĩ cha tôi bị hôn mê đã quá lâu nên trí nhớ sẽ giảm sút rất nhiều. Để phục hồi trí nhớ cho cha, người bác sĩ khuyên chúng tôi nên để cha tôi nghe những bài hát hoặc những câu chuyện cha tôi thường yêu thích trước kia; mỗi ngày một chút, cha tôi sẽ từ từ nhớ lại. Chúng tôi đã luân phiên nhau cứ một ngày thì em trai tôi đem băng nhạc Thái Thanh (cha tôi rất thích giọng hát Thái Thanh) và cái headphone gắn vào tai cho cha nghe, ngày hôm sau thì em gái tôi lại mang cuốn hồi ký của cha tôi vào đọc. Một đêm nọ, tới phiên tôi vào với cha thay cho đứa em gái thứ năm đi về. Nó dặn dò tôi là phải nhớ đọc hết phần còn lại trong hồi ký cho cha tôi nghe. Cha tôi vẫn nhìn bất động lên trần nhà, tôi cúi xuống bên tai cha thầm nói:

VC tiến vào Sài Gòn - biếm họa Ba Bùi

"Bố ơi, con là Mai nè, để con đọc chuyện cho bố nghe nhe." Tôi hy vọng cha tôi sẽ nghe được tiếng của tôi. Đọc hồi ký của cha, tôi thấy cuộc đời cha tôi thật quá lận đận trên đường công danh, sự nghiệp. Tính cha khẳng khái, không chịu phục tùng cấp trên những lệnh mà cha cho là không đúng, không rõ ràng, vì thế công việc của cha cứ bị thuyên chuyển luôn. Khi tôi đọc đến đoạn cha viết về những năm tháng cha làm việc ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử và sự chuyển đổi của cha lên Đà Lạt, tôi chợt nhìn thấy những giọt nước mắt từ từ lăn trên đôi má cha. Tôi ngừng đọc mừng rỡ gọi:

"Bố ơi, bố nghe con đọc rồi hả bố, chuyện cũ làm bố buồn phải không bố?" Tôi lấy giấy chậm nước mắt cho cha, rồi vội vàng gọi phone về nhà báo ngay cho các em tôi biết là cha tôi đã nghe được rồi, cha đã có cảm xúc. Tôi quay lại bên giường nắm lấy bàn tay khô cứng của cha xoa nhè nhẹ, tôi lẩm bẩm: "Sao bố cứ im lặng hoài vậy? Bố nói gì với con đi!" Tôi sờ lên mặt cha, khuôn mặt đã hằn lên bao nỗi gian truân vì cuộc sống, vì con cái. Nếp nhăn năm tháng và đôi mắt mệt mỏi, chắc cha đang nghĩ về quá khứ của một đời tận tụy với nghề giáo, một cống hiến thanh khiết cho binh nghiệp.

Ngày nối tiếp ngày, cha tôi đã tỉnh táo lại, nhưng bộ nhớ của cha đã không còn được như xưa. Cha tôi cứ hỏi mẹ tôi đâu? Tôi nói mẹ mất lâu rồi bố không nhớ sao? Cha băn khoăn hỏi lại: "Ủa mẹ mày mất hồi nào mà tao không biết vậy kìa?" Có khi cha lại giục tôi đi dọn cơm ăn cha đói lắm

rồi. Một ngày khác cha lại kể như mơ: "Bố vừa tham dự một trận đánh ác liệt ở Biên Hoà, những thằng lính Việt Cộng toàn là trẻ con không, đứa nào đứa nấy người nhỏ xíu à. Thật tụi nó tàn ác quá bắt cả con nít đi vào chỗ chết." Một buổi sáng, tôi vào thăm, cha nhìn tôi và bảo tôi phải gọi sang Cali gấp nhắn chú tôi đi đăng cáo phó cho cha. Tôi ứa nước mắt lắc đầu nói lãng qua chuyện khác rằng: "Bố sắp khoẻ nhiều rồi, tụi con sẽ xin bác sĩ đưa bố về nhà." Cha tôi gật đầu: "Ừ, nằm đây hoài chắc bố chết quá. À, mày cũng phải gọi chú mày đi đăng cáo phó nhé!" Chắc cha tôi đã biết trước là cha sẽ không còn được bao nhiêu ngày nữa bên các con.

Rồi ngày đau thương đó đã đến, cha tôi ra đi vào một buổi sáng tháng 12 trong sự bất ngờ. Cũng như mẹ, cha chẳng kịp có lời nào gửi lại cho chị em tôi. Cha lặng lẽ mang theo cả một khung trời mơ ước về sự thành đạt của các con. Khung trời ấy vẫn mãi mãi trong đôi mắt cha, trong tia nhìn tràn trề sự tin yêu hy vọng. Cha cũng mang theo hình ảnh của một quê hương Việt Nam với bao nhiêu biến đổi thăng trầm theo lịch sử: nào chiến tranh, nghèo đói, nào cường quyền, áp bức, nào tù đày, khổ ải. Tôi đã lội ngược giòng thời gian một mình để nhớ về cha, về mẹ, về những năm tháng khốn khổ mà cả hai bậc sinh thành ra tôi đã phải gánh chịu sau cái ngày hòa bình đen tối tháng 4 năm 1975, chỉ vì mong ước một đời sống tốt đẹp hơn cho thế hệ con cháu mai sau. Mong ước đó không chỉ riêng của cha mẹ tôi mà là còn của hàng triệu bậc cha mẹ trên khắp mọi nơi, mọi miền đất nước. Trong đó, có những người cha, những người mẹ, cách đây mấy mươi năm đã can đảm ôm con rời khỏi quê nhà, quyết sống chết với biển cả để đưa con đến vùng trời tự do, tìm một tương lai tươi sáng. Trong đó, có những bà mẹ đã không quản ngại gian khổ, lặn lội đường xa thăm nuôi chồng từng tháng, dù vất vả biết bao nhiêu vẫn cố dạy con cho nên người... cũng có biết bao nỗi đớn đau của những bà mẹ, ông cha đã bị mất con trong chiến tranh.... Tôi đã lội ngược dòng thời gian để còn nhớ

lại ngày đầu tiên tôi bước vào thế giới tuổi thơ trong ngôi trường nhỏ bé, có tiếng cười đùa của trẻ vang vọng trên sân chơi. Dù biết mình đang đi ngược dòng đời, đầu óc tôi sao hãy còn mê man một ngày về trên quê hương sẽ được thay đổi rất nhiều, và giáo dục mầm non sẽ là một trong những phát triển đầu tư tự do... tự do sáng tạo.

Tôi nhìn lên tấm ảnh của cha, chắc cha đã gặp được mẹ tôi ở một cõi trời yên vui nào đó, và tôi tin rằng ngoài những ước mơ tốt đẹp cho các con, cha mẹ tôi cũng đã có nhiều mơ ước như tôi cho một ngày mới trên quê hương Việt Nam tự do và giàu mạnh.

Quế Hương

Giới thiệu chủ đề ĐH91

Đoàn kết là vũ khí tiên quyết trong bất kỳ cuộc chiến tranh nào, bởi vì:

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Hơn lúc nào hết, người Việt quốc gia, trong cũng như ngoài nước, cần biết áp dụng những bài học đoàn kết để huy động mọi tiềm năng và sức mạnh của dân tộc hầu sớm tận diệt Cộng Sản Việt Nam.

Những bài viết mang nội dung khuyến khích sự đoàn kết rất thích hợp với Đa Hiệu 91 qua chủ đề:

Đoàn Kết Để Chiến Thắng

Ban Biên Tập Đa Hiệu rất mong nhận được bài vở đóng góp của quý giáo sư, quý NT, quý chị cùng toàn thể bạn đọc xa gần và xin trân trọng giới thiệu.

BBT/ĐH

■ *Dự thi GST/ĐH90*

Bất Hạnh Không Ngờ

Tưởng nhớ Anh hồn liệt sĩ,
vị quốc vong thân 30/4/75 – nđg

30 tháng tư – 30 tháng tư đen
Ngày thiên địa báo điềm lành dữ
Ngày dân Việt bị dồn bức tử
Mảnh dư đồ loang loáng một màu tang

30 tháng tư – 30 tháng tư đau
Ngày Quốc nạn, cũng là Quốc hận
Ngày toàn dân lầm than, lận đận
Mỗi con người, nhận lãnh một oan khiên

35 năm rồi – 30 tháng tư
Ta thắp nén hương, nhớ người tiết tháo
Vị quốc vong thân, xem đời hư ảo
Hồn có bay về, như vạc kêu khuya!

Không bao giờ, quên 30 tháng tư
Người người Quốc Gia, lên đường tù tội
Cả miền Nam, toàn tên tội lỗi?
Học tập cho chừa, cho biết khôn ngu!

30 tháng tư, đoạn từ khúc ruột
Triệu triệu người, vượt thoát lưu ly
Hai hàng lệ chảy, ôi! thảm nhục
Bỏ nước ra đi, kiếm gãy gươm lìa

thiếu nữ áo đỏ - tranh Vũ Thái Hòa

30 tháng tư, vẫn ngày Quốc tang
Đời phân chia, rã nghé tan đàn
Non nước tiền nhân, nhuộm màu đỏ loét
Muốn giận đất trời, vầy cuộc đa đoan

35 năm buồn, vời trông cố thổ
Một cõi giang sơn, một cõi đời nhau
Muối sát lòng chung, ai cũng mặn
Bên nầy trái đất, mỏi mòn đau

30 tháng tư, bao giờ vĩnh biệt?
Sao mãi trong tim, những kẻ lưu đày
Đã quá đau lòng, nhưng thân tầm gửi
Bất hạnh không ngờ, trong mỗi chúng ta!

Nguyễn Đông Giang K19

■ *Dự Thi GST/ĐH90*

Lời Của Biển

■ *Lê Anh K27*

Bây giờ sóng lớn tràn ngập bờ
Những lời gió gọi biển vu vơ
Chiều xanh xao lạnh mờ sương phủ
Không thể ngăn triều con nước vô

Bây giờ mùa đến thời biển động
Trông lên bãi vắng đủ hoang đường
Lòng ai chùng xuống ngày đã hết
Nỗi nhớ nào như ở đông phương

Tôi về buồn thẳng lời đã cạn
Còn chăng hiu hắt cả tuổi đời
Đất trời chung lấy thần tiên đợi
Chỉ một lòng người ở mỗi nơi

Tôi về ôm lấy tình thơ dại
Dù chỗ thế gian kẻ dở hơi
Nước mắt không làm nên góc bể
Người xưa thành bại chiến chinh hồi

Và nước vô bờ rẽ đườmg ngôi
Chiều nghe sóng dậy bến sông rồi
Lòng tôi tự biến thành lũng thấp
Chất chứa phù sa lệ rớt rơi

Đã nhớ từ lâu về quê cũ
Cố quận rưng sầu tự bao năm
Khi đàn khảy lạc sai cung nhịp
Cô gái đầu thôn sống âm thầm

Quán nhỏ yêu thương người còn tụ (?!)
Cái tụ nghĩa đường xa vắng xa
Có ai xưa đến đời khinh bạc
Mài kiếm, lau gươm dưới trăng tà

Bây giờ biển động con sóng lớn
Vang lời sông núi cao ngất cao
Anh hùng, hào kiệt tàng đây đó
Mặc áo thường dân ẩn chiến bào

Tôi về gom góp ngày thơ trước
Chờ biết bao giờ mơ ước mơ
Bàn tay vẫy gọi cùng người với
Như lời của biển sóng vỗ bờ.

Lê Anh (4/2010)

■ *Hồi ký 30/04*

Người Lính Vẫn Sống Sau Trận Lửa

■ *Phan Nhật Nam K18*

Kết thúc với tháng Tư

Sự chết hiện thực sắc nét, có hình khối, với âm động, mùi vị riêng biệt của Saigon. Với Saigon. Cảnh chết bắt đầu trùm chiếc cánh tối tăm hung hiểm lúc 6 giờ 15 chiều ngày 28 tháng 4, khi chuỗi bom dưới cánh những chiếc A37... do viên phi công phản trắc Nguyễn Thành Trung hướng dẫn rơi nhanh xuống phi đạo Tân Sơn Nhất. Đạn phòng không bắn lên, phi cơ F5 đuổi theo muộn màng, vô vọng. Cửa ngỏ tháo chạy của Sài Gòn đóng sập lại. Cuối cùng, Tân Sơn Nhất thật sự vùng vẫy, hấp hối, chìm dần trong lửa hỏa ngục khi dàn đại pháo, hỏa tiễn Việt gian CS từ Đồng Dù, Củ Chi, ranh giới Hậu Nghĩa, Gia Định bắt đầu đổ xuống không ngắt nhịp. Từng trái đạn 130 ly, từng hỏa tiễn 122 ly chính xác bay đến các mục tiêu đã được phái đoàn CS trong Ban Liên Hợp Quân Sự điều nghiên kỹ từ 28 tháng 1, 1973. Tân Sơn Nhất vật vã, co quắp, rã chết, sụp vỡ, hấp hối trong khói đen, lửa ngọn. Cuộc hành hình kéo dài từ 4 giờ sáng ngày 29 tiếp

tục đến rạng đông. Ở căn cứ DAO (Văn phòng Tùy Viên Quân Lực Mỹ), ba ngàn người tỵ nạn chờ đợi di tản bằng C130, hoặc C141 qua Guam đưa mắt nhìn lên trời, giữa vũng lửa, đếm rõ từng viên đạn pháo rơi xuống..

Đống hành lý khổng lồ gồm quý kim, vàng, kim cương, giấy bạc "Năm Trăm Trần Hưng Đạo" của Ngân Hàng Quốc Gia VN, giấy bạc đô la của ngân khố Mỹ, tất cả cùng trộn lẫn với thịt da, thân thể người thành một thứ pháo bông tan tác bay tung tóe dưới ánh lửa bập bùng loang lổ của kho xăng, đài kiểm báo, trại gia binh, nơi để máy bay, hiện thực đầy đủ cảnh địa ngục vô vàn nơi trần thế - giữa Tân Sơn Nhất - cửa ngỏ thoát hiểm của Sài Gòn hoàn tất đóng chặt.

Những viên tướng đã ra đi, những sĩ quan cấp tá cũng rời bỏ nhiệm sở, đơn vị, nhưng, Trung Úy Phi Công Nguyễn Văn Thành còn lại. Thành (có biệt hiệu "Thành Mọi" bởi nước da ngâm đen quá độ) ra chỗ đậu tàu, anh nổ máy chiếc C119 Hỏa Long, đơn độc bay lên trời xanh bảo vệ, cứu viện Tân Sơn Nhất. Từ trên cao, thấy rõ những vị trí pháo của binh đội CS. Thành nghiêng cánh, chúc mũi chiếc Hỏa Long căm phẫn trút xuống tràng đạn 7.62 ly, và tất cả hỏa lực cơ hữu của hai khẩu đại bác 20 ly gắn dưới cánh. Hóa ra cả một quốc gia chỉ còn được lần cứu viện bi hùng tuyệt vọng nầy. Phải, chỉ một mình anh - Trung Úy Nguyễn Văn Thành, "Thành Mọi - Thành Thiếu Sinh Quân". Thành hạ thấp hơn để đường đạn thêm phần chính xác. Thân tàu rung mạnh....

Lửa! Lửa! Lửa cháy ngang cánh trái con tàu, ngay bình xăng, sát cạnh ghế ngồi. Thành giật mạnh chốt thoát hiểm để bung thân ra khỏi con tàu. Tất cả kẹt cứng. Anh dùng tay đẩy cửa buồng lái phóng mình ra, chiếc dù bung mạnh.... Các múi, giây dù vướng vít rối rắm. Thành bị giữ chặt bởi chiếc dù và khung cửa. Lửa bừng bừng! Lửa ào ạt.... Người phi công chìm trong lửa, gục chết giữa không gian.

Tiếng đập đục rầm rập từ những cơ sở ngoại quốc, những khối cửa sắt lay động, phá bung, những tấm kiếng tủ lớn bị đập vỡ, đồ đạt kéo lê hỗn độn, vội vàng trên mặt đường.

Người mỗi lúc mỗi đông. Người dồn dập ùn ùn, la ó, chưởi thề, giành giựt. Đám đông chạy về phía Building Brink, khu Đồn Đất, nhà thương Grall, nơi có cơ sở Mỹ kiều, những văn phòng mà chủ nhân đã bỏ đi. Bất chợt, tất cả lắng lại để nghe rất rõ.... Có người tự tử. Có người mới bắn chết. Ai? Lính, không biết, chỉ thấy mặc đồ lính mình. Ở đâu? Ở ngoài, chỗ tượng Thủy Quân Lục Chiến....

Lời trao đổi đứt khúc, vội vã, mất hút giữa những tiếng thở dồn dập, bước chân cuống cuồng nôn nóng của đám đông đang hăm hở tiến tới những kho hàng, cơ sở đầy ắp vật dụng quí giá, thức ăn đắt tiền. Anh cũng nhập vào đám đông xô đẩy đó trong giờ phút vỡ toang mối nối thời - không với những động tác, việc làm bất định, bất ngờ, vô nghĩa, vô ích. Anh kiểm soát lại số phim đang còn trong máy, trong túi, đi băng qua lối ngang trong thương xá, ra ngõ quán Thanh Vị, quẹo phải, men theo hàng hiên tiệm kem Đô Chính. Súng nổ. Súng Aka và những bóng người chạy lúp xúp vào cổng Tòa Đô Chính. Anh tiếp tục làm "nhiệm vụ", đưa máy hình lên.... Động tác quen thuộc, thuần thục từ bao năm, anh và các bạn, những phóng viên chiến trường của báo chí miền Nam hằng thực hiện nơi những chốn sự chết, lửa đạn vây bủa. Đồng một lúc anh chợt nhói đau - Đây là lần cuối cùng. Đây là giờ cuối cùng. Hình như một nhân vật trong Doctor Zhivago cũng đã kêu lên như thế. Anh chỉ nhớ loáng thoáng bởi đang có cảm giác người cạn ly rượu hành quyết trước khi bị bịt mắt, dẫn đi bắn. Anh chạy theo đám lính CS với hai thanh niên cầm cờ đỏ. Thật ra chỉ là một mẫu vải màu đỏ. Loại hàng may áo dài.

Trung Tá CSQG Nguyễn Văn Long tự sát ngày 30/4/75 (by Corbis)

Thoáng rất ngắn, anh ngừng

lại, liếc về phía khối tượng đài Thủy Quân Lục Chiến, nơi có Người Lính vừa chết. Anh cúi gập người, nôn khan. Buổi sáng 30 tháng Tư, 1975. Chen giữa âm sắc xích xe tăng đổ nhào cửa Dinh Độc Lập có tiếng nổ khô nhỏ của viên đạn ghim vào, nằm sâu trong đầu Trung Tá Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Văn Long.

Anh lên yên, nhấn mạnh bàn đạp, động tác bàn chân quay vòng không chủ đích. Xe đi dọc đường Lê Văn Duyệt, qua Chợ Đũi, nơi các bạn anh hôm qua (nay đã trở thành xưa cũ) hằng vui vầy, sống động. Định rẽ vào Yên Đỗ về Phú Nhuận, nhưng không hiểu từ đâu thúc giục, anh đạp dài theo Lê Văn Duyệt giữa dòng âm động dồn dập như Sài Gòn đang hồi tẩm liệm với nhịp chày vồ dộng mạnh xuống trăm, ngàn quan tài của những người vừa chết.

Giã từ Trần Công Hạnh, Tiểu Đoàn 2 trước trại Nguyễn Trung Hiếu với cảm giác đây là lần cuối với bạn, kèm mặc cảm có lỗi khi hỏi Hạnh có ý định buông súng bỏ đi hay không. Hạnh trả lời mệt nhọc nhưng kiên chắc: Anh hỏi tôi còn có thể đi đâu khi nguyên cả tiểu đoàn theo lệnh tôi đang tiếp tục chiến đấu! Anh vào cư xá Chí Hòa, chứng kiến lúc Chuẩn Tướng Hậu vất tung tấm bản đồ phòng thủ căn cứ với lời gầm phẫn uất: "Đồ chó đẻ!!" khi nghe lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh.

Viên thiếu úy quen mặt nói với anh lời quyết liệt:

“Em không đầu hàng, em với trung đội sẽ ra bến tàu, tiếp tục chiến đấu.”

Thái, Thiếu Úy Huỳnh Văn Thái tập họp trung đội, hô nghiêm, xếp hàng, ra lệnh di chuyển. Trung đội lính ra khỏi cư xá theo lối cổng đường Tô Hiến Thành, rẽ vào Nguyễn Tri Phương, đi về phía Chợ Cá Trần Quốc Toản, hướng bến tàu. Nhưng những Người Lính Nhảy Dù của Thiếu Úy Huỳnh Văn Thái không ra đến bến Bạch Đằng, tới đến bùng binh Ngã Sáu Chợ Lớn, họ xếp thành vòng tròn, đưa súng lên trời đồng hô lớn: ***Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm!*** Con chết đây cha ơi! Và những trái lựu đạn tiếp nhau bừng bực nổ sau lời hô vĩnh quyết cùng đất nước miền Nam.

Sau nầy, anh biết thêm, trên đường anh đi qua trưa 30 tháng Tư, 1975 - đường Bắc Hải, ngõ nhỏ băng ra chợ Ông Tạ, trong một căn nhà đã diễn nên hoạt cảnh uy nghi bi tráng của cả một gia đình quyết tử cùng vận nước. Thiếu Tá Đặng Sĩ Vĩnh (em của Bà Hà Thượng Nhân, Trung Tá Phạm Xuân Ninh, niên trưởng của giới báo chí quân đội Miền Nam) Khóa 1 Nam Định là sĩ quan của ngành tình báo đặc biệt, biệt phái ngoại ngạch qua ngành viễn thông, phụ trách đường dây quốc ngoại. Người con trai lớn của gia đình, Trung Úy Đặng Trần Vinh, sĩ quan Phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu. Hai người cùng trao đổi đối thoại sau khi có lệnh đầu hàng:

"Tùy con, riêng bố đã quyết như đã nói với con từ trước."

Trung Úy Vinh trả lời:

"Nếu bố đã quyết như thế, thì con và các cháu cũng đồng lòng."

Toàn gia đình uống chậm những liều thuốc độc cực mạnh đã chuẩn bị từ trước. Trung Úy Đặng Trần Vinh kết thúc bi kịch với viên đạn bắn tung phần sọ não sau khi đứng chào tấm Đại Kỳ Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ với lời hô khiến sông núi cũng quặn thắt thương đau. ***Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm!***

Tiếp theo tháng Sáu

Khi những giọt mưa đầu mùa Hè rơi xuống, từ trong thăm thẳm, xa xôi, tận cùng trí nhớ - qua âm mưa ray rứt của tháng Sáu - cũng dần thành hình lại Nỗi Đau luôn hiện mới. Nầy đây, lần tháng Sáu 1965, ngày vỡ trận Đồng Xoài, bắt đầu từ những ngày sau 10, 11, nơi Nghĩa Trang Quân Đội Gò Vấp, với hằng trăm, lên đến số ngàn xác chết của Tiểu Đoàn 2/7 Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Tiểu Đoàn 52 Biệt Động, và đơn vị thân thiết đầu đời, Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù, mà người chết không thể kiểm kê chính xác, chỉ biết lấy tổng số cơ hữu của đơn vị xong trừ cho đám người hiện có mặt.

Người sống sót ngồi nhìn nhau ngơ ngác, vô hồn ở sân cờ tiểu đoàn, đang là bãi hỗn mang chen chúc, gào kêu với những người vợ lính quấn dối vành khăn trắng xổ tung tưởi

do những con nhỏ bấu víu khóc ngất....

Ba, ba... ba đâu má ơi!! Anh lúc ấy chỉ là cậu thiếu úy vừa qua hai mươi tuổi, nhìn trân vào mỗi người vợ, con của binh sĩ tử trận (chung trung đội, đại đội anh) với cảm giác có tội - tội sống sót khi người khác phải chết - Những người (chết) vô cùng cần thiết cho những đơn vị gia đình gồm người đàn bà tơi tả, hốt hoảng và những đứa trẻ quá nhỏ chưa có đủ ý niệm về cái chết của người cha.

Rồi, 22 tháng 6, 1975 để chính bản thân anh có cảm giác như chết đi từng phần trong cơ thể, khi quấy xong bình sữa cho con, mang vội chiếc túi nhỏ với cảm giác tuyệt vọng: Lần đi nầy cùng đành như cơn tử biệt, bởi thấy rõ chiếc bẫy sự chết đang dần chụp xuống, chắc chắn siết cứng lại. Hh nói tiếng nhỏ thảm thiết: "Khổ quá, chắc em sống không nổi...." khi đưa anh đến nơi trình diện đi tù, Trường Lê Văn Duyệt, Gia Định. Cả hai không thể ngờ ra kết thúc oan nghiệt với mười bốn năm sau.

Tiếp năm 1976, đúng Ngày Quân Lực, 19 tháng 6, bước xống tàu Sông Hương ở Tân Cảng, góc cầu xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, nhìn ra xa, thành phố xao xác ánh điện vàng đục, dòng nước sông cuồn cuộn lẫn màn đêm.

Giữa cảnh sống thú vật, tệ hơn con thú với thế ngồi im không cử động, tiểu, đại tiện trên cùng một chỗ trong suốt hành trình hai ngày đêm đi ra "Miền Bắc xã hội chủ nghĩa", so với cái chết nơi dòng nước trong xanh của biển trời phương Nam, chắc chắn ngàn con người dưới những căn hầm tàu địa ngục nầy sẽ quyết định dễ dàng nếu như họ có quyền chọn lựa. Năm 1989, anh trở về với cảm giác đau xót nguyên vẹn của lần bị lăng nhục lâu dài mười-bốn năm trước.

Bước chân vào căn phòng nhà cũ với tủ sách trống vốc, lăn lóc nhàu nát cuốn tập con anh tập viết những dòng chữ đầu đời. Con mình bây giờ ở đâu?

Nhưng anh và những người bạn lính không thể để cuốn trôi, đánh sập bởi thống nhục thất trận, lưu đày biệt xứ trên quê hương - Người Lính không hề thất vọng cho dẫu đã

toàn phần thất bại. Để tồn tại, tự cứu, anh phải tích chứa, lưu giữ trí nhớ, dậy nên từ tận sâu mỗi tế bào thần kinh nỗi xúc động vô vàn mãnh liệt của những tháng ngày lịch sử chuyển mình, núi rừng, đất trời miền Nam đồng vang dội chiến công: Ngày Quân Nam quyết liệt xốc tới nơi những chiến trường Quảng Trị, Bồng Sơn, Kontum, An Lộc... hiện thực một lần nghĩa vụ linh thiêng muôn thuở của Người Lính - Bảo Quốc An Dân - Sứ Mệnh không hề nói thành lời nhưng được hiện thực với chính máu xương của những con người vô danh cao thượng mà Đằng Phương, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy năm xưa đã viết nên những dòng máu lệ ngợi ca hùng tráng,

Họ là những anh hùng không tên tuổi
Sống âm thầm trong bóng tối mênh mông
Không bao giờ được hưởng ánh quang vinh
Nhưng can đảm và tận tình giúp nước...

Phải, những Người Lính Vô Danh ấy vẫn tồn tại với mười, hai mươi, ba mươi năm dưới bom đạn cực độ, nơi những trại tù như "Cổng Trời Quyết Tiến", Hà Giang, Sơn La, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Thanh Phong, Thanh Cẩm, Lam Sơn hậu thân hệ thống trại giam Lý Bá Sơ. Những địa danh trại tù có số lượng mộ chí gấp đôi, gấp ba lần tổng số tù hiện diện, và người sống sót cũng chỉ là những xác thân khô kiệt di động chờ ngày chôn xuống huyệt. Những người lính anh gặp khắp nơi trong cuộc lữ hành với hết tuổi trẻ qua ba mươi năm chiến tranh và tù ngục kia đã sống sót qua dài trận bão lửa thống khổ, nhục nhằn, nguy biến mà

Xác VC trên Đại Lộ Kinh Hoàng 6/4/72 - ảnh Corbis

chắc rằng không một ai của bất cứ quân đội nào, thuộc bất kỳ một sắc dân nào trên thế giới có thể bền bỉ chịu đựng với mức độ kiên cường kỳ diệu đến ngần ấy. Kỳ tích thầm lặng đơn lẻ với phận của "mỗi con người - mỗi người lính" nầy hẳn chỉ được thực hiện, thúc giục nuôi dưỡng bởi "một động lực vô vàn cao thượng". Anh có bổn phận trình bày đầy đủ, và chính xác về hành vi xã kỷ, quên mình nầy.

Nội dung vĩ đại kết nên từ hành vi xã kỷ của mỗi người lính nêu trên được thực hiện qua cảnh tượng của một ngày Hè hùng tráng: Ngày 25 tháng 6, 1972, chiến dịch tái chiếm Quảng Trị khai diễn với các đơn vị, Biệt Động Quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, lực lượng địa phương của Tiểu Khu Quảng Trị, phối hợp với các chi đoàn chiến xa, thiết quân vận của Quân Đoàn I, được yểm trợ bởi các đơn vị pháo cơ hữu, và của vùng chiến thuật. Đoàn quân quyết tử phục hận đồng vượt tuyến xuất phát Sông Mỹ Chánh tiến theo trục chính Bắc với mục tiêu cuối cùng - Cổ Thành Ïinh Công Tráng hay Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Quảng Trị - mà quân Nam phải tạm lìa bỏ từ 29 tháng Tư do những ước tính sai lầm của những cấp chỉ huy, từ viên tổng thống tại Dinh Độc Lập, đến hàng tướng lãnh chiến trường. Sự sai lầm tai họa của những kẻ lãnh đạo, chỉ huy nay được chuộc lại bằng giá máu của vạn người lính xé thân nơi trận địa.

Từ Ngã Ba Long Hưng, cửa ngỏ phía Nam Quảng Trị, điểm tiến quân cao nhất của Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù trong ngày 7 tháng 7, 1972, đến cổ thành đoạn đường dài khoảng một cây số, và bề ngang từ nhà ga phía cực tây đến làng công giáo Tri Bưu phía đông, khoảng cách cũng có bề rộng tương đương.

Trên khoảng đất rộng hơn cây số vuông kia, mười lăm ngàn người lính của những đơn vị kể trên đã thay phiên nhau bò, trườn, ẩn núp, gọi pháo, đánh bom, ném lựu đạn, đánh cận chiến ngày lẫn đêm suốt đoạn thời gian liên tục 67 ngày, để đến ngày 14 tháng 9, 1972 những người lính Tiểu Đoàn 1, 2, 3.. 6, 8 TQLC đồng lần siết chặt mục tiêu, dựng ngọn cờ vàng bay lộng trên gạch đá điêu tàn, giữa tiếng

đạn, khói thuốc súng của trận chiến đang hồi kết thúc...

Cờ lên!
Cờ lên!
Giữa vũng lửa
Quân, dân bật khóc nước mắt ứa
Một lần cờ bay trên thành xưa
Bao phần máu xương muôn lính đổ!

(PNN - Cờ Ta Bay Vàng Nắng Mới Quê Hương Với Tình Thương)

Người lính vẫn sống

Tham dự cùng cuộc trường chinh nhọc nhằn với người lính từ bước khởi cuộc có một nhân dáng nhỏ bé, yếu đuối, âm thầm chịu đựng với nỗi chết canh cánh không rời - Người Vợ Lính. Đây là một đối tượng bị ngộ nhận, mô tả sai lạc một cách dung tục (và đáng phải phê phán) qua tất cả những chữ nghĩa, văn hóa phẩm (của miền Nam trước 1975, mà hiện nay ở hải ngoại thì lại hứng chịu cách đối xử lạnh nhạt, coi thường).

Những người đàn bà nầy, từ lúc tuổi vừa qua hai mươi, đã gánh chịu những giờ phút nguy nan khắc khoải mà không phương cách chống đỡ, làm nhẹ bớt đi. Họ thức dậy rất sớm vào buổi sớm mai khi đơn vị di chuyển hành quân để sửa soạn cho người chồng bữa điểm tâm kham khổ với ý nghĩ không thể được nghĩ hết, không dám nói ra lời: Biết đâu đây là lần chót!!

Dựng lại Cờ Vàng trên Cổ Thành Quảng Trị

Họ bế đứa con còn quá nhỏ không

khả năng hiểu ra lần tạm biệt hay chia ly đành đoạn với người cha. Hai mẹ con thu người lại dưới ánh đèn đoàn xe GMC chở quân rời hậu cứ. Và người đàn bà vợ người lính, thật sự chỉ là cô thiếu nữ đang ở tuổi thanh xuân kia trở về khu trại gia binh để chờ đợi (một lần rất khả thể) vào một buổi nào đó viên sĩ quan chỉ huy hậu cứ sẽ đến gõ cửa nhà với câu nói khó khăn, ngắn lạnh: Chị chuẩn bị ngày mai theo xe hậu cứ lên nghĩa trang nhận anh!!

Và nếu biến cố bi thảm nầy không xẩy ra (như một phép mầu ân sủng), người đàn bà dần qua hết tuổi trẻ để cùng chia sẻ với chồng một ngọn nguồn đau thương, cảnh sống nhục nhằn thống khổ - Lần miền Nam bị bức tử cùng đành, sáng sớm ngày 30 tháng Tư, năm 1975. Vợ và những đứa con người lính bị đuổi ngay ra khỏi những căn nhà trong trại gia binh, và bị xếp hạng nên thành là "đối tượng thứ 14 trong 15 giai cấp xã hội" - Loại sau cùng thứ 15 nầy là thành phần tù hình sự can án cướp của, giết người với trường hợp gia trọng - cách định giá đối tượng xã hội-chính trị của chế độ CS ở VN.

Ở miền Nam

Con đường từ ga Thanh Hóa vào các trại tù Lam Sơn, Thanh Phong, Thanh Cẩm dài khoảng năm chục cây số đường chim bay; đây là đường thượng sơn nối vùng núi non thượng lưu sông Đà, dẫn lên mạn Lai Châu, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Điện Biên Phủ hành lang thông qua vùng Trung và Bắc Lào. Đường hiểm trở chạy quanh co giữa những rặng núi đá vôi dựng trường thành, làm thành một trở ngại thiên nhiên vô cùng lợi hại mà ngựa Mông Cổ thế kỷ 13 dẫu giẫm nát toàn cõi lục địa Á, Âu vẫn không thể nào xâm nhập được.

Thế kỷ 15, đạo binh xâm lược Nhà Minh đang ở đỉnh cao cường thịnh cũng không thể bén mảng vào đến những căn cứ địa Lam Sơn, Chí Linh của nghĩa quân Lê Lợi. Xe thiết giáp bọc sắt của quân đoàn viễn chinh Pháp trong chín năm 1945-1954 cũng đành thúc thủ dưới đồng bằng.

Cuối cùng, biệt kích Mỹ với vũ khí tối hảo, yểm trợ tuyệt

đối cũng không có cơ may đổ bộ, tấn công. Và bản thân những lính bộ đội CS, trong những ngày kháng chiến vệ quốc chưa lộ mặt, dẫu đang là tuổi trẻ cũng vẫn phải ngã gục trên đoạn đường gai góc....

Anh bạn dãi dầu không bước nổi
Gục bên mũi súng bỏ quên đời!!
(Tây Tiến, Quang Dũng)

Nhưng, Người Đàn Bà - Người Vợ Lính, Người Mẹ Miền Nam, đã cùng đi, đến đủ với chồng, với con hằng mười năm, hai mươi năm xuyên suốt khổ nạn quê hương. Họ ra đi lúc trăng non nơi miền Nam, xuyên qua sỉ nhục, chưởi gào do đám dân miền Bắc được *"học tập căm thù bọn ngụy quân, ngụy quyền và gia đình bóc lột ăn bám của chúng"*, kể cả phải hứng chịu hành hung, cướp giật trên những chuyến tàu lửa đen đủi, ám khói xuyên "miền Bắc tiên tiến xã hội chủ nghĩa". Và cuối cùng, họ đến trại lúc trăng nhạt màu héo úa, đầu tơi tả tóc lấm bụi, chân khô nẻ gót cắt, với gói quà cứu đói dành dụm từ miền Nam để nói cùng chồng, cùng con trong năm mười phút thăm nuôi, lời trung hậu đơn giản: *"Anh yên tâm, ở nhà có em lo. Con cố gắng học tập. Mẹ còn sống ngày nào, Mẹ không bao giờ bỏ con."* Chỉ với những hành vi, tiếng lời nhỏ bé thăm thẳm thương yêu vừa kể ra trên - Người Lính đã kiên cường xốc tới trong lửa đạn, và tồn tại sau chiến tranh, trong ngục tù, bởi họ đã vô vàn nhận lãnh: Vô Lượng Tấm Lòng Người Vợ - Người Mẹ Miền Nam.

Thủy chung, anh chỉ có một tấm lòng để nói cùng Người. Với Người Lính, như đã một lần, về một nội dung, trong suốt một đời. Ba mươi năm bùng vỡ trận Ban Mê Thuột.

Denver, 10/3/1975-2005
Thiếu Úy Phan Nhật Nam
Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù- KBC 4919

Tài Liệu Giải Mật của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ

Biên Bản Cuộc Hội Đàm Mỹ - Trung Về Chiến Tranh Việt Nam Tại Bắc Kinh Ngày 24/02/1972

Lời người dịch:

Tại cuộc mật đàm ngày 24/2/72 với Nixon và Kissinger, Thủ Tướng Chu Ân Lai đã nắm tẩy sự sa lầy của Mỹ ở VN, nên cuộc chiến tranh VN đối với ông coi như đã ngã ngũ. Điều mà họ Chu nhắm đến trong cuộc mật đàm này không phải là vấn đề VN nữa, mà chính là đòi Mỹ phải cô lập Nhật Bản và không được can thiệp vào nội bộ các nước Á Châu Thái Bình Dương, kể cả Cao Ly, Ấn Độ, Pakistan, Liên Xô v.v.... Quan trọng hơn, ông còn muốn Mỹ phải có thái độ dứt khoát trong vấn đề độc lập của Đài Loan. Nhưng nhờ làm việc trong tinh thần dân chủ mà Nixon đã tránh được những cạm bẫy qua những lời dụ dỗ ngọt ngào của họ Chu.

Trong khuôn khổ hạn hẹp của Đa Hiệu, tòa soạn hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc phần đầu của biên bản buổi mật đàm ngày 24/2/72 này.

Thẩm Vân

TT Nixon đang bắt tay TT Chu Ân Lai, 2/1972

Thành phần tham dự:

- Tổng Thống Mỹ Richard Nixon

- Tiến Sĩ Henry A. Kissinger, Phụ Tá An Ninh Quốc Gia

- John H. Holdridge, Nhân Viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia

- Winston Lord, Nhân Viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia

- Thủ Tướng Trung Cọng, Chu Ân Lai

- Ch'iao Kuan-hua, Thứ Trưởng Ngoại Giao

- Chang Wen-chin, Gián Đốc Tây Phương Vụ, Bắc Mỹ và Bộ Ngoại Giao Úc

- Wang Hai-jung, Phó Giám Đốc Lễ Tân

- Chao Chi-hua, Ngoại Giao Vụ

- Chi Chao-chu, Thông Dịch Viên

- T'ang Wen-sheng, Thông Dịch Viên

- Hai nhân viên ghi chép

Ngày & giờ: Thứ Năm, ngày 24 tháng 2 năm 1972 - 5g15' chiều - 8g05' tối.

Địa điểm: Tòa Đại Sảnh Nhân Dân, Bắc Kinh

Chu: Chuyến viếng thăm Vạn Lý Trường Thành sáng nay của ngài có vẻ vất vả.

Nixon: Không có gì vất vả cả, thú vị lắm.

Chu: Còn phu nhân của Ngài thì sao?

Nixon: Bà ấy thích lắm.

Chu: Ngài có thấy lạnh không?

Nixon: Không, hôm nay trời đẹp đấy chứ. Chúng tôi không cần đến áo khoác kia mà.

Chu: Ts. Kissinger không viếng Vạn Lý Trường Thành sáng nay. Ông Lord cũng không.

Kissinger: Ngài thứ trưởng khó quá. (Thủ Tướng Chu cười.)

Nixon: Tôi tin chắc là Ts. Kissinger cũng vậy thôi.

Chu: Phải rồi.

Ch'iao: Điều đó cũng công bằng thôi.

Nixon: Đối với những việc vô cùng hệ trọng cần phải thẳng thắn. Chúng ta cần bàn bạc các sự kiện thấu đáo, hóm hỉnh nhưng phải đi vào vấn đề. Điều này rất khác với ông Khrushchev. Ông đã cởi giày ra và đánh vào bàn. Điều đó xảy ra trước khi ngài Phó Bộ Trưởng đến đó.

Chu: Như tôi đã nói hôm qua với Tổng Thống, hôm nay tôi muốn trình bày đôi điều về vị trí tổng quát và quan điểm của chúng tôi. Vì chúng ta dự định nói trong thông cáo chung về năm nguyên tắc chung sống hòa bình và hai bên đã chuẩn bị để cố gắng thực thi những nguyên tắc ấy qua các mối quan hệ của chúng ta. Như Tổng Thống đã nói, không bên nào áp đặt bất kỳ ý đồ nào lên phía bên kia. Cũng không bên nào muốn chế ngự bên kia hay áp đặt ý đồ của mình lên đó. Nhưng, lẽ đương nhiên, để thực thi được điều đó cần phải có một tiến trình. Về điểm này, bên phía của chúng tôi ít khó khăn hơn. Nhưng còn phía của quý ngài, thưa Ngài Tổng

TT Nixon và phu nhân viếng thăm Vạn Lý Trường Thành

Thống, nó không chỉ là sự kiện chính trị do ngài, chính ngài, mà nó còn là vấn đề tồn đọng lại từ chính quyền trước. Đấy là những điều mà ngài cần biết rõ.

Đúng ra, chúng tôi hy vọng rằng ngài sẽ tiếp tục công việc của mình. Thưa Tổng Thống, như tôi đã nói hôm qua, chúng tôi cũng hy vọng là Tiến Sĩ Kissinger sẽ vẫn tiếp tục công việc để giúp ngài. Bởi vì nếu không, chúng ta bàn bạc đôi điều hôm nay rồi ngày mai một người khác lại lên thay thế thì thật là không tốt chút nào. Lúc đó, câu hỏi được đặt ra là liệu cuộc nói chuyện của chúng ta có đem lại hiệu quả hay không.

Nixon: Điều đó đúng.

Chu: Trong tình huống này, sau khi đã phổ biến thông cáo chung, chúng tôi nghĩ các nhà lãnh đạo của hai đảng các ngài nên đến Trung Quốc để có những cuộc bàn bạc kỹ lưỡng hơn về vấn đề này và khảo sát thêm bản thông cáo một cách thẳng thắn trong tinh thần không giấu giếm. Đương nhiên chúng ta sẽ không nói gì về các cuộc bàn luận riêng tư. Sau đó, chúng tôi hy vọng là hai đảng của quý vị sẽ ủng hộ tiến trình và quan điểm đó, vì đó không phải vấn đề của cuộc bầu cử tổng thống, nhưng là những lợi ích lâu dài của hai dân tộc chúng ta.

Do vậy, đối với bốn nguyên tắc mà chúng ta sẽ công bố, chúng ta có chung quan điểm, trong phần sau của thông cáo chung, đó là những điều chúng ta sẽ cùng làm để đem lại hiệu quả. Nói cách khác, để bình thường hóa quan hệ giữa hai quốc gia thì không chỉ là lợi ích của hai dân tộc thôi, nhưng cũng là lợi ích của các dân tộc trên thế giới nữa. Chúng tôi không phải là những người bài ngoại. Và thái độ của chúng tôi đối đối với các cuộc thương lượng giữa Nga - Mỹ đã cho thấy điều đó. Họ bảo rằng hai quốc gia chúng ta đang tìm cách để chống lại Liên Bang Sô Viết, để đưa ra một liên minh chống Nga. Tại Moscow, họ đang tuyên bố điều đó. Do vậy, thái độ của chúng tôi trong vấn đề này rất rõ rệt.

Và trong nguyên tắc thứ hai mà chúng ta có cùng quan

điểm, là hai bên đều mong muốn giảm thiểu nguy cơ xung đột quân sự có tính quốc tế. Tôi đã đưa ra ý kiến của chúng tôi là Mỹ và Nga nên tiến tới một đồng thuận về việc giới hạn các vũ khí hạt nhân; điều đó không tốt đẹp sao? Nếu một đồng thuận đưa đến hiệu quả như thế không đạt được, thì lỗi thuộc về phía họ.

Thủ Tướng Trung Cọng Chu Ân Lai, ảnh Getty

Nixon: Phía Liên Bang Sô Viết?

Chu: Đúng.

Nixon: Chúng tôi sẵn sàng.

Chu: Đúng. Nguyên tắc thứ ba là không bên nào của chúng ta đi tìm kiếm sự thống trị ở khu vực Á Châu Thái Bình Dương. Và điều đó nên được hiểu là không chỉ hai quốc gia chúng ta không thôi, mà phải kể cả Nhật Bản cũng không được.

Nixon: Và cả khối Liên Bang Nga nữa.

Chu: Đúng thế. Cả khối Liên Bang Sô Viết cũng không luôn.

Nixon: Cả Ấn Độ cũng không luôn.

Chu: Đúng vậy. Ở đây ngầm chỉ rằng hai quốc gia chúng ta sẽ cố gắng làm những điều tốt, không làm những điều xấu.

Nixon: Ngài cho tôi nói rõ hơn. Điều này hàm ý rằng không ai trong hai chúng ta đi tìm sự thống trị trên bình diện rộng hơn mà mỗi chúng ta có thể. Nó cũng hàm ý rằng chúng ta sẽ chống lại những quốc gia nào đang cố gắng muốn tìm sự thống trị. Có phải ông muốn nói như vậy không?

Chu: Đúng như vậy. Nghĩa là chúng ta chống lại những quốc gia nào có mưu toan thống trị.

(Tiến sĩ Kissinger đọc phần nói về sự thống trị trong thông cáo chung.)

Chu: Và nguyên tắc thứ bốn đã được đồng thuận là không ai trong chúng ta được đứng ra để thương lượng thay cho các quốc gia thứ ba, đạt đến các thỏa thuận, hay đặt điều kiện nhắm đến các quốc gia khác.

Do vậy, những gì chúng ta đã đồng ý trong việc thương lượng song phương là rất rõ ràng và chúng ta không thương lượng thay cho bất kỳ quốc gia thứ ba nào. Những việc của các quốc gia thứ ba là việc của họ. Do vậy, bốn nguyên tắc này giữa hai chúng ta sẽ giúp tránh những hiểu lầm có thể xảy ra.

Nixon: Ông cần cắt nghĩa cho báo chí biết vì hầu hết báo chí không biết thế nào là "thống trị". (Chu Ân Lai cười.)

Kissinger: Như tôi đã nói với ngài thứ trưởng, Tổng Thống đã hướng dẫn tôi nên đưa ra chi tiết hoặc với thứ trưởng, hoặc với ngài, nếu ngài đồng ý.

Nixon: Ông muốn nói đến điều gì?

Kissinger: Điều chúng ta sẽ nói đến là chúng ta sẽ ấn định trước thời gian và không được đi trước đó. Tôi sẽ nói cho ngài biết trước cách thức tôi trình bày các chủ đề của bản thông cáo chung một cách chính xác.

Chu: Vì chúng ta đang tiến tới đồng thuận, chúng ta cần biết là các bản dịch của cả hai phía phải tương đồng hoặc là tương đối với nhau. Chúng ta không nên có những hiểu lầm qua bản thông cáo chung. Ngài sẽ gặp phải nhiều rắc rối hơn phía chúng tôi. Ngài phải tường trình cho bộ trưởng ngoại giao. Đương nhiên là thứ trưởng chúng tôi cũng tường trình cho bộ trưởng của ông ấy. Tường trình vấn đề lại cho bộ trưởng sẽ dễ dàng cho ông ấy hơn là Ngài tường trình lại cho bộ trưởng của Ngài. Vì, như Ngài Tổng Thống đã biết, chúng ta sẽ không để lọt bất cứ điều gì ra ngoài những gì được bàn bạc ở đây. Bây giờ, tôi sẽ tiếp tục các vấn đề cụ thể.

Trước tiên là vấn đề Đài Loan. Biên bản mà Bộ Trưởng Ngoại Giao Rogers tường trình đến Ngài Tổng Thống được ghi là của Nhật Bản.

TT Nixon và TTg Chu Ân Lai duyệt hàng rào danh dự

Kissinger: Hôm qua, tôi đã đưa cho ngài thứ trưởng một bản thảo ngôn ngữ chính thức để cho biết là chúng ta thật sự đã đi rất xa. Họ có thể đưa cho các ông ấy xem.

Chu: Chúng tôi đã xem qua tối hôm qua. Và tôi cũng đã thấy bản tin này sáng sớm hôm nay, một thông báo từ hãng tin Đức Quốc ở Tokyo, rằng đó là do Bộ Trưởng Ngoại Giao Fukuda đã lộ ra. Và nội dung mà Fukuda đưa ra cho báo chí tương ứng với những gì Bộ Trưởng Ngoại Giao đưa cho ông về Đài Loan.

Nixon: Đài Loan chứ không phải là Nhật Bản.

Chu: Đài Loan.

Kissinger: Tôi chỉ cho họ xem đoạn nói về Đài Loan.

Chu: Tôi đã nói với Ngài Tổng Thống hôm qua Bộ Trưởng Ngoại Giao đã nói với phụ tá của tôi Chi Peng-fei rằng ông ta muốn tham gia bàn bạc trong vấn đề Đài Loan, và cho biết Đài Loan là vấn đề hệ trọng cho quí vị và cho cả chúng tôi nữa. Bởi vì nếu trong thông cáo chung Hoa Kỳ không đưa ra những đường hướng trong tương lai về việc giải quyết vấn đề, thì sẽ không thể nào giải thích được với nhân dân chúng tôi, hay các quốc gia lân bang, hay với các quốc gia khác có quan hệ với chúng tôi.

Và trong bản thảo mà Tiến Sĩ Kissinger đã đưa ra chiều hôm qua, chỉ đề cập đến phần cuối của vấn đề về việc rút lui, rút lui sau cùng, và không có vấn đề nào về ngày rút lui cả. Nhưng quý vị đã nối kết nó với vài điều kiện nữa. Đương nhiên đó là việc dành cho Tiến sĩ Kissinger và Phó

Bộ Trưởng để cố gắng tìm cho được một phương cách khả dĩ để đệ đạt. Điều đó nói lên rằng cả hai bên đều hiểu một số đòi buộc nhưng không cần thực hiện khiến dân chúng có thể hiểu một cách chính xác. Không nên quá cứng ngắt như thế.

Nixon: Đó là điều chúng tôi muốn, nhưng chúng tôi chưa tìm ra được.

Chu: Cùng lúc, ông lại muốn có được sự giải phóng (Đài Loan) cách êm thắm. Tiến sĩ Kissinger đã đề cập đến trong một cuộc nói chuyện riêng tư trong ngày cuối cùng và để trả lời Ts. Kissinger, chúng tôi đã nói rằng chúng tôi sẽ cố gắng để đạt được sự giải phóng êm thắm. Đó là vấn đề của cả hai phía. Chúng ta đều muốn điều đó. Chúng ta sẽ làm gì nếu họ không chấp nhận điều đó? Trong lúc các lực lượng vũ trang của quý vị ở đó, các lực lượng vũ trang của chúng tôi sẽ không can dự vào bất kỳ cuộc đối đầu quân sự nào với các lực lượng của quý vị. Điều đó tôi đã đề cập trong lúc ăn bánh mì nướng tại bữa tiệc. Tôi cũng đã nói điều đó cách nay 15 năm rồi. Do vậy, vị thế của chúng tôi trong việc này rất rõ ràng. Khi ngài Tổng Thống nhận nhiệm sở ngày đầu tiên, một trong những chỉ dấu hảo ý đầu tiên của chính phủ Ngài là Hạm Đội 7 không còn tuần tra eo biển Đài Loan nữa, nhưng chỉ thỉnh thoảng đi ngang qua thôi. Do vậy, hàm ý rằng hai phía chúng ta đã thấy trước được vấn đề Đài Loan sẽ phải được giải quyết như thế nào.

Tôi cũng đã nói với Ngài Tổng Thống hôm qua rằng dù cho sau khi Đài Loan đã được trả lại cho chúng tôi, chúng tôi cũng không màng đến việc xây dựng các căn cứ hạt nhân ở đó. Nghĩa là, chúng tôi sẽ không sử dụng Đài Loan để khống chế Nhật Bản. Nhật Bản có thể nhận thấy được điều này dễ dàng.

Và chúng tôi hy vọng nếu việc giải phóng Đài Loan có thể được thực hiện được trong nhiệm kỳ kế tiếp của quý vị thì tốt lắm. Tất nhiên đó chỉ là hy vọng mà thôi. Đương nhiên đó cũng là công việc nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi

cũng không thể nói là quý ngài không nên can thiệp vào vấn đề nội bộ này. Quý ngài không nên đặt bất cứ điều gì lên chúng tôi, cũng không nên đặt bất cứ điều gì lên Tưởng Giới Thạch. Nhưng, thưa Ngài Tổng Thống, ngài cũng nên ý thức rằng Tưởng Giới Thạch cũng không còn bao nhiêu ngày nữa đâu.

Nixon: Về tuổi tác?

Chu: Đúng thế.

Nixon: Vâng.

Chu: Nhưng ý tưởng của ông ấy là như thế này, là chỉ có một Trung Hoa thôi. Chúng tôi rất hoan nghênh quan niệm này của ông ấy. Vào năm 1958, sau khi Bộ Trưởng Ngoại Giao Dulles muốn là Tưởng Giới Thạch từ bỏ các hòn đảo Quemoy và Matsu ngõ hầu cắt đứt hoàn toàn Đài Loan ra khỏi lục địa để vẽ một đường biên giới ở đó, thì Tưởng Giới Thạch đã không muốn làm chuyện đó. Chúng tôi cũng khuyên ông ấy đừng rút lui khỏi Quemoy và Matsu. Chúng tôi đã khuyên ông ấy đừng rút lui bằng cách bắn pháo binh - nghĩa là, vào các ngày lẻ chúng tôi bắn pháo binh vào họ và ngưng vào các ngày chẵn hay các ngày lễ. Vậy mà họ đã hiểu được ý định của chúng tôi và đã không rút lui. Chúng tôi không có phương cách nào khác hay một văn bản yêu cầu nào; chỉ bằng phương cách bắn pháo binh này vậy mà họ đã hiểu ra ý định của chúng tôi.

Hôm nọ, khi chủ tịch Mao nói với Ngài ông ta đã biết Tưởng Giới Thạch từ năm 1924, nghĩa là, họ đã quen biết nhau gần 50 năm. Do vậy, chúng tôi đã đánh nhau với ông ấy và đã hợp tác với ông ấy rất nhiều lần nên chúng tôi hiểu nhau rất rõ. Vì đây là nguyên tắc của ngài, ngài đã không có áp đặt bất cứ ý đồ nào lên Trung Quốc và đồng ý chỉ có một Trung Quốc, chúng ta nên cố gắng thử áp dụng các nguyên tắc ấy trong khi quý ngài đang còn tại chức. Bởi vì điều ấy sẽ có lợi cho cả hai quốc gia, cùng lúc không đặt ra một đe dọa nào. Tôi muốn nói thẳng rằng khi Ts. Kissinger cho rằng điều đó phải mất tới 10 năm mới giải quyết xong, như thế là quá lâu. Hay hơn, đừng đề cập đến ngày tháng

nào cả, tôi không thể đợi đến 10 năm. Quý vị có 10 năm, quý vị có thể đợi đến 10 năm. Ngài Tổng Thống có thể được tái đắc cử nhiệm kỳ thứ ba mà.

Kissinger: Điều đó thì đi ngược lại với hiến pháp chúng tôi.

Chu: Sau bốn năm ngài có thể ra ứng cử trở lại vì tuổi tác của quý ngài cho phép quý ngài làm điều đó. Nhưng nhìn về tuổi tác của các các nhà lãnh đạo đương thời của Trung Quốc, điều đó là không thể được. Lúc đó họ đã quá già.

Nixon: Thưa ngài thủ tướng, các cựu tổng thống Hoa Kỳ cũng giống như các vua ở Anh Quốc, họ rất có trách nhiệm, tuy không có quyền lực. Tôi muốn nói đến những người không còn tại chức.

Chu: Nhưng công việc của Ngài thì rất hiếm trong lịch sử. Ngài đã từng là Phó Tổng Thống trong hai nhiệm kỳ, sau đó thất cử rồi lại thắng cử. Thật là hiếm có trong lịch sử.

Nixon: Người ta vẫn có thể có ảnh hưởng dù đã xuống chức.

Chu: Như có lần Chủ Tịch Mao đã nói, ông ta sẽ bầu cho Ngài một phiếu.

Nixon: Đó là một phiếu rất danh dự.

Chu: Do vậy chúng tôi hy vọng giải quyết vấn đề này trong tình thân hữu vì đã hơn 20 năm trôi qua. Căn cứ theo cách giải quyết vấn đề được đưa ra bởi ông John Foster Dulles tại cuộc đàm phán Warsaw thì thời hạn cũng đã qua rồi. Dulles đã đưa đề nghị qua Đại Sứ Hoa Kỳ rằng chừng nào Trung Quốc không sử dụng sức mạnh trong thời gian 10, 15 hay 20 năm thì ông ấy sẽ đáp ứng nguyện vọng. Nếu chúng ta đã được thỏa thuận như thế, thì cho đến nay thời hạn 15 năm cũng đã qua từ lâu. Ngài có thể xem tại các kho lưu trữ ở Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Kissinger: Ông chưa bao giờ sai đối với việc có thật.

Chu: Tôi có cơ sở cho những gì tôi đang nói. Nhưng nếu chúng ta đã chấp nhận nguyên tắc như thế, nó đồng

nghĩa với việc chấp nhận can thiệp vào việc nội bộ của chúng tôi. Do vậy chúng tôi không thể chấp nhận điều đó.

Nỗ lực hiện tại của chúng tôi nhằm đưa ra được một phương cách có thể cho thấy hai phía cùng tiến tới một nhận định, nhưng không có vấn đề can thiệp nội bộ là tốt. Chúng tôi không hề yêu cầu quý ngài hạ bệ Tưởng Giới Thạch. Chúng tôi sẽ tự lo liệu lấy.

Nixon: Một cách ôn hòa.

Chu: Đúng, chúng tôi có tự tin. Làm sao chúng tôi có thể làm được điều đó nếu chúng tôi không có tự tin? Khi chúng tôi giải quyết vấn đề này, tất nhiên lực lượng của quý Ngài phải tránh đi chỗ khác và điều đó cũng tự nhiên thôi.

Như vậy, vấn đề Đài Loan là câu hỏi rất hệ trọng giữa hai quốc gia chúng ta, và ở đây tôi không thể nói ra nhưng cũng muốn thêm rằng đó là do lầm lỗi của cựu Tổng Thống Truman. Không cần để điều đó vào thông cáo chung. Tôi chỉ muốn nói điều đó ở đây thôi.

Có nghĩa là, đây thực sự không phải là điều dễ dàng cho hai quốc gia đã từng thù địch nhau quá lâu để có thể đưa ra được những phương cách giải quyết vấn đề. Điều này có thể làm được chỉ vì chúng tôi có tinh thần vĩ đại của Chủ Tịch Mao. Ông ta có can đảm viết ra những điều như thế và nhận thức được điều đó trong cách thức như vậy. Bởi vì trong việc trình bày ý kiến vấn đề Đài Loan mà chúng tôi đang tiến hành, mỗi bên nêu ra vị thế riêng của mình, nhưng nếu ai đó hiểu rõ vấn đề, họ có thể thấy rằng có những điểm tương đồng giữa hai quốc gia chúng tôi về vấn đề này. Nhưng nếu ai đó nhìn vấn đề trong cách thức chung chung hay nông cạn thì không thể tìm ra những điểm tương đồng được.

Do đó, về vấn đề này, chính vì tinh thần vĩ đại được trình bày bởi Chủ Tịch Mao, chúng tôi mới dám làm như vậy. Cũng chỉ vì niềm tin tuyệt đối của 700 triệu dân đặt để nơi Chủ Tịch Mao mà chúng tôi mới đưa ra một tài liệu như thế.

Như vậy, Ngài Tổng Thống cần thấy rõ rằng chúng tôi

thật sự có những khó khăn, nhưng chúng tôi có can đảm chấp nhận những khó khăn đó để vượt qua.

Do vậy chúng ta cần phải đi đến một đồng thuận trong vấn đề này. Một khi vấn đề này đã đạt được sự đồng thuận, thì tất cả những vấn đề khác sẽ được giải quyết một cách dễ dàng. Nghĩa là, vấn đề Đài Loan là vấn đề then chốt. Tôi tin tưởng ngài chắc chắn sẽ tìm ra được một phương thức nào đó khả dĩ tương ứng với quan điểm của chúng tôi.

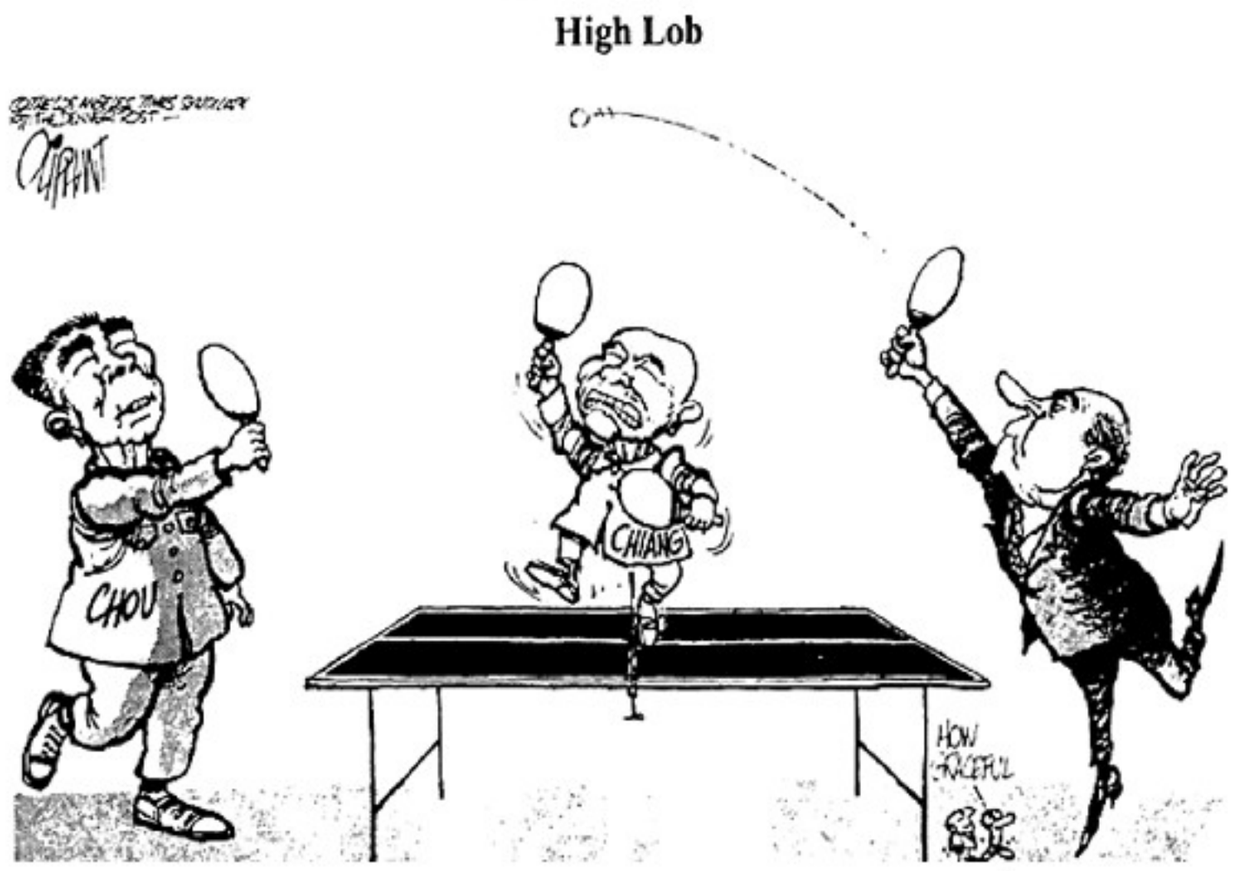

Nixon chơi ping-pong với Chu Ân Lai

Nixon: Ngài Thủ Tướng có muốn tôi đóng góp ý kiến ngay bây giờ hay phải đợi những vấn đề khác?

Chu: Xin Ngài vui lòng cho ý kiến.

Nixon: Như tôi đã trình bày trong lời mở đầu, trước hết chúng tôi có những vấn đề về những gì mà tôi sẽ định làm. Và tôi cũng đã chỉ cho thấy rằng mục đích - Ngài Thủ Tướng cũng đã trực tiếp giới thiệu đến rồi - mục đích của tôi là bình thường hóa quan hệ với Cộng Hoà Nhân Dân. Tôi ý thức rằng để đạt được mục đích này, giải quyết vấn đề Đài Loan là điều không thể bỏ qua. Do vậy, lúc này đây, vấn đề hướng đi giữa Ngài Thủ Tướng và tôi, và giữa Chủ Tịch Mao và tôi, nên được xác định. Hướng đi này là sự bình thường hóa. Tôi đã bắt đầu đặt lộ trình này từ năm 1967 trong một bài viết về các vấn đề ngoại giao, có tính thuyết phục. Và hôm nay chúng tôi cố gắng đi theo đó bằng hành động. Mục tiêu bình thường hóa là điều mà riêng tôi từ lúc đầu đã có sáng kiến và đó là ý định của tôi để thực thi mục tiêu này.

Bây giờ những vấn đề mà chúng ta nói đến về việc đạt được mục đích đó sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến việc liệu tôi

có đạt được hay không. Và nếu thông cáo chung của chúng ta, sau khi hai chuyên viên của chúng ta bàn bạc, là dữ liệu khiến đối phương chúng tôi nắm lấy và cho rằng tổng thống Hoa Kỳ đã vượt 16,000 dặm chỉ để khước từ điều cam kết với chính phủ về Đài Loan. Điều này có thể gây nguy hại đến tình hữu nghị của chúng ta trong những tháng tới.

Tôi đưa ra một ví dụ, khi tôi ra lệnh hành động đối với vấn đề Hạm Đội 7, đã có những chống đối trong chính phủ, nhưng tôi vẫn hành động. Và khi chiến tranh Việt Nam đi đến kết thúc, như nó sẽ đạt được bằng cách này hay cách khác, thì việc rút 2/3 lực lượng chúng tôi ra khỏi Đài Loan cũng sẽ được thực hiện. Sẽ có chống đối, nhưng điều đó sẽ được thực hiện.

Và tôi cũng có thể đi đến việc giảm thiểu những lực lượng còn lại, số 1/3 còn lại, tôi có thể làm điều đó khi tình hữu nghị của chúng ta phát triển.

Một điều rất quan trọng là - tôi biết Ngài Thủ Tướng với sự hiểu biết về báo chí và Quốc Hội của đất nước chúng tôi, ngài sẽ nhận ra được điều này - là tôi sẽ phải quay trở lại Washington và sẽ nói rằng không hề có bất kỳ trao đổi bí mật nào được ký kết giữa Ngài Thủ Tướng và tôi về vấn đề Đài Loan. Do vậy, những gì tôi phải làm là cần có những gì mà chúng tôi gọi là "khoảng cách an toàn" mà tôi hy vọng là ngôn ngữ của thông cáo chung sẽ đạt được, nghĩa là sẽ không cho Đài Loan là vấn đề lớn trong hai hay ba tháng tới và hai, ba, hay bốn năm tới. Do vậy, tôi có thể làm những gì có thể giúp chúng tôi đạt được mục đích của chúng tôi.

Chu: Về việc này, Bộ Trưởng Ngoại Giao của chúng tôi có những tương đồng với Ngài Bổ Trưởng Ngoại Giao Mỹ - ông ấy có những giới hạn của ông ấy. Chúng tôi chỉ bàn bạc điều này trong ít phút vừa qua vì tôi đã nói chúng ta nên chừa một vài khoảng cách an toàn, và không giới hạn thời gian. Nghĩa là, Ngài có khó khăn của Ngài, và chúng tôi có khó khăn của chúng tôi. Về điểm này, Bộ Trưởng Ngoại Giao của chúng tôi tượng trưng cho những cảm nghĩ của dân tộc. Nhưng điều đó có thể cho phép chúng

tôi thuyết phục đồng bào của chúng tôi vì uy tín lãnh đạo của Chủ Tịch Mao.

Nixon: Chủ Tịch Mao có viễn kiến, tôi cũng vậy. Tôi không có ý nói 1000 năm, tôi cũng không có ý nói 100 năm về vấn đề này. Nhưng tôi nghĩ Ngài Thủ Tướng nên nhớ, và Chủ Tịch Mao cũng nên nhớ, rằng tôi đã trình bày mục tiêu của tôi là bình thường hóa. Nếu tôi thắng cuộc bầu cử, tôi có thêm 5 năm để đạt được điều đó. Vì những lý do vừa đề cập đến, bây giờ tôi không thể ký một thỏa thuận bí mật nào, rồi bắt tay và hứa rằng nội trong nhiệm kỳ hai chúng ta sẽ thực hiện. Nếu tôi làm như vậy, tôi sẽ phải thú thiệt với báo chí nếu họ hỏi đến. Tôi thì không muốn nói như thế.

Nào hãy để tôi so sánh với Nhật Bản. Chẳng hạn, tôi biết quan điểm của Ngài Thủ Tướng là muốn chúng tôi rút lui lực lượng ra khỏi Nhật Bản. Tôi không đồng ý quan điểm như vậy, cũng như đã cho biết trong thông cáo chung, và tôi sẽ không rút lui lực lượng của chúng tôi ra khỏi Nhật Bản [vì tôi tin rằng lợi thế hòa bình của chúng tôi ở vùng Thái Bình Dương là kiềm chế Nhật Bản.] Tất cả những gì mà chúng tôi đã nói đến đòi hỏi lực lượng của chúng tôi phải ở nguyên tại chỗ.

Liên quan đến Đài Loan, tôi không tin là sự hiện diện thường xuyên của Hoa Kỳ - bất cứ gì xảy ra trong cuộc họp của chúng ta - là cần thiết cho nền an ninh của Mỹ. Và vì lý do đó mục tiêu của tôi - bây giờ chúng ta có thể dùng thuật ngữ này trong cuộc họp này - mục tiêu của tôi là rút lui lực lượng còn lại của chúng tôi, không chỉ 2/3, nhưng toàn thể lực lượng, bao gồm cả 1/3 còn lại. Đó là mục tiêu mà tôi có thể đạt được.

Bây giờ thì Ngài Thủ Tướng đã có thể hiểu được là làm cách nào tôi có thể trình bày để đạt được sự chuẩn thuận bên Quốc Hội. Nghĩa là cần phải phù hợp với học thuyết, điều mà tôi biết Ngài Thủ Tướng không đồng ý - được gọi là học thuyết Nixon. Theo học thuyết này, chúng tôi đang cắt giảm quân số ở Cao Ly. Đương nhiên Cao Ly là một

trường hợp khác vì trong cách nào đó Cao Ly gắn liền với Nhật Bản và khác với Đài Loan. Tôi biết điều tôi phải làm, thưa Ngài Thủ Tướng, là tôi phải tìm cách để đối phó với công luận. Hy vọng hai phần ba sẽ thuận chừng nào chúng tôi hoàn tất được những rắc rối ở Việt Nam. Kế hoạch của tôi cũng nhằm giảm 1/3 quân số và rút lui trong thời gian tôi còn tại chức. Nhưng tôi không thể làm điều đó trước tháng Giêng năm tới vì phải cần thời gian bốn năm để thực hiện.

Bây giờ, khi trở về, nếu có ai hỏi rằng tôi đã ký kết điều gì với Ngài Thủ Tướng về việc rút toàn bộ lực lượng Hoa Kỳ ra khỏi Đài Loan không, tôi sẽ nói là "không." Nhưng tôi đang nói với Ngài Thủ Tướng rằng đó là kế hoạch của tôi, và với từng bước tôi rút quân, tôi có thể tìm kiếm được sự ủng hộ cần thiết để đạt được sự đồng thuận của Quốc Hội về việc này.

TTg Chu Ân Lai tiếp đãi TT Nixon tại Bắc Kinh

Và tôi đặt nó trên căn bản công luận - tôi nghĩ điều đó cũng sẽ không thương tổn gì đến công luận của Ngài - rằng sự hiện diện của các lực lượng Hoa Kỳ tại Đài Loan sẽ không còn cần thiết nữa.

Bây giờ tôi nói với Chủ Tịch Mao rằng ông ấy đã không biết tôi và do vậy đã không tin tưởng tôi. Nhưng tôi chỉ nói rằng điều quan trọng là chúng ta cần phát triển tính thẳng thắn và cần biết rằng không ai trong chúng ta muốn làm bất cứ điều gì trừ khi chúng ta cho rằng điều đó thuộc quyền lợi của chúng ta. Và điều mà tôi muốn nói với Ngài Thủ

Tướng là: tôi thật sự không đòi hỏi Ngài Chủ Tịch phải tin tưởng nơi tôi. Chính sách này - tôi không yêu cầu ghi ra giấy - căn cứ vào quyền lợi của Hoa Kỳ, căn cứ vào ước muốn bình thường hóa quan hệ với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, tôi đã quyết định rằng chúng tôi nên tiến hành việc rút các lực lượng Hoa Kỳ theo một trình tự mà tôi vừa đưa ra.

Để kết luận, tôi cho rằng tôi có thể thực hiện được điều này mà không phải do dự bởi vì tôi biết tình trạng chính trị sẽ rất thuận lợi nếu tôi làm điều đó một cách từ từ nhưng chắc chắn. Tuy nhiên nếu tôi loan báo điều đó ngay bây giờ, e sẽ rất khó vì vấn đề đặt ra không phải lúc. Đó là tất cả.

Chu: Yêu cầu của chúng tôi là không cần có bất kỳ thời hạn nào. Chúng tôi đã không nêu vấn đề thời hạn. Về đòi hỏi một nước Trung Hoa, điều đó đã được đề cập đến trong 5 nguyên tắc. Đối với các điểm đã được trình bày bởi ngài Tổng Thống, tôi cho là quan trọng.

Trước tiên, ngài mong mỏi và không gây trở ngại cho một cuộc giải phóng (Đài Loan) cách êm thắm. Kế đến, ngài muốn can ngăn và không cho phép các lực lượng quân sự của Nhật Bản đến Đài Loan trong khi lực lượng của ngài vẫn hiện diện ở đó. Ngài sẽ cố tránh mọi khả năng có thể xảy ra, nhưng cần các lực lượng ở Nhật thực hiện điều đó.

Nixon: Đúng vậy, trong lúc chúng tôi vẫn còn các lực lượng tại Nhật. Nhưng có phải ý ngài muốn nói trong khi các lực lượng của chúng tôi còn ở Đài Loan?

Chu: Vâng, trong khi lực lượng của Ngài vẫn còn ở Đài Loan. Ngài sẽ can ngăn quân Nhật đến đó khi mà lực lượng Mỹ còn hiện diện ở đó chứ?

Nixon: Tôi sẽ tìm hiểu rõ hơn. Chúng tôi cố gắng giữ các lực lượng Nhật không được đến Đài Loan cho đến khi các lực lượng của chúng tôi đã rút đi.

Chu: Có phải Ngài muốn nói là trong lúc Hoa Kỳ vẫn còn các lực lượng ở Nhật Bản?

Nixon: Đúng thế! Cho đến khi nào chúng tôi còn hiện diện ở Nhật, họ sẽ không can dự gì đến chúng ta.

Chu: Còn điểm thứ ba ngài đã đề cập là ngài sẽ không ủng hộ hay cho phép Phong Trào Độc Lập Đài Loan, cũng không cho phép làm điều đó tại Mỹ hay tại Đài Loan.

Kissinger: Khuyến khích thôi. Còn "cho phép" thì ngoài khả năng của chúng tôi.

Chu: Cản ngăn chứ?

Nixon: Cản ngăn.

Chu: Nhưng ông nên nói rằng ông sẽ không cho phép một Phong Trào Độc Lập Đài Loan tại Đài Loan khi mà các lực lượng Mỹ còn hiện diện tại Đài Loan. Đó là điều quan trọng.

Nixon: Trong khi các lực lượng vẫn còn ở đó.

Chu: Bởi vì như ông cũng biết là chính Tưởng Giới Thạch đã nói là ông đã để cho ông Peng Meng-min[1] ra đi.

Kissinger: Điều đó không đúng. Tôi đề cập điều này chỉ vì Ngài Thủ Tướng và tôi đã nói đến điều này trước đây. Thưa Tổng Tống, như ông nhớ lại từ các văn bản tôi đã nói với Ngài Thủ Tướng rằng không một cá nhân người Mỹ nào, không một cơ quan người Mỹ nào, dù trực tiếp hay gián tiếp, được khuyến khích hay ủng hộ bằng bất cứ cách nào đối với Phong Trào Độc Lập Đài Loan. Nếu ông ấy có thông tin về việc nầy, cứ chuyển đến chúng ta và chúng ta sẽ hành động để dừng họ lại.

Nixon: Tôi tán thành lời cam kết này tại buổi họp hôm nay.

Chu: Tôi đã nhận được tài liệu nói đến việc Peng Meng-min trốn thoát được là nhờ người Mỹ giúp. Ông ấy là học trò của Tiến Sĩ Kissinger, như ông Reischauser vậy.

Nixon: Thưa Ngài Thủ Tướng, Tưởng Giới Thạch không thích điều đó. Chính ngài cũng không thích điều đó. Chúng tôi cũng không thích điều đó. Chúng tôi đã không đả động gì đến việc ấy.

Kissinger: Theo những gì tôi biết thì giáo sư ấy ra đi có thể do sự trợ giúp của những người Mỹ chống nhóm cánh tả Tưởng Giới Thạch.

Nixon: Tưởng Giới Thạch không thích chúng tôi.

Kissinger: Để dừng lại điều ấy, đây là điều khó khăn về chính trị cho phía chúng tôi bởi vì sau đó chúng tôi đã không còn liên lạc được với nhau nữa. Chúng tôi đã ra sức cản ngăn điều ấy. Nếu còn tái diễn nữa, chúng tôi có thể sẽ dừng nó lại. Ông ta đã đến Thụy Điển, không còn ở Đài Loan nữa. Ông ở Thụy Điển, và từ đó sẽ rất khó để ngăn cản ông đến Mỹ.

Thưa Tổng Thống, tôi cũng đã nói với Ngài Thủ Tướng rằng, tại Hoa Kỳ, chính phủ chúng ta không hề ủng hộ Phong Trào Độc Lập Đài Loan, dù trực tiếp hay gián tiếp, hay dưới bất cứ hình thức nào. Và nếu ông ấy có bất kỳ thông tin nào ngược lại thì chúng ta sẽ cố gắng không để xảy ra.

Nixon: Tôi tán thành lời hứa ấy.

Kissinger: Điều mà chúng ta không thể làm là nếu phong trào độc lập Đài Loan vẫn phát triển tại Đài Loan mà không có sự ủng hộ của Hoa Kỳ, thì chúng ta cũng không thể sử dụng các lực lượng của chúng ta để cấm đoán họ.

Chu: Điều đó đúng. Tưởng Giới Thạch sẽ làm điều đó. Ông ấy đủ sức để làm điều đó.

Nixon: Chúng tôi cũng đã nghe điều đó.

Chu: Vậy thì hai ngài cứ tiếp tục tìm kiếm hình thức nào thích hợp với trường hợp Đài Loan. Chúng ta chỉ có thể hoàn toàn đồng thuận đưa ra một cuộc họp tổng thể để bàn bạc sự việc sau khi việc ấy đã được giải quyết.

Nixon: Đương nhiên rồi.

Chu: Sau khi chúng ta giải quyết được vấn đề.

Nixon: Đây là sự việc mà chúng ta nên giải quyết giữa chúng ta với nhau và không nên đưa ra một cuộc họp lớn hơn.

Chu: Đúng thế.

Nixon: Chúng tôi phải cho nhân sự chúng tôi biết, Rogers và Green. Đó là vấn đề của chúng tôi. Đó là công việc của Tiến Sĩ Kissinger. (Thủ Tướng Chu cười.) Nhưng không cần một cuộc họp tổng thể.

Chu: Tôi muốn bàn sang chuyện khác. Đương

nhiên là chúng ta chỉ trao đổi quan điểm. Vấn đề thứ hai là Đông Dương. Đối với Đông Dương, ngài cũng biết về đề án của Đông Dương. Chúng tôi ủng hộ đề án này.

Nixon: Về bảy điểm.

Chu: Chúng tôi ủng hộ bảy điểm của Chính Quyền Cách Mạng Lâm Thời, và cũng ủng hộ hai dự thảo và Tuyên Ngôn Chung của Hội Nghị Thượng Đỉnh Các Dân Tộc Đông Dương. Điều đó là rõ ràng.

Và nếu cuộc chiến ở đó vẫn tiếp tục, dù cho sau này lực lượng Hoa Kỳ có rút lui hay vẫn còn vài đơn vị Hoa Kỳ ở lại rồi cuộc chiến vẫn tiếp diễn, chúng tôi vẫn tiếp tục sự ủng hộ của chúng tôi không chỉ cho riêng Việt Nam nhưng còn cho tất cả ba quốc gia ở Đông Dương nữa. Điều đó là chắc chắn.

Thứ ba, nếu Hoa Kỳ hoàn toàn rút lui, và cuộc chiến chủ yếu biến thành cuộc nội chiến, chúng tôi vẫn tiếp tục ủng hộ những phía mà chúng tôi đang ủng hộ, bất kể là ở Việt Nam, Lào hay Campuchia. Đó đã là quan điểm của chúng tôi từ lâu và chúng tôi cũng sẽ không thay đổi. Đương nhiên, chúng tôi mong là cuộc chiến sẽ chấm dứt. Nhưng hai phía của các ngài chưa tìm được lối ra, và chúng tôi không thể xen vào điều này. Chúng tôi chỉ chờ. Và chúng tôi đã lập lại rõ rằng chúng tôi chỉ có trách nhiệm ủng hộ họ, không có trách nhiệm thương lượng thay cho họ. Điều này đã được nêu rõ trong nguyên tắc bốn điểm.

Nhưng tôi muốn nói thêm đôi điều đã không được đặt trong thông cáo chung. Đó không phải là quan điểm chúng tôi áp đặt lên quý ngài, đó chỉ là quan điểm của chúng tôi. Cũng là người lãnh đạo như ngài, thưa ngài Tổng Thống, người được biết là nhìn xa trông rộng, điều đó chẳng lợi ích gì cho ngài hay vinh dự gì cho Hoa Kỳ để bỏ lại "một cái đuôi," mặc dù ngài vẫn quyết định là rút hết 500.000 quân. Bởi vì có những người ở Sài Gòn và Phnom Penh, họ không phải là những người ngài có thể tin tưởng được, họ sẽ vứt bỏ những người này ra. Cuộc chiến ở đó có thể sẽ phải kéo dài.

Nixon: Ngài Thủ Tướng muốn nói gì về "một cái đuôi?" Có phải muốn nói tới các lực lượng Mỹ còn lại?

Chu: Đúng vậy. "Cái đuôi" ý nói là các lực lượng Mỹ còn lại. Ngài cũng đã nói rằng nếu không có đồng thuận gì về họ, thì việc oanh tạc của các lực lượng Không và Hải Quân vẫn sẽ tiếp tục, và ngài cũng sẽ tiếp tục giúp đỡ họ công việc vận chuyển.

Nixon: Tôi rất ngưỡng mộ tính thẳng thắn của Ngài Thủ Tướng. Ông biết chúng tôi đang ở vào vị thế khó khăn, trong tình cảnh mà Thủ Tướng đã đề cập, chúng tôi đã nhiều lần nói rằng chúng tôi đến đây để được chính quyền Ngài giúp chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Đương nhiên là những gì Ngài Thủ Tướng vừa nói với chúng tôi, rõ ràng là Ngài chẳng thể giúp gì cho chúng tôi ở Việt Nam.

Chu: Nghĩa là, các đối phương của Ngài đang cố gắng vận dụng điều đó như là một khẩu hiệu vận động, cái phe Dân Chủ đó.

Nixon: Dù nói khéo léo đến đâu, thì trắng ra là Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa của Ngài muốn chúng tôi ngăn cản Phong Trào Dân Chủ Đài Loan và các ngài đã đạt được; còn những gì chúng tôi muốn quý Ngài giúp về vấn đề Việt Nam thì chúng tôi chẳng nhận được gì cả.

Hãy hiểu cho rằng tôi ý thức được vị thế của Ngài như thế nào, nhưng tôi thật sự muốn Ngài biết rằng điều đó đã để lại nhiều nghi vấn cho chúng tôi. Như Tiến Sĩ Kissinger có nói với Ngài, tôi không bao giờ đưa ra bất kỳ lời khuyến khích nào với Quốc Hội trước khi tới đây để giải quyết vấn

Nixon và Giang Thanh, vợ của Mao

đề Việt Nam. Ngược lại, tôi đã nói là chính quyền của Ngài Thủ Tướng rất khó khăn trong vấn đề này, và chúng tôi nên sắp xếp chuyện Việt Nam theo cách riêng của chúng tôi.

Kissinger: Tổng Thống cũng đã nói điều đó trong tường trình quốc dân về tình hình thế giới.

Chu: Còn nữa, như được nói trong bốn điểm chung (trong thông cáo chung) là ngài cũng không đại diện cho bất kỳ thành phần thứ ba nào trong các cuộc hội đàm.

Nixon: Tôi muốn Thủ Tướng biết rằng đương nhiên là chúng tôi biết sẽ phải làm những gì cần thiết để bảo vệ quyền lợi của chúng tôi, để bảo vệ lực lượng của chúng tôi và nhận lại những tù binh. Tôi ý thức rằng chính quyền của ngài sẽ phản ứng lại với những gì mà chúng tôi làm. Chúng tôi sẽ chẳng làm điều gì mà không cân nhắc xem có cần thiết để đạt được mục đích hay không. Và mục đích cuối cùng của chúng tôi là rút quân sau khi đã nhận lại các tù binh. Nhưng nếu chúng tôi không thể đạt được sự thương lượng, thì đó không phải là do chúng tôi, nhưng là do phía Bắc Việt, họ đã buộc chúng tôi tiếp tục sử dụng quân sự.

Nhưng thưa ngài Thủ Tướng, giải quyết vấn đề Việt Nam thì sẽ xảy ra thôi vì tôi đã quyết tâm rồi. Nhưng nó cần được thực hiện theo một phương cách đúng đắn. Điều đó sẽ xảy ra không bao lâu nữa.

Thông dịch viên: Ngài muốn nói đến việc rút quân?

Nixon: Đúng. Rút toàn bộ lực lượng Hoa Kỳ.

Nhưng như tôi đã nói, tôi muốn rằng điều đó phải được thực thi đúng cách. Chúng tôi không đi đến việc rút quân đơn phương mà không đạt được những mục tiêu về chính sách của chúng tôi ở đó.

Chu: Những điều đó lại làm sự việc thêm rắc rối. Bởi vì chính sách của ngài thì được bắt đầu không phải bởi chính quyền của ngài nhưng bởi người tiền nhiệm của ngài. Thoạt đầu, đâu cần gì phải gửi quân đội Hoa Kỳ vào Việt Nam. Khi các ngài gửi ngày càng nhiều quân vào, các ngài đã tự làm mình sa lầy ở đó. Do vậy chính quyền hiện nay của ngài bị buộc phải rút quân về, và ngài cũng nên biết

rằng điều bất hạnh này do tự tay các ngài làm ra.

Còn về việc phóng thích tù binh, họ được giam giữ để chờ được phóng thích. Đó là lẽ tự nhiên. Nhưng cũng có những ngoại lệ, như Ấn Độ. Họ đã bắt nhiều tù binh từ Pakistan và muốn giữ họ lại để mặc cả.

Nixon: Đó là những gì mà Bắc Việt đang làm với chúng tôi.

Chu: Trong khi nói về tù binh, tôi muốn đề cập đôi điều. Sự việc xảy ra khi ngài còn là phó tổng thống và có thể ngài đã không rõ điều đó lắm. Chúng tôi đã phải tự kềm chế thật nhiều. Điều tốt đẹp là cuối cùng Tổng Thống Eisenhower cũng đã kết thúc trận chiến ở Cao Ly. Nhưng những tù binh của ngài và tù binh của các quốc gia cùng phe với ngài, tất cả đều đã được phóng thích bởi Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên. Còn với phần lớn các tù binh của chúng tôi, Tưởng Giới Thạch đã gửi những người đã từng làm những công việc đặc biệt trong các trại tù binh ở Nam Triều Tiên đến để làm việc với họ. Việc hồi hương của họ được thực hiện dưới sự giám sát của một ủy hội quốc tế mà chủ tịch là Ấn Độ. Và họ đã cho thiết kế một màn thanh lọc - một phòng nhỏ - rồi cho các tù binh đi vào một cửa, hỏi họ là liệu họ có muốn trở lại Đài Loan hay không, nếu muốn, thì họ sẽ được đi ra lối khác. Trong những tình huống như vậy, dưới sự đe dọa bằng vũ lực, liệu ai còn dám nói ra điều mà họ muốn nói. Nhiều người trong số các tù binh này đã được gửi trả về Đài Loan; một số khác đã trốn ra và đã trở lại lục địa.

Chúng tôi có thể đặt một dấu hỏi lớn, đó là: "Tưởng Giới Thạch có quyền gì xen vào việc hồi hương các tù nhân này?" Bởi vì cả hai bên đều mong muốn kết thúc chiến tranh, và chúng tôi chỉ gửi đến đó những thiện nguyện viên, chúng tôi cho là không mấy tốt đẹp nếu cứ khăng khăng đòi tiếp tục chiến tranh bằng vấn đề tù binh. Số lượng tù binh của chúng tôi bị buộc đến Đài Loan không dừng ở số ngàn, nhưng lên đến chục ngàn người hay còn hơn nữa. Nhưng chúng tôi đã bỏ qua chuyện đó.

Do vậy, cuộc chiến không phải lúc nào cũng giống nhau. Đối với chúng tôi, khi đó, mặc dù đây là vấn đề nguyên tắc, bao lâu chúng tôi còn quan tâm, chúng tôi cho rằng tốt hơn hết nên kết thúc cuộc chiến. Tôi chỉ nói được chừng đó. Đó là vấn đề của lịch sử, nhưng còn nhiều điều trong tâm khảm của chúng tôi nữa, trừ khi những tù nhân của chúng tôi được trả về Đài Loan, mà ở đó vẫn còn là lãnh thổ của chúng tôi. Trong số họ, có thể một số đã gia nhập vào các lực lượng quân sự của Tưởng Giới Thạch, một số đã già, và một số đã quay trở lại lục địa.

(LND: Phần còn lại của biên bản đề cập đến các vấn đề của Campuchia, Cao Ly, Nhật Bản, Pakistan, Ấn Độ, Đài Loan không liên quan đến Việt Nam.)

Thẩm Vân dịch, minh họa và chú thích

Chú thích:

(1) *Peng Meng-min, sinh ngày 15/8/1923, là một nhà hoạt động dân chủ ở Đài Loan. Ông bị bắt năm 1964 vì đã cho in các tuyên ngôn cổ võ việc độc lập Đài Loan, và ông đã trốn thoát khỏi Đài Loan để đến Mỹ. Sau 22 năm lưu đày, ông đã trở về nước và trở thành ứng viên tổng thống Đài Loan, thuộc đảng Dân Chủ Tiến Bộ, trong lần bầu cử tổng thống trực tiếp đầu tiên của Đài Loan vào năm 1996.*

Câu Chuyện Chúng Mình

■ ***Lê Minh Khải K14***

Kính tưởng nhớ vị Nguyên Thủ Quốc Gia

Thân tặng:
Tôn Thất Hòang - Dương Ngọc Thanh - Lê Văn Trọng - Nguyễn Ngọc Thạch

Mỗi mùa hoa đào nở
Cánh hồng e ấp ấm mùa xuân
Virginia, Potomac, tôi hoài nhớ
Lâm Viên mai vàng nở mùa xuân
***
60 năm ấy mình ra trường
"Vũ Đình" quỳ xuống trang niên thiếu
"Hồn Danh Sĩ" tiếng kèn còn vang vọng
Anh hùng máu thắm tô non sông
Cánh vàng mai nở trên cầu áo
Phải chăng nghiệp dĩ tuổi hai mươi?
Hai tiếng ấm Người đặt tên khóa
"Nhân Vị" thế người của núi sông!
***
Ngày ấy tụi mình tuổi hai mươi
Mới mang cung kiếm gạt bụi trần
Pleiku, Mộ Đức, Đèo Mang lộng gió
An Khê, Đèo Đỏ, chiến trường xa
Mang Giang, 19, đơn vị đóng
Gặp "Người" thăm ấp dáng vạn thương

"Chú mi" theo tôi, nghe "tui" hỏi
"Chủ nhật" nơi đèo có buồn không?
Sao không bỏ lính đi tắm biển?
Qui Nhơn sóng bạc, cảnh hữu tình!
Tôi thưa, Ở lại nơi này với hồng phong
Cảnh này, hoàng hôn tôi luôn mến
Chân đèo, lau nở ngát mùi hương
Sương xuống, núi đèo cảnh buồn vương!

***

Ngát gió, phong sương lướt đèo Giang
Tuổi trẻ chúng mình thường mơ mộng:
Ngày nào gác kiếm, ngắm non sông
Đạn chỉ lên nòng khi chạm địch
Tuổi bao son trẻ, lắm tơ vương!
75 xuân rồi tôi còn nhớ:
Người ngồi phà khói, nhìn dáng mình
Không cười, chẳng nói, vẫn làm thinh
"Mi" ở trường nào mà ra đây?
Khóa nào, số mấy, có tên chi?
Tôi nhìn "người ấy" nhìn nhìn mãi
Ngồi trên phiến đá đỉnh đèo cao
Sương chiều buông xuống mờ nhân ảnh
Bên cánh rừng lan thắm mùi hương...
Tôi đứng thẳng người thưa với "cụ"
Tôi đã ra trường năm sáu mươi
"Tui" đã nhìn "mi" tui thoáng biết
Khi chào ban sáng gặp tôi rồi!
Kiểu chào không phải như mấy tướng
Lùi dần rồi mới dám quay lưng
Còn "mi" chào rồi, mi quay thẳng
Dáng coi mạnh dạn không ngập ngừng!

***

Nay tuổi 75 tôi nhớ "Người"
Chào một nguyên thủ cứ khơi khơi
Văng vẳng lời đâu tôi còn nhớ:
Trên đèo núi cao vẫn tiếng "người":

"Mi là Võ Bị, tui trao gương
Cung tên hồ thỉ khắp bốn phương"
"Nhân Vị" là danh tên lồng khóa
"Nghĩa Cả" "Thế Người" luôn đứng lên
Là Danh Dự, là Tổ Quốc trọn nguyên biên
Là sông biển, đảo xa, đèo cao dốc thẳm
Là Tự Do, Độc Lập, giòng giống Lạc Hồng!
Lời nói ngày nào còn lưu niên sử
Bóng dáng thuở nào, còn vương vấn với non sông!
Để rồi một chiều xuân, tôi lặng lẽ:
Nhớ lại "chiến trường, tan khói chiến trường chinh"
Lâm Viên che khuất bao chinh mã
Ngã nón, lặng chào những anh hùng
Đã muôn đời vị quốc vong thân!

Virginia, Springfield 4/4/2010
Lê Minh Khải K14

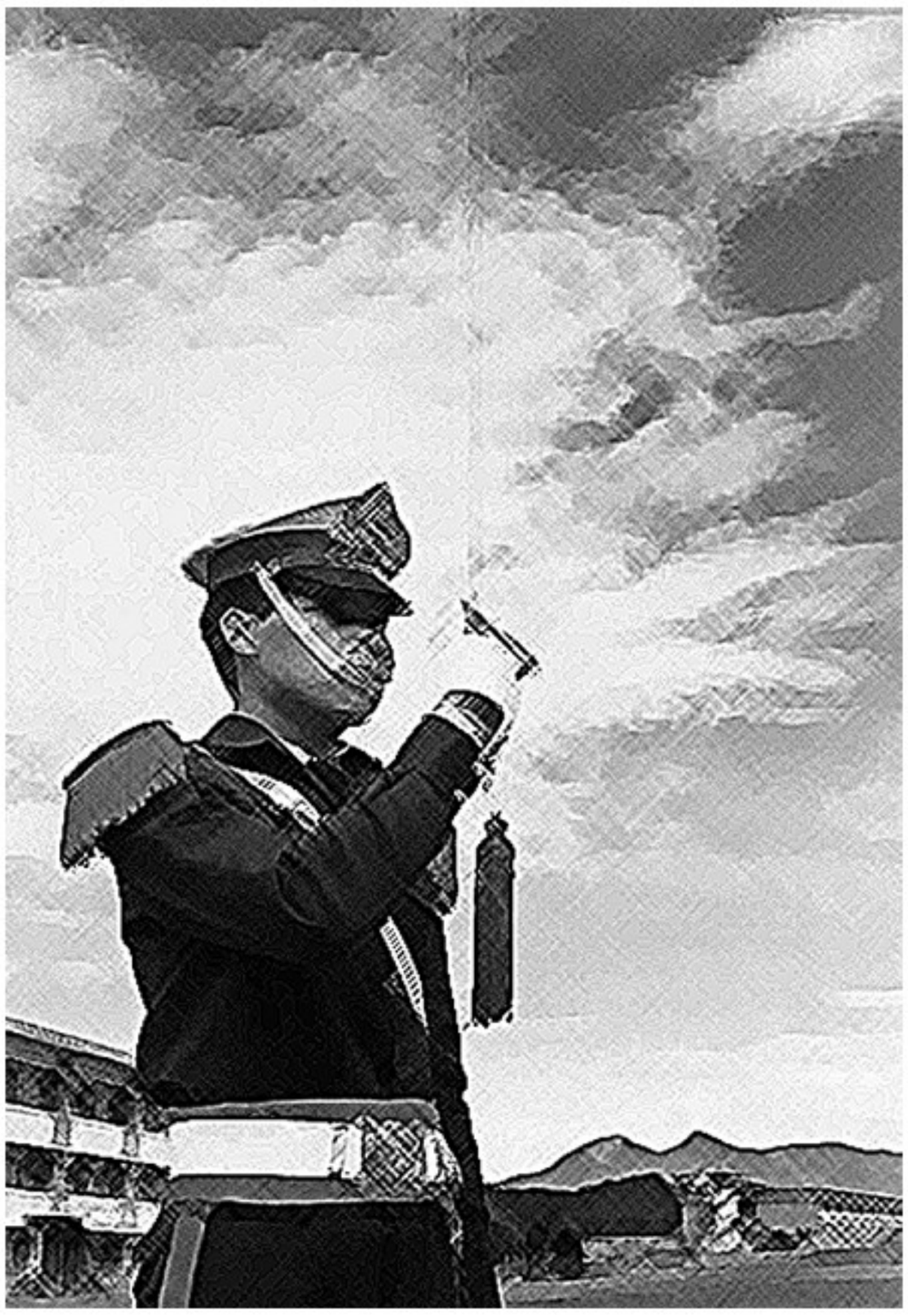

◀ *Hà Mai Trường K26*

■ *thơ nguyễn văn ngọc k26*

thương em dài thuở đợi chờ

nét vẽ của họa sĩ Vũ Thái Hòa ▶

nắng lên thêm hồng môi em
gió lên bay tóc em mềm
sớm mai ở ngoài biển lặng
lời yêu chìm tiếng sóng êm.

buồn không khi anh hai mươi
em mười sáu tuổi trăng đầy
mai rồi anh vào quân ngũ
mình em lặng lẽ nơi này.

tặng em đây vỏ ốc khô
như là kỷ vật chia xa
chiến chinh buổi về không hẹn
thương em dài thuở đợi chờ.

ôi em đoá quỳnh mong manh
xa nhau sao lòng chẳng đành
gửi lại tình này vời vợi
em yêu giữ nhé hộ anh.

11/09

Vườn thơ
Chu Thụy Nguyên K24

Saxo Buồn
Từng Giọt Không Tan

(Thương tặng oan hồn CSVSQ Lý Công Pẩu K26)

.....Rồi bỗng một sáng tinh mơ, trái tim còn nóng hổi những cung bậc Saxo tài hoa đã vĩnh viễn nằm xuống bên bờ rào tù ngục sau những loạt đạn phi nhân man dã. Ngoài kia bình minh vừa lên, có tiếng chim lạc gọi nhau khàn đục thảm thương, hay tiếng rên xiết cho một người tù vừa gục chết oan khuất.

Tôi thực sự không còn nhớ rõ ngày em nằm xuống bên bờ rào tù ngục Trảng Lớn, nhưng cứ mỗi lần tháng tư đen sắp trở lại là hình ảnh em, những loạt đạn dã man phi lý lại hòa quyện cùng từng giọt Saxo tài hoa dìu dặt ngày nào lại về với tôi, u uất và chất ngất....

Chu-Thụy-Nguyên K24

Em sóng soài cỏ mượt
Máu loang thắm đất tù
Người tử tù bất khuất
Da diết buồn Saxo.

Nước mắt tôi chẳng còn
Khóc em ngất đau thương
Saxo buồn u uất
Quanh tôi trời thê lương.

Em một lần lên núi
Vai vác nặng câu thề
Saxo da diết quá
Như biết đời nhiêu khê.

Ngẩng cao thề sông núi
Lâm Viên hào khí thiêng
Treilli mồ hôi đẫm
Saxo chiều cao nguyên.

Loạt đạn nào cuồng nộ
Vừa đoanh nổ tan tành
Xác người tù gục đổ
Saxo tình vẫn xanh...

Em chưa về lại núi
Một lần hay thiên thu ?
Trên đỉnh dốc sương mù
Saxo buồn miên viễn.

Đà Lạt còn hoa lá
Saxo còn thiên thu....

Bên Triền Hoa Rụng

(Kính tặng các quả phụ của Cựu SVSQ Trường Võ Bị)

Theo em về phố qua triền,
Triền đầy hoa rụng huyên thiên dấu buồn
Chiều trong veo nắng trải suông
Bên hương cỏ đậm ai buông thở dài?

Ai rung khe khẽ bờ vai
Lùa trong nhánh mượt nỗi hoài thương mong
Áo chinh nhân đẫm máu hồng
Bọc thây da ngựa non sông lỗi thề
Chí mong tiến bước nhiêu khê
Mộng tan hồ thỉ đường về mắt cay
Bên kia cầu - nước chia hai
Thảng nghe buốt xoáy vàng phai nát lòng
Ôm trầm mặc mớ bòng bong
Đâu ngày tháng cũ nắng hồng đầy vai
Vốc tay hứng cụm mưa mây
Khỏa đầy lên tóc nở đầy trăm bông
Chừ đau suốt kiếp mong chồng
Vuốt tay đắp mặt hoa lòng rụng rơi!.....

Kinh Cầu Hồn Tháng Tư Đen

Nén hương yêu thắp tháng tư
Việt Nam ơi! Kiếp ngục tù bao lâu?
Khăn sô ai chít lên đầu
Khắp nơi oan thác tiếng cầu kinh vang
Tháng tư đen đúa kinh hoàng
Người thành gia súc bên đàng co ro
Xác khô manh chiếu tròn vo
Tháng tư đẫm lệ mẹ khô máu tình
Xác người trên biển lênh đênh
Tháng tư ác quỷ rập rình nhe răng
Thác bờ, thác bụi, dọc đàng
Cong queo giữa chợ, nằm ngang lối về
Xác nào vắt vẻo trên đê?
Tháng tư nhang khói lê thê mịt mù
Đêm về nghe tận thiên thu
Tiếng ai oan khóc khói tù mù cay
Tháng tư giỗ quải từng ngày
Hồn oan ngọn cỏ, cành cây uất hờn....

Cha Tôi

Thanh Tịnh 26B

Kính tặng:
Anh Nguyễn Đức K26, Australia
Anh Trần Văn Thọ, Oklahoma
Huyền Tôn Nữ Việt Thảo, Louisiana

Lúc này tôi đang thất nghiệp, nằm nhà, sáng đi bộ 1 tiếng, về tưới cây, ăn sáng.... Tôi chợt nhìn lên bàn thờ có hình ảnh cha mẹ tôi đang mỉm cười nhìn tôi. Có lẽ điều ước của cha tôi đã thành sự thật nên tôi đứng trước bàn thờ lâm râm khấn nguyện và thầm cám ơn Cha đã hun đúc tinh thần cho tôi trong những tháng ngày lận đận để nay những ước nguyện đó đã thành sự thật. Con cám ơn cha muôn vàn...

***

Tôi thường gọi cha tôi là "Ông" và mẹ tôi là "Mệ", vì khi lớn lên, có trí khôn, anh chị tôi có gia đình, có các cháu, chúng tôi đều ở chung một nhà, cho nên tất cả đều gọi chung là Ông và Mệ. Hôm nay là ngày đầu tiên của tháng Sáu, tháng để nhớ Cha, nên tôi có ít giòng để nhớ về người cha yêu quý của tôi.

Cha tôi là một nông dân cần cù với ruộng vườn, với tất cả cực nhọc, chịu đựng mưa nắng. Chưa bao giờ tôi thấy cha tôi được sung sướng! Quê tôi ở Quảng Trị, làng Trí Bưu.

Lúc nhỏ, tôi ở quê, lớn lên vào Đà Nẵng theo anh chị. Cha mẹ tôi cũng bỏ ruộng vườn vào Đà Nẵng. Anh tôi xin cho cha làm lao công trong bệnh viện Duy Tân. Ngày ngày cha tôi chỉ lo đem thức ăn phân phát cho bệnh nhân, rãnh rỗi ông lại trồng chuối. Những chỗ đất trống, cha tôi tận dụng trồng chuối hết, bệnh viện bỗng trở nên xanh mát từ ngày có cha tôi. Vì vậy, cha tôi rất được lòng bác sĩ, nhân viên trong bệnh viện vì cái tính siêng năng, cần cù và chịu khó của ông....

Tác giả & phu quân

Sau một thời gian dài, cha tôi đến tuổi về hưu, ông lại chuyển sang nghề khác, ngày ngày lọc cọc với chiếc xe đạp đèo vài két bia, nước ngọt, xá xị phân phối cho các tiệm ở đường Võ Tánh, Trưng Nữ Vương, Phan Chu Trinh v.v.... Cha tôi thường mua ở những tiệm lớn rồi đem bỏ cho các tiệm nhỏ kiếm lời chút đỉnh sống qua ngày. Thỉnh thoảng đưa cho chị dâu tôi ít tiền để mua gạo thêm. Mẹ tôi thì ở nhà ẵm cháu. Cha tôi cũng thường hay đạp xe xuống tới hãng BGI tuốt tận dưới phố đứng sắp hàng chen chân nhau mới mua được một két bia, hy vọng kiếm lời nhiều hơn, nhưng đợi cả buổi sáng mới mua được một két thôi vì họ không bán nhiều, chỉ bán tiêu chuẩn một két vì bán giá rẻ. Nhưng hôm nào mua được, cha tôi mừng lắm! Sáng sáng, trước khi lao động, ông đều đi dự lễ Misa mỗi ngày. Hôm nào đi lễ về, ông cũng ngâm nga bài hát:

Đường lên Thiên Cung xa ngất muôn trùng,
Bao nao núng xao xuyến hồn con,
Đường lên dương gian ôi chốn mịt mùng,
Con biết lấy ai mà phó xác hồn.
Cúi xin Mẹ Hằng Cứu Giúp cho,
Ban muôn ơn xác hồn,

Ách tội tình Mẹ thương gỡ cho,
Xin dắt con về chốn Thiên Đường.

Tôi vẫn thuộc lòng bà cha tôi thường hát vì tôi vẫn lẽo đẽo theo cha đi nhà thờ mỗi buổi sáng. Tính tình cha tôi vừa đạo đức vừa thương người. Ở thành phố Đà Nẵng mà mỗi tối đều đọc kinh lần hạt theo các ngày khác nhau: thứ Bảy thì lần hột Bảy Sự Thương Khó Đức Mẹ, còn trưa Chủ Nhật thì đọc kinh cầu các Thánh. Kinh cầu này khó thuộc vậy mà cha tôi lại đọc thuộc lòng. Chúng tôi đều phải cầm sách đọc xướng theo. Cha tôi cũng lại rất từ tâm. Mỗi lần có người đến xin ăn, ngoài việc xúc một loong gạo cho, cha tôi lại bảo dọn cơm cho họ ăn no rồi đi, hoặc kiếm ít áo quần cũ cho họ. Xung quanh xóm tôi là những người Phật giáo có, lương có, cho nên gia đình tôi thì kinh kệ, mà nhà sát bên cạnh thì tụng kinh, tiếng mõ với lời cầu kinh nghe đều nhịp, êm tai, làng xóm rất thanh bình.... Tôi chưa hề nghe cha tôi có tiếng lớn, tiếng nhỏ với hàng xóm bao giờ.

Thế rồi, cuộc sống yên bình bỗng đổi thay, chiến tranh rầm rầm....

Đà Nẵng lúc đó gia đình nào cũng phải làm một cái hầm bằng bao cát, hễ nghe còi hú báo động là mọi người chạy vào hầm núp. Một hôm, nghe đạn bay vèo trên đầu nhà, bỗng nghe ầm một cái tưởng như đất trời sụp đổ. Lát sau, mọi người ùa ra ngã ba, người lính canh gát ở lô cốt bị pháo kích, xác tan tành từng mảnh, tay đường tay, chân đường chân! Tôi hãi hùng và thương quá số phận của những người lính. Có lẽ điều đó đã ăn sâu vào tâm khảm tôi, nên sau này tôi là... vợ lính.

Tôi vào Legio Mariae, mỗi tuần dẫn các cô đi thăm thương bệnh binh ở bệnh viện Duy Tân, Đà Nẵng. Có hôm đang đi qua dãy hành lang của bệnh viện, liếc nhìn vào thấy mấy anh đang ngồi nhìn ra ngoài, bỗng nghe có tiếng hô lớn: "Bà Ngô Quang Trưởng đến. Nghiêm!" Chúng tôi vừa tức cười nhưng không dám cười vì cũng hơi sợ sợ... nhưng vẫn làm bộ mặt nghiêm nghị, hiền hòa vừa an ủi, vừa giúp đỡ mấy anh ấy viết thư về gia đình. Đó là công tác của hội

chúng tôi, mỗi tuần là phải đi thăm bệnh nhân. Thời gian này, ông anh cả của tôi lại vướng bệnh viêm gan, nằm bệnh viện ba năm trời mới mất. Cha tôi từ giã Đà Nẵng để về quê Quảng Trị tiếp tục xây dựng làm lò gạch ngói. Cha tôi phải hùn vốn với anh tôi và một ông anh bà con mới đủ vốn để làm. Hoàn chỉnh lò gạch ngói xong chưa in được miếng nào thì Mùa Hè Đỏ Lửa (1972) đến. Từ lò gạch cho đến nhà cửa tan nát không còn một mảnh! Bao nhiêu tiền bạc vốn liếng cha mẹ tôi có đều đầu tư vào đây cả. Giặc đến, cha mẹ tôi bỏ của chạy lấy người, trở vào Đà Nẵng với hai bàn tay không. Lúc này cha mẹ tôi đã già nhưng vẫn ngồi bán xăng lẻ độ nhật. Cũng với chiếc xe đạp, cha tôi chở hai bên được hai can xăng, mua chỗ này bán chỗ kia; còn mẹ tôi ngồi bán xăng lẻ ở ngã ba Sơn Chà, Non Nước cho xe thồ....

Sau năm 75, tình thế làm ăn khó khăn, cha mẹ tôi lại về quê sống vì lúc này anh tôi mất, sống chung với chị và các cháu cũng thiếu hụt, cha mẹ tôi tính chuyện về quê làm ruộng kiếm gạo qua ngày. Mặc dù đã gần 70 tuổi vậy mà ngày nào ông cũng tham gia lao động, không thiếu một ngày công, lúc thì đi cuốc ruộng nước, khi thì làm lò, in gạch ngói – đó là nghề của cha tôi mà. Cứ tờ mờ sáng, cha tôi đã lững thững ra lò. Một đống đất to tướng, cha tôi đứng lên đạp đạp, dậm dậm, khi đất nhồi đều, tay này ông cầm cái cung khéo léo cắt lát đất mỏng, tay kia đỡ lấy và ập vào lại nhau, cứ liên tục suốt mấy tiếng đồng hồ thì xong phần đất. Sau đó lại lấy khuôn ngói hay gạch cho đất vào rồi đem phơi nắng. Từng viên, từng viên được phơi thẳng tắp. Người ta khen cha tôi đúc viên ngói đẹp và sắc sảo. Thanh niên học làm theo cũng không bằng, kể cả tôi. Ông vừa cẩn thận, vừa khéo tay, khó có ai địch nổi. Cha tôi làm việc giỏi nhưng lại ít nói, và ít chê ai, thường hay chỉ dạy con cháu bằng việc làm chứ đánh hoặc chưởi thì không!

Tính tình cha tôi vừa đức độ, vừa chịu khó. Buổi trưa mọi người nghỉ trưa ăn cơm, nằm ngả lưng giữa nhà, đất mát, gió hiu hiu, ngỏ ngon vô cùng, vậy mà cha tôi cố gắng cầm

cuốc ra mấy rẻo đất nhỏ còn bỏ trống, ông cuốc chậm rãi từng lát đất dưới trời nắng chang chang với mỗi chiếc quần đùi và tấm lưng trần, trên đầu chiếc nón đã rách! Tôi nói với cha: "Trưa nắng quá, Ông nghỉ tay ăn cơm để chiều còn làm nữa." Cha tôi ngừng tay, nhổ miếng nước bọt vào hai bàn tay, thoa thoa rồi tiếp tục cuốc và nói: "Kệ, phải ráng kiếm ít khoai xắt phơi khô để bữa mô vô Đà Nẵng đem cho cháu ăn, chớ miềng có chi mô cho cháu con." Mà đúng thật, trời đã không phụ lòng, vài tháng sau, chỗ đất ấy kiếm được cả gánh. Cha tôi lại phơi khô, đem bỏ vô bao vác từ quê lên sân ga vào Đà Nẵng cho cháu. Khi trở về, đem theo một hai chục ký đường đen bán lại cho người chòm xóm ở quê để đêm đêm tới mùa trâu đạp lúa, họ lại nấu chè ăn đêm. Cha tôi bán để kiếm tiền xe.

Ở quê tôi, vào ngày mùa, lúa cắt về được xếp tròn chung quanh cho trâu lên đạp. Thỉnh thoảng con trâu đứng lại, có người lên tiếng: "Trâu ẻ!" Vậy là một người khác nhanh chân cầm cái mủng có lót rơm sẵn đưa hứng ngay, nếu không thì trâu sẽ "ị" ra trên lúa đấy. Vào những buổi trưa hè oi bức, tuy là trong nhà, nhưng vừa ăn cơm vừa lau mồ hôi đổ hột trên trán. Nhà lợp bằng tranh, chung quanh là tôn rách, đạn lủng lỗ chỗ không có miếng nào lành lặn! Cha tôi ngồi ăn cơm với tôi và nói: "Ước chi có được một con cá rô tháng mười cha ăn được ba chén cơm đó con!"

Thời buổi quá là khó khăn, ngày nào cũng ăn cơm với "mắm đuôi". Tôi thì chỉ thích nhất chén ruốc bỏ vào chút ớt bột hấp trên nồi cơm. Giở cơm ra, chén ruốc chín, mùi ruốc thơm bay lên, ăn vừa ngọt vừa cay ngon đáo để. Nhưng rất ít khi được như vậy. Mẹ tôi thường hái mấy trái ổi trước nhà, rọc một ít tàu lá chuối, chặt vài cây mía, vậy mà có một gánh nặng nặng "sương sương" lên chợ bán kiếm tiền mua ít ruốc về ăn, nhưng cũng chỉ để dành nêm canh thôi. Nấu một nồi canh, thả rau khoai vào, nêm chút ruốc, chút muối là ăn no, dễ nuốt vì cơm khoai, ngô lộn xộn có miếng canh dễ nuốt. Nghèo khổ như thế đó, vậy mà một hôm có đoàn tù cải tạo đi qua làng, dừng chân xin ít tre, cha tôi

không ngần ngại chỉ cho mấy bụi tre tốt, thẳng và dễ chặt. Anh tù binh cười hóm hỉnh: "Hôm nào con lái xe Jeep về thăm Ông và Mệ."

CSVSQ Hồ Sĩ Thơ K26

Cha mẹ tôi cũng rất thương và chìu đứa con gái út. Số là trước đây tôi có quen một anh chàng SVSQ Đà Lạt, Đại Đội B, khóa 29. Thời gian quen biết nhau là thời gian anh ở quân trường, gia đình tôi đều biết, bổng dưng thời thế đổi thay, mỗi người một ngả. Một hôm, các cháu ở Đà Nẵng cho hay, "Có thư của o... của ông lính hồi xửa hồi xưa gửi." Cha tôi có nhờ người quen có dịp vào Đà Nẵng đem ra giùm. Tôi còn nhớ, trời tối thủi tối thui mà cha tôi cũng lần mò lên xóm trên để lấy lá thư về cho tôi. Đọc thư thấy tôi vui, cha tôi cũng vui lây. Thư cuối cùng anh ấy mượn lời thơ của Du Tử Lê viết cho tôi:

"Anh đã hứa em an lòng hỡi nhỏ
Ta sẽ về tới chốn của riêng nhau
Nơi sương sa như sữa suốt buổi chiều
Nơi mưa bụi xuống lòng nhau lấm tấm.

Nhưng đó chỉ là thơ thôi vì chúng tôi chẳng gặp nhau bao giờ! Và lá thư đầy kỷ niệm từ trong trại tù mà cha tôi đã lặn lội đi lấy về cho tôi cùng vấn an "Ba Mẹ", lá thư xếp đôi với màu bút chì, không có bì thư. Và rồi không bao giờ tôi nhận được lá thư nào khác nữa.

Một lần, cha tôi lo lắng và nói: "Con phải lấy chồng chứ. Ông Mệ chết rồi con ở với ai?" Mà nhìn lui nhìn tới có ai cỡ tuổi mình đâu! Tôi chỉ nghĩ vui với công việc và sống với cha mẹ già thôi. Những tưởng là quá lứa, lỡ thời, không ngờ

tôi lại gặp một anh chàng cũng là sĩ quan Đà Lạt. Vậy là tôi cũng có duyên với Đà Lạt đó chứ. Chúng tôi cưới nhau một thời gian ngắn sau đó. Thấy gia đình chúng tôi chật vật, chồng tôi đi tù về việc nhà nông thì không quen lắm, đi làm ở quê thì cứ nghe tiếng bấc, tiếng chì nên cha tôi khuyên chúng tôi: "Con nên tìm đường vô Nam mà sống, kiếm bạn bè đi vượt biên đi, đời con còn dài."

Tôi nhớ hôm giã từ cha mẹ để đi, tôi không thể nào quên được hình ảnh và tình yêu thương vô bờ bến của cha mẹ tôi. Cha tôi lúc đó bị bệnh nằm liệt giường suốt năm, bộ phận tiêu hóa không làm việc được nữa. Cha tôi phải nhắc cái ghế ngồi cạnh hố xí, hễ khi nào muốn đi thì đi ngay, ăn gì cũng không được. Thời gian sau, cha tôi nằm liệt một chỗ, mẹ tôi phải khoét một lỗ trên giường nằm của cha tôi vì ông quá yếu không còn nhúc nhích gì được. Vậy mà tôi lại ra đi!

"Lấy chồng thì phải theo chồng,
Chồng đi đường rắn đường rồng cũng theo."

Bà con chòm xóm xúm nhau lại tiễn tôi đi, người thì lấy rượu bóp tay chân, mình mẫy cho cha tôi rồi đỡ cha tôi ngồi dậy. Cha tôi chậm rãi mở bóp lấy ra hết số tiền và đếm được 70 đồng. Cha đưa hết cho tôi và nói:

- Con lấy tiền này phòng thân.

Rồi quay sang nói với mẹ tôi:

- Mệ có chi cho hắn với!

Mẹ tôi vội vàng lột đôi bông tai có cái đuôi dài đưa cho tôi không chút tiếc nuối. Mẹ tôi thì khóc sướt mướt, thương con thương cháu không muốn rời. Mẹ tôi nằm dài chận ngang ngõ, chòm xóm phải năn nỉ lắm tôi và mẹ mới rời nhau đi được. Cha tôi thì rất bình tĩnh:

- Con đi đi, Ông Mệ chết có chòm xóm lo, họ không để thúi mô.

Bẫng đi ba năm sau kể từ ngày tôi vào Nam, tôi không hề thư từ gì cho cha mẹ tôi cả vì cuộc sống ở đây cũng quá vất vả. Gia đình tôi chỉ biết làm mướn sống qua ngày. Mùa mưa, nước lên chỉ "ở không" không làm gì cả. Chồng tôi phải qua bến chợ để vác lúa mướn cho lên ghe. Hết việc

này đi tìm việc khác làm, bữa có bữa không. Tôi thì ở nhà cũng nấu khoai mì đội đi bán mỗi sáng, ngày này qua ngày nọ. Đứa con gái đầu lòng lại hay đau, hết ban đỏ tới ban bạch, đầu thì ghẻ lở không còn một sợi tóc, tôi lấy khăn choàng lại cho cháu vì thấy cái đầu ghẻ người ta lại gớm không ai mua khoai của tôi. Có hôm đi bán khoai về, tôi tìm áo quần để thay, không thấy giỏ áo quần đâu cả. Tôi hỏi cháu bé, cháu chỉ vào khạp đựng nước uống và nói: "Giặt, giặt!" Cháu mới chưa được 1 tuổi nên chỉ biết lẩm đẩm và nói được một hai tiếng. Tôi lại khạp nước thấy bao nhiêu áo quần cháu đã cho vào khạp nước ướt sũng rồi!

Cuộc sống ba chìm bảy nổi. Công việc ở quê miền Nam khi mùa nước lên không có việc gì làm cả, những lúc như vậy, chúng tôi hay mượn lúa gạo của chòm xóm ăn qua ngày. Người miền Nam hiền lành và tốt bụng. Vợ chồng tôi cũng được bà con chòm xóm thương yêu, đỡ đần rất nhiều, coi chúng tôi như con nuôi và chia sẻ mọi cái. Còn cha mẹ tôi, thời gian tôi đi không ổn định được công ăn việc làm, cuộc sống quá bấp bênh nên không hề hay biết là cha tôi đã qua đời lúc nào, cha mẹ tôi sinh sống làm sao. Sau này, tôi chỉ nghe kể lại lúc gần mất, cha tôi đi dọc theo bờ sông, đứng nhìn rồi ngã xuống bên bờ hồi nào không biết, đến chiều mẹ tôi đợi mãi không thấy về ăn cơm, bà nhờ chòm xóm đi kiếm giúp, người ta bảo hồi sáng thấy ông đi xuống phía bờ sông. Thế là mọi người đổ xô đến đó và thấy cha tôi đã bất tỉnh tự bao giờ, không còn nói được, và chỉ nhìn bà con với giòng nước mắt chảy tuôn. Thế rồi cha tôi đã ra đi vào ngày hôm sau!

Tôi nghĩ cha tôi nhớ đứa con út, chắc nó đã vượt biên và đã chết đâu đó ngoài biển.... Nhưng cha ơi, vong hồn cha linh thiêng đã xui khiến cho chúng con tìm lại được bạn bè. Anh Nguyễn Đức K26, Australia, đã hồi âm thư cho chồng con:

"Mày với tao là bạn nối khố, mày đừng ngại. Mày muốn tiền hay quà?"

Còn anh Trần Văn Thọ ở Oklahoma, đã gửi tiền và nhắn nhủ:

"Còn trời còn đất còn non nước,
Chẳng lẽ ta đâu mãi thế này?"
(Nguyễn Công Trứ)

Và Huyền Tôn Nữ Việt Thảo, bạn con, viết thư tâm tình như thuở nào, Thảo nói là:

"Chúa không để ai khổ hoài đâu!"

Và rồi những người bạn đó, chồng con nói đó là những tấm lòng vàng của gia đình, họ liên tiếp gửi tiền về, cọng với một số tiền vay mượn của bà con, chồng con đã làm một cuộc vượt biên và đã đến nơi an toàn.

Lời cha khuyên nhủ ngày xưa đã thành sự thật. Con chỉ ân hận một điều, mấy năm xa cha già mẹ yếu, con không tin thư về! Thật sự là con quá khổ nên không muốn cho cha mẹ biết thôi. Con không ngờ đến giờ phút lâm chung, cha cũng vẫn còn nhớ đến con, vẫn đi tìm con. Con xin lỗi và lạy tạ cha. Con cám ơn cha những lời khuyên và những gương sáng của cha đã làm hướng đi cho con suốt cuộc đời. Con thích nhất câu kinh thánh trong ngày Lễ Thánh Gia:

"Của dâng cho Cha sẽ không rơi vào quên lãng.
Của biếu cho Mẹ sẽ đền bù tội lỗi."

Con yêu quí của cha.

T.T.
Tháng 6, 2009

Đính Chính Đa Hiệu 89

Tòa soạn xin đính chính một số sai sót sau đây:

Trang	*Dòng*	*In là*	*Xin sửa là*
142	7	Huy Cận	Lưu Trọng Lư
147	28	K27	K22

Đêm Dưới Trời Bơ Vơ

■ *Trương Thanh Nhạc K22*

(Nhớ về em, một kỷ niệm đầu đời)

Căn cứ A2 có độ cao 46 mét, còn gọi là đồi 46, một địa danh thuộc quận Gio Linh, nằm trên Quốc Lộ 1, cách cầu Hiền Lương chừng 3, 4 cây số đường chim bay; từ nơi đây nhìn rõ những thanh cầu Hiền Lương màu đen sắt rỉ, gãy đổ bên dòng sông Bến Hải, chơ vơ giữa trời. Giữa A2 và cầu Hiền Lương là làng Hiền Lương, làng cưu mang chiếc cầu lịch sử đau thương, làng chìm trong cảnh hoang tàn bom rơi đạn lạc không một bóng người lai vãng. Căn cứ A2, điểm phòng thủ chiến lược cực Bắc của Quân Đội Miền Nam Việt Nam, luôn luôn được duy trì quân số cấp tiểu đoàn.

Trời Gio Linh - Đông Hà, cát bay mù mịt hơn cả cát sa mạc trong cơn lốc gió lộng bởi những đoàn xe GMC, thiết vận xa M113, máy bay chiến trường UH 1B, chuyển quân suốt ngày suốt tháng suốt năm. Đơn vị tôi, Đại Đội 4 thuộc Tiểu Đoàn 4 Trung Đoàn 2 Sư Đoàn 1 Bộ Binh, được chuyển về phòng thủ căn cứ nầy vào mùa thu 1969.

Tiểu đoàn về căn cứ có nhiệm vụ vừa phòng thủ vừa làm

lực lượng trừ bị; vì vậy, các đại đội linh động sắp xếp cho lính đi phép; còn mình thì không thể vắng đơn vị bất cứ giờ phút nào, không phải lệnh cấm trại 100% mà vì tình trạng sôi bỏng chiến trường, ngoại trừ được đi phép. Mà chờ được đi phép thì lâu lắm, kiểu này đôi khi cả năm chưa có một lần. Đơn vị trưởng tác chiến là như vậy; túng quá phá rào nhảy đại hên xui, bởi thế có nhiều tên thân bại danh liệt, đi tù chỉ vì chỉ có một đêm thôi, về nhà không may gặp lúc Việt cọng tấn công đơn vị. Lính tác chiến mà! quen với gió sương hiểm nguy, sống còn không biết, biết chi đến tù tội, nhưng chỉ tội cho lính khi chiến đấu mà không người trực tiếp chỉ huy, phần thiệt hại chắc chắn phải cọng thêm ít nhất 30%. Tiểu đoàn lâu lâu mới về căn cứ một lần, bởi vậy lúc ở căn cứ là lúc sống hối hả, tranh lấy từng ngày, không ít tên đơn vị trưởng đem vợ con ra sống chung. Tôi thì hơi khác một chút, không tự do như những bạn khác. Lúc đó Thiện, bà xã tôi sau này, đã đám hỏi mà chưa cưới và còn bận dạy học tại trường Tiểu Học Trần Quốc Toản Huế. Tuy là cô giáo nàng cũng phá lệ, giao lớp cho thầy hiệu, bất kể có nhận hay không, ra ở với tôi vài hôm; dĩ nhiên tôi cũng bỏ đơn vị nhiều lần về Huế thăm Thiện, nhưng mà tôi vẫn đem Thiện ra căn cứ sống với tôi.

Nguồn: Trương Thanh Nhạc K22

Bầu trời A2 mênh mông, bên kia vĩ tuyến 17 là Việt Bắc xa thẳm; bên này từ A2 về hướng Đông gần biển có căn cứ A1 (Nhi Trung-Nhi Hạ), B2, B1-Ocean View nam Cửa Tùng; phía Tây, những căn cứ A3 (Lạc Sơn), A4 (Cồn Tiên), xa hơn nữa, căn cứ Fuller, Khe Gió (Cam Lộ), đến núi rừng Khe Sanh, Lao Bảo giáp biên giới nam Lào; phía Nam, quận Gio Linh, Đông Hà, Quốc Lộ 1 dài tận chân

trời. Ban đêm ở căn cứ nghe rất gần tiếng súng nổ từ các cụm đồn bót, từ các làng xã đồi núi xung quanh, nghe tiếng pháo dội từ những đơn vị chạm địch xa xa được yểm trợ bởi các căn cứ lớn, bởi hạm đội Mỹ ngoài khơi Thái Bình Dương trộn lộn trong tiếng pháo dồn dập của địch; thấy rất rõ những phi vụ oanh kích, thả bom, trực thăng tản thương... Cuộc chiến bước qua giai đoạn mới, từ Mỹ Hóa sang Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Mỹ triệt thoái quân về nước, ngược lại tập đoàn cọng sản Nga Tàu lại đổ quân tiếp sức cho Bắc Việt, mở những chiến dịch lớn, 'đánh' khốc liệt, 'đàm' liên miên. Hai đứa tôi bất giác, chẳng muốn nói chi hơn, ngồi im lặng để nỗi buồn về ngự giá, và hồn sầu theo sương khói hắt hiu.

Tôi biết Thiện, lòng ngổn ngang trăm bề trước cảnh chiến trường, liệu nàng có bình tâm đủ sức chịu đựng cuộc sống mà từng ngày hình ảnh hôm nay lập đi lập lại trong đời nàng? Câu hỏi đặt ra mà không phải trả lời, chính vì nơi Thiện, vốn có anh em trong gia đình đi lính, và hầu hết nhà nhà ở miền Nam đều có người vào lính. Một cuộc chiến tranh ủy nhiệm quy mô biến ảo, một cuộc chiến vì lợi ích cá nhân phe phái quốc tế bưng bít, chiến tranh thế kỷ và quê hương xác chết giữa người cọng sản và người không cọng sản kéo dài hơn 10 năm qua. Mặc nhiên hay vô tình, chúng tôi đang sống đêm dưới trời bơ vơ.

Sáng ngày tôi đưa Thiện đi chơi phố Đông Hà, thành phố nhỏ Đông Hà được gọi là Thành Phố Lính vì ở đó đủ các màu sắc quân binh chủng đồn trú, gặp lại một hai thằng bạn võ bị cùng khóa không khó, nhưng điều đó không đến với tôi lúc nầy. Chúng tôi ghé vào tiệm ăn Hải Ký trên đường Phan Bội Châu, con đường phố dài đi bộ không cháy hết một điếu thuốc Marlboro; gọi một ít thức ăn cho Thiện và 1 ly Whisky 45 cho tôi, tôi uống vừa phải để có thể quên đi những gian nan đời lính, mà gần gũi với Thiện nhiều hơn. Thiện nói năng từ tốn chất phát, từ ngày quen nhau, chúng tôi sống thật êm đềm. Ngồi bên Thiện, tôi mơ màng, *"Một đời con gái biết bao ước ao mộng mơ, ước mơ biến thành sự*

thật, để có một tương lai tốt đẹp là điều cần lắm chứ! nhưng thật tế ít khi được như ý; mà điều ấy không mấy quan tâm nơi Thiện, bởi chúng tôi chẳng có chi ngoài tấm lòng san sẻ cho nhau." Cảm xúc rung động, suối nước thương yêu tràn trề, mặc tình tuôn chảy, chảy thấm vào thân, chảy sâu vào lòng!

Tôi nhìn lên chạm phải đôi mắt cô gái con của bà chủ tiệm đem nước tới, tôi cố lảng tránh đi, cô ta có tiếng đẹp ở phố thị nầy, rất nhiều lần tôi đến đây mà không biết tên. Thiện nhìn cô ta cố tình tự nhiên, và xin thêm một ít nước lạnh; có lẽ nàng nhận ra được không thiếu những anh chàng còn sữa, đa cảm đa tình, có một tâm hồn bão nổi ngang tàng bị treo giò, vì có người yêu.

Đêm thứ hai nghĩ rằng tôi sẽ không đưa Thiện ra ngoài trời để phải nhìn trái sáng, nghe tiếng đại bác nữa mà ở trong bunker cùng nhau tâm sự, hoặc nói chuyện đi tới của hai chúng tôi... Từ máy điện thoại reo lên, tôi cầm ống nghe, giọng thằng trưởng ban 3 cùng xứ ớt rặc không bao giờ chịu đổi giọng, vừa giỡn vừa truyền lệnh: *"Mi có giấy đi phép với bồ rồi đó, mời lên Phòng Hành Quân gặp thiếu tá tiểu đoàn trưởng ngay chừ, mang theo bản đồ."* Chuyện bất ngờ là thường tình, tôi đến nhận nhiệm vụ, lệnh đi phục kích tại tọa độ Y, ngày N, giờ G, mọi hỏa tập pháo binh sẵn sàng: làm sao bắt sống cho được một tên chính quy Bắc Việt, vấn đề chính trị, Tổng Thống Thiệu có duyên cớ không tham dự và tẩy chay Hội Nghị Paris 4 Bên (vì trong đó có MTGPMN), nội dung là như vậy.

Tôi rời căn cứ với đại đội, để lại mấy đứa giúp Thiện nấu một hai món ăn nhẹ đợi tôi về, và 1 máy PRC-25 trực 5/5 với tôi. Tôi đi ngay mà không một chút do dự dùng dằng như mọi lần từ Huế ra Đông Hà, đường dài lê thê trên 75 cây số một mình một ngựa, vì tôi biết sẽ về sớm, nên chỉ chào thông lệ; nàng hiểu mọi sự nên cũng biết cười lấy lệ như không có gì, và đợi tôi về.

Thật ra chiến trường miền Nam lúc bấy giờ, cấp đại đội ít khi đi phục kích, có chăng chỉ họa hoằng, thường là cấp trung đội trở xuống, mà đi phục kích thì phải bảo mật,

im lặng vô tuyến, yên lặng hoàn toàn; tại điểm phục kích lâu lâu tôi mới nói vài câu rất ngắn rất nhỏ với Thiện, thì giờ chú tâm đối đầu vào động tĩnh đối phương, chế độ cấp trưởng, đơn vị trưởng hoàn toàn trách nhiệm. Vì thế, tôi cố nín, cố thức cho qua một đêm.

Một năm 365 ngày, hơn 300 ngày sống với lính chống với địch, nằm rừng nằm rú, thức qua đêm là chuyện thường. Nhưng bây giờ thức trong sự cố thức là thức bất an tán trú, bất thức; và thời gian cố nín cho qua là thời gian giam hãm ngục tù, phi thời gian. Một công án cho tôi, thật khó cho tôi lúc nầy!...

Tư tưởng 'nửa muốn về với người yêu, nửa muốn đợi chú bộ đội đi B', lại có tính cách "nhị nguyên", nghĩa là hai sự việc khác nhau không có thể thực hiện đồng thời. *"Mà không có sự chọn lựa nào khác nữa!"* tôi suy nghĩ, và tự độc thoại:

"Như thế là mang tội dối nàng rồi," tôi băn khoăn trăn trở. *"Nhưng lệnh nhà binh không thể không thi hành."*

Chân lý tìm ra, công án được lý giải, tôi yên ổn, cố gắng trở về với thực tại, với những gì đang trước mắt 'bên nợ giang san, bên tình ai oán', nằm 'ôm cội mai vàng, nhỏ lệ thiên thu' chờ đợi từng giờ từng giờ đi qua "đêm dưới trời bơ vơ" một cách tham lam.

Trăng hạ tuần nửa vành nón trắng ngả nghiêng về tây, sao mùa thu từng vạt lụa vàng lửng lơ dưới trời, mây nước Đông Hà là đà pha chút tim tím hoa sim, và thi ca trăng nước nhân tình mênh mang của Thi Tiên Lý Bạch:

"Đầu giường rọi ánh trăng soi, làm ta cứ ngỡ như là màn sương."

"Biết chăng ai: sông Hoàng Hà ngọn nước tại lưng trời, tuôn đến bể khôn vời lại được. Biết chăng nữa: đài gương mái tóc bạc, sớm như tơ mà tối đã như sương."

Của Hàn Mặc Tử:

"Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó, có chở trăng về kịp tối nay?"

"Ở đây sương khói mờ nhân ảnh, ai biết tình ai quá đậm

đà?" và vân vân... làm tôi không khỏi rạo rực chìm trong tháp ngà trăng sao.

Dựa ba lô, gối nón sắt, với cây bút có chất lân tinh, một kỷ niệm không quên, tôi viết vội vào giấy mấy dòng:

"7/8/1969, đêm thứ 2 em ở căn cứ A2-Bến Hải, nhằm ngày sinh nhật của em; đáng ra anh ở bên em, đốt nến uống rượu mừng em, nhưng 'không' thì em biết rồi đó. Thương nhớ em và nhớ thức ăn em làm đợi anh về, một kỷ niệm 'đêm dưới trời bơ vơ' dệt bằng trăng nước mộng mơ, bằng tâm tư thương nhớ. Cảm ơn em!"

Đâu đó trong ấp làng, có tiếng gà gáy sáng, ngái ngủ cất lên rớt xuống, rời rạc đứt đoạn; vài ánh lửa lóe lên: đuốc của bác nông dân đi cày, của chú mục đồng dẫn trâu ra đồng, đèn của o gái quê nấu kẹo gừng - bún cháo, đèn của đơn vị bạn đi kích về, cũng có thể là đèn của mấy tên bộ đội - dân quân lén lút trà trộn vào dân mình. Sao mai mờ dần, mặt trời lên, và đại đội tôi trở lại căn cứ.

Những ngày đầu thu, Đông Hà có chút nắng se lạnh, hai đứa tôi sát nhau, tản bộ vào hậu cứ, đơn vị hành chánh của tiểu đoàn nằm trong Trại Hắc Long mà tôi có lần đưa Thiện đến. Con đường Trần Hưng Đạo dẫn vào hậu cứ đã quen, chúng tôi đi thanh thản, đi mà không bận tâm, từng bước nghe hoa lá rơi xào xạc nhẹ nhàng trong gió thu về; chúng tôi qua một vài trại gia binh, quán ăn, cà phê v.v... nhìn những anh lính, vợ lính, con lính bình thản thấy vui; nhìn đám cô cậu Trường Trung Học Bán Công tinh nghịch trên đường lúc tan trường về mà nhớ tuổi học trò; vài chiếc Jeep phù hiệu Hà Mã lạng qua thật điệu thật đẹp, của những

chàng dũng sĩ biên thùy đa tình:

Mây ơi! cỡi gió về đâu đó?
Để lạnh hồn ai, trăng lặng chờ.
Một mai chinh chiến không còn nữa,
Trăng vấn mây vương, hết thẫn thờ!

Dù sao hai đứa tôi đã có được một ngày vui.

Ngoài kia, Quốc Lộ 1, cột sống của miền Nam vẫn kiên cường chuyển quân ra chiến trường không ngừng nghỉ.

Tôi hỏi Thiện,*"Chừng nào thì em vào Huế?"*

"Em vào hôm nay!" Thiện trả lời rất yếu trong khi nước mắt rơi rơi trên má.

Nhìn trời bâng quơ, tôi như bao người vô tình đi về ngược xuôi nhìn núi rừng bị xới cày lên đất đỏ – dấu tích chiến tranh, mà trong lòng chan chứa xót xa...

Đường vào Huế, tôi nói như vỗ về, như vui với Thiện:

"Bọn mình sẽ dừng lại một vài nơi mà báo chí, đài phát thanh, truyền hình thường nói tới vùng giới tuyến như Ái Tử, La Vang, Hải Lăng, Mỹ Chánh; ghé Trường Trung Học Nguyễn Hoàng Quảng Trị; ăn trưa tại quán ăn đặc sản Chợ Sãi của xứ sở ngoài nầy, mà một cô giáo sư phạm Quy Nhơn khóa 5 cần biết để kể lại cho học trò mình nghe, và còn khoe các bạn tấm giấy anh viết cho em 'đêm dưới trời bơ vơ' nữa chứ! rồi cùng em về thăm Chú Thím ở Thuận An luôn."

Thiện sung sướng quay sang nhìn tôi, gật đầu mỉm cười!

Trên lộ trình, những tấm bảng Thượng Lộ Bình An, hai đứa tôi nhìn mà thật sự được bình an, bởi chúng tôi tin nơi nhau một sự bình an; cùng với hàng chục cây số dây kẽm gai giăng bên đường, nhắc nhở hai đứa chúng tôi vượt qua những chông gai cuộc đời, cuộc đời có bơ vơ lưu lạc về đâu, cố gắng tìm nhau, tự tin vào nhau, dìu nhau mà đi, có chi đi nữa vẫn đi, đi như đi trên mặt đất bằng phẳng, đi thật bình an với một trái tim bình an.

Trương Thanh Nhạc K22

Trang Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Mẹ ơi! Bố ơi!

■ *Tường Thúy 20B*

Hôm nay gần tới ngày giỗ đầu của Bố,
nén hương lòng này con xin kính dâng lên Bố Mẹ,
Bố Mẹ kính yêu của chúng con.

Mẹ ơi, đã lâu lắm rồi, kể từ ngày mẹ bỏ chúng con về nơi miên viễn, con đã không còn được gọi lên tiếng gọi "Mẹ ơi" thiết tha, trìu mến này nữa, có còn chăng chỉ còn là tiếng thì thầm tự trong tim khi nghẹn ngào nhớ về mẹ mà thôi.

Mẹ ơi, chiều hôm nay trời đột nhiên trở lạnh, cái lạnh ảnh hưởng của một cơn bão từ miền Bắc Thái Bình Dương thổi xuống. Nhìn những cánh lá rơi trong vườn, cái màu xanh của lá chợt làm con nhớ đến màu chiếc áo len, mẹ đan cho con lúc còn nhỏ. Cái áo len màu xanh lá cây dài tay, với hình con bướm trắng được đan bằng len xù, nổi bật trên nền xanh. Ôi, thật đẹp và cũng thật ấm. Khi con mặc đi học đã được các ma soeur khen và các bạn học ganh tỵ. Không chỉ một chiếc áo len này mà tất cả quần áo chúng con mặc đều do một tay mẹ may và thêu lên đó. Bây giờ áo chẳng còn mà người cũng xa rồi. Mẹ ơi, con thật nhớ mẹ lắm, nhớ vô cùng Mẹ ạ!

Tháng Năm trở về mang theo "Ngày của Mẹ" nhưng còn đâu người Mẹ dấu yêu ngày nào để con được trả hiếu.

Con còn nhớ, Mẹ không chỉ giỏi về đan, may hay thêu thùa, mà về nấu nướng Mẹ cũng tuyệt vời nữa. Ngày xưa cứ vào những ngày lễ, tết, giỗ chạp hay những lúc mẹ học nấu được một món mới là bố con chúng con lại được ăn thật nhiều thức ăn ngon, những món thật lạ như gà Galantine, xôi vò gấc, ốc nhồi, gỏi mực.... Bây giờ tất cả chỉ còn là một dĩ vãng xa xăm. Cũng những món đồ ăn ấy sao bây giờ khi ăn thấy nhạt nhẽo, vô vị, không còn ngon như ngày nào Mẹ nấu nữa.

Năm Mẹ 17 tuổi

Ngày đó, Bố vẫn thường nhắc tụi con:

- Mấy đứa có thấy Mẹ các con giỏi không? Các con gái là phải bắt chước Mẹ để mai này lấy chồng còn nấu cho chồng con ăn chứ. Nhất là con nhỏ này, Bố chỉ vào con, cứ suốt ngày mơ mơ với mộng mộng, thì chồng con chỉ có nước ăn cám hầm.

Mẹ cười đỡ cho con:

- Sao lại chê con gái tôi vậy, mai mốt nó lấy chồng giàu, nó đưa chồng con nó đi ăn tiệm, lo gì con nhỉ?

Mẹ là một người đàn bà với đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh. Trước khi lập gia đình mẹ đã từng là hoa khôi của trường nữ trung học Vĩnh yên. Vẻ đẹp đoan trang, thùy mị của Mẹ đã làm tê tái biết bao con tim của những chàng trai cùng tỉnh và những tỉnh khác trong đó có Bố:

Biết em năm ấy tuổi mười lăm
Mơn mởn trăng tơ giữa buổi rằm
Cô nữ học sinh trường tỉnh lỵ
Nhiều chàng trai trẻ vẫn yêu thầm

(Biết Em Năm Ấy- Toan Ánh)

Mẹ về làm dâu, trên kính dưới nhường, cả họ bên chồng

ai cũng thương, cũng quý Mẹ.

Rồi các con lần lượt ra đời, mười một đứa con, mười một lần Mẹ phải chịu đựng những đớn đau. Mẹ đã cùng Bố lo lắng, dạy dỗ các con nên người. Đã có lần Bố bị người ta hãm hại, mất cả công ăn, việc làm, Mẹ phải bương chải để lo cho gia đình được cơm no, áo ấm. Những sự vất vả, những nỗi nhọc nhằn cùng những sự hy sinh của Mẹ cho các con, biết lấy gì đền đáp. Ngày nay những đứa con của Bố Mẹ đã thành nhân, có công danh, có sự nghiệp, chúng con đã không phụ công ơn dưỡng dục của Bố Mẹ. Nhưng Mẹ ơi, Mẹ đã ra đi quá sớm để không nhìn thấy được những thành quả của các con của Mẹ.

Người ta thường nói: "Sau lưng sự thành công của người đàn ông có bóng dáng của một phụ nữ." Sự thành danh của Bố có thật không ít những sự giúp đỡ, cổ võ, góp ý... của Mẹ. Mẹ lại quán xuyến mọi việc trong ngoài để Bố có thời gian viết lách, sưu tầm.

Mẹ là một phần không thể thiếu của Bố, vì thế nên khi Mẹ ra đi, Bố đã như người mất hồn. Nhiều tháng trời, hằng đêm chúng con thấy ánh đèn trong phòng Bố tỏa sáng, Bố không muốn ai quấy rầy mình, đã đóng cửa lại và lặng lẽ trong buồn rầu, Bố viết về Mẹ, viết về kỷ niệm của Bố Mẹ, và cuốn "Nhớ Thương" Mẹ đã ra đời.

Khi còn sinh thời, Mẹ được nhiều người yêu mến, nên khi Mẹ nằm xuống đã có những bài thơ của những người bạn khóc Mẹ thật cảm động, thật chân thành.

Nhà thơ Linh Điểu đã viết:

Một trang hiền phụ, một hoa khôi
Hồi ký một thiên bút nghẹn lời
Bốn sáu thu tròn, con thiếu tá[1]
Ba mươi năm chẵn đũa lìa đôi
Sắt son chẳng thẹn cùng sông núi
Thương nhớ còn vương giữa đất trời
Anh tiếc người yêu, tôi tiếc bạn
Một trang hiền phụ, một hoa khôi.

1 Mười một người con chưa đủ tá

Linh Điểu

Và đây bài thơ của thi sĩ lão thành Đông Xuyên, vị đại diện cuối cùng của nền thơ cũ miền Nam:

Vội vã mang đi một khối tình
Tình xưa chị để nhớ cho Anh
Câu văn trong sách lâu ghi lại
Nước mắt bờ mi ướt chạy quanh
Hương thoảng sân lan, làn gió mát
Gương chênh vườn cúc, bóng trăng thanh
Tiếc thương biết nói sao cho hết
Thôi đợi đoàn loan kiếp tái sinh.

Và Bố, Bố đã khóc Mẹ bằng những dòng máu lệ tự con tim:

Vắng một mình em là vắng hết
Hoa không buồn nở, lá không xanh
Nhà không ấm cúng, lòng anh chết
Chỉ một bình hương, khói rẽ quanh.

Mẹ ơi, chúng con đứa nào cũng thương Mẹ, nhớ Mẹ. Nhưng có lẽ đứa con mang nhiều kỷ niệm đau đớn về Mẹ, để nhớ Mẹ nhiều hơn, để thương Mẹ nhiều hơn, có lẽ là con, là đứa con thứ hai của Mẹ, Mẹ ạ.

Mẹ ơi, còn gì đau đớn cho con hơn là phải khóc Mẹ ngay trong ngày nhị hỉ. Hôm trước trong ngày cưới, con còn vui biết bao nhiêu, xúng xính trong áo đỏ cô dâu, tươi cười hớn hở bên người chồng yêu dấu, bên bè bạn, bên những lời chúc tụng tốt lành, để rồi hôm sau, tất

Lễ đính hôn của Hạnh (tác giả)

cả phải dẹp lại, áo cưới phải cởi ra, để khoác lên mình cái áo trắng, vấn lên đầu vành khăn sô, để mang lên mình một cái tang đau đớn nhất: Cái tang con mất Mẹ, Mẹ ơi. Con mất mẹ, mất Mẹ thật rồi, cơn xuất huyết bao tử đã cướp mất của con, người Mẹ con thương, con yêu, con quý ngàn đời, Mẹ ơi. Có bao nhiêu nước mắt sẽ làm cho con vơi nỗi đau này hả Mẹ. Không thể nào, không thể nào có đâu, vì mỗi khi nhớ Mẹ, nỗi đau lại như cuồn cuộn trở lại trong lòng và niềm nhớ Mẹ không bao giờ vơi được. Mẹ ơi, con nhớ mẹ lắm, Mẹ biết không, con muốn được mẹ ôm con vào lòng như ngày nào con còn bé, được mẹ vỗ về những khi buồn khổ, được kể lể với Mẹ nhiều điều, nhưng Mẹ ơi:

Mẹ xa rồi, ai người nghe kể lể
Chuyện buồn, vui, của cuộc sống nổi trôi
Con quỳ đây lòng nhớ Mẹ khôn nguôi
Tim quặn thắt, dòng lệ rơi lã chã
Con khóc Mẹ trong làn hương khói tỏa
Mẹ của con, con đã mất Mẹ rồi
Và mai đây trong suốt cả cuộc đời
Không còn gọi tiếng "Mẹ ơi" được nữa.

Mẹ đã ra đi khi còn quá trẻ, quá đẹp ở cái tuổi 46, để lại cho Bố sự chơi vơi, mất mát, và một gánh nặng oằn trĩu trên vai: một đàn con dại, đứa nhỏ nhất chỉ mới mười tuổi. Nhìn đàn con thơ mất Mẹ, lòng Bố quặn đau, người cùng Bố chia vui, sẻ buồn đã không còn nữa, từ đây Bố phải đảm đương thêm cái công việc mà ngày xưa Mẹ đã làm.

Tuy đau đớn trong lòng, Bố vẫn phải đi làm và vẫn phải đi dạy học ở đại học Bồ Đề, ở Văn Khoa - Huế, hay lên thuyết trình ở trường Chính Trị Kinh Doanh, trường Chỉ Huy Tham Mưu Đà Lạt... mà các con không đứa nào có thể sớt chia nỗi đau này, sự vất vả này cùng Bố.

Mẹ mất đã lâu, dù các con vẫn muốn Bố tìm nguồn vui mới, dù chung quanh Bố cũng có thấp thoáng bóng những người đàn bà muốn cùng Bố chia sẻ quãng đời còn lại, nhưng với Bố có lẽ không ai đẹp bằng Mẹ, không ai yêu Bố bằng Mẹ, và Bố cũng không thể yêu ai bằng yêu Mẹ.

Bố chỉ coi họ như những nàng Hồ Ly duyên dáng, xuất hiện trong cuộc đời để Bố bớt buồn, bớt cô đơn, và đương nhiên tình yêu giữa người và Hồ Ly sẽ không bao giờ có kết quả, để rồi cuốn "Hồ Ly Nghĩa Trang" ra đời minh chứng lòng chung thủy của Bố với Mẹ.

Biến cố 1975 đưa toàn dân miền Nam xuống vực thẳm. Trước hết là những người sĩ quan trong quân lực VNCH cùng những công chức cao cấp trong chính phủ và các nhà lãnh đạo tôn giáo đều bị bắt vào tù dưới chiêu bài lừa đảo "học tập cải tạo". Còn người dân miền Nam tuy không bị giam trong nhà tù nhỏ như những thành phần trên, nhưng cuộc sống cũng chẳng khác gì bị nhốt trong một nhà tù lớn. Cộng sản đã dùng mọi biện pháp, mọi chính sách tàn độc để đày đọa người dân nào là đổi tiền, nào là đánh tư sản mại bản, nào là đi vùng kinh tế mới... Mọi thứ tự do đều bị cấm đoán, lẽ tất nhiên kể cả tự do viết lách. Các văn nghệ sĩ một số bị đi tù, còn một số khác thì bị bắt phải trình diện học tập hàng ngày. Bố nằm trong số những người sau này. Hôm nào Bố cũng phải đến phòng chính trị công an từ tám giờ sáng đến ba bốn giờ chiều mới về. Bài viết kiểm thảo ngày nào cũng được lập đi, lập lại đến nhàm chán. Thấy không khai thác được gì mới mẻ hơn nơi Bố, nên ròng rã hơn một năm trời họ mới thôi làm phiền Bố.

Cũng như bao gia đình miền Nam khác, các chiến dịch đổi tiền, đánh tư sản... đã làm gia đình mình kiệt quệ. Những nhân vật gánh vác gia đình thì bị giam giữ tù đày, trong nhà chỉ còn lớp đàn bà, trẻ con và những người già. Cuộc sống giật gấu, vá vai không đủ sống qua ngày. Đồ đạc trong nhà cứ lần lượt theo nhau ra chợ trời. Cuối cùng Bố phải bán cả những cuốn sách mà sau khi in, nhà xuất bản đã gửi lại cho Bố một số để sử dụng. Bố quý lắm, chỉ dùng để biếu cho bạn bè và người thân, thế mà Bố đành phải bán vì không đành lòng nhìn đám con cháu bị đói. Con còn nhớ, khi gói những quyển sách đưa cho con đem ra chợ, Bố nghẹn ngào:

- Con đem bán đi, nếu cần thêm thì cứ bảo Bố, bây giờ sách này... để lại cũng chẳng làm gì, bán đi còn mua được

ký khoai, ký sắn cho mấy đứa nhỏ đỡ lòng.

Trong nhà những sách vở quý Bố gom góp bao nhiêu năm thì một số bị tịch thu, một số bị các văn nghệ sĩ của miền Bắc vào mượn "đểu" (mượn mà chẳng bao giờ trả). Tủ sách của Bố hầu như trống rỗng.

Vào thời gian này, cũng như phần đông các văn sĩ miền Nam, những bản thảo của Bố viết chưa kịp xuất bản, Bố đành ngồi nhìn chúng với cặp mắt buồn bã khi thấy những đứa con tinh thần mà mình hoài thai đã lâu, không thể chào đời, cũng giống như nhà văn Vương Hồng Sển, đã coi những kệ sách đầy bụi, đựng bản thảo của mình là nghĩa địa, mồ chôn những bản thảo của ông.

Biết được tâm lý của người viết văn là muốn tác phẩm của mình được ra đời, nên một nhà văn cũng khá tiếng tăm của miền Bắc đã lợi dụng sự cả tin của Bố, đánh lừa Bố là hắn có nhà in, có thế lực, hắn sẽ xuất bản sách cho Bố. Bố đã đưa hắn một số bản thảo, và cuối cùng cả hắn và bản thảo đều biến mất. Bố đã nhiều lần đòi hắn trả lại, nhưng loại vô sỉ như hắn, được đào tạo bởi một xã hội lấy sự lừa đảo, cướp của làm mẫu mực thì có cách chi mà mong hắn trả lại. Cướp của đã đáng xỉ vả, đằng này lại cướp tim óc của người khác, loại này chỉ là loại súc sanh, không phải con người.

Sau này vào thời kỳ mở cửa, một số nhà văn được phép xuất bản sách. Bố mừng lắm khi thấy mình có cơ hội khai sinh những đứa con tinh thần của mình, những cuốn sách viết về phong tục tập quán nước nhà, chúng sẽ không bị mai một trong lúc đạo đức xã hội Việt Nam càng ngày càng đi xuống. Điều Bố băn khoăn nhất là khi nhìn xã hội Việt Nam qua lăng kính của một nhà phong tục học: "...là xã hội Việt Nam thay đổi quá nhanh, những nét đẹp truyền thống ngày mai một, trong khi đó lại du nhập nhiều thói quen sinh hoạt theo ngoại quốc, nhưng không chắt lọc lấy những cái tốt mà lại thu nhận cả những điều xấu."

Khi sách của Bố phát hành chưa được bao lâu, thì bạn bè đến báo là họ gặp rất nhiều, những sách báo, tạp chí

đăng bài của Bố nhưng lại ký tên tác giả khác. Nhà thơ HHT còn cho biết, chị biết rõ tên kẻ ăn cắp, không những chỉ ăn cắp một vài bài, mà hắn còn lấy nguyên cả quyển, xé bìa bỏ đi thay bìa khác vào và đề tên của nó nữa. Có người xúi Bố đi kiện, Bố chỉ cười:

- Kiện làm gì phí công, tốn tiền vô ích, kiện người này, kẻ khác lại ăn cắp, vả lại làm gì có công bằng mà đòi. Họ muốn ăn cắp thì cứ để cho họ ăn cắp. Thứ nhất: họ phổ biến dùm mình những cái hay cái đẹp mà mình đã viết ra cho đời. Thứ hai: Văn phong của Toan Ánh, kiến thức của Toan Ánh vẫn luôn luôn là của Toan Ánh, dù cho họ có thay bìa, đổi tên, nhưng độc giả khi đọc cũng biết ngay cuốn sách này là của ai và nguồn gốc từ đâu, phải không?

Di ảnh nhà văn Toan Ánh và phu nhân

Bố ơi, con hiểu ước nguyện của Bố là muốn phát huy những cái hay cái đẹp của giá trị truyền thống Việt Nam cho mọi người, mọi thế hệ noi theo, gìn giữ. Muốn mọi người quay về với Chân, Thiện, Mỹ cổ truyền, giữa lúc đạo đức xã hội VN đang suy đồi, băng hoại: Con giết cha mẹ, anh em tương tàn, thầy hiếp dâm trò, trò chém cô giáo... Chỉ vì họ đã sống không đúng như lễ nghĩa của "Con người Việt Nam".

Bố ơi, một trăm mấy chục cuốn sách của Bố để lại cho đời quả là nguồn vô giá cho những ai muốn tìm hiểu, học hỏi hay nghiên cứu về phong tục VN, đồng thời cũng là cái kho cho những kẻ ăn cắp vô sỉ.

Viết về phong tục Việt Nam, trên văn đàn, cũng có người viết, nhưng ba nhà văn được đánh giá cao về phương diện này là: miền Bắc có Bố, nhà văn Toan Ánh, miền Trung có nhà văn Nguyễn Văn Xuân, miền Nam là nhà văn Sơn Nam.

Bố ơi, hôm nay Bố đã đi rồi, đã xa chúng con thật rồi,

chúng con thật nhớ Bố lắm. Nhớ những ngày nào, Bố dù mệt mỏi vì những lần đi Huế dạy học về, Bố vẫn luôn kèm pháp văn cho chúng con, Bố dạy chúng con analyse grammaticale, analyse logique, Bố giảng literature thật hay. Thỉnh thoảng Bố lại hát bài "Mes chers enfants" theo điệu cô đầu làm mấy mẹ con con cười ngặt nghẽo. Những ngày hạnh phúc ấy nay còn đâu! Mẹ đã xa chúng con, nay Bố lại đi nữa. Bố ơi, Mẹ ơi, con nhớ Bố Mẹ lắm! Con lại khóc rồi, nhưng nước mắt có đủ để cho lòng con vơi bớt nhớ thương không?

Bố có biết không, tuy Bố không còn nữa nhưng trong lòng chúng con, những đứa con của Bố Mẹ, Bố Mẹ vẫn hiện diện đâu đó quanh đây, vẫn sống mãi trong lòng chúng con. Chúng con luôn luôn hãnh diện được làm con của Bố, của Mẹ đấy, Bố Mẹ ạ!

Bố ơi, ngày Bố nằm xuống, bạn bè, người thân quen, độc giả xa gần, mọi người đều nhớ Bố, khóc Bố bằng những lời thơ, bằng những bài điếu văn tha thiết nhất. Bố đã sống và sẽ sống mãi trong lòng mọi người thương yêu Bố. Sống thật sự, sống muôn đời, sống sáng chói như tên của Bố "Monsieur Toan Ánh" có nghĩa là "Monsieur Toán qui brille" (Bố đã cười và giải thích với tụi con như thế). Bố ơi, con biết "Monsieur Toán toujours brille et très brille dans ma mémoire, dans mon coeur". Bố ạ!

Nữ sĩ Thư Linh, người bạn rất thân của Bố Mẹ đã khóc Bố, bằng bài điếu văn đầy nước mắt này đây:

Kính điếu Văn Hào Toan Ánh
mất đêm 14 rạng ngày 15 tháng 05 năm 2009

Trăng lạnh ngậm ngùi đêm tối
Một vì tinh tú về ngôi
Khói trầm quyện gió Thu rơi
Tài danh tỏa sáng ngàn đời núi sông
Nhớ anh xưa: Đức tính ôn hòa
Có chí hướng lưu đời nhiều Nếp Cũ
Nêu cao phong tục nước
Tính anh tốt, chuyên cần, nghiêm túc

Quyết hết lòng tô điểm nền văn hóa, cho xứ sở quê hương
Anh viết hơn trăm tác phẩm
Hội Hè Đình Đám, Tín Ngưỡng Việt Nam
Nếp Xưa, Phong Lưu Đồng Ruộng
Phong Tục trang nghiêm, Nếp Cũ huy hoàng
Mùa Hè Kỷ Sửu tôi sang Mỹ
Trao đổi điện đàm, nghe lời anh nói
Hết Thu tôi về nước nhà thì:
Tin anh đã mất, lòng tôi đau nhói
Lừng danh Văn Hào Toan Ánh
Vinh danh đất tổ Thị Cầu
Tục danh là Nguyễn Văn Toán
Giáo sư Đại Học từ lâu
Cuộc đời bãi bể nương dâu
Vợ chết anh buồn cô quạnh
Tác phẩm Nhớ Thương ai sánh
Tình yêu chồng vợ thâm sâu
Chăm lo nuôi đàn con thơ
Đối bóng một lòng chung thủy
Nửa đời hưu quạnh, đơn sơ
Nêu gương tình chồng rất quý
Vẹn đạo cha đáng tôn thờ
Văn nghiệp lẫy lừng vinh hiển
Vội chi anh bỏ ra đi
Bằng hữu vô cùng thương tiếc
Văn đàn ngơ ngẩn sầu bi
Hạc rước anh về tiên cảnh
Khóc anh lệ thấm dòng thi
Hoa tươi, nhang thơm kính viếng
Hồn thiêng xin anh chứng chi
Ngàn thu vĩnh biệt, ôi hiền hữu!
Ly cách trần, âm, xót, tiếc nhau

Nghiêm Phái Thư Linh
Chân thành kính viếng - Saigon 18/05/2009

Bố ơi, Mẹ ơi, Con nhớ Bố Mẹ lắm, Bố ở đâu, Mẹ ở đâu, Bố Mẹ có nghe con khóc không, Bố ơi, Mẹ ơi.

Mẹ ơi, mẹ xa chúng con rồi, bây giờ Bố lại theo Mẹ mà bỏ chúng con đi nữa. Hôm nay gần tới ngày giỗ đầu của Bố, con gái của Bố Mẹ xin khóc Bố bằng những giòng nước mắt buồn nhất Bố nhé, Mẹ nhé !

Bố đã đi rồi, sao đổi ngôi
Một vì tinh tú vút ngang trời
Toan Ánh, tên Bố còn lưu mãi
"Nhớ Thương", tình Bố đã vẹn lời
"Phong Lưu Đồng Ruộng", hằng ghi nhớ
"Tiết Tháo Một Thời", giữ trọn thôi
Bố dựng văn chương và sự nghiệp
Bằng cả trái tim, cả một đời
Truyền thống Việt Nam, ấp ủ thôi
Trong lòng người Việt đến muôn đời
"Hội Hè Đình Đám" mong gìn giữ
"Hương Nước Hồn Quê", chẳng thể vơi
Viết lại cổ truyền "Phong Tục" đẹp
Dành cho hậu thế "Nếp Xưa" rồi
Bố ơi, Bố vẫn luôn sống mãi
Sống với chúng con, với mọi người.

Nguyễn Tường Thúy

(Bài thơ này con viết trong tuần thất thứ tư của Bố
Ngày 10/05/2009)
Tucson – Az – 10/05/2010

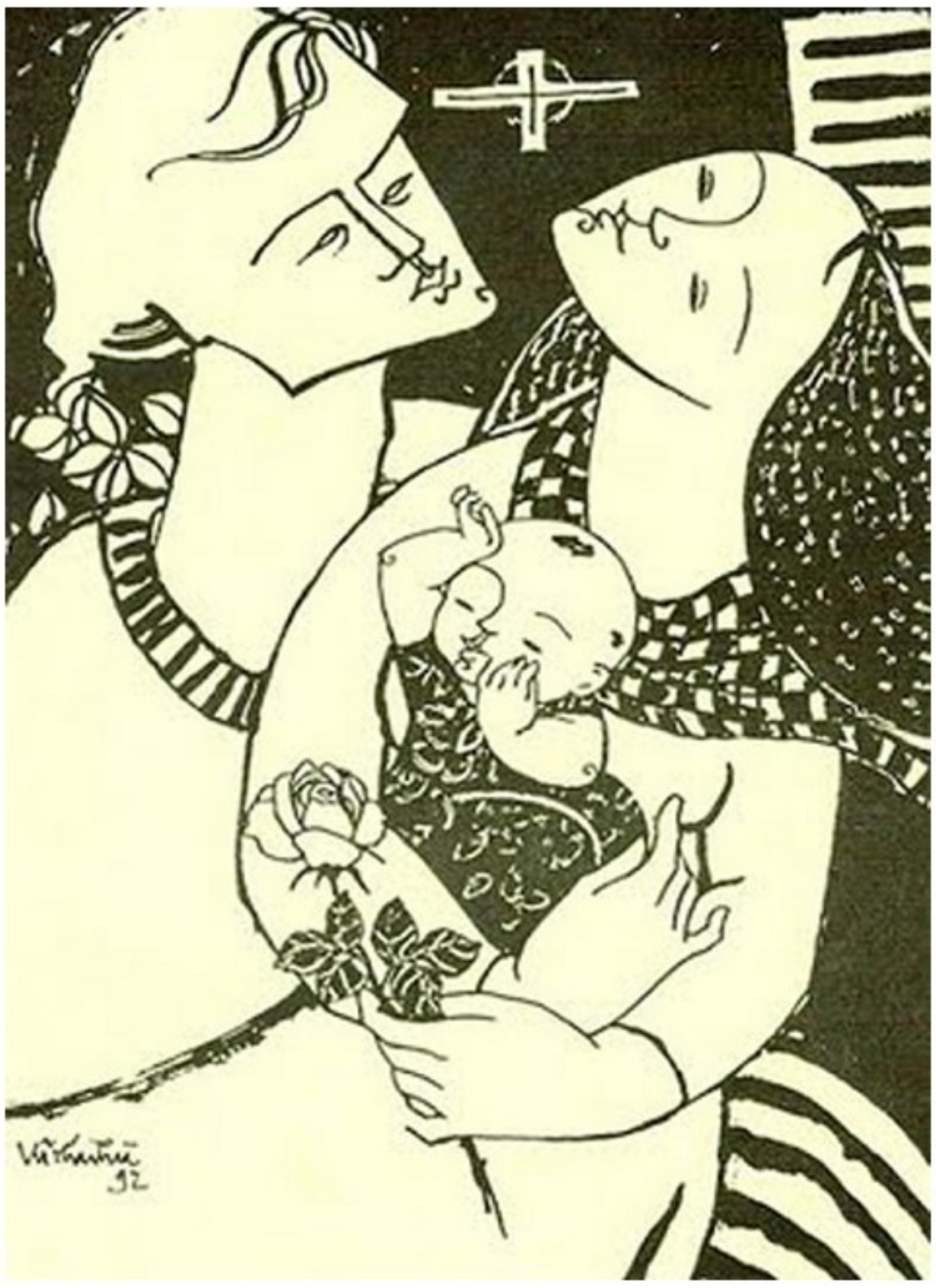

Nhớ Cha

(Kính tặng tất cả các người cha của gia đình Võ Bị)

Biền biệt cha đi đã mấy năm
Nhớ thương chồng chất mỗi đêm nằm
Gác tay ngang trán mà suy nghĩ
Khắc khoải trông chờ đến tháng thăm

Hoàn cảnh đau thương nửa cuộc đời
Nỗi buồn sao mãi mãi chưa thôi
Cha còn xa cách trong tù ngục
Mẹ vẫn u hoài nỗi ngược xuôi!!!

Thư gửi cho con cha nhắc hoài
Thương đàn em nhỏ nghĩ tương lai
Tất cả việc làm cho sinh kế
Mẹ cứ xem qua lại thở dài

Con nhớ lần đầu đến thăm cha
Tiếng khóc trong tim chợt vỡ oà
Nhìn cha đôi mắt buồn xa vắng
Nỗi đớn đau trào dâng xót xa

Con nắm tay cha chẳng muốn rời
Cha cười héo hắt tím bờ môi
Rưng rưng mắt ướt nhìn lưu luyến
Khi phút chia tay đã đến rồi!

Con rất nhớ cha những buổi chiều
Mưa dầm gió lạnh phố đìu hiu
Thương cha vất vả đời lo lắng
Vì một đàn con đã khổ nhiều

Con vẫn từng đêm mơ thấy cha
Bên con kể chuyện trước hiên nhà
Mẹ ngồi đan áo cười âu yếm
Trong cảnh đoàn viên sao thiết tha.

Nỗi lòng thương nhớ biết bao nhiêu
Mà con không thể nói ra nhiều
Có biết bao lần con đã khóc
Vì nhớ thương hoài cha quí yêu.

Quế Hương

Tìm Mẹ

■ *Tôn Thất Diên K10*

(Câu chuyện thương tâm đúng 35 năm trước)

Đức Phật dạy "đời là bể khổ". Ngoài những nỗi khổ tự nhiên không nằm trong vòng kiểm soát của con người như sinh, già, bệnh, chết,còn nhiều nỗi khổ khác cũng thuộc loại không kiểm soát được nhưng lại do chính con người gây ra. Tệ hại và khốn kiếp nhất là người cùng một tổ tiên, giòng giống mà do tham vọng cá nhân và đầu óc vọng ngoại ích kỷ đã đang tâm hành hạ đồng bào và dày xéo quê hương không một chút thương tiếc. Tiêu biểu ở thời đại hiện nay kéo dài hơn nửa thế kỷ, đó là Hồ Chí Minh của Việt Nam, mà rất nhiều nạn nhân oan ức của y đã căm ghét và miệt thị gọi y là Hồ tặc.

Đối với dân tộc Việt Nam, chân lý "đời là bể khổ" đã đạt đến mức tột cùng của sự đúng đắn do hai nguyên nhân thiên nhiên và nhân tạo gây ra nêu trên, còn một nguyên nhân rất quan trọng khác không thể bỏ qua là địa lý, nguồn gốc của mọi đau khổ trong suốt chiều dài lịch sử từ khi lập quốc. Cái vị trí hẩm hiu của đất nước đã được Trời định sẵn cho nằm sát bên một quốc gia khổng lồ luôn luôn nuôi tham vọng ăn hiếp xấu xa hèn hạ, lúc nào cũng rình mò tìm cách xâm chiếm nước ta và một số các nước nhỏ lân bang. Tổ tiên ta rất tự hào đánh cho chúng nhiều trận thất điên bát đảo khiến hàng vạn quân xâm lăng bị giết trong khi tướng tài của chúng thì phải chui vào ống đồng chạy trốn để thoát thân, nhưng rồi cuối cùng ta phải đau khổ

nhìn nhận nước Tàu, thay vì là láng giềng thân hữu, là kẻ thù truyền kiếp khiến ta lúc nào cũng phải cảnh giác đề phòng, có lúc còn chịu nhục triều cống chúng và hòa hoãn để tiết kiệm xương máu cho dân. Khốn nạn thay, những kẻ thù truyền kiếp ngoại bang từ phương bắc hiện nay lại đang được một nhóm người Việt Nam cúi đầu làm tay sai để gây thêm đau khổ cho dân tộc.

Có thể nói không ngoa là cuộc đời của người Việt nào cũng mang nhiều đau khổ, và không thiếu những trường hợp đã phải chịu khổ một cách oan ức, triền miên, uất nghẹn, kêu trời không thấu... không những trong chiến tranh mà cả trong hòa bình.

***

Vào những ngày đầu tháng 5-1975, cuộc chiến tàn khốc kể như chấm dứt, 'hòa bình được lập lại' (?!), nhưng không khí tại Sài Gòn thật ngột ngạt tiếp theo chiến thắng của bộ đội cộng sản Bắc Việt trong cuộc xâm lăng trắng trợn đã đưa đến sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa. Là sĩ quan 'thất trận', tôi mang tâm trạng đau buồn vì tình cảnh mất nước, và lo âu cho số phận đen tối dưới chế độ mới, nên để tìm chút thư giản, tôi buồn rầu đi lang thang quanh khu vực nơi gia đình tôi tạm trú sau khi di tản từ Đà Lạt về, gần Lăng Cha Cả cạnh phi trường Tân Sơn Nhất. Trước quang cảnh náo nhiệt, hối hả và hớt hải của số đông người di chuyển hỗn loạn vào một buổi chiều oi bức, tôi chợt nghe tiếng khóc của một người con gái. Thường dị ứng với tiếng khóc, tôi đứng lại nhìn quanh và nhận ra tiếng khóc từ một người ngồi bên kia lề đường, áo quần xốc xếch rõ ràng không phải là y phục người miền Nam, đầu đội chiếc

Chạy loạn tháng 3/75
(ảnh Bettmann, Corbis)

nón tai bèo đã bạc phếch, đang cúi gầm mặt khóc tức tưởi. Trông cô ta thật đáng thương, và mặc dù cũng đang trong hoàn cảnh bấp bênh không biết ngày mai ra sao, tôi không thể đành tâm bỏ đi nên tìm cách qua đường đến gần lên tiếng chào. Khi nghe tôi dè dặt hỏi xem tôi có thể giúp được gì, cô gái ngẩng lên nhìn tôi với đôi mắt lem nhem ngạc nhiên, cho tôi thoáng thấy một khuôn mặt bệnh hoạn nhưng còn phảng phất một vài nét dễ thương của một nhan sắc đã tàn tạ.

Qua lời đối đáp lễ phép đầu tiên bằng giọng Bắc thanh tao của Hà Nội, cô cho biết đang đi tìm mẹ và đang đói. Tôi mua ngay một gói xôi và một bịch ny-lông nước trà đá nơi một bà bán hàng rong gần đó đem đến cho cô rồi ngồi xuống bên cạnh nhìn cô vừa ăn vừa ho từng cơn dữ dội. Sau khi cố ăn hết và uống cạn bịch nước, cô cám ơn tôi và từ từ cho tôi biết vì sao cô đang lạc lõng giữa Saigon. Tôi gợi chuyện và kiên nhẫn ngồi nghe cô kể câu chuyện khá ly kỳ và hấp dẫn về đời cô, mãi đến khi trời sắp tắt nắng mới chấm dứt. Xét thân phận cũng hẩm hiu cùng hoàn cảnh quá éo le của mình, tôi xót xa và ân hận xin lỗi phải tạm biệt cô, dè dặt đặt vào tay cô chút ít tiền vô nghĩa. Tôi cảm thấy thật bất nhẫn không giúp được gì cho cô, nhưng biết làm sao được. Sáng hôm sau và mấy ngày sau đó tôi trở lại chỗ cũ nhưng không còn thấy bóng dáng cô gái đâu nữa. Hơn tháng sau, cùng với bao nhiêu người cả tin và bị gạt, tôi xa gia đình đi 'học tập cải tạo', thật sự là đi ở tù lao động khổ sai gần 7 năm trời. Mỗi ngày trong tù tôi phải chịu đựng những buổi 'lên lớp' nhồi sọ có mục đích khủng bố tinh thần, những ngày dài đói lạnh tưởng không sao chịu đựng nỗi, bệnh tật không có thuốc (ngoại trừ vài viên 'xuyên tâm liên' trị 'bá bệnh'), bị bóc lột lao động tàn tệ, và bị hạch hỏi tra tấn dã man. Nhiều bạn tù của tôi đã chết một cách bi thảm.

Câu chuyện cô gái kể cho tôi nghe đầu đuôi lẫn lộn, nhớ gì kể nấy, lặp đi lặp lại, đầy những điều thương tâm tôi không thể ngờ là sự thật. Tôi nghĩ cô ta nói dối làm gì

với tôi, một người đàn ông trung niên hoàn toàn xa lạ. Rõ ràng tôi là người đầu tiên tình cờ hỏi thăm cô và bất ngờ chịu khó ngồi nghe cô trút bầu tâm sự dài dòng mà tôi có cảm tưởng như những lời trăn trối. Trong hoàn cảnh rối rắm lúc ấy, còn ai có đủ tỉnh táo để giúp đỡ cô. Tội nghiệp cô hết sức. Định mệnh sao quá nghiệt ngã đối với cô.

Các sự kiện trong câu chuyện thật khó quên vì được kể đi kể lại nhiều lần không theo một thứ tự thời gian nào cả. Tôi xin mạn phép sắp xếp lại cho hợp lý, nhưng vẫn giữ nguyên vẹn nội dung, và trình bày theo lời kể của chính cô gái.

***

Thưa chú, hai ngày nay cháu đi tìm mẹ cháu mà không biết đâu để tìm. Cháu đang bệnh, và đói quá, chắc cháu sắp chết đến nơi. Cháu mới ngoài hai mươi tuổi mà phải chết thì tội lắm, phải không chú?

Cháu sinh ra giữa năm 1953 tại Hà Nội, con gái duy nhất của một sĩ quan quốc gia tốt nghiệp ở Nam Định và một nữ sinh trung học Trưng Vương khá xinh. Khi cháu vừa tròn một tuổi thì bố cháu mất tích ở Điện Biên Phủ, sau này khi lớn lên, cháu nghe bà nội cháu cho biết bố cháu bị bộ đội bắt và giết, không tìm được xác. Mẹ cháu sống trong cảnh đau khổ tuyệt vọng nhìn tình hình chiến sự tiếp diễn sôi động rồi kết thúc bằng Hiệp Định Genève chia đôi đất nước. Khi cuộc di cư vào Nam bắt đầu, mẹ cháu muốn đem cháu theo gia đình bên ngoại ra đi cùng hàng vạn người khác nhưng bà nội cháu cương quyết ở lại và còn đòi giữ luôn cháu. Sau này khi cháu băt đầu hiểu biết, bà kể lại bà đã làm mẹ cháu phải suy nghĩ rất nhiều để lấy một quyết định hệ trọng liên quan đến cuộc đời cháu. Phần bà, bà đã khóc lóc nài nỉ đòi giữ lại giọt máu duy nhất của bố cháu để bà bớt cô đơn lúc tuổi già, tuy cháu là gái nhưng là đứa cháu nội độc nhất do bà chỉ có bố cháu là con trai. Lý do bà đưa ra để giữ cháu đã đẩy mẹ cháu vào tình trạng rất khó xử, một mặt mẹ vừa mới mất người chồng yêu quí nhất trên đời khiến mẹ thương nhớ mất ăn mất ngủ, nhưng mặt khác mẹ nghĩ lại thấy bà cũng quá đáng thương,

sẽ phải sống hiu quạnh lúc già yếu, mẹ cũng không đành lòng. Để tăng áp lực buộc mẹ chấp nhận hy sinh, bà bảo mẹ là với tuổi trẻ và nhan sắc xinh đẹp của mẹ, mẹ sẽ dễ dàng lập gia đình mới trong miền Nam và có con nữa, còn bà thì chẳng bao giờ có cháu nội để ẵm. Tâm tư mẹ bị giằng co dữ dội. Rốt cuộc vì quá yêu bố nên mẹ thương luôn bà, và mẹ đã bấm bụng hy sinh tình mẫu tử của mình để nhường cháu cho bà. Cháu mất mẹ từ đó, lúc còn quá nhỏ. Điều lạ là sau này mẹ chẳng hề gửi thư hỏi thăm hai bà cháu, trong khi đó bà cho biết một vài người quen họa hoằng cũng có nhận được thư từ trong Nam.

Bố cháu có người em gái tên Thu, bỏ nhà đi kháng chiến lúc 18 tuổi, và lấy chồng trong chiến khu. Cũng vì hy vọng gặp lại cô Thu nên bà nội cháu cương quyết không di cư vào Nam. Bà thường bảo bà có thể sống yên ổn và hạnh phúc nuôi nấng hai người con trưởng thành nếu không vì chính trị mà hai anh em phải bị đẩy vào hai phe đối nghịch bắn giết lẫn nhau, khiến bà đau xót không biết chọn nên theo đứa nào. Bà bị xâu xé suốt bao nhiêu năm vì con nên khi bố cháu mất, tuy làm bà rất đau đớn, nhưng đã giúp bà giải quyết dứt khoát một vấn nạn. Bà nhất định ở lại Hà Nội không theo mẹ cháu là vì thế. Ngoài ra, bà còn có bổn phận chăm sóc mộ phần tổ tiên và ông nội cháu, đồng thời lo việc thở phụng hai người đàn ông thân yêu nhất của bà. Thêm nữa, có người vừa kín đáo đưa tin cô Thu sắp về với bà.

Cô về Hà Nội thật. Cô về theo chồng tên là Phú, một cán bộ thân tín và đắc lực của bác Hồ. Sau khi ổn định cơ chế, bác đã khen thưởng chú ấy xứng đáng với một chức vụ quan trọng trong chính phủ. Mấy tháng sau, bác tin cậy phái riêng chú vào Nam thi hành một nhiệm vụ bí mật, nhưng chỉ một thời gian ngắn thì có tin chú mất tích. Không biết có phải vì thấy cô Thu quá đau khổ về việc chú Phú đã hy sinh vì đảng một cách khó hiểu hay không mà bác đích thân an ủi cô, cho cô làm 'bí thư' riêng của bác, ở luôn trong phủ Chủ tịch cho tiện. Có lẽ nhờ khá xinh, còn trẻ, năng nổ, và tuyệt đối trung thành với đảng, cô được bác tín nhiệm giao phó việc săn sóc

bác ngày đêm về mọi phương diện, để bác yên tâm dốc toàn lực lãnh đạo đảng và tổ quốc. Và cũng có lẽ cô là một đảng viên trung kiên nên cô rất kín miệng. Ngay cả những lần về thăm hai bà cháu hằng tuần, cô cũng chỉ nói vài lời thăm hỏi qua loa rồi ngồi im chốc lát trước khi cáo từ, để lại một số lương thực dồi dào và các thứ linh tinh, giúp hai bà cháu có được cuộc sống vật chất tương đối thoải mái trong thời kỳ khó khăn tột cùng vì cải cách ruộng đất và chiến tranh.

Cháu xem như là con mồ côi nhưng may mắn được bà nuôi nấng và thương yêu hết mực. Năm 1964 khi cháu 11 tuổi, cháu được nhiều bà con yêu mến vì tính tình ngoan ngoãn với khuôn mặt dễ thương, đặc biệt cháu lại học giỏi, hát hay, và múa đẹp. Đấy là năm đánh dấu cuộc đời cháu bắt đầu thay đổi ghê gớm. Sinh nhật bác Hồ được tổ chức tưng bừng tại thủ đô như mọi năm với những cuộc mít-tinh và trình diễn chúc thọ vị 'cha già dân tộc', cùng những buổi biểu diễn ca múa tại quảng trường Ba Đình, một phần do các cháu thiếu nhi được tuyển lựa phụ trách. Cháu là một trong số đó, và không biết may hay rủi mà cháu được chụp ảnh nhiều nhất. Cô Thu cho biết tất cả ảnh đều được trình cho bác xem, và bác rất thích những tấm chụp mặt cháu thật gần. Cô thấy vậy nên đã buột miệng khoe cháu là cháu ruột của cô, khiến bác cười bảo đem cháu vào cho bác đích thân khen thưởng đặc biệt. Hôm sau khi cháu vào trình diện bác thì bác âu yếm ôm cháu vào người và hôn hai má cháu với tất cả sự hài lòng. Bác còn thì thào bên tai cháu khen cháu dễ thương, xinh xắn, và ngoan nhất. Cháu cảm thấy rất vinh dự, sung sướng, và tự hào với những lời khen của bác.

Từ đó cứ mỗi hai tháng cháu phải vào múa hát để bác vui, lúc đầu thì chung trong nhóm với các cháu đồng lứa khác, nhưng một thời gian sau bác bảo chỉ cần mỗi mình cháu thôi cũng được. Bác được mọi người tôn vinh về lòng yêu mến của bác đối với các thiếu nhi nhi đồng, nên lần nào gặp bác, cháu cũng được bác ôm vào lòng và hôn hai má kèm theo những lời khen nồng nhiệt. Cứ thế suốt ba năm cho đến năm cháu được mười bốn tuổi thì một hôm cô Thu cho hay bác bảo cháu

khỏi vào múa hát, vì cháu không còn là con nít nữa. Sau này cô tâm sự là cô cảm thấy lo sợ cho cháu nhưng cô phải tuyệt đối tuân lệnh bác.

Lần vào gặp bác tiếp theo, vì không phải múa hát nên cháu được bác dẫn đi dạo trong khu vườn nổi danh của bác, vừa đi bác vừa dạy cháu nhiều chuyện, sau đó ngồi tiếp bác ăn trưa. Cháu nhận thấy bác có vẻ để ý đặc biệt đến cháu với nhiều câu hỏi về đủ thứ, như sức khỏe cháu thế nào, học hành ra sao, giải trí những gì, bạn bè gồm những ai, sinh hoạt đoàn thể đảng thường xuyên không, và nhiều thứ linh tinh khác. Cháu thành thật và ngây thơ trả lời bác đầy đủ vì cháu nghĩ phải là một vinh dự lớn lao mới được vị lãnh tụ tối cao của tổ quốc hỏi han như vậy. Do linh tính, tự nhiên cháu cảm thấy sợ.

Đầu năm 1968, do bác liên tục nhận được báo cáo xấu về chiến dịch tổng công kích tổng khởi nghĩa ở miền Nam nên sức khỏe bác bị ảnh hưởng. Cô Thu bảo bác hay thở dài, ít ngủ, và hút thuốc liên miên. Vậy mà vào ngày sinh nhật bác trong tháng Năm, cô lại đem về nhà trao cho cháu món quà bất ngờ của bác. Cháu tò mò mở ra xem, thấy đó là một thứ hàng ngoại xa xi đắt tiền nhập từ Pháp mà cháu chẳng bao giờ dám mơ tưởng có thể mua sắm nổi.

Ít lâu sau, khi cháu vào thì được cô Thu báo cho biết bác đang ốm, và bảo cháu ăn trưa khẩn trương trước khi vào thăm bác. Ăn xong, cháu rón rén vào phòng bác đến bên chiếc giường nhỏ bác đang nằm. Sau khi nghe cháu chào, bác cất tiếng chậm rãi hỏi:

- Cháu đấy à?

Cháu lễ phép đáp:

- Thưa bác, vâng ạ. Bác cảm thấy thế nào ạ?

- Bác không khỏe. Cháu có muốn bác khỏe không?

Cháu trả lời như cái máy, lặp lại y nguyên những gì bác đã dạy cháu:

- Dạ thưa bác, có ạ. Cháu rất muốn sức khỏe bác thật tốt để bác sống lâu, lãnh đạo đảng và tổ quốc đến vinh quang. Cháu sẵn sàng hy sinh vì sức khỏe của bác bất kỳ lúc nào.

- Cháu thật là một đứa con gái dũng cảm. Cháu xứng đáng là một đảng viên tương lai gương mẫu, một công dân tiến bộ của tổ quốc. Bây cần cháu nghe bác.

Bác dừng lại để xem chừng thái độ của cháu, khiến cháu cố giữ bình tỉnh trong lúc cháu lo sợ, lí nhí:

- Thưa bác, cháu đang nghe ạ.

Theo yêu cầu của bác, cháu đã thực hiện một số công tác trong khả năng của cháu liên hệ phần nào đến sức khỏe của bác. Sau một thời gian, thấy bác khỏe, cả thể chất lẫn tinh thần, cháu cũng thấy tự hào. Đầu tháng 8 năm 1969, bác đột ngột ốm nặng. Các bác sĩ thay nhau chữa bệnh cho bác nhưng không thấy kết quả. Cuối tháng 8, bác ra lệnh cho cháu vào túc trực ban ngày, tuy đã có bác sĩ chăm sóc bác khi cần và cô Thu phụ trách mang thức ăn lõng cho bác. Sáng mồng 1 tháng 9, cháu đang uể oải và chán chường ngồi một mình trong phòng khách thì bỗng nghe bác thì thào. Cháu bước vào nhìn bác nằm trên giường, toàn thân che kín dưới mấy lớp chăn mới, trừ khuôn mặt tóp lại làm hai gò má nhô cao dưới cặp mắt nhắm kín và một cái mũi to thở mệt nhọc. Miệng của bác hoàn toàn bị hàm râu che lấp khiến cháu phải kê tai gần sát để lắng nghe. Cháu hỏi, hơi lớn tiếng vì sợ bác không nghe rõ, và nói chậm rãi từng tiếng:

- Thưa bác, bác vừa nói gì ạ?

Hàm râu bác hơi nhúc nhích và cháu thoáng nghe bác thì thào "Nước." Phản ứng của cháu là vội báo cho cô Thu biết, nhưng khi cháu vừa dợm bước ra khỏi phòng thì nghe bác thì thào tiếp một tiếng nghe như là "thôi" làm cháu khựng lại, phân vân. Cháu nghĩ rất nhanh là thay vì gọi cô Thu đem nước vào, cháu chạy đi thông báo cho bác sĩ biết và quyết định. Cháu không hiểu sao lúc cháu đang hối hả lo cho sức khỏe của bác thì những người trong tổ phục vụ bác lặng lẽ bảo cháu về nhà đợi lệnh.

Hôm sau cháu sốt ruột chờ ở nhà mãi đến chiều mới được gọi vào túc trực. Đến nơi, cháu được cô Thu cho hay bác đã âm thầm ra đi lúc sáng, trùng hợp một cách lạ lùng với ngày bác đọc bản tuyên ngôn độc lập 24 năm trước, vào mồng 2

tháng 9 năm 1945. Không biết có phải cháu đã nghe lầm lời bác yêu cầu cô Thu đem nước cho bác khiến bác mất hay có thể có điều gì bí ẩn khó hiểu, vì lúc cháu đang cùng cô Thu đứng nhìn người ta lăng xăng lo cho bác thì một cán bộ trẻ đến bảo hai cô cháu đi theo ra ngoài. Anh ta chỉ vào một chiếc xe quân đội đỗ ngay trước thềm bảo hai cô cháu lên xe và lái ngay ra khỏi thành phố. Sau khoảng nửa giờ im lặng, anh ta dừng xe trước một quán ăn, lên tiếng:

- Tôi được nệnh đưa hai đồng chí đến một đơn vị ở Vinh trong Thanh Hóa để bảo vệ an toàn cho hai đồng chí. Hai đồng chí vào ăn uống khẩn trương rồi ta đi tiếp.

Cô Thu sửng sốt, năn nỉ:

- Cho tôi về nhà từ giã mẹ tôi đã chứ.

Anh ta lạnh lùng bảo:

- Xin 'nỗi', không được. Ta phải đến Vinh sáng sớm mai. Hai đồng chí ăn cho 'lo' rồi 'nên' xe cố gắng ngủ. Tôi phải 'nái' xe suốt đêm đấy.

Cô Thu thắc mắc hỏi:

- Thế áo quần và đồ dùng cá nhân của chúng tôi thì sao?

Anh ta thản nhiên đáp:

- Đừng 'no'. Người ta sẽ gửi theo, yên chí. 'No' ăn đi. Đừng hỏi 'ninh tinh' gì 'lữa' nha.

Đến Vinh, hai cô cháu được biên chế vào hai tiểu đoàn khác nhau. Cô Thu lợi dụng chút thời gian hai cô cháu còn gần cháu trước khi chia tay để tâm sự với cháu mấy chuyện quan trọng. Trước hết, cô bảo là cô được kín đáo cho biết đích xác chính bác Hồ đã ngầm ra lệnh giết chồng cô để chiếm đoạt cô làm người hầu hạ riêng, khiến cô đã phải đau khổ ngậm miệng suốt, kể cả những lúc đi thăm hai bà cháu. Cô đã dằn lòng giữ kín chuyện ngang trái của đời cô, vì cô sợ nói ra thì không những cô mà cả hai bà cháu sẽ không sống yên ổn. Kế tiếp, vì ở gần bác nên cô đoán biết được ý đồ xấu của bác đối với cháu nhưng vì kỷ luật đảng, và mạng sống của ba bà cháu, cô đã không dám làm gì, khiến cô vô cùng ân hận và xót xa. Sau cùng, cô bảo cô biết trước thế nào hai cô cháu cũng bị đày đọa vì là kẻ thân tín của bác. Theo cô thì

thời gian gần đây, bác đã bị kẻ thù của bác trong bộ chính trị âm thầm bao vây và tìm cách triệt hạ; do đó, cô không ngạc nhiên khi được cho hay bác đã chết âm thầm chẳng ai biết, và khi hai cô cháu bị coi là 'đối tượng' cần giải quyết ngay.

Sau khi chia tay với cô, cháu theo đơn vị di chuyển để xâm nhập miền Nam. Viên chính ủy tiểu đoàn đầy quyền uy, đứng tuổi, thô kệch, ít học, gốc nông dân, bảo vì cháu còn là vị thành niên nên ông ta phải đích thân 'bảo hộ' cháu. Ngay đêm đầu tiên, cháu vừa sợ, vừa mệt nên ngủ say, và đã bị lão giở trò 'hủ hóa'. Cháu khóc nhiều vì quá đau khổ nhưng xét thấy cảnh ngộ cô đơn giữa bầy lang sói nên cháu buông xuôi. Cháu cố gắng sống vì hy vọng gặp lại mẹ cháu. Cháu được chuyển qua nhiều đơn vị, và đã phải trải qua bao nhiêu nhục nhã suốt sáu năm trời sống dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh qua nhiều rừng núi, chịu bao cảnh nguy nan vì bom đạn, đói khát, bệnh tật, và nhất là sự hành hạ của không biết bao nhiêu tên chính ủy và thủ trưởng đơn vị thay nhau thi hành nhiệm vụ 'bảo hộ' cháu. Khoảng một năm sau khi xa cô Thu, cháu được hai tin xấu cùng một lúc. Ở Hà Nội, bà cháu đã mất trong cảnh cô đơn đói khát, được công an khu phố phát hiện và bó chiếu đem chôn. Phần cô Thu thì trong một chuyến theo đơn vị di chuyển bằng xe tải dọc Trường Sơn, khi xe đang leo một cái đèo nguy hiểm lúc trời sắp tối, cô bất ngờ nhảy ra khỏi xe lao mình xuống vực thẳm để tự tử. Cái chết của cô được xem như tai nạn, chẳng ai quan tâm tìm xác cô. Thế là trước sau gì cháu vẫn chỉ là đứa con gái bị bỏ rơi. Cháu sợ phải chết quá thê thảm như bà và cô cháu.

Thưa chú, cháu đang mắc một bệnh lao kinh niên không được chữa trị nhưng cháu chưa muốn chết. Cháu quyết tâm tìm mẹ cho được, dù người ta liên tục khuyên cháu nên bỏ cái việc 'mò kim đáy biển' vô vọng của cháu. Khi đơn vị sau cùng của cháu tiến vào thành phố Sài Gòn vĩ đại này hai ngày trước, cháu được 'giải phóng' muốn đi đâu thì đi với lời dặn khỏi cần trở lại đơn vị, xem như cháu bị bỏ rơi luôn. Vừa từ trong rừng ra, cháu bị choáng ngợp, hoàn toàn bất ngờ trước thực tế. Cháu đã thật sự bị cuốn trôi theo sự xô bồ trên các

đường phố thênh thang của Sài Gòn và bị nhận chìm giữa những làn sóng người đông như kiến di chuyển vội vàng hấp tấp, mặt người nào cũng đăm chiêu lo âu, chẳng ai để ý quan tâm đến thân phận một đứa con gái yếu đuối lạc loài, không một ai ngó ngàng đến cháu. Cháu chẳng có tiền để ăn, lại phải ngủ nhờ dưới mái hiên nhà trong cái lạnh ban đêm khiến bệnh lao của cháu thêm trầm trọng. Cháu quá ngu ngốc tin tưởng sẽ dễ dàng tìm thấy mẹ cháu vì cháu yên chí thế nào mẹ cháu cũng đang kiên nhẫn đi tìm cháu đâu đây ở Saigon sau cuộc chia tay lâu dài. Chú ơi, cháu đã ngờ nghệch hy vọng sẽ tìm được mẹ, sẽ được thấy mẹ vui mừng khi gặp lại cháu, và hai mẹ con sẽ sống hạnh phúc bên nhau suốt đời. Nhưng bây giờ thì tất cả đã hoàn toàn sụp đổ. Hão huyền cả, chú ơi. Cháu đã sống hoàn toàn trong ảo tưởng, xa rời thực tế

Thưa chú, cháu xin cám ơn lòng tốt của chú đã hỏi thăm cháu, đã chịu khó lắng nghe cháu. Cháu sắp chết đến nơi. Cháu đã hết nước mắt, cháu cũng hết hơi rồi.

Mẹ ơi, mẹ đang ở đâu? Con đang tìm mẹ đây. Con yêu mẹ và nhớ mẹ lắm. Con muốn ở gần mẹ. Mẹ ơi, ôm con đi, vuốt tóc con đi. Con có nhiều chuyện kể cho mẹ nghe. Con sẽ kể mẹ nghe cuộc đời gian truân của đứa con gái cô đơn mẹ đã bỏ lại. Con biết mẹ muốn đem con theo ra khỏi cái thành phố quỉ ám Hà Nội. Mẹ ơi, con không thể sống xa mẹ một ngày nào nữa. Con đang tuyệt vọng.... Mẹ ơi, mẹ có nghe con gọi mẹ không? Mẹ... mẹ... mẹ ơi!

Where Are You, Mom?

■ *Ton Dzien*

The fall of Saigon in April 1975 caused tremendous upheavals all over South Vietnam, with the influx of divisions of communist troops from the North as victorious invaders. Together with soldiers in uniforms were cadres in civilian clothes who were in Saigon the first time in their life.

I was then an officer of the Republic of Vietnam Armed Forces, and as a result, I had to undergo a terrible mental turbulence brought by the event and the prospect of a somber future under the new infamous regime. One hot afternoon in the first days of May, to find some mental relief, I wandered around the area where my family temporarily lived in a relative's house after our evacuation from Dalat late in March. It was in the vicinities of Lang Cha Ca near Saigon's Tan Son Nhat airport where, in the streams of noisy, hurrying, and fearful people moving in disorder, I suddenly heard bitter cries of a girl. I stopped to look in the direction of the lamenting sounds, that I was often allergic to, and found a woman sitting on the pavement of the opposite side of the street, in tattered clothes with a faded jungle soft hat on her bending head. Out of compassion, I approached her and delicately asked if I could be of any help. Despite her pitiful condition, I could see a few nice traits still left on her weathered face when she turned it up to look at me with astonishment.

As she mentioned that she was starving, I immediately bought from a peddler some sticky rice and a plastic bag of tea for her, and watched her try to consume everything against her annoying coughs. After she finished her meal and took a short rest, I asked her a few simple questions to learn about her situation that eventually led to a mostly one-way dialog between the desperate young girl and me. She slowly

told me her long story that ended just before dusk. As I had to leave her for my home, with deep sorrow and regret due to my personal condition, I wished her good luck and placed a little money in her hand. I did not expect to see her again but I did come back to the location to look for her the next morning and several days afterward but there was no sight of her. Several weeks later, without anticipation, I was tricked into voluntarily taking a 77-month-long miserable journey in many of the so-called 'reeducation camps', a nice term for hard labor prisons where indoctrination, hunger, illness, and inhuman exploitation were every prisoner's experiences.

The girl's life story was interesting and trustworthy, in spite of her repetitive events in disregard to chronological order. To help make it enjoyable to the readers, I did rearrange them in a logical sequence and in an appropriate style, with her telling the story in the first person.

***

I was born in the middle of 1953 in Hanoi, the daughter of a young nationalist officer graduated from a military school in Nam Dinh and a pretty high school student. When I was over a year old, my father was reported missing in action in Dien Bien Phu (I learned later that he had been captured there and killed by 'bô dôi'- Vietnamese communist troops). The political situation deteriorated, leading to the Geneva Accords that divided Vietnam into two. A huge evacuation to the South ensued for those who wanted to avoid living with the communists, including my mother. Miserable and desperate, she decided to accompany her family to go South, with me naturally, but things did not happen that way. According to my grandmother's disclosure when I grew up and began to understand, my mother had to think very hard to make a life-changing decision that seriously affected me. The reason was my grandmother's tearful and firm insistence that I, her only grandchild, remain with her to serve as a great source of solace during her lonely old age. My mother was under

s serious state of torment not only about her lost husband whom she dearly loved and terribly missed, but also about his mother who would certainly live alone and miserably for the rest of her life. She had to consider whether to sacrifice her maternal feelings by losing me or force my grandmother to lose hers by taking me away. My grandmother, in her last blow, reasoned that my mother, being a beautiful and young woman, would certainly have a better new life in the South with possibly many children. My mother lost her fight, and I lost her ever since.

My father had a sister named Thu who had run away, at 18, to join the Viet Minh anti-French resistance in the jungle. The political situation of the time had pushed my grandmother's children into opposing camps, making it impossible for her to decide with which side she would be. She could have been happy with them around her until her last day had they not been affected by the resistance. My father's death, though also a great loss to her, did help her solve the dilemma. She would remain in Hanoi to look after her ancestors' tombs, especially those of her two dearest men. After all, she would no longer live alone as she had discreetly received words from her daughter Thu that she would come home soon. The prospect of seeing Thu again, therefore, had so strengthened her that she firmly refused to go to the South, unlike most of her neighbors and relatives who eagerly wanted to leave as fast as possible, due to their terrible fear of the communists. Aunt Thu did come back and stay in Hanoi but not for long.

In the jungle, aunt Thu fell in love with and married Cao, an important party member who worked specially for Uncle Ho. Being a close and efficient cadre, Cao was highly appreciated by the uncle who appointed him to an important position in the government immediately after it returned to Hanoi. Some months later, Cao was assigned to carry out a secret mission in the South where, mysteriously, he was reported missing a short time afterward. Aunt Thu was very

painful and heart-broken. To compensate for her great loss, uncle Ho made her his personal assistant, and allowed her to live permanently in his mansion. Thanks to her youth and charm, she was trusted with the job of making sure all his physical needs be satisfied, allowing him to devote himself entirely to the leadership of the party and country. Perhaps because she was a loyal party member or some other reason, she kept quiet most of the time, even during her weekly visit to us. She always left after a short moment, leaving behind enough supplies and other miscellaneous items for us to survive comfortably.

As an orphan destined by the political situation of the country, I was lucky to be raised as a normal child by love from my grandmother and aunt Thu. When I was eleven, I was the target of affection for most people due to my good character and nice appearance, together with my exceptional abilities in learning, singing, and dancing. It was in this year that marked the beginning of a drastic change in my life. As with other years, uncle Ho's birthday this year was held ceremoniously in the capital with fanfare, including well-wishing meetings and shows for the people's 'dear old father', to be concluded with musical and dancing performances in the Ba Dinh square especially by selected good kids. Uncle Ho had been widely known to like kids, female only. I was one of them who, fortunate or not, was the most photographed. According to aunt Thu, he reviewed all the photos and decided to retain the ones with me in close-up. As aunt Thu accidentally told him with pride that I was her niece, he wanted her to bring me over for him to give me a special personal commendation. When I reported to him, he tenderly held me in his arms and kissed my cheeks with pleasure while murmuring in my ears that I was cute, charming, and the best kid of all. I felt extremely honored, happy, and proud with his compliments.

From then on, I was supposed to entertain uncle Ho monthly with my dancing and singing, first with some other

girls of my age, then solo. Like the very first time, he always held me in his arms and placed long kisses on my cheeks together with his nice compliments.

When I was almost fourteen, I learned from aunt Thu one day that Uncle Ho had ordered her to see to it that I would come to see him every week or any time he wanted. Since I was no longer a little girl, she felt a little scared for me but, as she confessed to me later, she had to carry out his orders without complaint.

In my next visit, I was to stay about an hour, strolling with him in his famous garden and being his companion at lunch. It was during this meal that he showed his special attention to me, with questions about my health, my schooling, my hobbies, friends, activities with party-controlled groups, and miscellaneous things. He took me by surprise once when he mentioned about my intimate problems in his questions on my health. Nevertheless, I answered him sincerely and innocently, thinking it was a great honor to have the supreme leader of the fatherland to address such a personal issue, traditionally considered inappropriate by an old man to an adolescent girl. He seemed gratified though, and as a reward for me, he kissed me on my cheeks repeatedly, causing me to try very hard to sustain his bad breath and hard mustache. Instead of being proud and honored, for the first time I felt miserable and annoyed.

I began to realize that he wanted to hold my body tight, kiss me not only on my cheeks, and touch my hair, all with eagerness. A sense of fear and disgust started to develop in me, gradually lowering my respect for him. Unfortunately, he detected my negative attitude that I had tried to keep as discreet as possible, and reacted with rage by giving a clear lecture about his unchallenged power as leader of the party and the country and his heavy responsibilities that needed to be relieved by constantly being in contact with young girls like me. He did mention about the party's iron discipline against

anyone who disobeyed him, but then he suddenly changed the subject by proudly relating his experiences with French female comrades when he worked for the party there. To test my intelligence and loyalty, he asked me who the most important person in my life was, and when I recited like a parrot that it was he, he laughed with satisfaction and hastily rewarded me with a shower of long kisses on my face.

Early in 1968, the news of the serious defeat of the general uprising in the South came as a hard blow to his health. Aunt Thu disclosed that he sighed often, slept little, and smoked much more than usual. On his birthday in May, however, she handed to me an unexpectedly special present from him, with the strict order that I use it only in my visits to him. It consisted of many sets of underwear made of expensive fabric in France. I was amazed by their soft touch and fresh colors, and anxious to try them, the first foreign and luxurious gifts that I never imagined I could afford.

On my next visit, uncle Ho looked pale but somehow he was so pleased he didn't wait for aunt Thu to leave us before holding me tight and kissing all over my face. Again, I had to try my best to suppress my scare and discomfort caused by his terrible breath and mustache. After eating a delicious lunch alone in a hurry on order, I followed him into his bedroom and sat on a chair next to his single bed where he came to lie down. After a short moment of silence, he started to speak in a slow and weak tone.

"How do you think my health is?" he asked.

"Dear Uncle, it's not good at this time." I replied with sincerity.

"Do you want me to get well?" he asked after a short pause.

"Yes, Uncle, I really do," I answered with an automatic recitation of what he had taught me. "I really want you to be perfectly healthy and live long to lead the party and the fatherland to glorious victories. I'm ready to sacrifice my own life for your health, anytime."

"You're a very courageous girl. You deserve to be a future exemplary party member, a progressive citizen of our fatherland. Now, listen carefully..."

He paused to observe my reaction. I felt frightened but tried to remain as calm as I could.

"Yes, Uncle, I'm listening," I softly said.

"On behalf of the party and the fatherland," he said with a menacing voice, "I accept your voluntary sacrifice. I need you special help to improve my health. Do you understand what you're going to do?"

"No, Uncle. I'm sorry I don't. Please tell me." I answered in total confusion.

"Maybe you're too young. By the way, how old are you?"

"I'm fifteen, Uncle."

"I see..."

I started to undergo a chain of tremendous discomfort doing what he forced me to do. I had no choice.

After many such visits, his health seemed to have significantly improved, evidenced by his rosy face and gratifying smiles. He treated me more equally; in return, I had less and less respect for him. His image of a great leader was no longer outstanding in my mind.

It happened that in August of 1969, his health suddenly began to deteriorate. Doctors took turn to treat him without apparent results. Near the end of August, as a personal favor from uncle Ho, I was to stay on duty in his room all day, except when the doctors came to perform their medical treatment and aunt Thu brought in his liquid food. On the morning of the first day of September, when I was tired and bored sitting alone outside of his room, I heard him say something. I turned to look at him lying in the bed fully covered by a set of new blankets, except for his thin face with closed eyes above two raised cheekbones and a big nose in between. His mouth was covered by his moustache and beard, forcing me to put my ear close to his face to catch his voice.

"Uncle, what have you just said?" I asked, raising my voice and uttering each word clearly.

His moustache moved slightly to let out the following whispering and disconnected words:

"Water..."

My immediate reaction was to notify the doctor on duty of the dying uncle's request for the liquid. I was going to leave the room in a hurry when I heard one more word that puzzled me:

"No..."

No more water? I had to notify the doctor on duty, anyway. He'll know what to do, I told myself.

Uncle Ho quietly died the next day, mysteriously coinciding with the day he solemnly made the proclamation of independence for Vietnam, exactly 24 years earlier, on September 2, 1945. I was not sure if he had died as a result of my inadequate response or else, since in the afternoon when I was with aunt Thu watching a small group of people work on him, a man approached and asked both of us to follow him outside. He told us to board a military vehicle and quietly drove it out of the city. Half an hour later, he stopped it in front of an eatery and announced we could have dinner in there.

"For your protection, I was ordered to take you to a military unit in Vinh of Thanh Hoa province," he said coldly.

"Can I say goodbye to my mother?" asked aunt Thu.

"Sorry, no. We have to arrive in Vinh early next morning. Try to eat sufficiently and then have some sleep. I have to drive all night."

"What about our clothes and other necessary stuff for our daily life?"

"Don't worry. They'll be sent over, no problem. Now, no more questions, please."

In Vinh, we were assigned to two different army battalions, and before our separation, aunt Thu took advantage of the little time we were left together to tell me briefly a few things. She disclosed that her Uncle Ho had secretly ordered to

have her husband killed so he could keep her as his personal housekeeper, that she was sorry to have been powerless in preventing his intention to abuse me, and that she had known in advance of our maltreatment for having been his favorites. According to her, during the last couple of years, uncle Ho had quietly been targeted by his foes in the Politburo who wanted to remove him whenever it was convenient to do so, and therefore, it was no surprise to her that we were immediately taken away after his death. Over a year later, I received two pieces of bad news at the same time. One was about my grandmother in Hanoi who had died in misery; her body had only been found by a local police officer during his unexpected patrol of her residential area. The other was about aunt Thu who, during a trip on the Ho Chi Minh trail at dusk when her moving truck was on a dangerous pass, she had jumped out to her death in a dark and deep valley. Her death had been reported as an accident and her body was deliberately abandoned.

As for me, still a minor, I was placed under the 'guardianship' of the battalion's powerful party political commissar, a middle-aged cadre of peasant origin. In the very first night when he kept me, scared, exhausted, inexperienced, and helpless, alone with him, he brutally abused me and made me a woman; in fact, his own woman for a long period. Thanks to his position, he could let his lust go free without obstruction; besides, he was reinforced by the belief that by ravishing me, he would be lucky to advance unopposed and fast in his party career. He claimed that he had saved my life by disregarding an order to have me disposed, and therefore, I had to please all his needs unconditionally.

My life was full of unexpected things as I kept undergoing a lot of humiliation and hardship for the last six years along the Ho Chi Minh trail. I had to try to survive through numerous jungles, over dangers, hungers, and illnesses. Under the 'responsibilities' of about a dozen lascivious military men acting as my 'protectors', I had to have as many as six abor-

tions performed on me, in addition to my chronic pneumonia.

When my unit arrived in this huge city of Saigon two days earlier, I was free to go search for my mother. I was actually lost in a sea of strange people who were so busy taking care of their own destiny in the turmoil and uncomfortable heat. No one had paid attention to me. I had nothing to eat, and had to spend the cold nights on the streets. The weather and my sleeplessness made my lung disease worse. I didn't want to die, as I strongly hoped to see my mother again some day. I believed she must be patiently waiting for me in Saigon; and after our long separation, she must be very happy to have me again. Of course, I would also be happy to have her beside me for the rest of my life.

Sir, that was the true story of my life. Thanks for your kind heart and patience in listening to me. I know I am at my end. I no longer have tears. I can feel my last breath is coming. Mom, I love and miss you terribly. Where are you, mom? Do you hear me? I need you. I want to be with you. I want you to hold me in your arms, to touch my hair, to kiss my cheeks. Dear mom, I have many things to tell you. I'll tell you about the miserable life of your lonely daughter you left behind. I know you wanted to take me out of the hell capital of Hanoi. I'm here with you at last. Mom, please come to me. I can't live without you. I'm desperate, mom… Please answer me… I'm dying, mom … Mom….

Ton Dzien
Black April, 2010

Những Cánh Thư Không Hồi Âm

■ *Thu Nga 18B*

Tôi lại nhận được thư anh, cũng trong khi mùa xuân đang bước đi và nhường cho mùa hè đang trở lại.

Lá thư này cũng vẫn là bì thư có lằn xanh đỏ từ chốn gọi là "Thiên đường Cộng Sản" nhưng địa chỉ không còn ở Sài Gòn, mà là một tỉnh lẻ, anh đã về lại Tuy Hòa, nơi anh và tôi đã sống qua thời kỳ niên thiếu. Lá thư đầu tiên anh viết cho tôi, nay đã 5 năm, từ đó anh không còn gửi một cái thư nào cả, và cũng để tôn trọng lời yêu cầu của anh, tôi không hồi âm, cũng không tìm cách liên lạc vì anh nói trong thơ, nếu tôi hồi âm anh sẽ không bao giờ viết nữa. Anh cho rằng như vậy tôi và anh sẽ còn giữ cho nhau những gì quý nhất, đẹp nhất. Tôi hứa với lòng sẽ làm theo lời anh, chỉ mong nhận thư anh, sẽ không trả lời nhưng cuối cùng, trong một phút không cầm lòng được, tôi đã không giữ lời hứa, tôi có viết cho anh một lá thơ và lá thơ đó một đi không bao giờ trở lại. Từ đó tới nay đã 5 năm trôi qua và trong thời gian dài đăng đẵng này, ban ngày vì bận rộn, không có thì giờ suy nghĩ, nhưng khi đêm đến trong những cơn ngủ chập chờn, tôi đã mơ thấy anh và hôm sau, tôi lục

lọi thùng thơ, hy vọng một lá thơ mình đợi mong, sẽ bất ngờ nằm trong đó.

Nhìn nét chữ quen thuộc lả lướt của anh, tôi không khỏi cảm động và pha một chút thán phục. Anh đã mất đi một cánh tay trong trận chiến ác liệt với Việt Cộng nhưng nét chữ bay bướm của anh vẫn còn đó, ngạo nghễ, tự hào.

Đầu thơ, anh chỉ nói đã dời về Tuy Hòa - sau nhiều năm sống tại Sài Gòn và anh quyết định ở lại đây vì nơi đây có quá nhiều kỷ niệm, dầu cuộc sống đôi khi không cho phép để nhớ về những kỷ niệm đó nữa... Ïoạn này tôi chỉ đoán là anh nhớ đến tôi... Anh hỏi tôi tới bây giờ đã có một lần nào về thăm lại quê hương chưa. Anh nói nếu em đã về thì anh đã mất một dịp gặp lại em rồi, anh nói anh biết anh mâu thuẫn, không muốn tôi liên lạc sau khi nhận thư anh, nhưng một góc nào đó trong trái tim, anh vẫn muốn thấy "dung nhan ấy bây giờ ra sao?" Đọc tới đây, tôi gấp bức thư lại để trước ngực, hình dung lại vẻ mặt của anh khi anh cất tiếng hát "....xem dung nhan ấy bây giờ ra sao?" Tôi chợt liếc nhìn cái gương treo gần đó và mỉm cười chua chát, chắc chắn em không còn "đôi má đào, như ngày nào" nữa anh ạ! Hơn 40 năm rồi kể từ ngày chúng ta gặp nhau lần cuối, ai biết đó sẽ là lần cuối! Nếu tôi biết được lúc ấy là lần cuối, tôi đã không giận hờn để anh cuống quít xin lỗi vì một lời nói đùa, mà tôi chỉ muốn hành hạ anh cho thỏa tự ái, anh phải dỗ dành hàng mấy ngày, có khi hàng tuần mới hết giận. Nếu tôi biết có ngày anh sẽ dâng hiến cho núi sông một cánh tay, tôi đã lắng nghe lời giải thích của anh về tấm hình oan nghiệt... Chữ "nếu" lớn nhất tới bây giờ tôi vẫn còn ân hận, là nếu không vì tự ái quá lớn, tôi đã không xa anh vĩnh viễn và nếu tôi có phép thần thông, tôi sẽ quay ngược kim đồng hồ, dừng lại ở những giây phút hai đứa bên nhau!

Tôi ngừng đọc bức thơ mới, lấy bức hình từ trong lá thư của 5 năm về trước ra xem để mường tượng lại gương mặt của anh. Bức hình trắng đen cũ kỹ, tôi cất rất kỹ cả trong ngăn kéo cuộc đời và ngăn kéo của trái tim tôi. Anh viết:

biển Tuy Hòa vẫn sóng vỗ rạt rào và anh hình dung đâu đó những tà áo trắng tung bay, những vết chân trên cát của đám học trò cả gái, cả trai tinh nghịch vui đùa thỏa thích. Tôi nhớ lại con đường dẫn xuống biển của tuổi học trò, con đường lúc ấy đạp xe từng cặp, áo dắt ở lưng quần để "giây sên" đừng cắn đứt, đứa ngồi sau cũng vén áo cẩn thận, lũ con trai làm tàng đạp thật nhanh, tụi con gái chúng tôi lè lưỡi ra nhát. Anh đạp xe song song hỏi nhỏ Thuận "Thuận chở Thu nặng quá, đạp không nổi kia tề, để anh chở Thu cho." Thuận chưa biết trả lời ra sao, tôi vùng vằng ngúng nguẩy, "Không chịu mô, dị òm!" Anh mỉm cười không ép, tiếp tục đi kề bên như muốn tiếp sức cho chúng tôi vì con đường chạy tới bãi biển khá xa. Những con còng nhỏ li ti bò thật nhanh trên bãi cát và trốn thật lẹ với những cái càng nhỏ xíu. Anh chỉ con còng trêu tôi "Nè, con còng nhanh còn hơn Thu nữa kìa, cứ trốn anh hoài." Tôi vùng vằng: "Trốn mô nờ! nhưng đừng có tới nói chuyện nhiều rứa, mạ biết la chết." Anh cười: "Làm răng mạ biết được." Mạ cũng không thể nào biết được hai đứa hẹn hò nhau ở nhà con Bân mà tôi nói là đi chép bài hoặc trao đổi vài ánh mắt nụ cười trong những lần cắm trại của trường, và mạ cũng không bao giờ biết được có những lúc tôi nằm để giọt nước mắt ướt gối vì giận hờn anh. Mối tình thật trong trắng thơ ngây của tuổi học trò nhưng phải giấu diếm vì mạ muốn tôi học thành tài, không yêu đương vớ vẩn.

Mạ không biết nhưng anh Quang biết và anh Quang giận anh, cho anh không đứng đắn. Anh và anh Quang học cùng đệ nhị cấp, nhưng không học cùng lớp, anh Quang ban B và anh ban C. Anh Quang hay nói, "thằng nớ chỉ lo đờn, hát và tán gái." Tôi phụng phịu không đồng ý nhưng không dám cãi. Tôi biết anh có tính nghệ sĩ, có nhiều bạn và cũng có nhiều cô gái đẹp ở trường chú ý, lòng anh ra sao tôi không biết nhưng tôi chưa hề thấy anh cợt nhã với ai. Với tôi anh cũng săn sóc một cách lịch sự, chừng mực, anh nở nụ cười nửa miệng "bé ráng học cho giỏi mạ, anh thương". Đôi lúc tôi nghĩ hay anh chỉ xem tôi "là người em

gái thôi", nhưng khi nhìn ánh mắt anh, tôi choáng ngợp, tôi biết anh thương tôi.

Cho tới ngày tôi tìm được trong tập vở của anh hình một người con gái khác, tôi quăng hình và vở của anh, trong khi anh cố gắng giải thích, hình đó của N. tự bỏ vào vở của anh. Tôi làm sao tin được, tôi nhớ đến lời anh Quang nói về anh. Từ đó, tôi nhất định xa anh, mặc dù anh làm gan đến nhà tỏ ý thân thiện với anh Quang trước và mặc dầu anh Quang không tiếp anh vồn vã lắm, nhưng anh vẫn mặc, tôi nhìn ra ngoài phòng khách bắt gặp ánh mắt băn khoăn của anh, anh không biết tôi có nhà hay không, nhưng không dám hỏi, ngồi một lát anh thất vọng chào về. Từ đó tôi mất anh, anh theo gia đình vào Sài Gòn sau khi gởi tôi những lá thơ và biết không bao giờ được hồi âm. Vài năm sau, nghe tin anh đã kết hôn với người trong bức ảnh! Tôi chỉ nghe lại từ một người bạn khác nói N. đeo đuổi anh cho tới lúc được anh. Nhưng sau đó cũng chính người này bỏ rơi anh!

Cũng do người quen kể lại, tôi biết anh đi lính Không Quân, đầu đội trời chân ít khi chạm đất, anh được nhiều huy chương vì có nhiều chiến công với những phi vụ can trường và cũng vì can trường anh đã để lại trong rừng sâu cả một cánh tay. Tôi cũng đã lập gia đình, ba má tôi ở lại Việt Nam và cũng đã lần lượt qua đời sau một thời gian sau khi Cộng Sản xâm chiếm miền nam. Tôi đã trôi theo dòng người di tản, một cuộc di tản vĩ đại nhất trong lịch sử lòai người. Trước đó, mạ cũng nhắc về anh, mạ nói sau này anh có về Tuy Hòa và lại thăm mạ và anh Quang. Mạ nói anh Quang và anh sau này hiểu nhau hơn và trở thành đôi bạn thân! Thật không ngờ! Mạ hỏi tôi có biết anh bị thương và mất một cánh tay không? Mạ đâu biết khi nghe anh bị thương lòng tôi chấn động mạnh và không khỏi bồi hồi nhớ lại bàn tay anh thoăn thoắt điệu nghệ trên phím đàn guitar trong những buổi văn nghệ của trường. Tôi nói: "Dạ biết!" Mạ cũng hối tiếc cho cuộc tình của anh và tôi không thành và thường nhắc đến chuyện xưa của chúng tôi. Mạ nói trước khi anh đi, anh có từ giã mạ và anh nhắn tôi đã

hiểu lầm anh. Vì tự ái của tuổi trẻ tôi đã để mất cuộc tình thứ nhất và cũng là cuộc tình cuối trong đời.

Tôi vẫn chăm chú nhìn gương mặt anh trong tấm ảnh phai màu để tìm lại dư hương ngày tháng cũ. Tôi thì thầm như kể chuyện với anh. Anh có nhớ con Bân không? Nghe nói nó bị tiểu đường không chạy đủ thuốc thang rồi vì mê ăn đường không bỏ được nên nó đã chết. Con Nhược Hà, có gương mặt thật hiền lành, cũng người Huế, có người chú là thầy dạy địa lý của lớp tôi, không biết có phải chú thật hay chú bá láp mà sau đó thì nghe chú phải lòng cháu... Nhưng mặc kệ chuyện thị phi, tụi tôi nhóm 4 đứa con gái, Nhược Hà là một trong tứ quý (có đứa nói tứ quý là cho con trai, còn con gái là tứ quỷ vì phá quá trời, ăn hàng cũng quá trời). Thuận bằng tuổi tụi tôi nhưng có vẻ chững chạc hơn tất cả, Thuận theo ghe vượt biên và đã bỏ mình trên biển cả. Nhược Hải nghe nói sau này ưng ông chú (hờ) và đã có tới 5 con! Con nhỏ có cái đầu và cái mặt nhỏ xíu, lưng nhỏ, mông nở đúng là tướng vượng phu ích tử như có lần ông thầy tướng số đóan cho chúng tôi trong một bữa nghỉ học.

Tôi ấp lá thư lên ngực. Nhận được thư anh tôi mừng rớt nước mắt. Tôi bắt đầu đọc tiếp lá thư thật chậm, như đứa bé mới học vỡ lòng, đánh vần từng chữ và uống từng giòng... Trong thư anh không nhắc lại quãng đời anh bị tù tội, nhưng tôi được biết anh bị tù hết 5 năm, mặc dù chỉ với một cánh tay và anh đã giải ngũ khi cộng sản cưỡng chiếm miền nam. Tôi không biết lý do tại sao anh không xin đi Mỹ theo chương trình HO và cũng không hiểu anh đã sinh sống như thế nào từ cuộc thay đổi bể dâu ấy. Mặc dù anh và tôi đã thỏa thuận đừng tìm đến nhau làm gì nữa, lở dở hết rồi, nhìn cánh tay đã cụt tới vai tôi đoán lý do anh không muốn gặp lại tôi. Tôi ráng nhìn đôi mắt trong tấm ảnh để tìm lại ánh nhìn sâu thẳm của năm nào, nhưng tôi chỉ thấy lờ mờ một đôi mắt không còn tinh anh sau những năm tù tội và những tháng năm vật lộn với cuộc sống không tương lai. Anh bận chiếc quần nhà binh còn chiếc áo màu gì tôi không đoán nổi.

Tôi lại cố tìm những ẩn ngữ của lá thư, anh viết:

"Đất nước có nhiều đổi thay nên cuộc sống của mọi người, trong đó có anh, cũng có nhiều thay đổi. Anh đã sống từ Sài Gòn, cho đến Nha Trang, Pleiku, Tuy Hòa, Đà Nẵng, mỗi nơi anh và một vài người bạn nâng đỡ lẫn nhau, mưa nắng có nhau và bên anh còn có cây đờn guitar nữa, cây đờn này do một người bạn đã tặng anh trước khi anh từ giã cõi đời nên anh quý lắm, đi đâu anh cũng mang theo..."

TPB Vũ Văn Đại
Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù

Tôi chợt thương nhớ làm sao hình ảnh anh ôm đàn ngồi giữa đám bạn bè nơi trường xưa, lớp cũ với những bài slow rock. Tôi ngậm ngùi đọc tiếp thư anh:

"...Sau đó anh lại trở về Sài Gòn, và bây giờ anh lại về Tuy Hòa, nhưng em đừng lo, khi xưa thì cũng rày đây mai đó nên cũng không có gì đáng quan tâm. Anh chỉ thương những người bạn đồng cảnh ngộ mà lá thư trước anh không nhắc sợ em bận lòng, anh dầu sao cũng còn một cánh tay lành lặn, còn bạn anh, thằng Hùng học cùng lớp và rồi học cùng khóa KQ, em nhớ Hùng không? Hắn có cái trán dô, trong lớp gọi là Hùng Dô đó, nó không còn cả tay, lẫn đôi chân, nhưng nó vẫn dũng cảm mà sống, vợ nó đã bỏ nó lâu rồi, con nó cũng không thèm nhìn nó. Còn những người khác chắc em không biết đâu, có người mù mắt, có kẻ liệt cả phần thân thể... À, em còn nhớ thầy Ngọc không? Ổng bây giờ làm nghề giác hơi, thỉnh thỏang ông giác lưng cho anh không tính tiền, em có thể tưởng tượng được không?..."

Không, tôi không thể tưởng tượng và hình dung được thầy Ngọc với gương mặt chữ điền đẹp trai cao ngạo bây giờ làm nghề giác hơi.

Tôi cảm thấy hồi hộp, sợ tìm ra một vài tên tuổi quen thuộc đang sống trong cuộc đổi đời vĩ đại này. Anh viết tiếp:

"Anh xin lỗi đã mang những chuyện không vui kể cho em nghe. Anh và các bạn tuy lam lũ nhưng thương nhau như anh em ruột thịt, em đừng lo. Vài giòng anh lại viết: "em đừng lo"...

Tôi hình dung ra nụ cười nửa miệng quyến rũ của anh khi nói câu này, anh sợ tôi thương hại anh và như vậy, sẽ động chạm lòng tự ái của anh. Tôi lau nước mắt đọc tiếp:

"Kể cho em chuyện này để cho em biết một vài sự thật nếu em có nghe ai sang bên đó kể lại "đất nước đã có nhiều thay đổi để em hình dung thay đổi như thế nào đó mà, dầu sự chuyển đạt tư tưởng của anh có phần vụng về, nhưng anh chắc em hiểu, anh, bạn anh, bạn em, cả nước cũng đang đổi thay em ạ vì anh và các bạn bây giờ có tên mới là Thương Phế Binh!"

Tôi thẫn thờ buông rơi lá thơ xuống đất vì thương anh, thương cho bạn anh, thương cho đất nước của chúng ta!

Buổi chiều đã trở về, mùa hè lại trở về, nắng nhảy múa ngòai sân, tôi lau nước mắt cúi xuống nhặt lá thư lên, tay tôi vô tình làm cả xấp giấy tờ và thư lẫn lộn ở góc bàn vương vãi rớt xuống. Khi cúi xuống lượm những giấy tờ lên, tôi nhận ra một lá thư khác cũng gởi từ Việt Nam của một thương phế binh, nhờ chuyển lại cho hội cựu quân nhân để xin cứu trợ, mà tôi chưa kịp giao lại cho người phụ trách, tôi đoán người trong thơ đã theo địa chỉ của những người bảo trợ hồ sơ trước đây của các hội đoàn tổ chức, mà tôi cũng đã bảo trợ vài lần.

Tôi kéo tấm hình của người viết thư ra nhìn, anh bị cụt cả hai chân, ngồi trên chiếc ghế, hai cái chân cụt lòng thong. Gương mặt người thương phế binh nhăn nhúm, một bàn tay cong queo, tàn tật. Tôi ngậm ngùi thương cho kẻ đã hy sinh suốt cuộc đời trai trẻ của mình, nay thành kẻ tàn phế phải viết thư xin những người bạn đồng ngũ đã một thời cùng chung chiến tuyến một ít tình thương. Tội quá người chiến binh Việt Nam! Thành phần nầy vẫn còn hàng hà

TPB Đào Vĩnh Ký
Trinh Sát Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù

sa số, họ là những người kém may mắn không đến được bến bờ tự do, đang sống một cuộc đời lây lất khổ sở, phải đi ăn xin, hoặc kiếm sống qua ngày bằng những việc như bán vé số, bơm ruột xe đạp, vá bánh xe v.v... với một con mắt, một cái chân và trời ơi... chỉ một cánh tay như anh!

Tôi chợt hoảng hốt, anh đã sống ra sao? Chắc anh cũng cùng cảnh ngộ? Tôi quay quắt tự trách mình chỉ biết nhớ thương mà không tìm ra sự thật. Anh không hề có một giòng chữ xin xỏ nào trong thư, nhất là cái thư trước anh không hề đá động tới cuộc sống hiện tại, nhưng đáng lẽ tôi phải đoán ra, anh cũng là một "Thương Phế Binh" sống rày đây mai đó, vất vả lang thang nên thư tôi gởi đã không tới được anh! Anh đã sống ra sao? Có ai giúp đỡ cho anh trong cuộc đời còn lại? Tôi bàng hoàng, chắc vì tự ái anh không bao giờ cho tôi biết cuộc sống của anh? Tôi đứng lên, lòng nhất định chuyến này tôi phải hồi âm, dầu anh có muốn hay không. Tôi sẽ cầu nguyện thư tôi gửi sẽ tới tay anh và tôi sẽ làm một điều gì đó để giúp anh, giúp bạn anh dầu có muộn nhưng hy vọng vẫn còn kịp vớt vát phần nào lỗi lầm của tôi đối với anh , đối với những người bạn anh.

Kể từ tháng Tư thật đen, một màu đen bao la bao trùm cả đất nước Việt Nam, năm 75, và màu đen ấy vẫn còn bám theo những người lính khốn khổ thất trận miền Nam. Còn tôi, trôi nổi quê người, không bà con ruột thịt nhưng cũng như nhiều đồng hương khác, sẽ cố làm sao đem một ít ánh sáng gởi về những miền tăm tối nhất, nơi đó có anh, có người tôi thương: Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa.

Thu Nga 18B

■ *truyện ngắn*

Cơn Mưa Chiều Nay

■ *Tường Thúy 20B*

Tháng sáu Sàigòn hay có những cơn mưa bất chợt rồi tạnh, nhưng cũng có những cơn mưa dai dẳng âm ỉ, như cơn mưa chiều nay.

Tôi đứng dưới hiên một căn nhà nhỏ chỉ đủ chỗ trú mưa cho ba người. Tôi nhìn trời lo lắng, nếu hôm nay không phải đi mua sách, tôi sẽ không trễ chuyến xe buýt trước, và như vậy sẽ không trúng phải cơn mưa này. Cũng tại tôi thôi, sáng nay trước khi đi, mẹ đã nhắc:

- Nhớ mang áo mưa nghe con, mùa này hay mưa bất chợt lắm, trúng mưa dễ bị cảm đấy.

Tôi dạ dạ rồi lại quên luôn, bây giờ mắc mưa rồi, về thế nào cũng bị mẹ la cho coi.

Mưa cứ rỉ rỉ, rả rả, lúc to, lúc nhỏ không ngừng, tôi ôm cái cặp táp sát vào người cho đỡ lạnh. Con đường này lâu lâu mới có một chuyến xe buýt chứ không như những tuyến đường trên Chợ Lớn, hết chuyến này tới chuyến khác, liền liền nhau. Đứng chờ lâu vừa lạnh, vừa buồn, lại thấy chỉ có mình mình, tôi ư ử hát nhỏ trong miệng:

- Tháng Sáu trời mưa, trời mưa không dứt, trời không mưa, anh cố lạy trời mưa.... Ờ trời đang mưa mà, lạy gì nữa, phải hát là trời đang mưa, con lạy trời ngừng mưa mới phải chứ.

Tôi đang tủm tỉm cười một mình, thì ào một bóng người phóng đến bên cạnh. Đó là một anh lính, vừa yên chỗ, anh ta phủi phủi những hạt mưa dính trên người bắn cả sang tôi. Chợt thấy tôi nhích nhẹ ra xa, biết mình vô ý, anh vội vàng xin lỗi:

- Xin lỗi cô nhé, tại mưa to quá, tôi chạy nhanh thế mà vẫn bị ướt.

- Dạ, không sao.

Thấy tôi yên lặng không nói gì thêm, anh gạ chuyện:

- Cô chờ xe lâu chưa?

- Dạ, lâu rồi.

- Đường này ít xe lắm, lần nào cũng phải chờ thật lâu mới có một chuyến. Cô học ở gần đây hả?

- Dạ.

- Ngày nào cũng chờ ở đây như vậy sao?

- Dạ.

- Cực nhỉ? Sao không mua xe gắn máy mà đi, đỡ phải chờ?

Ơ, cái ông này hay nhỉ, người ta nghèo nên mới phải đi xe buýt, đang lạnh lại đói nữa mà còn bị hỏi vớ vẩn, móc lò thế này, tôi quay lại trả đũa:

- Thế, sao anh không mua xe mà đi, lại đi xe buýt giống tôi?

Anh bật cười khi thấy cái vẻ cong cớn của tôi:

- Cũng gớm đấy, hôm nay xe tôi bị hư, đưa sửa, nên mới phải đi xe buýt và gặp được một cô bé đanh đá như thế này chứ.

Quê quá, tôi quay mặt đi hứ nhẹ một tiếng.

- Thôi xin lỗi, cô bé này dễ giận quá.

Thấy được xin lỗi, cái tự ái trong tôi đã thỏa mãn, tôi quay lại:

- Giận chứ sao không, anh nghĩ mà coi, bất cứ một người con gái nào bị cho là đanh đá, cũng đều khó chịu thôi, hơn nữa tôi đâu có nói gì quá đáng mà anh lại bảo tôi đanh đá, ai mà chả giận.

- Tôi xin lỗi rồi mà.

- Thôi bỏ qua đi, anh là lính tiền đồn được về phép hả?

- Không, tôi làm tại thành phố.

- À, lính kiểng.

- Cái gì lính kiểng?

Giọng anh chợt đanh lại:

- Cô gọi tôi là lính kiểng? Miệt thị đấy, chạm tự ái đấy! Lính tiền đồn hay lính thành phố đều phải làm việc như nhau, đều phục vụ tổ quốc như nhau. Ai cũng phải bỏ công sức ra cả, chỉ có điều những người lính ngoài biên cương thì sự nguy hiểm nhiều hơn, nói như vậy không phải là lính thành phố không có những hiểm nguy đâu nhé, cô bé.

Ơ hay, lỡ miệng có chút xíu mà bị lên lớp như thế này. Tôi đang tính cãi lại, thì anh đã dịu giọng xuống:

- Chắc gia đình cô có người đi lính đánh giặc, phải không?

- Dạ!

- Binh chủng nào?

- Dạ, Biệt Động Quân.

- Ồ, cọp ba đầu rằn, thứ dữ đấy, thảo nào.

Thấy anh đứng im không nói, tôi nhỏ nhẹ

- Xin lỗi anh, tôi không cố ý, tại nghe người ta gọi thế thì tôi gọi theo thôi, anh đừng giận nhe.

Anh bật cười:

- Giận dỗi gì, tôi là lính mà.

Chờ mãi cũng chả thấy bóng dáng chiếc xe buýt đâu, tôi cứ nhóng nhóng người ngó ra đầu phố, bỗng thấy mình bị đẩy sang một bên, tôi quay nhìn lại, thì ra là một cậu bé con, gầy gò, khoảng 11,12 tuổi, vai đeo một bình kem to gần bằng người, vừa chạy đến chỗ chúng tôi. Em len vào giữa

tôi và anh lính. Miếng nilon màu xanh lá cây đã bạc màu, bé síu được cột trên cổ không đủ che cho cả cậu bé lẫn bình kem, áo cũng như quần đều vá chằng, vá đụp, phong phanh đến tội nghiệp. Cả người run cầm cập, em ngó lên trời với vẻ mặt lo lắng, rồi bỗng nhiên em òa khóc. Tôi còn đang ngơ ngác thì anh lính đã cúi xuống ôm bờ vai em hỏi nhỏ:

- Sao vậy em, sao khóc vậy?

Em nức nở trả lời:

- Tại trời mưa...

- Trời mưa thì sao?

- Con đi bán kem, trời mưa thế này không ai mua kem hết, làm sao con có tiền chiều nay mang về cho má để mua thuốc cho em con đây. Chú ơi, em con nó ốm mấy bữa rày rồi, con phải làm sao hở chú?

Anh ngồi xuống, mở bình kem ra coi, những cây kem mầu xanh, đỏ, vàng, nâu xếp xen kẽ nhau còn trên nửa bình. Anh đậy nắp bình lại rồi đứng lên móc bóp lấy ra 50$ đưa cho em:

- Cất đi, chút nữa, ráng bán được đồng nào hay đồng nấy em ạ.

Tôi cũng móc cặp lấy ra chỗ tiền lẻ mà sáng nay mẹ cho mua sách còn thừa, dúi cả vào tay em.

Thằng bé lí nhí:

- Cám ơn chú, cám ơn chị...

Rồi đeo bình kem lên vai định bước đi. Bỗng anh nắm vai nó giữ lại:

- Xe buýt tới kia rồi, theo anh!

Nói xong anh nắm tay thằng bé kéo lên xe. Tôi cũng theo chân hai người. Lên tới xe, anh đẩy thằng bé lên gần chổ anh tài xế, rồi khi xe vừa chạy, anh quay lại phía hành khách nói lớn:

- Thưa quý bà con, cô bác, xin lỗi cho tôi nói vài câu. Tôi biết bà con, cô bác đi xe buýt không phải là những người giàu có nhưng tôi chắc quý vị sẽ rất giàu lòng nhân ái. Xin quý vị hãy giúp đỡ cho em bé này, cháu đi bán kem, nhưng hôm nay trời mưa, cháu không bán được bao nhiêu, mà em

cháu đang ốm nằm nhà, mẹ cháu mong cháu bán được hàng mang tiền về mua thuốc cho em. Tôi mong quý ông bà, cô bác mua dùm cháu mổi người một cây kem, chỉ một đồng thôi, quý vị sẽ giúp cháu có tiền mua thuốc cho em cháu, xin bà con hãy giúp cháu.

Anh vừa dứt lời, mọi người đã nhao nhao lên:

- Được thôi.
- Này cưng cho anh một cây.
- Cho dì một cây luôn....

Thằng bé lúng túng mở bình kem, đưa kem cho khách mà quên cả lấy tiền, thấy vậy anh lại kế bên nó, giúp thằng bé bán hàng. Một ông cụ ngồi ngay hàng ghế đầu kéo em lại:

- Nào lại đây.

Ông cụ đặt vào tay thằng bé tờ 10$, nó lúi húi kiếm tiền trả lại thì ông cụ đã ra dấu không cần, ông không ăn kem, thằng bé cúi đầu cám ơn thật lễ phép. Trên xe ai nấy cũng đều ủng hộ, nên chả mấy chốc thùng kem chỉ còn lại hai ba cây kem vỡ. Thằng bé cám ơn mọi người rồi xuống xe với khuôn măt rạng rỡ. Trong xe mọi người còn đang nhấm nháp dở những cây kem. Dù trời mưa, cây kem lạnh, mà sao ai cũng nghe lòng mình thật ngọt ngào như vị ngọt cây kem.

Anh đi xuống cuối xe chỗ tôi đứng, chưa kịp yên chỗ, thì mấy bà bán hàng về chợ đã lên tiếng khen anh rối rít:

- Thiếu uý tốt quá, giúp thằng nhỏ bán hết bình kem luôn.
- Tình quân nhân cá nước mà!
- Thiếu uý tốt bụng như vậy, cô nào mà làm vợ thiếu úy chắc là có phước lắm đó.

- Thiếu úy có vợ chưa? một bà lên tiếng chọc anh, có cần không tôi làm mai cho.

Mọi người cười làm anh đỏ mặt, anh lúng túng nhìn tôi:

- Có gì đâu, tại thấy thằng bé tội quá thì con giúp thôi. Cám ơn mấy dì khen. Con là lính thành phố bị chê là lính kiểng thì ai mà thèm ưng.

- Lính kiểng thì cũng tốt, cũng giỏi thôi sao lại chê?

Anh thấy tôi ngó ra ngoài cười cười, anh kéo nhẹ cái cặp táp của tôi cho tôi quay lại:

- Nè nghe mấy dì ấy nói không, lính kiểng cũng tốt vậy.

- Dạ, biết rồi, thưa thiếu úy.

- Bây giờ cô đã biết lính kiểng cũng hữu dụng không thua gì lính đánh giặc chứ? Hy vọng cô cũng như mọi người có cái nhìn đúng về chúng tôi, những người lính thành phố.

- Đã nói biết rồi mà. Sao thiếu úy lên lớp hoài vậy.

Rồi nhân câu chuyện cậu bé bán kem, tôi cũng kể cho anh nghe một trường hợp tương tự mà người xử lý câu chuyện này lại chính là mẹ tôi. Hôm đó cũng vào một đêm trời mưa, có một bà bán bánh chưng, bánh giò đi qua cửa, mẹ gọi vào để đãi bố con tôi một bữa quà tối, giờ đó mà được ăn cái bánh giò nóng sẽ thú vị biết bao nhiêu. Mẹ đang tính tiền trả cho bà bán bánh, đột nhiên bà lăn ra kêu đau bụng, thì ra bà đã đến ngày sanh, mẹ vội bảo chúng tôi bê rổ bánh của bà vào nhà, còn mẹ thì đích thân đưa bà đến bệnh viện Từ Dũ, ở đó đến sáng mai sau khi biết bà bán bán giò mẹ tròn con vuông, mẹ mới về. Báo hại, lần đó mấy chị em tôi phải ăn bánh chưng, bánh giò hai ngày mới hết, bây giờ cứ trông thấy loại bánh này lại sợ.

- Ờ, nếu gặp trường hợp đó thì cô làm sao?

- Thì chắc cũng làm như mẹ tôi làm thôi.

- Có biết làm không đó, hay sợ quá rồi... khóc nhè

Tôi lườm anh một lườm dài tít tắp:

- Không thèm nói với anh nữa...

Anh nhìn tôi cười, cái nhìn của anh... sao mà lạ lạ, kỳ kỳ ấy!

Tới trạm, tôi sửa soạn xuống xe, thì nghe anh thì thầm

bên tai:

- Mai gặp lại nhé, cô bé... ơ cô tên gì?

Tôi cúi mặt, bước nhanh xuống giấu nụ cười sau cặp táp, không trả lời anh, và nghĩ thầm: Mai gặp, chắc không có đâu, ngày mai xe anh đã sửa xong rồi, anh đâu còn đi xe buýt mà hẹn hò gì nữa! Thôi bỏ đi, anh lính kiểng ơi!

Tháng sáu, Sàigòn, trời cứ mưa, mưa mãi để một người nhớ hoài bài hát:

"Tháng sáu trời mưa trời mưa không dứt
Trời không mưa anh cố lạy trời mưa."

Và nghĩ mãi đến một ngày mưa tháng sáu, mưa dầm dề, mưa dai dẳng để chẳng nghe lòng mình lạnh, mà lại thấy ấm áp thật nhiều....

Tường Thúy
Tucson – AZ - 2010

Giới thiêu chủ đề ĐH91

Đoàn kết là vũ khí tiên quyết trong bất kỳ cuộc chiến tranh nào, bởi vì:

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Hơn lúc nào hết, người Việt quốc gia, trong cũng như ngoài nước, cần biết áp dụng những bài học đoàn kết để huy động mọi tiềm năng và sức mạnh của dân tộc hầu sớm tận diệt Cộng Sản Việt Nam.

Những bài viết mang nội dung khuyến khích sự đoàn kết rất thích hợp với Đa Hiệu 91 qua chủ đề:

Đoàn Kết Để Chiến Thắng

Ban Biên Tập Đa Hiệu rất mong nhận được bài vở đóng góp của quý giáo sư, quý NT, quý chị cùng toàn thể bạn đọc xa gần và xin trân trọng giới thiệu.

BBT/ĐH

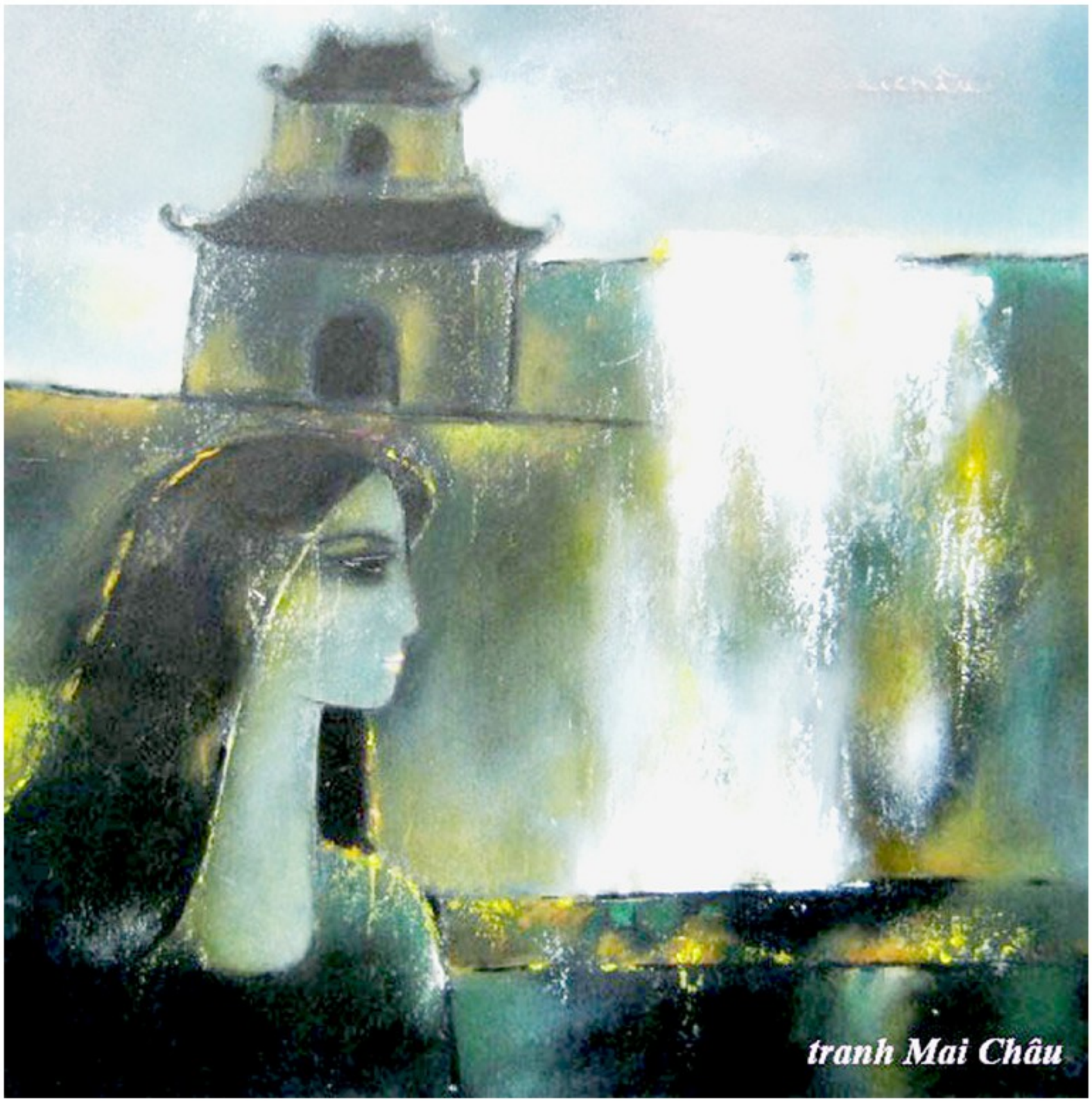

Ta Đợi Em Đã 35 Năm

Ta xa em buổi trưa hè nắng cháy,
Sàigòn ơi! Thôi vĩnh biệt ngàn trùng.
Trên bờ sông, hồn ta chợt thất tung,
Nụ hôn đó thành trăm năm bất tử.
Em ở lại với yêu thương động vỡ,
Trong tim ta niềm thương nhớ vô cùng,
Em theo chồng về nẻo tối quê hương,
Ta lang bạt bên trời Tây, tận tuyệt.
Chúng mình đã là đôi bờ nhật nguyệt,
Ta bên người chăn gối cũng cô đơn.
Ôi, giông tố làm cơn bão nhớ thương,

Người ở đó mà đại dương cách trở.
Em trong tay chồng, ta ngoài khung cửa,
Mối tình đầu sao quên được, trời ơi!
Ba lăm năm (35) ghi đậm đáy tim côi:
Một hình ảnh người quê hương tình tự.
Em đã trầm luân trên giòng lịch sử,
Có bao giờ nhung nhớ đến ta chăng?
Và riêng ta một bóng tối ngỡ ngàng,
Ba lăm năm còn yêu em bất tận.
Hỡi yêu dấu, nếu trăm năm là ngắn,
Tình yêu này mãi tận hiến vì em.
Sao em nỡ để tình tuyệt vọng thêm,
Ta sẽ chết trên giòng sông định mệnh.
Người tình quê hương, nỗi yêu thần thánh.
Rồi vẫn thương em suốt kiếp sống này.
Ta đợi chờ em hàng vạn đêm ngày,
Ba trăm lẻ sáu ngàn giờ (*) đã triệt.

***

Hỡi yêu dấu, ta yêu em diễm tuyệt,
Mối tình đầu chỉ thực sự trong mơ,
Nhưng ta tin tương lai đẹp bất ngờ:
Gặp lại em trên quê hương dân chủ.
Và buổi đó, duyên đôi mình hoa nở,
Ta hôn em giữa đồng lúa miền Tây,
Hương quê mẹ thắt chặt mấy vòng tay,
Yêu em lắm, hỡi người tình mắt biếc.
Dù xa em bao tháng năm biền biệt,
Giấc ngủ ru hồn... bóng tối thời gian.
Ta chờ em, đợi hết kiếp hồng trần,
Và nằm xuống bên mộ em vĩnh cửu.

QUỐC NAM
(30 Tháng tư 2010)

(*) Ghi chú: 306 ngàn giờ, tức là 35 năm (chính xác là 306 ngàn 600 giờ).

Bây Giờ Em Ở Đâu?

■ ***Nguyễn Minh Thanh K22***

Binh lửa vừa tàn em vượt biên
Mênh mông biển lớn một con thuyền
Nhỏ như thuyền giấy chơi hồi nhỏ
Giọt nước tràn lên đủ ngửa nghiêng...!!
Thuở ấy ta đang vòng lao lý
Làm sao chấp cánh để cùng đi
Làm sao chung lại mùa trăng quí
Nguyệt Quế soi thềm ngâm cổ thi...!!
Hiu hắt rừng thu khóc lá bay
Âm thầm nhạn trắng rẽ đường mây
Ta nghe loáng thoáng ngày hôm ấy
Mưa ướt vườn cau em ướt mi...!!
Mong mỏi thuyền đi được đến nơi
Ngờ đâu mây nước cuối chân trời
Nước mây mờ mịt con thuyền nhỏ
Mây trắng trời xanh giáp biển khơi...!!
Mười năm cặm cuội trong khe núi
Diện bích tham thiền vào mỗi đêm
Tĩnh lặng thiền tâm đâu chẳng thấy
Chập chờn bóng dáng đóa hoa tiên...!!
Chiều nay dạo biển. Biển lặng trang
Một dải lụa xanh trải ngút ngàn
Tưởng nhớ ngày nao em vượt biển
Mây chiều rũ rượi, bước lang thang...!!
Thầm hỏi bây giờ em ở đâu
Hồn nương ngọn sóng giạt phương nào...?!
Hải âu bay lượn trên vùng biển
Có chở hồn em lên đỉnh cao...?! ■

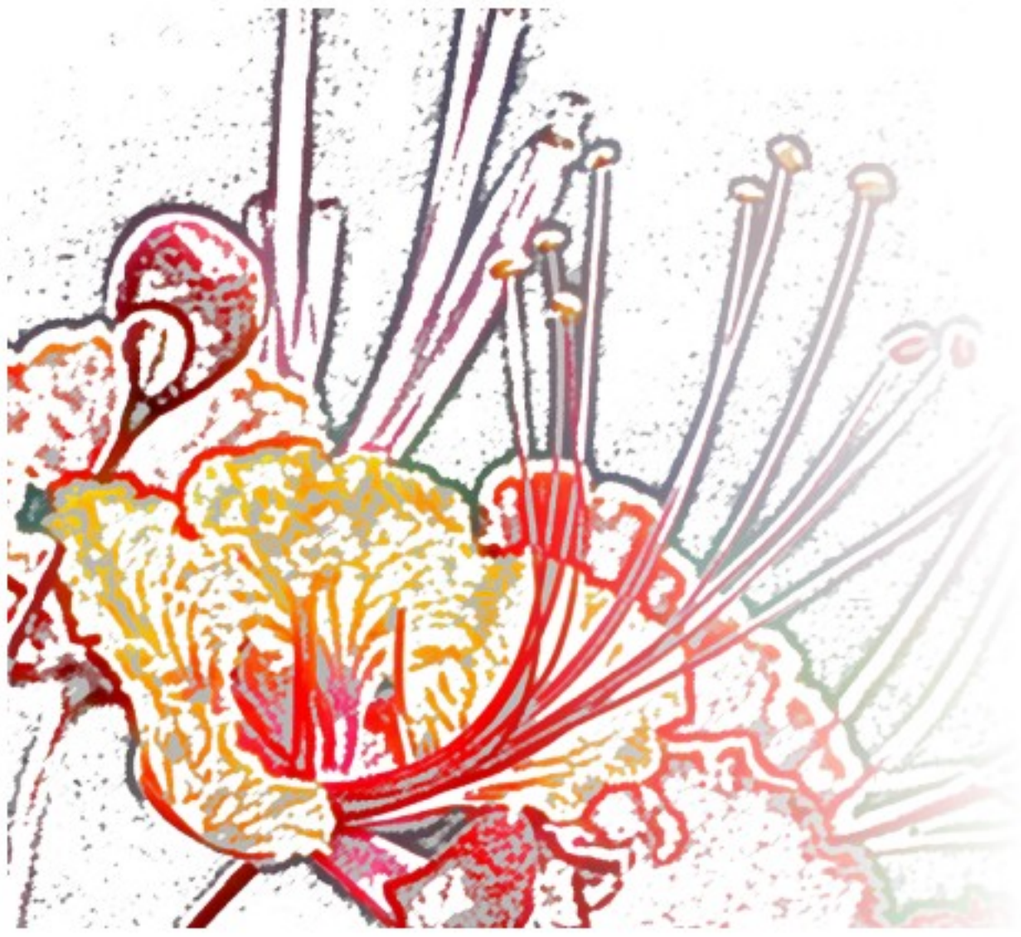

■ *Tùy bút*

Bao Mùa Nắng Hạ

■ *Phạm Văn Hòa K19*

Vào tuổi học trò, mùa hè báo hiệu khi những đóa hoa phượng đỏ thắm khắp nẻo đường. Sắc phượng như sắc pháo, lung linh nơi nơi, từ thị tứ như chợ Bến Thành Sài Gòn, đến các con đường rợp bóng mát quanh các sân trường, đến con đường về thôn gập gềnh, chênh vênh qua những cánh đồng, trên triền núi, trên con lộ cái quan... nơi nào có cây xanh là có màu hoa phượng vĩ. Màu hoa phượng còn báo hiệu mùa chia tay, là lúc viết lưu bút ngày xanh, là lúc bịn rịn tạm biệt thầy trò bằng hữu, là báo hiệu cho các sĩ tử đến ngày tỷ thí, tương lai và thất vọng chỉ trong tầm tay. Người về quê, người bước thêm bước nữa trên đường học vấn, người xếp bút nghiên lo miếng cơm manh áo, người khoác áo chiến binh... Nỗi buồn vui mênh mang lẫn tiếng ve kêu ra rả dưới cái nóng oi bức vào hạ.

Thuở bé, tôi yêu mùa hè, giản dị là không phải lo học bài học vở! Tôi được tự do lục lăn khắp xóm trên, xóm dưới, tụ tập cùng đám bạn dầm mình trong các con kinh nhỏ quanh xóm cho đến khi nước da đen sậm, mốc cời đến

độ có thể viết các mật hiệu cho nhau để qua mắt cha mẹ. Sau khi tụ năm tụm ba, chúng tôi tìm đủ trò chơi. Nắng lung linh, nổ hoa, đổ lửa, đủ quyến rũ chúng tôi đua nhau rượt đàn trâu trên đám ruộng sau vụ mùa mà không sợ bị trâu rượt chém. Chán rượt trâu, rượt bò, chúng tôi đi sâu vào sóc Miên đến Chùa Dơi để chọi phá bầy dơi đang chí chóe treo lủng lẳng trong sân chùa cho đến khi các sư sải vác roi rượt đuổi. Có hôm rủ nhau đi chọi trái me keo chín rộ trên cây. Vết thẹo trên đầu tôi là kỷ niệm của những lần dùng xương bò phang trái me keo bị tổ trác! Bởi phá phách quá thì bị trặc chân, trầy tay, lỗ đầu, chảy máu cũng là chuyện thường tình của đám chúng tôi. Sau vườn thì trái cây bắt đầu ăn được. Đìa bắt đầu sắc nước là lúc hấp dẫn chúng tôi bì bõm chia nhau tát cá hết mương này đến ao nọ. Niềm vui của những đứa trẻ ở xóm nghèo của chúng tôi được trám đầy những ngày tháng nghỉ xả hơi quanh quẩn trong xóm. Tuy vậy, các cuộc vui không bao giờ tàn, các trò chơi không bao giờ nhàm chán.

Trời vào hạ ở quê tôi vào thời ngày xưa còn bé tuyệt vời không đâu bằng. Đám tre vạm vỡ cao vút vắt vẻo trên nền trời xanh không một vệt mây. Các lóng tre vàng óng như được thêm sinh khí khi nắng hạ. Vóc dáng tre dũng mãnh bao nhiêu thì trúc, ngược lại, khiêm nhường khép nép, rì rào theo gió như hình ảnh cô gái miền thôn dã. Trong khi hoa phượng đỏ thắm khoe sắc nhộn nhịp hợp nơi phồn hoa đô hội, thì khế khiêm nhường ở vườn sau, quanh bờ ao, màu hoa tim tím nhẹ nhàng như nét chấm phá làm dịu đi cái nắng mùa hè đổ lửa ở thôn quê. Trong đầm thì hoa súng, trên chùa thì hoa sen đua nhau nở. Làm sao quên được từng đóa sen vươn cao thơm ngát bao quanh bởi các lá sen to như tai voi phe phẩy theo gió. Làm sao quên được khi mưa lất phất, lội vào đầm rau súng, cảm nhận được phần đất bùn dưới chân mát rượi, thật dễ chịu. Hái từng cọng súng, ngắt vài cành hoa súng vàng, tím bỏ đầy giỏ đem về trộn ăn mấm-và-rau. Không còn gì sung sướng cho bằng được sì sụp ăn bửa mấm-và-rau nóng hổi khi bên ngoài âm u,

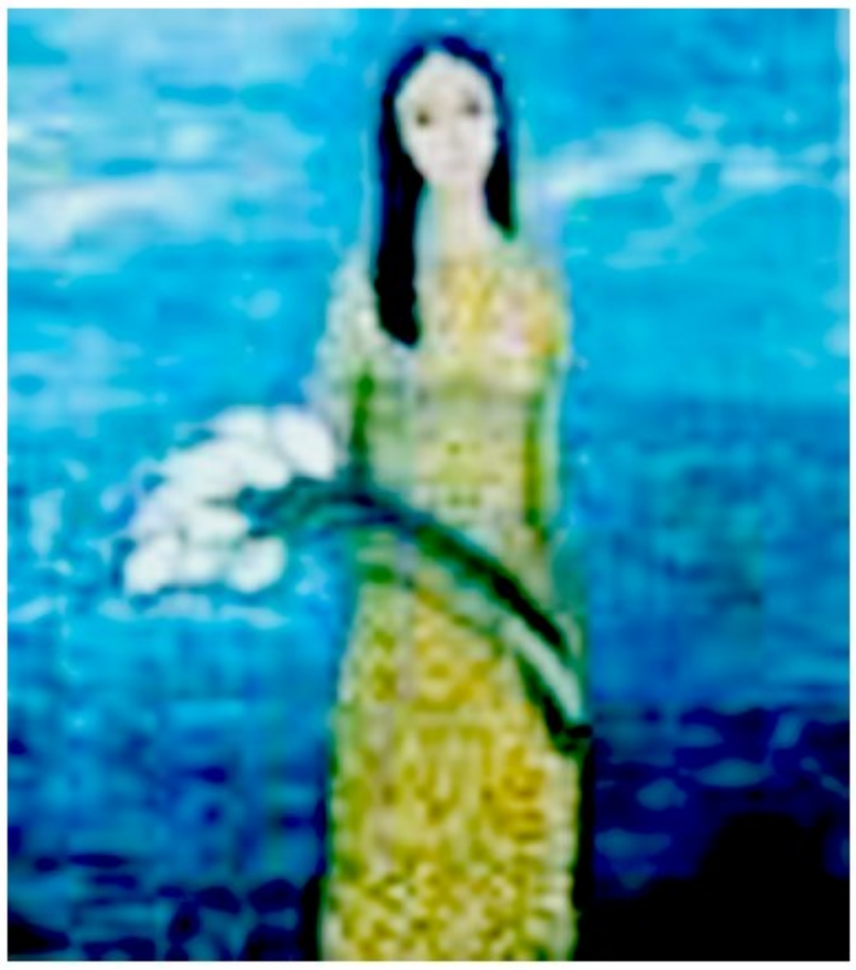

trời mưa ray rứt.

Bao nhiêu mùa hè đi qua đời tôi. Tuổi thơ cũng mất dần theo ngày tháng. Đám bạn của chúng tôi lần hồi tản mác. Nếu những mùa hè trong đời tôi cứ đều đặn trôi qua thì chẳng có gì đáng kể ra đây. Nhưng...

MÙA HÈ NĂM ẤY xóm trên của xóm tôi có thêm bóng một người con gái mà lần đầu trong đời tôi hồi hộp, bồn chồn mỗi lần chạm mặt. Lần đầu tiên tôi cảm thấy nhớ cái dáng người thon thả. Nhớ tấm áo trắng bay bay nhịp nhàng trên chiếc xe đạp con gái màu rượu chát. Từ đó, tôi yêu màu trời, nhớ vầng trăng và mơ màng nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên vách lá. Tâm hồn tôi thay đổi vì mơ tưởng. Tôi biết ngắm mình trong gương, biết trau chuốt mái tóc, biết tập làm thơ và ậm ờ ca những bài tình ca. Hình ảnh người con gái mới nhập cư ở xóm trên đã đến với tôi trong giấc mơ đêm đêm. Dù chưa nói với nhau một lời, chưa một lần trực diện, nhưng trong ánh mắt tình cờ thoáng gặp, em như đã nói với tôi thật nhiều. Tôi không thể diễn tả tâm trạng mình, của đứa trẻ vừa bước qua ngưỡng cửa vô tư sang một thế giới khác.

Tình yêu!

Bây giờ ngồi ôn lại những tâm tình của mình năm sáu chục năm trước vẫn còn thấy như nhẹ nhàng bay bỗng trong những cảm nghĩ thần tiên của tuổi thơ; tôi như còn cảm nhận được sự hồn nhiên và thấy lòng thơ thới vì được trở lại khung trời một thời mình đã sống khi ngày xưa còn bé. Tất cả những cái đẹp nhất của một đời người được bắt đầu khi mối tình đầu chớm nở. Cái may mắn của người vừa biết yêu và được yêu. Thuở ấy, tâm tình tôi nhẹ nhàng, vô tư như mặt hồ còn mờ sương mai. Người con gái thì như con thiên nga đẹp hơn ánh bình minh làm mặt hồ gợn sóng, tươi mát hơn đám cỏ non đầu ngày còn ngậm sương sớm.

Những ngọn sóng tình cảm rạt rào mà thi sĩ viết nên thơ, văn sĩ viết thành truyện, nhạc sĩ viết nên nốt nhạc để ca sĩ diển tả bằng những âm điệu trầm bổng, bằng các âm giai, âm sắc tuyệt vời. Con thiên nga đã khuấy đọng sự bình yên ngây dại của thằng bé trong xóm nghèo. Tình cảm của tôi như những vòng tròn gợn trên nước, lớn dần theo từng bước chân thiên nga, như chiếc gương để thiên nga soi bóng, như tiếng gió nhẹ rì rào bài hát ca tụng nét đẹp dễ thương mà thiên nga đã để lại lòng tôi. Thiên nga là tất cả những gì đẹp nhất cho tôi một ngày mới, một niềm vui, một ước vọng và một giấc mơ tuyệt vời. Tình yêu ban đầu đẹp như thế đó. Mấy ai có được cái diễm phúc như tình yêu mà Em đã đáp lại cho tôi. Bức thơ đầu tiên trong đời tôi viết cho Em với tất cả can đảm, là kết tụ những câu văn hoa nhất mà tôi nghĩ được với đầu óc non nớt, là gom nhặt những mẫu tự nắn nót viết trên giấy pelure màu lá cây non tươi mát của tình yêu vừa chớm nở. Cái diễm phúc của một đời người, thích quá, đẹp quá, tôi muốn giữ cho riêng mình, nhưng đồng thời tôi muốn khoe cho mấy đứa bạn cũ mới. Tôi muốn hét to cho mọi người trong xóm, trong trường, biết là tôi yêu và đã được yêu.

Mùa hè năm đó mang cho tôi những cảm nghĩ tuyệt vời nhất của một đời người, và tôi đã bước qua khỏi ranh giới của tuổi thơ. Chân trời dần mở rộng, khi các mùa hạ kế tiếp qua đi mang theo những kỷ niệm thời thơ ấu... thì tuổi hoa niên và tình yêu thơ mộng giữa Em và Tôi lớn dần theo từng mùa hạ đi qua...

***

Từ khi gặp em, viễn tượng cuộc sống của tôi sau này luôn luôn có hình ảnh em, vì em là chất xúc tác mới tìm được, là năng lực mới khám phá, vì em là con đường mà tôi muốn đưa em đi, là đích điểm mà tôi muốn đưa em đến, là niềm hạnh phúc mà tôi muốn mang đến cho Em.

Những mùa hè kế tiếp bao nhiêu đổi thay trong cuộc sống, tôi phải từ giã em để lên Sài Gòn tiếp tục con đường học vấn. Đứa con trai ở tỉnh lẻ, bỡ ngỡ đến một nơi hoàn

toàn xa lạ. Tôi lưu lạc từ nhà trọ đường Phát Diệm, đến đường Nguyễn Hoàng, đến đường Nguyễn Thiện Thuật, đến đường Phan Thanh Giản, đến khu Bàn Cờ chỉ trong vòng có mấy năm. Tôi chưa hề cảm thấy an cư những nơi tôi từng trọ qua vì tôi phải sống ngoài vùng an toàn mà tôi đã quen từ tấm bé. Cách sinh hoạt ở đây cũng khó làm tôi hội nhập, những khuôn mặt mới của các trú sinh tứ xứ mà tôi phải tiếp xúc... nhưng điều buồn nhất là tôi không được những giây phút riêng tư để cho tâm hồn mình được ru bởi tiếng nói tình yêu. Tôi không được hưởng những giây phút thần tiên khi nhìn vầng trăng tròn vằng vặc sáng từ chân trời. Tôi không thấy được khung trời hình cánh cung đầy sao mà tôi đã từng mộng tưởng. Tôi đánh mất những thú vui mà tôi từng vui hưởng. Lắm lúc, tôi phải trèo lên mái tôn của căn nhà trọ vào những đêm trăng sáng thả hồn về quê tôi để tưởng nhớ đến em. Cứ thế, mỗi mùa hè trôi qua, tình yêu của chúng tôi lớn dần theo những thử thách. Những bức thơ kể lể nỗi nhớ nhung và phát họa một tương lai thật xinh xắn. Niềm hạnh phúc nhất của tôi là những lần hò hẹn trước khi chia tay, khi hai đứa ngồi trong ruộng dưa hấu, vây quanh bởi hương đồng gió nội, trên trời là ánh trăng, hay những đêm đầy sao lấp lánh, để tôi được sống lại những gì bị đánh mất từ khi xa nhà.

Thế rồi, một mùa hè...

Khi chiến cuộc lớn dần trên quê hương, tôi đã chọn cho mình một hướng đi. Em và gia đình tôi không hề hay biết, vì tôi nghĩ sẽ có sự phản kháng, và vì tôi không can đảm nhìn những ánh mắt có thể làm lòng mình lung lạc. Tôi đã trở thành người lính lúc nào không hay, khi chiến cuộc nóng như gió Hạ Lào. Bây giờ, nhìn lại những tấm ảnh của chính mình vừa tròn 19, 20 ở quân trường. Nhớ lại những mùa Hè ở quân trường Đà Lạt trong mùa quân sự. Trời Đà Lạt có mát, gió Đà Lạt có mơn man, thông Đà Lạt có reo vui, hoa Đà Lạt muôn hồng nghìn tía phơi phới dưới nắng Hạ, những tấm thảm hoa sim tim tím trải dài từ sườn đồi đến tận thung lũng được chấm phá bằng những ngôi biệt

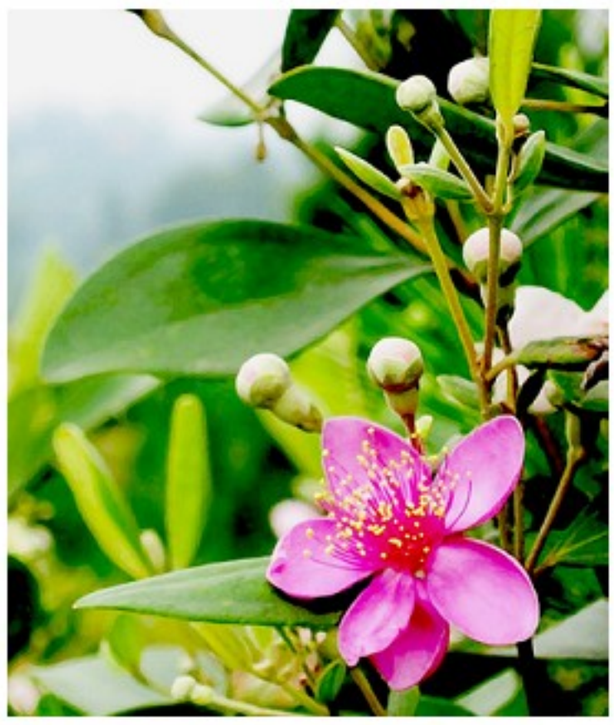

thự lấp ló sau rặng thông.... Đà Lạt quả tuyệt đẹp nhưng lại thiếu bóng em.

Cũng vào những mùa Hè ở đây, tôi đã viết không biết bao nhiêu bức thư gởi cho em. Từng cánh hoa pensée màu tim tím, từng chùm hoa mimosa vàng óng được ép khô, tẩm nước hoa Nuit D'Orient ngọt ngào, kèm theo các bài thơ không lối, không vận nhưng chở đầy ước vọng và yêu thương gởi về em từ cao nguyên Đà Lạt. Nhà thơ Hữu Loan trong Đồi Tím Hoa Sim, tình tứ bao nhiêu thì cuộc tình của tôi và Em ở quê nhà cũng thơ mộng bấy nhiêu. Bao mùa nắng Hạ ở cao nguyên như cuộc sống thần tiên đầy mơ mộng rồi cũng chấm dứt khi đến ngày "xuống núi".

Nắng Hạ Lào, nóng lại càng nóng hơn. Ngày đêm trực diện với những bất trắc khôn lường. Những ngày chuyển vận qua các đoạn đèo dọc ngang trên phần đất quê hương. Những đoạn đường thơ mộng trải đầy hoa dại mơn man theo gió như tấm chăn hờ che bớt cái nóng oi bức. Thơ mộng quá, nhưng cạm bẩy giăng mắc đâu đây, trên sườn đồi, dưới thung lũng, trên đoạn đường quanh co khúc khuỷu, bên khu rừng hay trong xóm vắng. Tôi hiểu sự tàn khốc của chiến tranh, và lớn nhanh theo từng ngày tháng vì cơn nắng hạ nổ hoa ban ngày, và hỏa châu soi sáng đêm đêm. Bao nhiêu tấm thẻ bài được đưa về từ trận tuyến?! Bao nhiêu gia đình, người vợ, người tình, đứa con... phải gạt lệ vĩnh biệt người thân?! Bao nhiêu xương trắng máu đào đã đổ trên phần đất thân yêu?! Bao nhiêu ngao ngán, chán chường... và biết bao nhiêu người phải sống đời thiếu phụ Nam Xương?!

Chắc em đã mỏi mệt đợi chờ! Tám năm chờ đợi khá dài cho một kiếp người nên em đã dứt bỏ sự bình an của mình để mong hiểu rõ hơn cuộc sống của người lính chiến.

Nếu mùa hè năm xưa vô tư, đánh dấu cho tình yêu mật ngọt của chúng tôi bắt đầu, nếu những mùa hè kế tiếp nuôi

dưỡng và thử thách cho tình yêu của chúng tôi trưởng thành, thì mùa hè năm ấy, khi em đến thăm tôi ở vùng chiến tuyến với bộ đồng phục đã nói lên tất cả những gì em đã hy sinh cho tình yêu hai đứa.

Tình yêu là thế đó, khi đã yêu thì không thể dùng đơn vị để đo lường, dùng biểu đồ để phán xét, dùng tiền bạc để đánh giá lòng người... mà vì yêu có thể hy sinh cả mạng sống để được gần gủi người mình yêu.

Đến khi cuộc chiến tàn lụi một cách tức tưởi, em, tôi và các con đã sống những ngày tháng của mùa hạ nơi hải đảo ở xứ người. Công của bao nhiêu năm tạo dựng, nay trở thành trắng tay. Em đã đổi sửa để nuôi con bằng tất cả những gì chúng tôi có, kể cả chiếc nhẫn cưới, là kỹ vật của cuộc tình đẹp nhất. Khi yêu, em đã hy sinh cho tôi. Khi có gia đình, em đã hy sinh cho tình mẫu tử. Ôi! làm sao có thể diễn tả hết được sự hy sinh người tôi yêu nhất đời, người Mẹ Việt Nam. Có phải người con gái Việt được sinh ra để hy sinh, hay tôi là người có diễm phúc nhất mà không biết? Em là chiếc bóng lặng lẽ bên tôi sớm tối, trong suốt cuộc đời phiêu bạt sau này. Bao nhiêu năm xa xứ là bấy nhiêu năm em đã cùng tôi làm lại những gì mà chiến tranh đã cướp mất. Em đã cùng tôi kiên nhẫn làm lại từ đầu như đôi dã tràng xe cát bị sóng biển xóa tan.

***

Thế rồi, đáng ra là đến lúc em và tôi chung hưởng tuổi già... thì mùa hè năm 2009, khi Đông tàn, Xuân đến, vạn vật đổi màu, cây cỏ trở lại xanh tươi, để cây hoa thì nở hoa, cây trái thì đơm bông kết trái, nhưng em vẫn còn héo hắt vì cơn bệnh ngặt nghèo. Mùa Xuân không trở lại với em nữa. Em như ngọn đèn heo hắt, lụn dần khi mùa Hạ đến. Khi hoa phượng đơm bông, đỏ thắm trên phần đất quê hương, thì em đã ra người thiên cổ. Nắm tro tàn hài cốt là kỷ vật cuối cùng, em đã để lại cho tôi, là người mà em đã yêu thương và hy sinh. Nắm tro tàn hài cốt là kỷ vật cuối cùng mà em đã để lại cho đời, bè bạn thân quyến với bao nhiêu thương tiếc. Nắm tro tàn hài cốt là kỷ vật cuối cùng

mà Mẹ đã để lại cho đám con cháu để nhớ bầu sữa ngọt đã nuôi dưỡng chúng, để nhớ từng giọt sữa được đổi bằng những kỷ vật của tình yêu của người Mẹ để con được sống qua những ngày cùng cực nhất đời.

May mắn thay, tôi đã ghi lại phần nào những tâm tình, những cảm nghĩ trong suốt thời gian cuối cùng của đời em. Tôi đã ghi lại những quằn quại mà em đã bị cơn bệnh giày vò. Tôi đã viết lại những đắng cay đã gậm nhấm em, và tôi đã viết những dằn vặt với nội tâm và ngoại lực. Tôi kể lại những cảm nghĩ chân thành nhất mà em đã để lại cho tôi, cho con và người đời. Tôi đã ghi lại hiện thực trước khi nó bị phôi pha, chôn vùi theo thời gian.

Tôi muốn mọi người hiểu em hơn. Tôi muốn mọi người biết được cái bất trắc của cuộc sống, và tôi muốn viết những lời cám ơn chân thành nhất cho em như bài hát cuối cùng tiễn em đi. Có người đọc và muốn tôi viết tiếp để nói lên tâm trạng của mình, vì biết đâu cũng là tâm trạng của người. Có người lại khuyên tôi là đừng nên tiếp tục viết vì sao nghe quá buồn đau. Tôi vẫn còn muốn viết không vì người khuyên nên, hay người bảo đừng, mà tôi muốn viết vì tôi như còn nợ em những điều chưa nói hết. Tôi sẽ viết cho đến khi nào đầu không còn minh mẫn để nhận được em, tay không còn đủ sức để chép lại những điều cảm nhận về em... và tôi còn tiếp tục viết về bổn phận mình phải thay em từ khi em ra đi. Đó là phận làm cha mẹ.

Khi sanh tiền, em và anh mỗi người có một thiên chức, kẻ làm Cha, người làm Mẹ. Anh không hề lo lắng đến việc gì em phải làm trong thiên chức của em. Nhưng từ khi em mất, anh phải cán đáng công việc mà anh chưa từng làm, anh phải chu toàn phận sự mà anh không hề biết. Đó là vừa làm cha vừa làm mẹ. Giờ này anh mới hiểu được cái gánh nặng mà bốn năm chục năm qua em đã chu toàn. Như anh phải nghĩ đến các món ăn, lo nấu nướng các thứ mà đám con ưa thích, để khi chúng đến thăm vẫn cảm nhận được như lúc em còn sanh tiền. Anh phải ghi từng thứ để đi chợ như em đã từng làm. Anh phải dậy sớm lục đục trong bếp

như thói quen của em. Những thứ đó chỉ là một vài điều nho nhỏ kể ra để nghĩ đến công lao của em. Viết đến đây anh mới cảm thấy thấm thía khi nghĩ đến các bà mẹ Việt Nam, các bà vợ của bạn bè anh, chiến hữu anh đã phải đảm đương phận làm Cha Mẹ khi người chồng bị tù tội nơi sơn lam chướng khí mà không biết ngày đoàn tụ. Các bà Mẹ thay Cha lo cho đám con trẻ nên người. Em biết không? Bao nhiêu người đã trải qua phận làm Cha Mẹ và bao nhiêu người sẽ phải, trong số kiếp làm người....

Nắng lên cao rồi, anh thắp nén hương trên bàn thờ và chia cùng em ly cà phê sữa đầu ngày....

Mùa hè năm nay, ở xứ lạ quê người này, màu phượng đỏ chỉ còn trong ký ức. Thú vui ngày xưa còn bé đã qua mất rồi. Nắng Hạ Lào cũng còn đó, nhưng cuộc chiến đã đi vào dĩ vãng. Những mùa Hạ truân chuyên của vợ chồng mình cũng chỉ là quá khứ. Như em, mới thấy đó rồi vụt mất như ngôi sao biến dạng trên trời.

Từ nay, anh nói một mình, độc thoại! Đi đứng một mình, độc hành! Có những đêm về sáng, anh rời nhà lái xe lang thang qua những nơi mà mình hay lui tới. Với anh, không có chuyện xa hay gần, đêm ngày, mà chỉ muốn ôn lại những giây phút đầm ấm mà chúng mình đã sống. Anh cảm thấy tâm hồn bình an hơn vì thấy như được san sẻ cùng em dù là ảo tưởng.

Căn nhà mình đang ở, anh trồng thêm một cây đặt tên Diệu Toàn, là Pháp danh của em. Cây này vốn được đứa con Út mua cả năm bảy năm trước ngày em mất. Cây bị héo úa như em lúc lâm trọng bệnh, bị bỏ lăn lóc trên các condo/apartment của con như em ra vào hết nhà thương này đến nhà thương khác. Hoàn cảnh của em và cây kia có khác gì nhau. Anh đã bất lực không cứu được em khỏi bệnh tật, thì nay anh sẽ chăm sóc để cây Diệu Toàn đâm chồi xanh tốt.

Khi buồn anh thì thầm cùng cây để không còn độc thoại. Khi nhớ em, anh lái xe với bức ảnh em, để không còn cảm thấy độc hành, và khi khó ngủ anh niệm Phật để không còn cảm thấy cô đơn, cho lòng nhẹ nhàng thanh thản.

Cuộc đời là vậy đó, tiền kiếp, hiện tại và hậu thân biến đổi vô thường. Kể cả hình hài của em, của anh, của con người cũng chỉ là ảo ảnh mà thôi!

Tôi với em từ đâu đến đây? Phải chăng khởi đầu là những tế bào nhỏ lắm. Sự nhiệm mầu đã biến đổi, kết tạo thành hai con người nam nữ, biết suy tư, biết yêu, thương, hờn, giận. Tôi và em là hai thực thể hoàn toàn xa lạ, cơ duyên nào đã tác hợp để tình yêu được nảy nở? Bao nhiêu năm cho một đời người qua cơn dâu bể, rồi phút chốc thân xác kia giờ trở thành tro bụi, và mình phải mãi mãi xa nhau? Rồi tự hỏi cho thân phận mình:

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi,
Để một mai vươn hình hài lớn dậy? (Cát Bụi, TCS)

Lúc sống có nhiều điều ta ân hưởng mà không biết. Cho đến khi chợt hiểu, thì tất cả chỉ là ảo ảnh. Từ nay, anh để lòng buông xả hầu mong tìm được sự bình an cho tâm hồn bởi vì cuộc sống con người có thật nhiều câu hỏi mà không có lời giải đáp, càng nghĩ càng thấy hụt hẩng như bị cuốn hút vào hố đen mà thôi!

Bây giờ em đã an vị trên Chùa, hãy thanh thản Trở Về Nhà. Còn anh, chăm sóc cây Diệu Toàn, là thú vui của những ngày còn lại. Để vơi đi những ưu tư, ray rứt, anh thay em kể tâm tình thầm kín của mình vì biết đâu cũng là của tha nhân. Bao nhiêu mùa nắng Hạ trong đời, là bao nhiêu kỷ niệm đẹp kết thành bức tranh tuyệt tác của em và tôi. Anh cảm ơn em vì mình đã sống qua bao mùa nắng Hạ hạnh phúc tuyệt vời. Nay em dù đã vĩnh viễn ra đi, nhưng những mùa nắng Hạ của đất trời vẫn còn đó... thì anh sẽ không bao giờ quên em...

Phạm Văn Hòa
Mùa hè 2009

Nếu Ai Hỏi

Nếu ai hỏi, sao chưa về thăm lại
Những con đường cũ, những chứng tích xưa
Những cánh đồng hoang bên bờ cỏ dại
Những nấm mộ buồn ướt sũng cơn mưa.
Tôi sẽ nói, hơn một lần được thấy
Dấu đạn bom ngày ấy vẫn còn đây
Cổ Thành đó! Đổi vinh quang bằng máu,
Quảng Trị, Đông Hà giặc ngã phơi thây.
Tôi đã đi từ địa đầu giới tuyến
Bước lần theo từng kỷ niệm năm nao
Dòng Thạch Hãn, hô vang "thề quyết chiến"
Sao nay buồn sóng nhẹ vỗ lao xao.
Và Mỹ Chánh, nước căm hờn vẫn chảy
Gió niềm Nam như vẫy gọi hồn ai
Đại lộ Kinh Hoàng đất trời bão dậy
Lửa oán cừu, năm tháng chẳng tàn phai
Rồi ngược chiều, xuôi về dốc An Cựu
Trường Tiền ơi! Vỹ Dạ phố buồn thiu,
Nhớ Mậu Thân, xác chôn đầy núi Ngự,
Văng vẳng chuông chiều, Linh Mụ đìu hiu.
Tôi đã thăm miền phù sa nước mặn
Đà Nẵng, Nha Trang, Bến Nghé, Đồng Nai
Sài Gòn hỡi! Tên người đâu còn nữa!

Một cuộc đổi đời, giết chết tương lai.
Cảnh còn đó mà người xưa đâu tá?
Dăm bẩy anh em tóc bạc mái đầu
Chén tạc, chén thù ngồi quanh tượng đá
Kể chuyện thăng trầm bãi bể nương dâu.
Nhưng không lẽ ta ngồi đây khóc hận!
Hãy vùng lên cùng đứng dậy mà đi.
Đừng nản chí đừng bi quan số phận
Phù Đổng vươn mình, lẫm liệt uy nghi
Không làm được, cháu con ta sẽ thế,
Tiếp nối cha ông diệt lũ bạo tàn.
Dựng lại cơ đồ Việt Nam ngạo nghễ
Để muôn đời không thẹn mặt giang san.

Chương Đài Quái Điểu Lê Văn Châm

Bài Thơ Tâm Cảm

Năm tháng chưa mờ cơn quốc sự
Tình dân ngàn thuở giục lòng ai
Mưa nắng hai mùa qua phố chợ
Bạn tù xưa người tỉnh, người say
    Ta đi vẫn giữ lời tâm quyết
    Vẫn nhớ rừng thiêng buổi hội thề
    Chinh chiến cũ hề! như thoáng mộng
    Chút tình riêng chuyển lửa về quê
Này ly rượu tiễn người tri kỷ
Dẫu Kinh Kha không hẹn ngày về
Vô thường một cõi trong thiên hạ
Tự cổ hương đời phủ sơn khê
    Cạn ly này rót đầy ly cạn
    Tàn đêm thâu còn lại cơ đồ
    Trong đáy mắt ẩn hồn tử sĩ
    Rượu khà hơi bày tỏ niềm mơ
Ai về Ta gởi theo từng bước
Một bước thời gian, một bước tình
Bến nước lâu rồi không kẻ đợi
Con đò muôn nẻo bặt đưa tin
    Ta đi sương trắng in màu tóc
    Bỏ lại đàng sau giấc mộng đầu
    Ta nghe vó ngựa reo triền núi
    Ngỡ tiếng đời qua cuộc bể dâu
Ta mơ trống lệnh vang lời hịch
Hội bóng Cờ Vàng cứu muôn dân.

Lê Anh K27

■ *Hồi ký tháng Tư*

Tháng Tư Kinh Hoàng

■ *Lan Chi 10B*

Hàng năm, cứ đến tháng Tư là lòng tôi lại cảm thấy xao xuyến, bồi hồi, cái cảm giác bồi hồi khó diễn tả của sự sợ hãi, kinh hoàng vẫn còn nằm sâu trong ký ức của tôi. Làm sao tôi có thể quên được những ngày cuối tháng Tư năm ấy?

Chồng tôi là sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đơn vị của anh đóng cách Sài Gòn 30 cây số về phía bắc. Thời gian đó anh đang phải thi hành công tác cách đơn vị chừng 16 cây số, bốn mẹ con tôi ở lại nhà trong cư xá sĩ quan của đơn vị.

Tôi thường nghe đài BBC mỗi tối, và vẫn theo dõi những đợt triệt thoái quân của QLVNCH đóng ở miền trung do đài BBC tường thuật. Tôi phập phồng lo sợ cho sự an nguy của cả gia đình vì các con tôi còn quá nhỏ dại, chồng tôi thì còn nhiều trọng trách ở đơn vị của anh. Hầu như đêm nào Việt Cộng cũng pháo kích vào địa phương chúng tôi cư ngụ.

Hôm ấy là ngày thứ Bảy 12 tháng 4 năm 1975, chồng tôi trở về thăm nhà vào dịp cuối tuần; tôi đang lo âu và rất sợ hãi những đợt pháo kích của Việt Cộng bắn vào hàng đêm,

Cảnh chạy loạn miền Nam VN, 28/04/75 - ảnh Corbis

nên tôi bàn với anh:

"Mình à, em muốn đem các con về Sài Gòn, ở đây em sợ lắm! Mình thì vắng nhà, các con còn quá nhỏ dại, bé tí teo, nói dại, có bề nào một mình em làm sao có thể lo liệu được!"

Chồng tôi không đồng ý, anh bảo tôi:

"Cuối tháng này là công tác của anh hoàn tất, anh sẽ trở về đơn vị cũ, mình đem các con về Sài Gòn làm chi cho mất công. Đừng làm khổ anh."

Tôi năn nỉ anh mãi cho tới lúc giọng nói của tôi trở nên nghẹn ngào và nước mắt tôi đã lăn dài trên hai má, bấy giờ anh mới chịu cho tài xế của anh lái xe đưa mẹ con tôi về Sài Gòn, nhưng anh chỉ cho phép tôi được mang theo một ít quần áo

đủ để thay đổi cho bốn mẹ con, còn tất cả mọi thứ đều phải để lại trong cư xá.

Anh nói với tôi:

"Mình nhát quá nên anh cho mẹ con mình về Sài Gòn trong lúc anh đi công tác. Cuối tháng này xong công tác, anh về lại đơn vị, anh sẽ bảo tài xế đi đón mình và các con lên với anh."

Đó là ngày Chúa Nhựt 13 tháng 4 năm 1975. Mẹ con tôi đã về tới Sài Gòn, nhưng trong lòng tôi vẫn còn nặng trĩu những lo âu....

Thế rồi, ngay tại Sài Gòn những ngày cuối tháng 4 năm ấy, ai nấy đều hoang mang lo sợ, người người tìm đường

di tản, nhà nhà đóng cửa im lìm, bà con hàng hàng lớp lớp bồng bế, dắt díu nhau kéo vào phi trường Tân Sơn Nhất hoặc ra bến tầu Bạch Đằng, những người làm sở Mỹ thì họ rủ nhau đi đến tòa Đại Sứ Hoa Kỳ.

Tất cả mọi người đều hy vọng đến được những nơi đó thì sẽ được người Mỹ giúp đỡ, lo cho họ rời được Sài Gòn để đi di tản an toàn. Không ai có thể ngờ được rằng Việt Cộng lại vô cùng dã man tàn bạo đến thế, vì khi dân chúng đang chờ đợi tới lượt để được lên máy bay đi di tản thì Cộng Sản Bắc Việt đã pháo kích vào phi trường Tân Sơn Nhất, giết hại rất nhiều thường dân vô tội, gây nên cảnh đau thương, tang tóc cho biết bao nhiêu gia đình và biến nhiều người trở thành phế nhân tàn tạ hết cả cuộc đời.

Tôi bồn chồn quá! Trong dạ chẳng an, tôi đang lo lắng cho số phận của gia đình chúng tôi và nhất là sinh mệnh của anh nơi trận địa, may ít rủi nhiều. Tôi đang ao ước anh về kịp lúc này để đem mẹ con tôi đi di tản, nhưng mong mãi, mong hoài cũng chẳng thấy anh đâu! Có lẽ anh đang sát cánh cùng anh em đồng đội chiến đấu ngoài mặt trận.

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, đài phát thanh Sài Gòn phát ra lệnh của Quân Vụ Thị Trấn Sài Gòn Gia Định, yêu cầu các Sĩ Quan QLVNCH thuộc mọi đơn vị hiện đang có mặt tại Sài Gòn và Gia Định phải đến Quân Vụ Thị Trấn trình diện gấp.

Tôi chẳng hiểu ất giáp gì nhưng trong lòng lo sợ lắm! Toàn thân tôi run lên bần bật, chân tay tôi rời rạc, rã rời, lòng dạ tôi bồn chồn không thể diễn tả nổi, với một tinh thần hoang mang, bất ổn gần như hoảng loạn. Vì mấy ngày rồi tôi đã lo sợ quá độ, vượt mức chịu đựng yếu đuối của tôi, nên tôi không thể ăn uống gì được, cố gắng ăn vào một chút để cho có sức chịu đựng thì ngay lập tức lại bị ói ngay ra.

Ngoài đường phố thì vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người qua lại vì Sài Gòn có lệnh giới nghiêm 24/24 và thiết quân luật từ mấy hôm nay.

Gần trưa ngày 30 tháng 4, Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Tôi sợ hãi run rẩy, hai tay ôm chặt các

con vào lòng, mồ hôi vã ra đầm đìa như tắm, nước mắt tôi lã chã tuôn rơi. Cả bốn mẹ con tôi đều khóc, nỗi sợ hãi kinh hoàng đã lên đến tột cùng, tôi lả đi và gục xuống...

Vừa khi ấy, chồng tôi trở về nhà, anh mang theo trong người một khẩu súng lục, anh lầm lầm, lì lì chẳng nói chẳng rằng, anh ôm chặt các con và xiết mạnh, một cử chỉ như muốn từ giã, đồng thời anh bảo tôi:

"Anh không muốn lọt vào tay Việt Cộng, anh lại không đủ can đảm để bắn vợ con trước khi tự kết liễu đời mình. Thôi em ráng sống, thay anh lo cho các con, anh phải tự kết liễu đời anh để đền nợ nước."

Tôi tá hỏa tam tinh, òa khóc nức nở thật nhiều, tôi nói trong nước mắt và nghẹn ngào không thành tiếng:

"Em không thể sống nổi nếu anh tự vẫn. Như anh đã biết, em yếu đuối cả về thể xác lẫn tinh thần. Không có anh, em cũng sẽ chết lần chết mòn thôi, chỉ tội nghiệp cho các con, chúng quá bé bỏng hãy còn trứng nước, mất cả cha lẫn mẹ, con của chúng ta sẽ khổ sở lầm than như thế nào đây? Anh ơi! Vì các con của chúng ta, anh phải sống và em cũng phải sống."

Thế rồi, tôi vẫn ngày đêm lo ngay ngáy chỉ sợ anh sẽ làm liều, nên tôi đã lén lấy khẩu súng và giấu biệt đi. Sau này, chính tôi là người đem khẩu súng ấy liệng xuống sông Sài Gòn chứ tôi không nộp cho Việt Cộng khi chúng ra lệnh cho dân chúng, ai còn cất giữ vũ khí của QLVNCH phải đem nộp.

Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam được vài ngày, chúng bèn ra lệnh cho các quân nhân của QLVNCH từ cấp thiếu úy trở lên và bên dân chính từ cấp trưởng ty và trưởng phòng trở lên phải đến trình diện tại Ban Quân Quản của Việt Cộng, đặt trên đường Trần Hoàng Quân, Sài Gòn.

Khi mọi người đến trình diện và làm thủ tục khai báo với chúng xong, chúng cho các ông ấy về hết, chúng không giữ lại một người nào, chúng dùng những lời đường mật giả nhân, giả nghĩa, để phỉnh gạt các ông, chúng nói là khoan hồng cho tất cả các ông, nhưng thật ra là bắt đầu một âm

mưu nguy hiểm.

Cuối tháng 5 năm 1975 Việt Cộng ra lệnh cho tất cả các hạ sĩ quan của QLVNCH phải đi trình diện và học tập 3 ngày tại các trung tâm do chúng chỉ định (là tại các trường học ở địa phương, nơi các quân cán chính của VNCH đang cư ngụ), sáng đi chiều về giống như đi học, xong 3 ngày chúng cấy cho mỗi người một giấy chứng nhận và cho về hết.

Chừng mấy ngày sau Việt Cộng ra lệnh tiếp:

"Tất cả các sĩ quan của QLVNCH phải đi trình diện gấp để được học tập cho biết rõ chính sách khoan hồng nhân đạo của Cách Mạng. Thời hạn phải trình diện trong 3 ngày là: 14, 15 và 16 tháng 6 năm 1975. Sĩ quan cấp úy phải mang theo 10 ngày tiền ăn; sĩ quan cấp tá trở lên phải mang theo 30 ngày tiền ăn."

Tôi cảm thấy ngờ ngợ thế nào ấy, nên tôi không thể nào an tâm được mà tôi luôn luôn phập phồng lo sợ. Tôi lại rơi vào trạng thái trầm cảm nặng nề, ăn ngủ đều sút kém và sức khỏe suy yếu đi nhiều.

Vài ngày trước khi anh phải đi trình diện, tôi ra chợ Ông Tạ để mua những đồ dùng cá nhân cho anh, và mua thực phẩm để chế biến thành một ít lương khô dự phòng cho anh, vì tôi nghĩ anh mang theo 30 ngày tiền ăn như thông báo của chúng, nhưng hết 30 ngày rủi Việt Cộng trở mặt chưa cho về thì còn có một chút lương ăn đỡ dạ, tôi đã dự trù như thế, nhưng khi ra đến chợ, hồn vía tôi đã lạc đi đâu mất rồi. Lòng dạ tôi trở nên mụ mẫn, lú lẫn, đầu óc thì vẩn vẩn, vơ vơ, rối bời tựa nắm tơ vò nên tôi mua sắm lung tung, thứ thừa, thứ thiếu và khi từ chợ trở về nhà, tôi cũng đi lạc sang con đường khác.

Ngày 15 tháng 6 đã đến và lại đến rất nhanh, anh phải ra đi để trình diện Việt Cộng như chúng đã thông báo. Hôm ấy, anh từ giã vợ con ra đi, tôi tiễn chồng lên đường mà lòng dạ bất an, mọi vật quanh tôi đều quay cuồng và tôi có cảm giác như trời đất đang sụp đổ...

BỊ LỪA VÀO CHỐN HANG HÙM

Theo thông báo và qui định của Việt Cộng, chồng tôi

phải đến trường Don Bossco trong Gò Vấp để trình diện chúng.

Ngày 15 tháng 6 anh từ giã vợ con để ra đi, mang theo 30 ngày tiền ăn như Việt Cộng đã thông báo.

Tiễn chồng lên đường mà lòng dạ bất an, mọi vật quanh tôi đều quay cuồng và trời đất như sụp đổ... Tôi đứng nhìn theo anh cho tới khi khuất dạng, tần ngần mãi không muốn quay gót trở lui. Cuối cùng tôi cũng phải lê chân từng bước chậm chạp quay về. Bước đi của tôi chùng hẳn lại, tựa hồ như có ai đó ghì bàn chân tôi xuống. Một nỗi buồn mênh mông vô tận đang tràn ngập tâm hồn tôi, một cảm giác lạ lùng như bị hụt hẫng, choáng váng và giống như tôi vừa mới bị mất mát một thứ gì to lớn lắm. Trời ơi! Tại sao lại có thể như thế này? Trái tim tôi đang thổn thức vì quá đau đớn và tuyệt vọng. Tôi đang mãi suy nghĩ miên man thì chợt giật mình khi tà áo bị kéo mạnh. Nhìn xuống, tôi nhận ra bé trai đầu lòng của tôi đang mếu máo, cháu nói:

"Mẹ ơi! Mẹ về đi, hai em đang khóc quá."

Tôi dắt con chậm bước trở về nhà, vừa bước chân vào tới cửa, tôi quỵ ngay xuống, hai chân tôi mềm nhũn ra, không thể đứng lên nổi nữa. Các con tôi sợ hãi quá, thế là cả mẹ cả con đều òa khóc. Tôi mệt lả và lịm đi lúc nào không biết, khi các con tôi lay gọi inh ỏi, tôi tỉnh dậy, nhưng không còn đủ sức để nấu bữa cơm chiều cho các con; mãi tới tối mịt hôm đó, tôi phải cố gắng lắm mới nấu được nồi cơm để con ăn cho đỡ đói lòng.

Cả đêm hôm đó tôi thao thức mãi không tài nào chợp

mắt được, vì con gái nhỏ của tôi đang nóng sốt li bì. Ô kìa, eo ơi! Máu từ mũi con gái tôi đang ri rỉ chảy ra, cháu bé đã bị nóng sốt từ mấy bữa nay rồi. Tôi như hồn xiêu, phách lạc, tối tăm cả mặt mũi, lo sợ cuống cuồng, không biết phải lo liệu làm sao khi đêm hôm khuya khoắt như thế này? Tôi chỉ còn biết cầu nguyện và mong Trời mau sáng để đem con gái đến bệnh viện Nhi Đồng.

Trời vừa sáng, tôi vội vã thuê xe xích lô chở hai mẹ con tôi đi bệnh viện Nhi Đồng. Khi tới nơi chúng tôi phải làm nhiều thứ giấy tờ, mặc dù con gái tôi đang nóng sốt mê man nhưng hai mẹ con tôi vẫn phải chờ đợi rất lâu, vì còn phải qua nhiều giai đoạn để làm nhiều thủ tục rất ư là nhiêu khê và phiền phức.

Bác sĩ khám bệnh và cho biết:

"Cháu bị Sốt Xuất Huyết, phải nằm điều trị tại bệnh viện."

Lại thêm một mối lo mới đổ ập xuống đầu tôi. Tôi bủn rủn cả người, chân tay run rẩy vì lúc này tại Sài Gòn bệnh Sốt Xuất Huyết đang lan tràn khắp nơi và đã có nhiều trẻ em bị tử vong vì căn bệnh này. Tôi hầu như kiệt sức, đến độ không thể bế nổi con gái bé bỏng của tôi để đi theo người y tá hướng dẫn đến phòng điều trị.

Trong khi tôi đang lúng túng, không biết xoay sở cách nào, thì rất may mắn cho mẹ con tôi, một người đàn bà tốt bụng bước tới và tình nguyện bế cháu giúp cho. Chúng tôi theo chân y tá đến phòng điều trị. Vừa tới nơi, tôi nhìn vào và giật mình khựng lại. Giường nào giường nấy đều có hai cháu bé nằm, các giường con nít đã nằm kín hết, ngay dưới sàn phòng con nít cũng nằm la liệt, mỗi bé nằm trên một manh chiếu nhỏ; lòng tôi buồn rười rượi nhưng vẫn phải tiến vào. Người y tá đưa cho tôi một chiếc chiếu con và bảo tôi trải xuống sàn phòng cho con gái nằm.

Tới lúc này tôi trở nên vụng về và lóng ngóng. Người đàn bà tốt bụng đặt con tôi xuống, rồi vội vã ra đi, nhanh đến nỗi tôi không kịp ngỏ lời cảm ơn.

Y tá chích và cho con tôi uống thuốc xong, tôi mới ngửng

mặt lên và nhìn ra phía cửa, tôi chợt thấy người đàn bà khi nãy lại xuất hiện, hai tay chị bưng hai tô gì đó và đang tiến lại phía mẹ con tôi. Cháo, thì ra chị đi mua cháo cho mẹ con tôi ăn. Thật cảm động biết bao! Tôi cảm thấy lòng mình ấm lại. Tôi cảm ơn chị đã quá tốt với mẹ con tôi trong lúc ngặt nghèo này, tôi cũng xin chị cho phép tôi được hoàn lại tiền mua cháo, nhưng chị một mực từ chối và cáo biệt ra đi.

Đã hai ngày nay, bệnh tình con tôi vân chưa thuyên giảm. Tôi trở nên thẫn thờ và lo quá! Tôi không thiết ăn uống gì, vì tôi không cảm thấy đói, mặc dầu bụng tôi đã thót lại có cảm giác như bụng mình đã dính chặt vào xương.

Giờ đây, toàn thân tôi mệt mỏi,rã rời, tôi quá buồn chán và vô vọng... Niềm đau đớn, tủi nhục kèm theo nỗi lo âu, sợ hãi đã theo nhau ào ào kéo đến. Tôi run sợ quá chừng! Đến nỗi không sao có thể chợp mắt được ít phút để lấy lại sức.

Làm sao tôi có thể an tâm được khi chồng tôi vừa mới phải đem thân vào nơi đầy nguy hiểm, chỉ toàn là nanh hùm, nọc rắn. Không biết số phận của anh rồi đây sẽ ra sao? Lại còn hai thằng con trai bé bỏng của tôi đang bơ vơ trơ trọi ở nhà. Vì quá vội vàng, nên tôi chưa kịp gửi gắm hàng xóm trông chừng dùm. Chẳng hiểu giờ này chúng có được an lành không? Tôi chỉ còn biết cầu nguyện....

Thời điểm này, ngày nào trong bệnh viện cũng có con nít bị tử vong vì bệnh sốt xuất huyết, nên tôi không dám rời con gái nhỏ của tôi, và đành ở lỳ trong bệnh viện.

Mãi đến bốn ngày sau, bệnh con tôi mới từ từ thuyên giảm, và tới ngày thứ mười một, con gái tôi mới được xuất viện. Tôi đem con trở về nhà, và hai con trai bé bỏng của tôi cũng được bà con hàng xóm thương tình giúp đỡ nên hai cháu vẫn được bình an.

Sau ngày miền Nam VN bị Việt Cộng cưỡng chiếm, những gia đình có hoàn cảnh giống gia đình tôi, phần nhiều đều bị bà con, họ hàng thân thích xa lánh, vì họ sợ bị liên lụy. Chúng tôi phải chịu cảnh thân cô thế cô, tủi nhục và đau đớn biết chừng nào!!!

Tôi liền để các con tôi ở nhà và đóng cửa lại, dặn các con

phải ngoan, mẹ cần đi tìm bố. Tôi đến trường Don Bossco là địa điểm các anh bị gọi phải tập trung ở đó. Khi tới nơi, tôi thấy tứ bề vắng lặng, bên trong không một bóng người. Tôi bèn lân la dò hỏi những người dân sống quanh đó và được họ cho biết:

"Cách đây cả chục ngày rồi, vào khoảng nửa đêm, bà con quanh đây nhìn thấy nhiều xe vận tải che kín mít từ trong trường Don Bossco đi ra."

Tôi đang lắng nghe bà con thuật lại chuyện, thì một cụ già đi ngang qua chỗ chúng tôi, cụ ghé lại góp chuyện, cụ kể rằng:

"Cụ nghe con cháu cụ thì thào với nhau là chúng nó chở các ông ấy đi về phía Biên Hòa."

Tôi lủi thủi quay về mà lòng buồn rười rượi. Tôi không thể về nhà bây giờ được, tôi phải đến nhà những người bạn đồng cảnh ngộ để hỏi xem sự thể ra sao. Mọi người cũng chẳng biết gì hơn. Thế là mấy chị em đồng cảnh ngộ ôm nhau khóc thút thít...

Vì quá buồn phiền và lo nghĩ nhiều nên tôi bị ngã bệnh, tôi trở nên ốm yếu, thuốc men lại thiếu thốn. Cơ khổ biết chừng nào!!!

Đã ba tháng trôi qua mà chồng tôi vẫn bặt vô âm tín. Tôi phải làm gì đây để nuôi bầy con thơ và nuôi sống bản thân mình? Từ ngày anh cưới tôi về, tôi được nấp bóng tùng quân. Giờ đây, trước cảnh ngộ này, tôi phải tính sao để gánh vác cái giang sơn nhỏ bé của tôi? Bây giờ vừa là mẹ, tôi lại phải kiêm thêm nhiệm vụ làm cha, suy đi tính lại, tôi phải vác thúng đi buôn để nuôi bầy con thơ dại và cả bản thân mình. Vất vả sớm hôm, thân cò lặn lội...

Một hôm vừa từ chợ trở về, các con tôi chạy ùa ra đón mẹ, bé gái út tay cầm bao thư và cả ba anh em, vẻ mặt hí ha hí hửng, tranh nhau nói:

"Mẹ ơi! Có thư bố!"

Tôi mừng quá, ôm chầm cả ba đứa con vào lòng, nước mắt ứa ra vì niềm vui hiếm hoi đã đến; tôi vội mở thư anh ra đọc, trong thư anh viết vắn tắt có vài hàng, anh báo tin

sức khỏe tốt và anh ráng lao động cho tốt để được cho về đoàn tụ với gia đình.

Nhận được thư anh, tôi mừng mừng tủi tủi, những dòng chữ thân yêu quen thuộc của anh đây. Nhưng anh đang bị Việt Cộng đầy đọa ở phương trời nào? Bên ngoài bì thư không ghi rõ địa chỉ của địa phương anh đang ở, mà chỉ ghi "Hòm thư..." Khổ thân anh quá chừng!!! Nỗi thương cảm lại trào dâng trong tôi.

Như vậy là các ông đã bị Việt Cộng nó lừa thực sự rồi, nó nhốt các ông vào tù và đầy ải các ông không biết ở nơi xa xăm nào? Từ ngày anh ra đi tới nay đã hơn bốn tháng, bây giờ chúng mới cho anh viết lá thư này về nhà.

Một ngày kia, chị bạn đồng cảnh ngộ với tôi, rủ tôi đi Long Giao tìm các ông ấy. Vì chị mới nghe được tin Việt Cộng nhốt các ông ấy ở Long Giao thuộc tỉnh Long Khánh. Chúng tôi bàn nhau đem theo lương khô và một ít tiền, may ra gặp được chồng thì tiếp tế.

Chị em chúng tôi ra đi từ sớm tinh mơ để đáp xe đò đi Long Khánh, rồi chúng tôi còn phải thuê xe Lam ba bánh mới tới được Long Giao. Khi tới nơi, chúng tôi phải chờ đợi đến quá trưa, người bộ đội Việt Cộng mới từ trong đi ra cổng và thông báo cho chúng tôi:

"Chỉ được gửi quà, không cho gặp mặt!"

Ngày hôm đó, chị em chúng tôi đông lắm, ước chừng cả trăm người, họ thu hết số đồ tiếp tế của chúng tôi đem đến, rồi họ bắt buộc chúng tôi phải ra về ngay lập tức.

Lúc trở về, chúng tôi phải đi bộ rất xa, để ra con lộ chính đón xe Lam đi Long Khánh. Trong khi còn đang đi bộ trên con đường đất nhỏ, chúng tôi gặp được một toán các ông Sĩ Quan QLVNCH, phải đi lao động, giờ này đang trở về trại giam Long Giao. Tôi chăm chú nhìn, và nhận thấy ông nào, ông nấy đều gầy yếu xanh xao, quần áo lam lũ, mặt mũi hốc hác, bơ phờ mệt mỏi. Tất cả các ông đều lầm lủi, buồn thảm bước đi theo hàng một. Có nhiều bộ đội Việt Cộng đi kè kè hai bên, trên tay chúng ghì chặt khẩu súng, lăm lăm le le như muốn sẵn sàng nhả đạn.

Chị em chúng tôi, ai nấy đều ráng nhìn cho kỹ, với hy vọng nhìn thấy được chồng mình, nhưng tất cả đều thất vọng. Có thể cả vợ lẫn chồng đều tiều tụy, gầy còm biến dạng, nên trong giây phút bất ngờ khó mà nhận được ra nhau. Nhìn thấy các ông ấy trong hoàn cảnh này, tim tôi đau nhói, lòng tôi se thắt lại vì thương cảm, mắt cay cay và cổ lại nghẹn ngào. Tôi liên tưởng tới chồng mình cũng đang bị Việt Cộng hành hạ, đầy đọa như thế này mà tê dại cả cõi lòng.

Chỉ có một lần duy nhất này, chúng tôi được gửi đồ tiếp tế ở Long Giao. Sau đó chúng cấm, không cho chúng tôi được tới gần. Rồi thư từ cũng không nhận được nữa, đã sáu, bẩy tháng nay rồi. Mấy mẹ con tôi lại buồn phiền, lo lắng và mong ngóng chờ đợi những lá thư của anh. Vài ngày nay tôi bị đau nên phải nằm nghỉ ở nhà, không ra chợ bán hàng được, tôi đang buồn nản chán chường, và rồi lại nhớ tới anh, lo lắng cho số phận của chồng thật vô cùng bi đát đau thương.

Có ai đó gõ cửa. Tiếp theo là tiếng người đưa thư quen thuộc cất lên oang oang:

"Ra mà lấy thư, có thư của ông ấy đây này."

Tôi mừng quá! Hết cả mệt mỏi, vùng ngay dậy, vội vàng ra mở cửa để nhận thư chồng và trao một chút tiền thưởng cho người đưa thư. Trở vào nhà, tôi ôm gọn thư anh và ghì chặt vào người, như sợ lá thư bay đi mất, nước mắt tôi dàn dụa vì mừng và cảm thấy được một chút an lòng, nhận được thơ của anh là anh vẫn còn sống. Tôi liền bóc thư anh ra coi, anh cho biết:

"Anh đang lao động tốt ngoài miền Bắc!"

Ôi! Chua xót biết chừng nào!!! Nước mắt tôi lại tuôn rơi, nghẹn ngào và nức nở...

Như vậy là chồng đang phải chịu cảnh tù đầy biệt xứ và lao động khổ sai nơi rừng thiêng nước độc tận miền Bắc xa xôi. Tôi lả đi vì đau đớn...

GỬI ĐỒ TIẾP TẾ

Từ khi nhận được tin anh và các bạn đồng đội đang bị Việt Cộng đầy đi biệt xứ và phải lao dịch khổ sai nặng nề, đói khổ lầm than nơi thâm sơn cùng cốc tại miền Bắc Việt Nam, tôi vô cùng đau đớn, xót xa, nước mắt lại tuôn rơi, mà lòng thì nức nở, nghẹn ngào và tràn đầy uất hận. Đau xót biết chừng nào!!! Bọn Việt Cộng tàn ác dã man hơn loài cầm thú. Như vậy tấm thân tàn tạ của chồng tôi có chịu đựng nổi không? Khó lòng có hy vọng vợ chồng con cái gặp lại được nhau. Tôi lại rơi vào trạng thái u buồn và không sao cầm được nước mắt.

Hôm nay, tôi mới nhận được thư anh từ miền Bắc gửi về, trong thư anh nói:

"Bây giờ các anh bắt đầu được nhận đồ tiếp tế của gia đình gửi qua đường bưu điện."

Tôi hiểu được rằng anh đang rất cần lương thực và thuốc men để duy trì mạng sống, nên tôi bỏ cả việc buôn bán, vội vàng đến thẳng bưu điện Sài Gòn để nghe ngóng tin tức.

Khi tới bưu điện tôi đọc được thông báo:

"Gia đình chỉ được phép gửi quà cho mỗi cải tạo viên đang học tập cải tạo tại miền Bắc:

- Một gói quà nặng 3kg.
- Hoặc những gói quà nhỏ, mỗi gói nặng 1kg.
- Nhưng chỉ được phép gửi cho mỗi cải tạo viên từ 3kg trở xuống.
- Tuyệt đối không được gửi đồ ăn.
- Chỉ được phép gửi quần áo và đồ dùng."

Việt Cộng dã man thâm độc, các ông ấy đói khát thiếu ăn mà chúng không cho tiếp tế lương thực.

Tôi đi thẳng đến chợ Tân Bình để kiếm mua cho anh một cái áo len thật dầy, với hy vọng ủ ấm thân anh mỗi độ Đông về rét đậm, giá buốt nơi thâm sơn, cùng cốc xa xôi. Tôi cũng ra chợ Ông Tạ mua vải K.T về may vài bộ đồ bà ba rộng rãi để anh mặc khi mùa hè oi nồng khắc nghiệt của miền Bắc Việt Nam.

Anh muốn có một cái võng, để ngả lưng mỗi khi có dịp, tôi kiếm mua võng bằng vải dù, nhưng tìm mấy ngày nay

mà vẫn chưa gặp. Sau cùng tôi phải đến đường Huỳnh Thúc Kháng mới mua được võng.

Chỉ còn hai ngày nữa thôi, là tới ngày bưu điện cho chúng tôi gửi quà tiếp tế. Tôi lại mất ngủ, vì cứ loanh quanh, lẩn quẩn, cân tới, cân lui để làm sao cho gói quà vừa đúng 3kg vì không được dư, mà tôi lại không muốn thiếu một chút nào. Mong mỏi mãi, thế rồi ngày đi gửi quà cũng đến.

Sáng hôm ấy, tôi bỏ đồ vào cái giỏ cói để mang đi, nào là áo len, hai bộ đồ bà ba, cái võng vải dù, vài cái quần đùi, xà bông, khăn mặt, kem và bàn chải đánh răng v.v... cộng thêm giấy gói, dây để cột và một cái bao cát nhỏ để bỏ tất cả đồ vào đấy. Tôi đi thật sớm, tới nơi mới có ít người. Bên hông bưu điện Sài Gòn, về mé đường Nguyễn Du, họ đã cắm sẵn tấm bảng có hàng chữ viết:

"Yêu cầu xếp hàng 5."

Chúng tôi vội xếp hàng chờ đợi. Bà con lúc này đã ùn ùn kéo đến mỗi lúc một đông. Tuần tự từng hàng 5 người vào một lượt. Khi tới lượt hàng của tôi được vào, từng người một bỏ đồ ra cho họ khám, kế đến họ cân, dư một chút cũng phải bỏ lại, họ bắt buộc mọi người gói đồ trước mặt họ, rồi ghi tên và hòm thư của người nhận, sau đó họ mới đóng dấu nhận đồ và tiền cước phí, liên tục như vậy, hết người này tới người khác. Riêng tôi, vì e rằng giấy gói có thể sẽ bị rách, chút đồ bị hạn chế quá ít, nếu bị rơi vãi thì anh sẽ thiếu đồ dùng, nên tôi đem theo cái bao cát nhỏ, chờ khi khám xong, tôi bỏ tất cả đồ vào đấy rồi khâu chắc lại, sau đó tôi mới gói giấy dầu bên ngoài, cột lại cho thật chặt xong ghi tên và hòm thư của anh.

Tẩy não (tranh biếm họa Ba Bùi)

Gửi đồ xong, tôi cảm thấy vui vui, nhưng niềm vui ấy trong tôi qua đi rất mau và lòng tôi lại trĩu nặng những lo âu và thương nhớ....

Một tháng sau khi gửi quà, tôi nhận được thư anh, anh báo cho tôi biết, anh đã nhận được gói quà tôi gửi, anh còn nói:

"Anh thích nhất cái võng, và cảm thấy ấm lòng vì vợ con vẫn dành nhiều tình cảm nồng hậu cho anh."

Trong thư, anh lại nói bóng gió xa gần, cho tôi hiểu được rằng:

"Anh đang bị đói triền miên!"

Thương quá là thương!!! Tôi phải làm gì để có thể giúp anh lúc này? Tôi suy nghĩ mãi, cuối cùng tôi nghĩ: "Hay là ta phải làm liều." Tôi sẽ tìm đủ mọi cách gửi đồ ăn cho anh, thứ mà bưu điện đã cấm, không cho phép gửi.

Suy nghĩ, tính toán xong, tôi thực hiện liền vì chồng tôi đang rất cần thực phẩm. Tôi ra chợ Ông Tạ mua đủ năm thứ đậu đem về rửa sạch, rang chín. Sau đó tôi tìm đến nhà người xay bột bắp, tôi thuê họ xay thật mịn, đem về trộn thêm đường vào. Tôi cho vào túi nylon và gắn kín lại.

Xong đâu đấy, tôi kiếm bốn hộp nhỏ bằng giấy các tông, giống nhau như hệt và có thể tích chứa vừa khít túi bột đậu. Tôi bỏ hai túi bột đậu vào hai hộp, gói lại bằng giấy dầu, ghi tên và hòm thư của anh rồi cột giây chu đáo. Hai hộp giấy kia, tôi bỏ toàn đồ dùng, sao cho mỗi gói cân đủ 1kg theo đúng qui định của bưu điện. Tôi bỏ bốn gói quà giống nhau vào hai cái giỏ cói giống nhau, rồi chở con tôi cùng với hai cái giỏ đến bưu điện Sài Gòn bằng xe đạp. Khi tới nơi tôi đưa cho cháu xách cái giỏ có đồ ăn, tôi mang cái giỏ có đồ dùng và dặn con:

"Khi vào bên trong, con đứng xa mẹ ra, con nép sát vào quầy kia mà đứng. Chừng nào con thấy họ khám đồ của mẹ xong và thấy mẹ trở lại quầy để gửi quà thì con đến sát bên mẹ, nhớ nép sát vào quầy mà đi, khi đến bên mẹ, con đặt cái giỏ của con sát chân mẹ, rồi con cầm cái giỏ của mẹ và lặng lẽ đi ra bên ngoài bưu điện chờ mẹ".

Rất may mắn, con tôi đã làm đúng những gì tôi dặn, và

tôi đã gửi được 2kg đồ ăn cho anh trót lọt. Tôi thở phào nhẹ nhõm, mẹ con tôi vui vẻ ra về, vừa đi vừa thì thầm cầu nguyện cho chồng tôi may mắn nhận được hai gói quà này. Tuy ít, nhưng thực phẩm này có thể giúp anh đỡ được phần nào vì cái đói rét triền miên đang hành hạ anh giữa nơi rừng sâu, núi thẳm rét mướt tận miền Bắc xa xôi đâu đó.

Mấy tuần lễ sau anh viết thư về, anh cho biết rất mừng và ngạc nhiên khi nhận đươc hai gói quà nhỏ này. Anh đã nhận được, nên tôi an tâm và tiếp tục gửi nữa cho anh. Mỗi tháng hai mẹ con tôi đi gửi hai lần, vì phải phòng xa, nếu mất gói nọ thì còn gói kia. Có khi tôi gửi chuối khô, kẹo đậu phụng, thuốc lào, nhưng bao giờ cũng phải có một gói toàn bột đậu. Chồng tôi viết thư báo cho biết nhận được đồ đều đều nên sức khỏe đã khá lên. Tuy anh không bảo tôi gửi giầy, nhưng tôi nghĩ, anh rất cần giầy vì phải lao dịch nặng nề ở tận nơi rừng rú lạnh lẽo sâu thẳm như thế, nên tôi đã mua giầy để gửi, nhưng tôi không gửi một lần cả đôi giầy, mà tôi chia ra hai lần gửi khác nhau cách xa cả tháng, như vậy mới có hy vọng anh nhận được giầy; nếu chúng có muốn lấy giầy của anh thì chỉ có một chiếc, như vậy chúng sẽ chê không lấy nữa và anh sẽ nhận được một chiếc giầy. Khi có một chiếc giầy, anh suy nghĩ và thế nào cũng hiểu ra và biết sẽ nhận được một chiếc giầy nữa.

Hai mẹ con tôi đi gửi quà cho anh như vậy lần nào cũng trót lọt, vì tôi không gửi ở một bưu điện cố định, mà tôi gửi tại nhiều nơi khác nhau Sài Gòn, Chợ Lớn và Gia Định.

Gửi đồ tiếp tế cho anh như vậy được tròn tám tháng, thì Việt Cộng lại ra lệnh mới:

"Ngưng việc gửi quà tiếp tế!"

Tội nghiệp anh quá chừng!!! Một chút quà nho nhỏ của vợ con tiếp tế giúp anh bớt đói dạ phần nào và cũng làm ấm cõi lòng anh thì bây giờ chúng lại cấm mất rồi. Bưu điện không nhận đồ gửi cho các ông nữa. Thư anh dạo này cũng không có nữa, tôi lại băn khoăn lo nghĩ, nhiều nghi vấn luẩn quẩn trong đầu tôi, có thể chúng lại không cho phép viết thư về nhà, hay là có gì bất trắc xảy đến với anh?

Cảnh đi tàu lửa ở VN sau 30/4/75

Tôi lại hoang mang và lo sợ....

RA BẮC THĂM NUÔI

Lâu nay chưa nhận đươc thư anh, tôi mong từng ngày, trong lòng đầy ưu tư và lo sợ, tôi cầu mong có thể đây chỉ là việc chuyển trại như mọi lần. Nghĩ vậy thôi chứ tôi vẫn không an lòng. Đêm dài khó ngủ, tôi cứ suy nghĩ miên man, chỉ lo những sự chẳng lành đã xẩy ra với anh, tôi lại cảm thấy hãi hùng, run sợ. Tôi chỉ còn biết cầu nguyện, xin Thượng Đế cho tính mệnh của anh được an toàn và xin Ngài ban cho anh có đủ nghị lực và can đảm để vượt qua nỗi gian nan này.

Các con tôi thấy tôi lo buồn, sầu thảm nên chúng cũng ủ rũ theo. Thật tội nghiệp cho chúng! Còn quá bé bỏng mà không có được tuổi thơ an bình để vui sống.

Một ngày kia, người đưa thư quen thuộc đến khu nhà tôi ở, sớm hơn thường lệ, và đậu xe đạp ngay trước cửa nhà tôi, vừa đúng lúc tôi từ trong nhà bước ra, ông ta nhìn tôi cười cười; thấy vậy nên tôi hy vọng có thư anh, tôi tiến đến để nhận thư thì đúng là lá thư tôi đang mong đợi.

Mừng quá đi thôi! Tạ ơn Thượng Đế, Ngài đã nhận lời van xin của tôi. Các con tôi tranh nhau mở thư của bố.

Anh báo cho tôi biết là các anh đã chuyển trại, bây giờ công an họ coi các anh, và mới có lệnh cho phép gia đình đến thăm nuôi. Hiện nay, anh bị bệnh trĩ khá nặng, hàng ngày máu chảy ra rất nhiều nên anh mệt lắm, và anh lại mới có một cái bướu mọc nơi mang tai, đã lớn bằng cái hột gà.

Mừng vì nhận được tin anh, giờ tôi lại có thêm mối lo mới về những bệnh của anh.

Từ ngày anh bị cộng sản lừa, bắt phải tù đầy biệt xứ và lao dịch khổ sai nơi rừng sâu, núi thẳm tận mãi vùng ngược của miền Bắc Việt Nam, nó đã hành hạ anh gần 4 năm trời

nay rồi, bây giờ vì Việt Cộng đang bị Trung Cộng gây hấn ở những vùng biên giới Việt Trung, nên chúng nó đã đem các ông ấy ra khỏi miền ngược mà rút đến gần miền trung du trong lãnh thổ Việt Nam nơi các trại tù do công an cộng sản trông coi và hành hạ.

Mãi tới lúc này Việt Cộng mới cho thăm nuôi, chúng đã cho gia đình đi thăm các anh, thì tôi phải thu xếp gấp để đi tiếp tế và thăm anh ngay bây giờ mới an lòng vì anh đang mang bệnh nên rất cần thuốc men và thực phẩm mới có hy vọng cứu nguy cho anh được. Tôi tức tốc đến nhà chị bạn, rủ chị cùng ra Bắc thăm nuôi các ông, vì chồng chị và chồng tôi cùng ở chung một nơi.

Từ ngày Việt Cộng cưỡng chiếm miền Nam, ai đi đâu cũng phải xin giấy phép đi đường, riêng việc đi thăm người thân đang ở tù, thì phải xin thêm giấy phép thăm nuôi nữa.

Chúng tôi bắt tay vào việc ngay, việc thứ nhất phải làm là đi xin giấy phép, vì có giấy phép thì mới có thể ra Bắc tiếp tế cho các anh được.

Đầu tiên tôi đến công an phường xin giấy phép ra Bắc thăm nuôi chồng, nhưng phường bảo tôi phải lên công an quận, tôi lại vội vàng lên công an quận. Tới đây họ chỉ cho tôi phải lên công an thành, tôi lại đạp xe đạp lên công an thành. Nơi này họ trả lời phải về công an quận!

Tình trạng chị bạn tôi cũng như vậy, không hơn gì tôi, chúng tôi lên công an thành rồi lại về công an quận, đi đi lại lại như thể con thoi gần hai tháng trời vẫn chưa xin được giấy, chị bạn tôi chán nản nên bỏ cuộc. Riêng bản thân tôi, vì chồng đang bị bệnh nên tôi phải tìm đủ cách để ra Bắc thăm và tiếp tế cho anh, tôi không thể buông xuôi được.

Mấy ngày sau, tôi lại một mình đến công an quận, tôi nhìn thấy người nữ công an ở đây đang đưa giấy phép đi đường cho mấy người dân ngồi chờ ở đó. Tôi tiến đến nộp đơn, nhưng lại bị từ chối. Tôi ra về và ngày hôm sau tôi đến thật sớm, tôi lại gặp người nữ công an hôm trước, lúc đó vì còn sớm nên chưa có ai, tôi lại nộp đơn và đồng thời nói với cô này rằng:

"Cô ráng giúp tôi có giấy phép, tôi sẽ có quà xứng đáng đền ơn cô."

Vì cần giấy phép quá, nên tôi liều lĩnh một phen. Nói xong câu ấy tôi run quá, chỉ sợ họ bắt lỗi rồi bỏ tù thì khốn khó cho tôi và các con tôi nhiều lắm. Nhưng không, cô ta vui vẻ nhận đơn và hứa sẽ đem giấy phép đến tận địa chỉ nhà tôi sau Tết Âm Lịch, vì lúc đó đã giáp Tết rồi. Tôi đến nhà chị bạn thuật lại đầu đuôi sự việc cho chị nghe, chị nhờ tôi dẫn chị đi gặp cô ta để chị cũng có giấy phép như tôi. Tôi dẫn chị vào nộp đơn và cũng hứa với cô ta như vậy.

Khó khăn nhất là khâu xin giấy phép, bây giờ đã xong. Chúng tôi rủ nhau ra ga xe lửa Bình Triệu để coi tình hình mua vé xe lửa ra Bắc. Đến nơi chúng tôi mới thấy việc mua vé xe lửa với giá chính thức rất là khó khăn, nên chúng tôi bàn nhau, đành phải mua vé chui với giá chợ đen dù đắt gấp sáu lần giá vé chính thức, nhưng cũng đành phải nhắm mắt mà mua để có phương tiện ra Bắc gặp được chồng và tiếp tế.

Đúng hẹn, cô công an tìm đến nhà tôi, đưa hai tấm giấy phép, tôi đưa tiền đền ơn cô ta như đã hứa. Có giấy phép trong tay rồi, chúng tôi đi mua thực phẩm về nấu nướng, chế biến, và mua những thực phẩm khô, thuốc men cùng những đồ dùng cần thiết để đem đi tiếp tế cho chồng.

Ngày 13 Tết âm lịch năm ấy (đầu năm 1979), tôi để ba cháu bé ở nhà, nhờ bà chị chồng coi chừng giúp cho và tôi lên tầu Thống Nhất đi ra Hà Nội để thăm và tiếp tế cho anh.

Trải qua 3 ngày 2 đêm mệt mỏi trên tầu, chúng tôi ra tới Hà Nội thì cũng đúng vào giai đoạn Trung Cộng và Việt Cộng khởi đầu có chiến tranh nơi biên giới Việt Trung. Tầu Cộng pháo kích rồi đem quân tràn sang xâm chiếm 6 tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam. Dân chúng phía Bắc chạy về Hà Nội nhiều lắm, họ gồng gánh, bồng bế nhau đi trên hè phố, một số nằm la liệt ngay tại những vỉa hè.

Thời gian này (1979) tại thành phố Hà Nội, khi chúng tôi đặt chân đến, rất ư là vắng vẻ, các căn nhà mặt tiền hai bên đường phố đều đóng cửa im lìm, ngay cả khu phố

Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường và những phố xung quanh chợ Đồng Xuân cũng cửa đóng then cài. Chúng tôi đi vài ba phố mới gặp được một cửa hàng quốc doanh, vì không có tư nhân mở cửa hàng để buôn bán nên Hà Nội trông giống như thành phố chết.

Chúng tôi tìm kiếm để mua thêm thực phẩm tươi cho các anh nhưng rất khan hiếm vì họ chỉ bán chui, không buôn bán công khai, dân chúng buôn bán lén lén, lút lút, cả đến thực phẩm như đường, sữa mà dân bán chui cũng phải giấu giấu, giếm giếm, vì nếu để lộ ra, họ sẽ bị công an cộng sản tịch thu hết. Cửa hàng thực phẩm quốc doanh chỉ có những bó rau muống, cà pháo muối và dưa chua, chúng tôi chỉ thấy được vài, ba thứ thế thôi. Chị em chúng tôi lại vội vã lên đường, tìm đến trại giam của Việt Cộng đang giam giữ các anh.

Sau bao khó khăn, vất vả, nhọc nhằn cuối cùng chúng tôi cũng đến được trại tù, nơi các anh đang bị Việt Cộng giam giữ. Vừa vào tới cổng trại, chúng tôi phải xuất trình giấy phép cho người công an, hắn ngồi trong căn phòng đầu tiên của dãy nhà mới cất ngay cổng trại giam. Chúng canh gác nghiêm ngặt lắm, bên ngoài cổng có thêm vọng gác trên cao và công an cầm súng ngồi canh trên đó.

Nhận giấy tờ của chúng tôi xong, hắn coi rất kỹ rồi hắn mới chấp thuận cho chúng tôi được phép thăm nuôi. Hắn dẫn chúng tôi sang căn phòng kế bên và bảo chúng tôi ngồi chờ ở đó, hắn đi vào bên trong của trại giam.

Đợi cho người công an đi rồi, hai chị em chúng tôi mới bước ra sân phía trước và dõi mắt nhìn theo hắn. Từng giây phút im lặng, hồi hộp đợi chờ.... Bất chợt tôi thấy từ phía xa xa, người công an dẫn hai người tù theo sau, tôi chăm chú nhìn không rời mắt, từng giây lại từng giây qua đi, sao tôi cảm thấy dài quá. Tới khi họ tiến ra mỗi lúc một gần hơn, tôi đã nhận ra anh. Lúc ấy, tôi như muốn ngừng thở, sao anh lại có thể ra đến nông nỗi này? Đau đớn xót thương là dường nào!!! Khốn khổ thân anh!!! Tim tôi đau nhói, nước mắt dàn dụa không thể ngăn lại được khi nhìn anh

đang loạng choạng bước những bước yếu ớt đi theo người công an. Càng tới gần tôi càng thấy rõ anh hơn, anh gầy yếu quá chừng! Còm cõi không thể tưởng tượng nổi vì chỉ còn da bọc xương, tiều tụy, xanh xao, mặt mày hốc hác bơ phờ và ngơ ngác.

Anh vừa ra tới nơi, tôi vội ào tới, hai tay ôm chầm lấy anh, người công an đẩy mạnh tôi ra. Hai vợ chồng tôi nhìn nhau mà đầm đìa nước mắt, nghẹn ngào.... Chúng tôi phải vào một căn phòng dành riêng cho việc thăm nuôi. Người công an này ngồi ở đầu bàn và ra lệnh cho chúng tôi:

"Vợ chồng không được ngồi cạnh nhau. Cái bàn ở giữa, mỗi người phải ngồi một bên bàn đối diện nhau, không được nói nhỏ, phải nói to để cán bộ kiểm tra. Giới hạn, chỉ được thăm 15 phút."

Nói chuyện với anh được mấy câu vắn tắt, tôi chỉ còn kịp bỏ đồ tiếp tế ra cho họ khám là đã nghe báo hết giờ. Người công an hối hả giục các anh mau mau trở vào trại giam. Phải từ giã anh mà lòng tôi đầy lưu luyến xót thương. Tôi lại nhìn theo anh đang lảo đảo, ngã nghiêng xếp đồ tiếp tế lên chiếc xe bò, mà Việt Cộng gọi là xe cải tiến, anh phải lê từng bước, kéo cái xe nặng nề chậm chạp trở vào trại tù. Khi các anh đã đi khuất tầm nhìn, chúng tôi mới lui gót trở ra. Lòng đầy xót thương và đau khổ, nước mắt lại tuôn rơi, chị em chúng tôi muốn nói chuyện với nhau thôi mà nghẹn ngào không sao nói nổi thành tiếng.

Về đến Hà Nội, không kịp nghỉ ngơi, chúng tôi đã phải gấp rút lo phương tiện để về Nam, lúc này nơi biên cương phía bắc đang hồi gay cấn, Trung Quốc đã đem quân lấn sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Ga Hàng Cỏ không bán vé xe lửa đi Sài Gòn nữa, vé chợ đen cũng không có luôn. Chúng tôi dò hỏi, thì được người dân ở đây cho biết, tầu lửa và tất cả xe đò chạy Bắc Nam, đều bị trưng dụng dùng vào việc tải quân và vũ khí.

Chờ đợi mãi vẫn không tìm được phương tiện về Sài Gòn, chúng tôi lại phải lần mò tìm kiếm mua vé xe đò chợ đen để đi từng chặng đường ngắn vậy. Dù là mua vé chợ

đen, nhưng cũng rất khan hiếm nên chị em chúng tôi cũng mất nhiều ngày ăn chực nằm chờ ngay tại mỗi bến xe mới có vé để về Nam.

Về đến nhà, tôi mệt lả, các con tôi chạy ra tíu tít ôm chặt lấy mẹ và nói:

"Tối đến là ba anh em đều khóc, mẹ đi mãi không về, các con sợ lắm."

Thật tội nghiệp cho các con tôi, thương quá đi thôi!!!

Chuyến đi này quá vất vả, lại kéo dài tới 21 ngày vì không may gặp phải lúc Việt Cộng bị Trung Cộng xâm lăng bờ cõi đánh phá tơi bời. Tôi nghỉ ngơi ở nhà ít ngày cho lại sức rồi mới ra chợ, thân cò tiếp tục lặn lội sớm hôm tần tảo để kiếm gạo nuôi con và tiếp tế cho chồng.

Sau khi ra Bắc tiếp tế lần đầu tiên ấy, anh gửi thư về báo cho tôi biết, nhờ có thuốc men và lương thực tôi tiếp tế kịp thời, nên bệnh của anh đã thuyên giảm rất nhiều, và anh đang từ từ hồi phục. Anh cũng cho tôi biết thêm, trại tù này mới có lệnh:

"Mỗi 3 tháng trại sẽ phát cho các anh mỗi người một phiếu gửi quà 5kg, để gia đình tiếp tế cho các anh qua đường bưu điện."

Anh khuyên tôi không nên ra Bắc nữa, chỉ cần tiếp tế cho anh qua đường bưu điện thôi, và phải nghe lời anh mà ở nhà, còn phải bương chải buôn bán từng ngày lo kiếm sống nuôi cả gia đình và săn sóc cho các con."

Tuy anh muốn vậy, nhưng tôi không đành lòng, ngoài việc gửi đồ tiếp tế cho anh bằng đường bưu điện. Mỗi năm tôi đều ra Bắc một lần để thăm và tiếp tế cho anh.

Giữa năm 1982, anh và một số anh em được Việt Cộng chuyển vào Nam, nhưng vẫn phải tiếp tục bị tù đầy tại trại tù Hàm Tân, khu Rừng Lá.

Trại này cho gia đình được thăm nuôi 3 tháng một lần. Tới kỳ hạn được thăm nuôi, tôi bèn dẫn theo một cháu để anh thêm ấm lòng và bố con bớt nhớ nhau.

Nhờ được tiếp tế thường xuyên hơn, nên sức khỏe của anh dạo này đã có phần khá hơn trước nhiều, tuy nhiên còn

cục bướu nơi mang tai, mỗi lần đến thăm anh tôi lại nhìn thấy nó lớn thêm.

Tôi vẫn lo ngại về cái bướu ấy, nhưng không thể làm gì hơn được, tôi chỉ còn biết cầu nguyện xin Thượng Đế cho anh được may mắn an lành và được chúng tha về đoàn tụ với gia đình. Đồng thời tôi cũng phải thăm dò, tìm kiếm một bác sĩ giỏi, để khi anh được tha về thì đã có bác sĩ sẵn sàng giải phẫu cái bưu cho anh.

Chồng tôi đã phải tù đầy biệt xứ, trải qua những năm dài khủng khiếp trong các trại tập trung của Cộng Sản Việt Nam nơi hang ổ đầy nguy hiểm toàn những nanh hùm nọc rắn, anh phải chịu biết bao cảnh hành hạ đau đớn về thể xác và tinh thần, kéo dài như vậy cho đến năm thứ mười thì anh mới được Bộ Nội Vụ Việt Cộng ký giấy tha cho về đoàn tụ với gia đình. Tuy nhiên, anh vẫn phải chịu sự quản chế của Công An Việt Cộng tại địa phương nơi cư ngụ thêm 2 năm nữa.

Chiều hôm ấy, khi anh từ trại tù trở về đến nhà, tôi và các con hết sức vui mừng, không sao có thể diễn tả nổi, vì đây là niềm vui lớn lao nhất mà Thượng Đế đã dành cho gia đình chúng tôi.

LAN CHI

Vượt Biên!

■ *Trần Ngọc Toàn K16*

Từ Trại Tù Cải Tạo Số 3 Tân Kỳ, ở vùng núi Nghệ Tĩnh, năm 1981, tôi được chuyển về Nam với gần 300 người cùng số phận trên một chuyến xe lửa. Ở trại tù Hàm Tân đến ngày 22/3/1984, tôi được lệnh thả về nhờ sự xoay sở của gia đình. Đáng lý, tôi phải chịu thêm "một lệnh tập trung cải tạo 3 năm" nữa mới hy vọng ra khỏi trại giam theo tiêu chuẩn của Việt Cộng. Năm 1978, khi còn ở trại tù Hoàng Liên Sơn, trong lá thư đầu tiên được gởi về cho gia đình, tôi tự thấy không có ngày về nên đã nhắn với gia đình tìm cách vượt biên bằng câu: "Hãy đi khu kinh tế mới với bà chị của tôi," trong khi bà chị tôi đã sang Mỹ từ năm 1969. Sau đó bẵng đi cả năm sau tôi mới được tin vợ con tôi đã vượt biên và định cư tại Virginia với bà chị của tôi, năm 1979. Đứa con gái lớn của tôi mới 10 tuổi và đứa em vừa 5 tuổi.

Tính ra tôi ở tù cộng sản gần trọn 9 năm với 5 năm ngoài Bắc và 4 năm trong Nam. Giấy Ra Trại buộc tôi phải trở về Đà Lạt với cha tôi vì gia đình tôi ở Sài Gòn đã vượt biên từ năm 1978. Tôi phải quay về Đà Lạt để thăm gia đình. Ba tôi xoay sở cho tôi chứng nhận của công an là tôi đã rời khỏi địa chỉ này từ năm 1963 để tôi quay về lại Sài Gòn tìm cách vượt biên. Tôi chưa có quyền công dân và còn chịu chế độ quản chế của công an ít nhất 6 tháng. Hằng ngày tôi phải mang cuốn tập giấy 100 trang vào trình diện công an khu vực với tường trình đã làm việc gì trong ngày đó.

Hai tháng sau ngày ra tù, số phận đẩy đưa, một hôm trên đường đạp chiếc xe mượn được quanh thành phố Sài Gòn tìm thăm bạn bè, chợt một người trung niên với nước da ngâm đen và gương mặt "bụi đời" xắn ngang trước đầu xe tôi, ngay trên đường phố Phan Thanh Giản. Khi tôi còn ngạc nhiên chưa biết chuyện gì, chàng ta cười như đắc thắng và nói: "Ông không biết tôi là ai đâu, nhưng tôi biết ông là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC." Vẫn bình tĩnh tôi im lặng chờ. Anh ta vui vẻ xuống xe nói: "Ghé vô sạp cà phê bên này rồi nói chuyện tiếp." Sau đó, anh ta tự giới thiệu là một thượng sĩ trong trường Thiếu Sinh Quân (TSQ) ở Vũng Tàu, đối diện với hậu cứ của Tiểu Đoàn 4 TQLC, đã biết và nghe nhiều chuyện về tôi lúc còn làm tiểu đoàn trưởng. Chuyện trò dần dà đến khi tôi nhận ra anh là "phe ta" tôi mới thú thật tôi đang tìm đường vượt biên vì gia đình đang ở Mỹ. Lúc ấy, anh ta mới cho tôi tên và địa chỉ của người chị ruột để liên lạc theo chân vượt biên. Lo ngại tôi bị bắt khi đến những nơi nằm chờ, anh ta hứa sẽ đưa tôi thẳng xuống ghe lớn. Tôi phải ra chợ tìm mua một bộ quần áo công nhân màu xanh của miền Bắc.

Trần Ngọc Toàn K16

Về sau này, tôi mới được biết ông thượng sĩ TSQ này có cậu ruột làm quận ủy Quận 4 đã đứng ra tổ chức vượt biên. Tôi không tìm hiểu thêm nhưng đã cảm nhận được tình cảm chân thành của một chiến hữu xuất thân từ Thiếu Sinh Quân đối với tôi.

Vào một buổi chiều ngày 30/ 4/1984, vào khoảng 7 giờ tối, đột nhiên anh ta xuất hiện và hối thúc tôi mang túi nhỏ hành trang leo lên chiếc xe gắn máy Honda chỉ trong vòng 5 phút. Tôi đã chuẩn bị tất cả và luôn ở trong tư thế "sắp

sẵn" của một hướng đạo sinh. Anh này chở tôi chạy vùn vụt trong cảnh Sài Gòn còn nhá nhem vì thiếu điện. Dù đi đâu tôi cũng quan sát kỹ, anh ta vượt qua cầu Trịnh Minh Thế lên đường chạy dọc theo thương cảng Sài Gòn. Vừa vượt qua cầu Tân Thuận, xe rẽ tay mặt rồi chạy thẳng vào một chiếc tàu sắt loại chở hàng duyên hải. Không nói gì nhiều, anh ta ngoắc tôi đi theo xuống tàu, bước thẳng vào buồng máy và nói lớn với một người được xem là thợ máy tàu: "Anh này là công nhân của tàu. Mấy anh sắp đặt cho ông ta." Thế là anh quay ngoắt người bỏ đi để tôi không kịp chào hay cám ơn nữa.

Tôi được biết anh thợ máy nguyên là Hạ Sĩ Quan Hải Quân phục vụ trong giang đoàn. Chủ tàu có con trai trước 75 đi lính Địa Phương Quân cùng vượt biên với vợ, mang theo một khẩu súng M16 giấu lại sau ngày 30 tháng 4. Nhóm tổ chức vượt biên gồm Việt Võ Đường và gia đình của họ. Tôi một mình đơn chiếc liều thân đánh một canh bạc "nhất chín nhì bù". Với ngoài 40 tuổi đời, tôi biết mình không thể sống nổi dưới chế độ cộng sản bạo tàn. Vợ con đã vượt biên qua Mỹ từ đầu năm 1979. Anh thượng sĩ TSQ này đã cho tôi đi với giá 3 cây vàng nhưng không phải đóng trước một đồng nào, khi qua tới đảo gia đình mới trả tiền. Em gái của tôi bên Pháp đã gởi tiền về nuôi tôi sau ngày ra tù nhưng cô ấy nhất quyết không cho tôi vượt biên vì sợ nguy hiểm. Dù vậy tôi cũng nhất quyết ra đi bởi cuộc sống chẳng còn ý nghĩa gì sau ngày nước mất nhà tan.

Trong túi xách tay nhỏ, tôi mang theo hai bộ đồ lót, chiếc quần Jean còn sót lại sau ngày du học Hoa Kỳ trở về năm 73, một mảnh giấy mang lý lịch trên tập sách kỷ niệm sau ngày tốt nghiệp khóa Chỉ Huy và Tham Mưu của TQLC Hoa Kỳ, tại Quantico, và tờ Giấy Ra Trại với tội danh là Tiểu Đoàn Trưởng TĐ4/TQLC Ngụy. Tôi gặp nhiều rắc rối với tội danh này khi về trình diện tại địa phương. Nhưng ở trại tạm cư vượt biên đây là một bằng chứng cụ thể nhất để xin đi định cư ở Hoa Kỳ. Dù vậy tôi cũng chuẩn bị cho mình một lý lịch giả lấy tên của một người anh chú bác đã

chạy sang Mỹ từ năm 1975 để ngừa trường hợp bị bắt lại. Sau gần 9 năm tù cải tạo trở về, tôi gầy nhom. Mấy tháng ra tù cũng chẳng phục hồi được bao nhiêu vì chẳng khác nào từ nhà tù nhỏ ra nhà tù lớn.

Lay hoay phụ dọn dẹp dưới tàu đến khoảng sau 10 giờ đêm tôi nghe họ nhổ neo rời bến. Bỗng dưng, trong giờ phút ấy lòng tôi chợt dậy lên nổi buồn đau thắt vì từ nay không biết đến bao giờ mới trở lại quê hương. Quê hương mà chính tôi cũng đã đổ máu xương để bảo vệ. Quê hương với bao người thân, với những mảnh đất thân yêu suốt trên những chặng đường hành quân ngày nào, từ mủi Cà Mau ra tận Gio Linh, Quảng Trị. Quê hương với thành phố Đà Lạt sương mù đầy thơ mộng nơi tôi được sinh ra và lớn lên. Chính vì tình quê hương ấy đã thúc đẩy tôi vội vã rời Trường Chỉ Huy và Tham Mưu của TQLC Hoa Kỳ tại Quantico, Virginia, trở về với cuộc chiến ngày càng tàn khốc trên khắp mọi nẻo đường quê hương. Bấy giờ đã 10 năm sau ngày vội vã tìm đường trở về từ Hoa Kỳ, tôi phải lìa bỏ ra đi để tìm lại gia đình và tìm lại bản thân của mình sau những năm dài chinh chiến, sau những năm tháng tù tội khủng khiếp.

Những điều về chủ tàu và nhóm người vượt biên mãi vài năm sau ngày định cư ở Virginia tôi mới được biết. Từ ngày đặt chân xuống tàu ra đi, tôi chẳng quen biết một ai và cũng muốn giữ kín lý lịch để ngừa trường hợp bị VC bắt lại.

Chiếc tàu rời bến lặng lẽ trong đêm không một ánh đèn. Đến khoảng 10 giờ đêm, chợt nghe tiếng người lao xao kèm theo tiếng động dội trên thành tàu, tôi nghe tiếng người hối thúc: "Chạy ra đón người từ ghe nhỏ lên tàu". Trong bóng tối đen như mực, tôi nhào người ra boong tàu vừa lúc người và đồ vật lao xuống từ thành tàu. Tôi vội đưa tay ra đỡ, không nhìn ra được ai là ai. Tuy hỗn loạn nhưng không ai dám lớn tiếng. Cả hai bên bờ thành tàu đều có người nhảy xuống trong đêm tối. Chiếc tàu vẫn chạy với tốc độ chậm trên sông Sài Gòn. Tất cả những lao xao, hỗn loạn chợt ngưng hẳn sau độ nửa giờ đồng hồ trôi qua. Tôi mò trở

về góc tạm trú dưới buồng máy tự dỗ mình vào giấc ngủ.

Vốn xuất thân là một người lính Thủy Quân Lục Chiến nên tôi rất quen thuộc với những chuyến hành quân đổ bộ trên tàu. Năm 1971, tôi cũng đã có dịp xuống thực tập dưới một chiếc tàu ngầm nguyên tử của Mỹ ở Okinawa. Năm 1972, tôi cũng có dịp làm Sĩ Quan Liên Lạc trên Hàng Không Mẫu Hạm Entrerprise của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ. Bây giờ vượt biên trên một chiếc tàu chở hàng nhỏ với hơn 50 người. Thiếp đi một giấc đến sáng, tôi bò lên boong tàu xem xét thì thấy mình đang ở giữa biển cả mênh mông. Nghe tài công nói tàu chưa ra ngoài vùng biển quốc tế. Tàu còn có thể bị truy nã và bắt quay về Vũng Tàu. Tôi cũng chẳng bận tâm mà để mặc cho số phận.

Trời trong sáng và biển lặng êm. Tàu chạy khá nhanh so với tàu đổ bộ LCU của Hải Quân Cọng Hòa. Tôi tìm một góc vắng trên boong tàu và dỏi mắt quan sát. Như thế là tàu đang chạy về hướng Nam. Nếu tàu chạy xa đất liền chắc sẽ gặp một hòn đảo của Nam Dương hoặc Mã Lai. Ngược lại, sát vào duyên hải độ vài hải lý, thế nào tàu cũng phải gặp Hòn Khoai hay Phú Quốc. Tuy Hải Quân của Việt Cộng lúc ấy rất yếu nhưng chúng có thể dùng ghe đánh cá với trang bị AK47 và Thượng Liên để khống chế được. Những ý tưởng này chỉ nằm trong đầu của tôi vì tôi chẳng có tư cách gì trên tàu và cũng muốn che giấu lý lịch của mình khi thấy còn trong tầm tay của VC.

Quả thực, sau một ngày và một đêm ngoài biển cả, sáng sớm hôm sau có nhiều người la lớn: "Đất liền! Đất liền!" Khi chạy lên boong, nhìn về phía Đông, tôi thấy khoảng 3, 4 chiếc ghe đánh cá đang dàn hàng ngang nhắm chiếc tàu xông tới. Rồi có người la lớn: "Ghe VC! Đổi hướng chạy mau!" Lập tức, chiếc tàu quay hướng ngược lại chạy hết tốc lực. Một thời gian ngắn đoàn ghe đánh cá biến mất ở cuối mặt biển chân trời. Ai nấy thở phào, mừng rỡ.

Tàu tiếp tục chạy suốt ngày thứ ba cho đến gần nửa đêm mới ngừng máy khi thấy một giàn khoang dầu trước mặt. Nghe nói nhóm tổ chức vượt biên quyết định chạy tiếp. Trời

vừa rạng hừng đông, bất chợt tàu ngừng hẳn giữa biển cả mênh mông. Nghe nói máy tàu bị hư và còn rất ít dầu. Có vài chiếc tàu buôn lớn xuyên đại dương chạy ngang trong tầm mắt. Cả tàu, già trẻ lớn bé xô nhau lên trên boong kêu la và phất khăn áo trắng cầu cứu. Chẳng thấy có một chút quan tâm. Tôi biết mình đã đến hải phận quốc tế. Nhìn quanh chỉ thấy biển cả chênh vênh. Đã quen chịu đựng những năm tháng đói dài trong 5 năm tù ngoài Bắc nên tôi không nghĩ gì ngoài việc tìm lối thoát dù đang bị kẹt cứng trên chiếc tàu chết máy.

Mãi đến khi mặt trời đứng bóng, chợt một chiếc tàu buôn mang cờ Nam Dương xuất hiện từ hướng Đông chạy tới trong tiếng reo hò mừng vui của người vượt biên trên tàu. Chiếc tàu Nam Dương khổng lồ cặp sát bên hông chiếc tàu hỏng máy. Nhiều tiếng người la lớn réo gọi: "Ai nói được tiếng Anh lên gấp!" Tôi chen chân chạy lên. Từ trên bờ thành cao, một người tay cầm loa nói xuống: "Các anh cần gì. Tôi muốn gặp người nói tiếng Anh." Tôi vừa đưa tay cao lên vừa nói lớn: "Tôi đây. Chúng tôi lánh nạn CS Việt Nam. Tàu bị hư máy và thiếu mọi thứ!" Trên loa có tiếng đáp xuống: "Tôi là Thuyền Trưởng Hải Dương Hạm Nam Dương. Chính phủ tôi không có chính sách cứu người vượt biên từ Việt Nam. Nhưng chúng tôi sẵn sàng giúp các anh. Tôi sẽ cho thợ máy xuống giúp sửa máy và cho một ít tiếp liệu. Từ đây, các anh chỉ cần chạy theo hướng... độ 3 tiếng đồng hồ sẽ đến hòn đảo gần nhất của Nam Dương." Tôi đáp: "Xin cám ơn quý vị rất nhiều. Chúng tôi sẽ làm theo sự chỉ dẫn của ông."

Ngay sau đó, một người thợ máy leo thang xuống rồi vào thẳng buồng máy. Trong khi ấy, từ trên boong tàu buôn, tháp câu từ từ thả xuống 2 thùng dầu cặn cở 100 lít, một bành thực phẩm và thức ăn. Nhóm tổ chức vượt biên đã nhanh nhẹn thu nhận về nơi của họ. Tôi không còn ngần ngại, chạy lên buồng lái, nói với người lái tàu: "Tôi là một sĩ quan TQLC. Theo ông thuyền trưởng cho biết anh lấy hướng phương giác... rồi chạy độ 3 tiếng đồng hồ sẽ gặp một đảo nhỏ

Tàu vượt biên đến Mã Lai

của Nam Dương." Anh lái tàu gật gật đầu có vẻ nhận hiểu. Tôi liếc thấy có chiếc hải bàn trước bánh lái. Một người trẻ tuổi ngồi gần có vẻ chủ tàu còn ôm trong người một khẩu carbine M1 với băng đạn. Không nói gì thêm tôi quay về chỗ của mình. Chỉ trong vòng chưa tới một giờ sau nghe máy tàu nổ và người thợ máy Nam Dương đã leo trở về tàu buôn. Tự dưng tôi thấy lòng mình nhẹ nhàng phơi phới. Tàu khởi hành ngay sau đó. Tôi yên chí tìm chỗ nằm. Chẳng thấy ai réo gọi gì đến mình. Tôi nghe người ta xì xào trong kiện hàng của tàu Nam Dương cho xuống, ngoài nước uống còn có cả thuốc lá Dunhill nữa. Cũng may, tôi còn được ông bạn trẻ mới tự xưng là Thiếu Úy Địa Phương Quân, cho 1 chén cơm với cá khô kho mặn và một bát nước lạnh. Thế là tôi ngủ vùi đi sau bao ngày thấp thỏm chờ đợi.

Tàu chạy suốt đêm và trọn ngày hôm sau, là ngày thứ 5, cũng chẳng thấy đâu là đất liền. Hỏi ra mới biết có lẽ chủ tàu mua nhầm hải bàn "dỏm" của Chợ Lớn. Sau cùng tôi đề nghị cứ chạy về hướng Nam thế nào cũng đến Nam Dương hay Mã Lai, theo bản đồ trong trí nhớ của tôi. Tất cả nhờ kinh nghiệm và học hỏi từ phong trào Hướng Đạo và chỉ huy đánh trận trong quân đội. Đến rạng ngày thứ Sáu, khi chưa thấy đất liền bỗng có một chiếc tàu đánh cá khá lớn của Nam Dương cặp theo. Chủ ghe Nam Dương nói bằng tiếng Anh khó nghe với đại ý anh ta sẵn sàng kéo tàu về đảo Sian Tan của Nam Dương và xin quyên góp một số tiền Việt Nam của người trên tàu. Hóa ra, theo lệnh của tổ chức Liên hiệp Quốc, tàu đánh cá nào kéo được tàu vượt biên Việt Nam vào bờ sẽ được trọng thưởng. Thế là tàu được kéo mãi tới chiều tối mới cập vào cảng của đảo Sian Tan, Nam Dương, trước mũi súng chờ đợi của quân đội Nam

Dương trên bờ. Dưới ánh đèn pha chiếu sáng, mọi người trên tàu đi hàng một lên trước họng súng canh gác của quân đội Nam Dương. Từ cầu tàu đi bộ về một ngôi trường tiểu học và được chia ra vào hai phòng học với nam và nữ riêng. Tất cả đều phải lột hết quần áo ra để chịu sự khám xét.

Khi đến gần một người ngồi sau một chiếc bàn có vẻ sĩ quan, tôi hỏi: "Anh là TQLC hả?" Anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân rồi hỏi lại: "Sao anh biết?" Tôi đáp: "Nếu ở đảo, anh không là Hải Quân thì là TQLC." Hắn cười và gật đầu. Tôi hỏi tiếp: "Trong TQLC, anh có biết Trung Tá Herman Mujirun không?" Anh chợt đứng lên nhìn tôi đầy vẻ ngạc nhiên: "Sao anh biết?" Tôi đáp: "Tôi học chung cùng khóa Chỉ Huy và Tham Mưu của TQLC Hoa Kỳ với Trung Tá Herman Mujirun năm 1972 và 1973, tại Quantico, Virginia, Hoa Kỳ".

Anh ta tươi cười và đưa tay bắt tay tôi, nói: "Tôi là Trung Úy... TQLC Nam Dương. Trung tá Herman Mujirun bây giờ là Trung Tướng Tư Lệnh TQLC Nam Dương." Tôi đáp: "Nếu được, anh vui lòng tin cho ông ấy biết tôi là ... TQLC Việt Nam đang lánh nạn CS Việt Nam."

Mười năm sau ngày rời căn cứ TQLC Hoa Kỳ tại Quantico, Virginia, trở về Việt Nam, tôi đã trở thành kẻ chiến bại với gần trọn 9 năm tù đày CS. Người bạn học cùng khóa từ Nam Dương nay đã lên trung tướng làm Tư Lệnh TQLC. Dĩ nhiên tôi không trông đợi gì từ ông ta nhưng dù sao ông cũng còn thân thiết với tôi hơn những người cùng máu mủ Việt Nam theo chủ nghĩa CS. Họ đã thẳng tay trừng trị và tiêu diệt chúng tôi ngay sau ngày lấn chiếm miền Nam dưới nguồn tài trợ không ngừng của CS Nga và Tàu. Tôi cũng đã làm trọn bổn phận của một chiến binh gìn giữ miền Nam.

Ngày hôm sau, tôi tìm cách mò ra khu chợ nhỏ gần trường học đổi chiếc chỉ vàng may giấu lận trong lưng quần đùi với giá 10 ngàn đồng Nam Dương. Tôi ghé vào trạm bưu điện xin gởi một điện tín sang Mỹ cho gia đình. Vài ngày sau, tôi cùng người trên tàu được chuyển về đảo Kuku. Trong kế hoạch tập trung người vượt biên, một tuần sau tôi được

xuống tàu về đảo Ga Lăng. Suốt thời gian này tôi chẳng gặp ai quen biết.

Chiếc tàu tập trung người tỵ nạn của Nam Dương với độ 300 người đủ hạng tuổi, hướng về Ga Lăng. Trong suốt chuyến hải trình dài một ngày và một đêm, với tâm tư trầm xuống, tôi tìm một góc vắng, nằm suy tưởng lại cả một thời gian dài trong chiến trận và những năm tháng tù đày khổ ải. Từ một thiếu úy trẻ xông pha vào lửa đạn cho đến ngày bỗng chốc tất cả sụp đổ xuống khi Dương Văn Minh kêu gọi buông súng vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975. Rồi đến nỗi thất vọng chán chường cùng cực dày vò trên chuyến tàu Sông Hương khi bị VC lùa xuống chuyển ra Bắc vào đầu tháng 6 năm 1976. Quê hương yêu dấu một đời chợt xa xôi nghìn dặm, từ Đà Lạt nơi chôn cắt rún, cho đến miền Tây bát ngát đồng lúa, miền Đông chập chùng rừng núi và miền Trung đầy sỏi đá nghèo nàn. Không biết ngày nào tôi mới nhìn thấy lại quê cha đất tổ.

Sáng ngày hôm sau, bỗng chợt mọi người trên tàu lăng xăng chạy tới lui và xôn xao tiếng gọi réo nhau inh ỏi: "Tàu vào cảng rồi! Chuẩn bị lên bờ!" Thấy mọi người chen chúc tôi cứ nằm nguyên chờ đợi. Cứ thế mà yên chí chờ đợi vì bây giờ đã vượt qua hiểm nguy rồi. Chợt một người trẻ chạy lại lay mạnh hai chân tôi và nói: "Anh T. dậy mau! Trưởng phái đoàn Mỹ trên cảng gọi loa xuống muốn gặp anh trước hết đó."

Tôi hơi ngạc nhiên. Trưởng phái đoàn Mỹ chờ đón? Tuy vậy tôi cũng từ từ ngồi dậy, tay xách túi nhỏ đi lên từ cuối boong tàu. Tự nhiên, mọi người tự động dạt hết ra hai bên nhường đường cho tôi đi tới. Nhiều tiếng nhỏ to xầm xì hai bên tai.

"Ống Tá TQLC này chắc là Sịa (CIA) rồi. Cũng không phải ông tướng. Làm gì mà trưởng phái đoàn Mỹ ra tận cầu tàu đón như vậy?" "Chắc cũng thứ dữ à nghen!" Đúng! VC gọi TQLC là bọn "ác ôn côn đồ Lính Thủy Đánh Bộ" mà. Nhưng tôi không phải là Sịa là cái chắc. Không có người nào sinh đẻ ngoài nước Mỹ làm việc cho CIA được. Chỉ có

người làm tay sai thôi. Xong việc là hết.

Tôi nghĩ chắc có bàn tay của người bạn cùng học khóa Chỉ Huy và Tham Mưu của TQLCHK tại Quantico là Trung Tướng Herman Mujirun, dù ông ta không liên lạc hay gặp tôi trong thời gian qua. Khi vượt biên tôi đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết.

Dù vậy, tôi như người từ cung trăng rơi xuống. Mới ngày nào, lầm lủi đi phá rừng trên tận miền thượng du Bắc Việt thâm độc, dưới mũi súng của bộ đội VC. Tưởng mình sẽ chết lần hồi trong đói khát và bệnh hoạn, không còn mong gì ngày về. Chính nhờ bọn Tàu muốn "dạy cho VC một bài học" bằng cuộc tấn kích năm 1979, tù cải tạo mới được lần chuyển về Nam. Nếu không, chỉ vài năm sau sẽ không còn một ai sống sót nổi. Mới ngày nào đây, mỗi sáng tay còn cầm quyển tập giấy 100 trang đi trình diện công an phường, chịu mọi lời hoạnh họe vì mang tội danh Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 Lính Thủy Đánh Bộ. Bây giờ tôi đang thảnh thơi đi lên vùng đất của Tự Do và Nhân Phẩm.

Trưởng Phái Đoàn Mỹ hơi nhỏ con nhưng trông có vẻ đầy tự tin khi ông ta bước tới đưa tay bắt tay tôi.

- "Mừng ông đến vùng tự do. Tôi là Đại Úy Hải Quân Alan Barr, Trưởng Phái Đoàn Mỹ của Liên Hiệp Quốc tại Ga Lăng."

- "Cám ơn Đại Úy. Tôi là... TNT TQLCVN số quân 60A/402. 189 nguyên là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC Việt Nam."

- "Chúng tôi được giải quyết nhanh hồ sơ của Trung Tá để ông sẽ lên chuyến bay đi Mỹ sớm nhất. Mời ông lên xe."

Đại Úy HQ Alan leo lên ghế tài xế và chỉ tôi ngồi vào ghế trưởng xa trước bao nhiêu cặp mắt vừa thèm muốn vừa nể phục của mọi người đang chen nhau lên bờ. Có lẽ mười năm đen tối của đời tôi đã trôi qua.

Alan cũng không ra hiệu cho một cựu sĩ quan trẻ, làm thông dịch viên, quay về trại: "Tôi không cần anh nữa. Sáng mai gặp lại." Bước vào một căn phòng làm việc nhỏ, trong khu trại Ga Lăng 1, Alan cúi xuống chiếc tủ lạnh nhỏ lấy

ra một lon Coke chìa ra mời tôi. Sau gần 10 năm đói khát, một hớp nước Coca rơi xuống cổ tưởng như uống nước tiên, sướng đã cả người.

Alan ngồi tươi tỉnh sau bàn làm việc với một hồ sơ ngay trước mặt.

- "Anh học Trường Cao Đẳng Chỉ Huy và Tham Mưu TQLC/HK năm nào? Ai là chỉ huy trưởng? Tướng Tư Lệnh TQLC/HK lúc đó là ai? Anh trở về Việt Nam năm nào? Anh tốt nghiệp khóa mấy của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam?...."

- "Trước hết tôi xin nhắc lại số quân của tôi cho anh kiểm nghiệm. Sau đây là những câu trả lời....."

Chỉ trong vòng 15 phút sau, Đại Úy HQ Alan Barr tươi cười đẩy hồ sơ trước mặt anh về phía tôi." Cho anh xem qua hồ sơ của anh từ Ngũ Giác Đài chuyện tới."

Tôi liếc mắt đọc qua và không khỏi sửng sốt khi thấy đầy đủ như bản Tướng Mạo Quân Vụ của tôi trong Phòng Tổng Quản Trị Sư Đoàn ngày xưa, với cả hình ảnh mới nhất chụp tại Trường CHTM của TQLC/HK tại Quantico, Virginia, năm 1972-73. Trong ấy, còn có cả hình ảnh vợ con tôi với địa chỉ tại Falls Church, Virginia. Thế là tôi đã qua cuộc phỏng vấn và được biết tôi sẽ được đưa đi bệnh xá lập thủ tục khám sức khỏe đi Mỹ vào sáng mai.

Ngay sau đó, Alan nhờ tôi giúp giải quyết một hồ sơ khó khiến ông ta ngần ngại khi quyết định. Alan nói: "Có một ông tự xưng là đại tá nhưng lại làm xã trưởng ở miền đồng bằng sông Cửu Long. Để tôi gọi ông ta lên để anh tìm hiểu xem sao."

Một ông trung niên người Nam da đen màu nắng và rắn chắc bước vào phòng. Tôi đứng dậy chào và bắt tay ông ta, nói thân thiện: "Ông trưởng phái đoàn Mỹ này muốn nhờ tôi tìm hiểu về anh để giải quyết hồ sơ cho anh. Nghe nói anh xưng là đại tá mà lại làm xã trưởng. Tôi thuộc binh chủng TQLC nên không biết nhiều bên Bộ Binh nhưng cấp bậc đại tá chắc tôi cũng biết. Có gì anh có nói thật cho tôi biết may ra tôi giúp được cho anh."

- "Thú thiệt tôi là Xã Trưởng Xã... và cấp bậc Đại Tá của Hòa Hảo."

Tôi à lên một tiếng mừng rỡ và hiểu liền. Tôi quay sang giải thích bằng Anh ngữ cho Alan. Chàng ta cười nói: "Đúng rồi Hòa Hảo. Thay vì làm tỉnh trưởng mà làm xã trưởng thôi."

Tôi được xếp đặt ở tạm trong một dãy nhà dài với ván gỗ và mái lợp tôn trong khu tỵ nạn Ga Lăng I, với khoảng 30 người đủ hạng tuổi. Khi rảnh rỗi, tôi một mình đi lang thang trong khu tạm cư, thăm những ngôi mộ của người vượt biên. Một năm trước đây, người Việt gốc Hoa được VC cho "đi bán chính thức" đã mang theo cả gia đình và tài sản giấu giếm được. Trên chuyến tàu 600 người ấy chỉ có độ 10 người vốn là công chức và quân nhân của miền Nam. Tôi được gặp lại một số anh em chiến hữu TQLC đã đến đây gồm hầu hết người trẻ và cấp bậc thấp nhưng họ hết lòng và tận tụy giúp đỡ lẫn nhau tại trại tỵ nạn. Trước ngày rời đảo, tôi gặp người khóa đàn em Võ Bị cùng phục vụ trong TQLC đã vượt biên lần thứ 14 mới thoát. Trước đó, trong chuyến đi thứ 13 anh đã bị chìm ghe ngoài khơi Vũng Tàu. Vợ con anh lần hồi chết trôi trong tầm tay của anh. Tôi thật hết sức may mắn sau những gian lao khổ ải gần 10 năm.

Trại tỵ nạn ở Ga Lăng như một xã hội thu hẹp của Việt Nam Cọng Hòa ngay trên lãnh thổ của Nam Dương. Trong số hàng triệu người bất chấp mạng sống hiểm nguy vượt thoát khỏi gông cùm CS, chắc có ít nhất một phân nửa không đến bến bờ tự do, mà bị hải tặc Thái Lan cướp của, chém giết hoặc đói khát, chìm ghe, lạc hướng rồi bị vùi thân xuống biển cả. Mặc cho thế giới tự do đau xót, bọn VC vẫn chưởi rủa dù là cùng màu da xác thịt Việt Nam.

Tôi lưu lại đảo Ga Lăng chỉ trong vòng 11 ngày và được chỉ định làm trưởng phái đoàn tỵ nạn sang Mỹ vào chuyến bay ngày 12 tháng 6 năm 1984 từ Singapore.

Trần Ngọc Toàn 3/2010

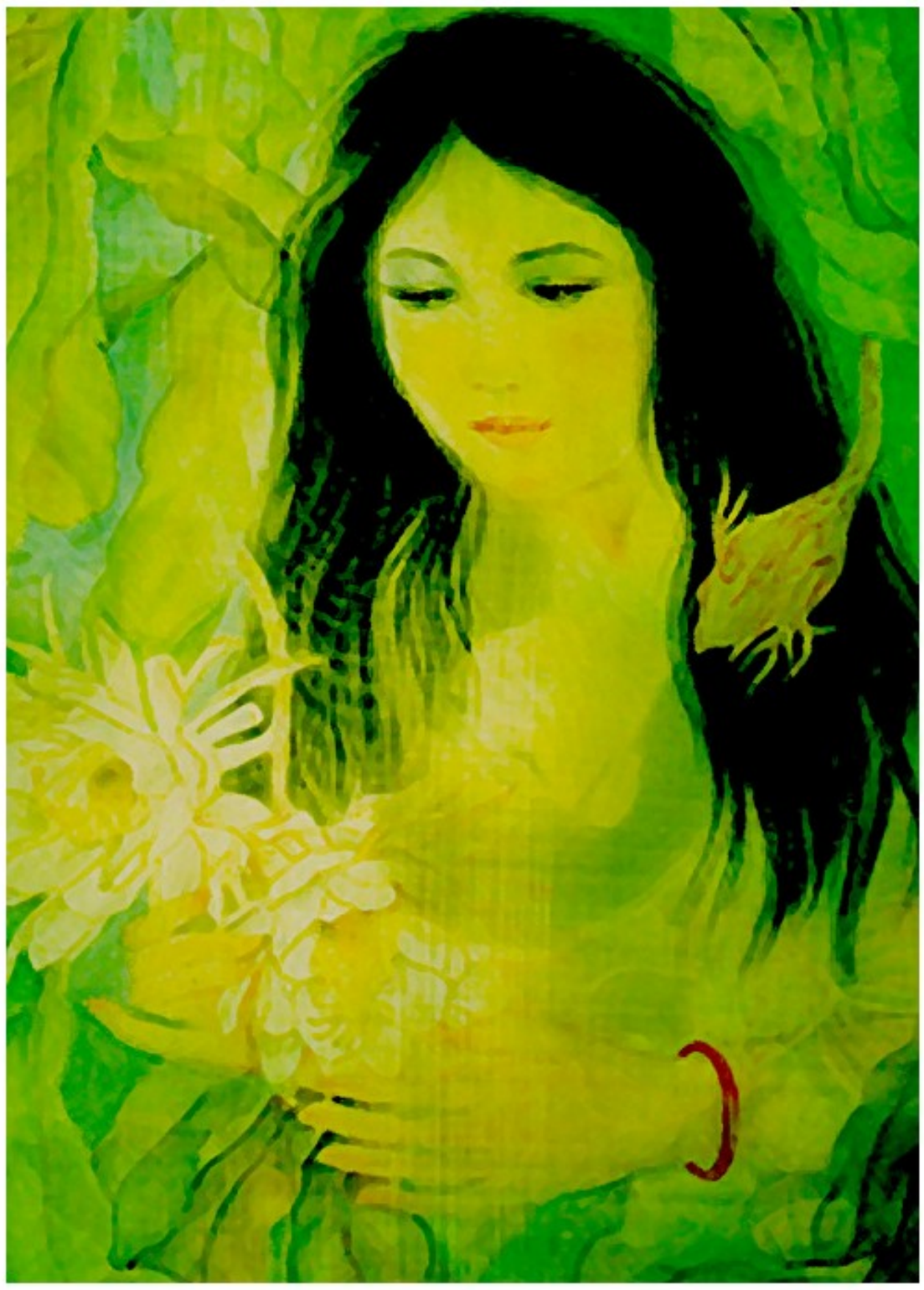

Thiếu nữ và hoa quỳnh
tranh Chung Thị Thanh Thủy

Người Em Tha La

Quốc Nam K22

Tôi gặp cô em, nét cười ánh sáng,
Phượng, xinh tươi, và ở chốn quê người.
Những xác khổ vô thừa nhận trong đời,
Phượng của tôi mất giữa mùa nắng lửa.

Nay tôi đã thành người không nhà cửa,
Ngay trên phần đất hứa của Hoa Kỳ.
Vẫn thương tưởng em giây phút biệt ly,
Trong lòng huyệt Tha La sầu ảo não.

Tôi gặp em chiều gác chuông xóm đạo,
Bóng hình em, thánh nữ giữa trời quê.
Ôi, nhan sắc. Người thơ rực say mê.
Cố níu em bằng tâm hồn thánh thiện.

Tôi đâu ngờ Tha La hờn chinh chiến,
Giáo xứ buồn lại thoáng bóng giai nhân.
Em tuyệt diệu trên mảnh đất nghèo nàn,
Hình ảnh ấy ngự tim tôi bất diệt.

Nhưng em đã bị giặc thù pháo chết,
Xác thân băng trinh trộn đất quê hương.
Cũng từ đó, tôi thương Tha La buồn,
Dù xa cách mà tim tôi hướng vọng.

Nay quê người, tôi gặp nàng tên Phượng,
Nụ cười vầng trăng, y hệt em tôi.
Yêu dấu hỡi, nếu hồn em đơn côi,
Hãy nhập hồn xác cô em hải ngoại.

Tôi sẽ cùng Phượng một lần trở lại,
Quỳ bên m em để khấn nguyện rằng:
- Em, Quê Hương, mãi mãi trong tim anh,
Để ‘‘Dân-Chủ’’ được khai hoa nở nhụy.

(Tháng 7/2008)

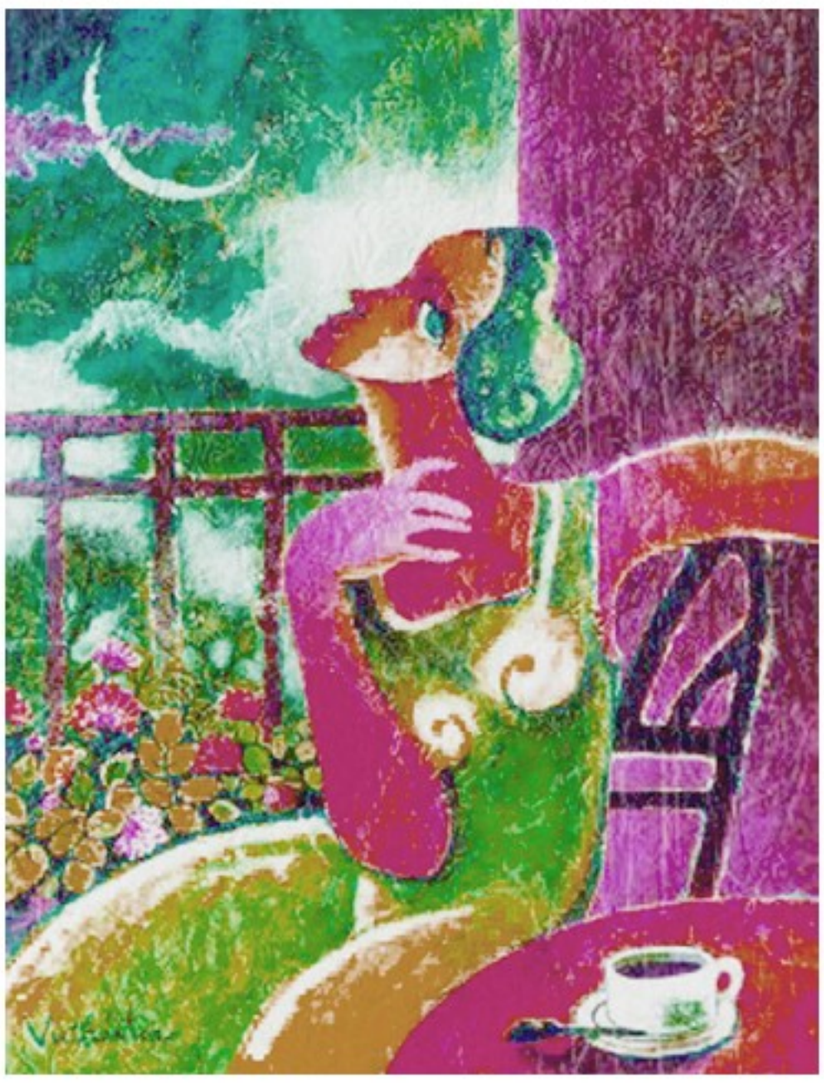

Regarder la lune
tranh: Vũ Thái Hòa

Đức Tin Tình Yêu

Phạm Kim Khôi K19

(Cảm đề tự truyện "Dak-To và Em" của Vương Mộng Long)

Thấy em còn bé anh toan tính
Gửi nhờ bao gạo để dành nuôi
Đời lính ngược xuôi đôi lúc ngỡ
Quên chuyện xem hình em nói vui

Cho tới một hôm may mắn gặp
Chao ôi duyên dáng đảm đang hiền
Cô em bé nhỏ năm nào đó
Vương mộng rồi anh biết khó quên

Lính lại đi vào nơi khói lửa
Máu xương quần thảo với quân thù
Những lúc gian nguy gần tuyệt vọng
Chợt bóng hình em tỏa ước mơ

Từ đó tình yêu thành đức tin
Tin rằng anh sẽ về bên em
Sẽ đôi ta đẹp duyên ngày cưới
Trong nắng em cười như dáng tiên

Áo trận sờn vai vừa đẫm máu
Nhưng anh không gục ngã đau buồn
Đức tin phải sống còn tranh đấu
Đã khiến anh mau lành vết thương

Đám cưới chúng mình vui khắp phố
Con đường thơ mộng tươi màu hoa
Cảm ơn em đã yêu đời lính
Bây giờ em nhé anh đền cho.

Mũ Đỏ Mũ Đen

Gửi Đoàn Phương Hải

Ngày xưa tráng sĩ khi lâm trận
Chiến mã sa trường tung vó lên
Nét đẹp đó đã lưu truyền đến
Mũ Đỏ Dù tùng thiết Mũ Đen

Khí thế quăn lùa toand đất giặc
Chiến xa gầm rú đứng tim thù
Chiếm lấy mục tiêu từng thước đất
Địch thất kinh khiếp vía quân Dù

Ngùn ngụt khắp trời dâng bão lửa
Quân đi quyết tiến đạp trên thù
Không cho chúng nó ngoi đầu dậy
Mà phải chôn vùi xác chiến khu

Nắng sớm còn vương đầy khói bụi
Thiết kỵ tươi cười vui áo hoa
Mũ Đỏ Mũ Đen chào tráng sĩ
Tưng bừng trong gió khải hoàn ca.

Phạm Kim Khôi K19

Thiếu Úy Nguyễn Lương K24

Nguyễn Văn Phúc

Lời nói đầu:

Câu chuyện về Thiếu Uý Nguyễn Lương được trích dịch từ quyển sách Ride the Thunder của Richard Botkin. Quyển sách viết về cuộc đời các nhân vật chính: Trung Tá Gerald Turley, Trung Tá Lê Bá Bình, Đại Uý John Ripley, Đại Uý George Philip, Thiếu Uý Nguyễn Lương, các trận đánh nhỏ từ đầu thập niên 60, và sau cùng viết về trận chiến Quảng Trị năm 1972, trong đó có trận đánh cầu Đông Hà với Tiểu Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến. Tác giả Richard Botkin đã cố gắng viết thêm về các người lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam để cho các độc giả Hoa Kỳ biết thêm về sự chiến đấu và đời sống thường ngày của những người lính nầy, trong đó có Trung Đội Trưởng Nguyễn Lương của Tiểu Đoàn 3 "Sói Biển". Trong câu chuyện ngắn nầy, chúng ta sẽ thấy được tấm lòng và tình huynh đệ chi binh của các người lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam.

Thật đúng là một ngày đẹp trời trên thành phố Đà Lạt. Trời nắng ấm, thân nhân, bạn bè và quan khách cùng nhau đến tham dự và ăn mừng lễ mãn khoá của các chàng trai tân thiếu uý, sẽ rời trường võ bị để

lên đường phụng sự quốc gia. Thật là một điều kỳ diệu khi nước Việt Nam Cộng Hòa và Khóa 24 của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam vẫn tiếp tục đứng vững và thêm những dấu hiệu lạc quan và thắng lợi là những điều mà mọi người lấy làm hãnh diện.

Một năm cũng sắp hết, tương lai tuy không có gì chắc chắn cho lắm, nhưng cũng cho thấy một vài điều sáng sủa. Chính quyền Sài Gòn cũng kiểm soát được nhiều vùng thôn quê hơn so với gần mười tám năm trước, lúc quốc gia mới được thành lập (Việt Nam Cộng Hòa). Những cuộc cải tổ đúng đắn đang đi vào giai đoạn hoàn tất, và cho dầu, những cuộc cải tổ nầy sẽ không đủ để làm dịu bớt những sự chỉ trích về chính quyền, từ trong nước hay từ giới truyền thông tây phương và các trường đại học Hoa Kỳ, nhưng những sự việc nầy, lại gây nhiều sự khốn đốn cho bọn cộng sản. Đám Việt Cộng, vi phạm luật hưu chiến, gần như đã bị tiêu diệt trong thời gian Tết 1968, hiện vẫn chưa hồi phục hay gầy dựng tổ chức lại được. Việc rút quân của các đơn vị tác chiến Hoa Kỳ được quân bình bằng lời hứa của đồng minh sẽ tiếp tục yểm trợ về không quân và cấp thêm những tài khoá lớn.

Sắp sửa được làm thiếu uý, Nguyễn Lương ra trường với thứ hạng khá cao trong khoá, đủ để được vinh dự là một trong mười bốn sĩ quan được vinh hạnh bận bồ đồ rằn và được chọn về binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, binh chủng mà họ đã chọn để phục vụ. Các công dân Hoa Kỳ sẽ bị bất ngờ khi biết được dân Việt Nam có binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, họ sẽ bất ngờ gấp bội khi hiểu rằng chỉ những người đứng đầu lớp, những người xuất sắc trong nhóm những người xuất sắc, mới được chọn làm những sĩ quan trẻ cho binh chủng Thủy Quân Lục Chiến và những binh chủng thiện chiến khác như Nhảy Dù, Biệt Động Quân. Sự ganh đua để dành chỗ cho được những đơn vị nầy rất là khốc liệt.

Cuộc diễn hành cho buổi lễ mãn khoá tương tự như trường West Point nhưng nhỏ hơn về kích thước. Tuy nhỏ hơn mô

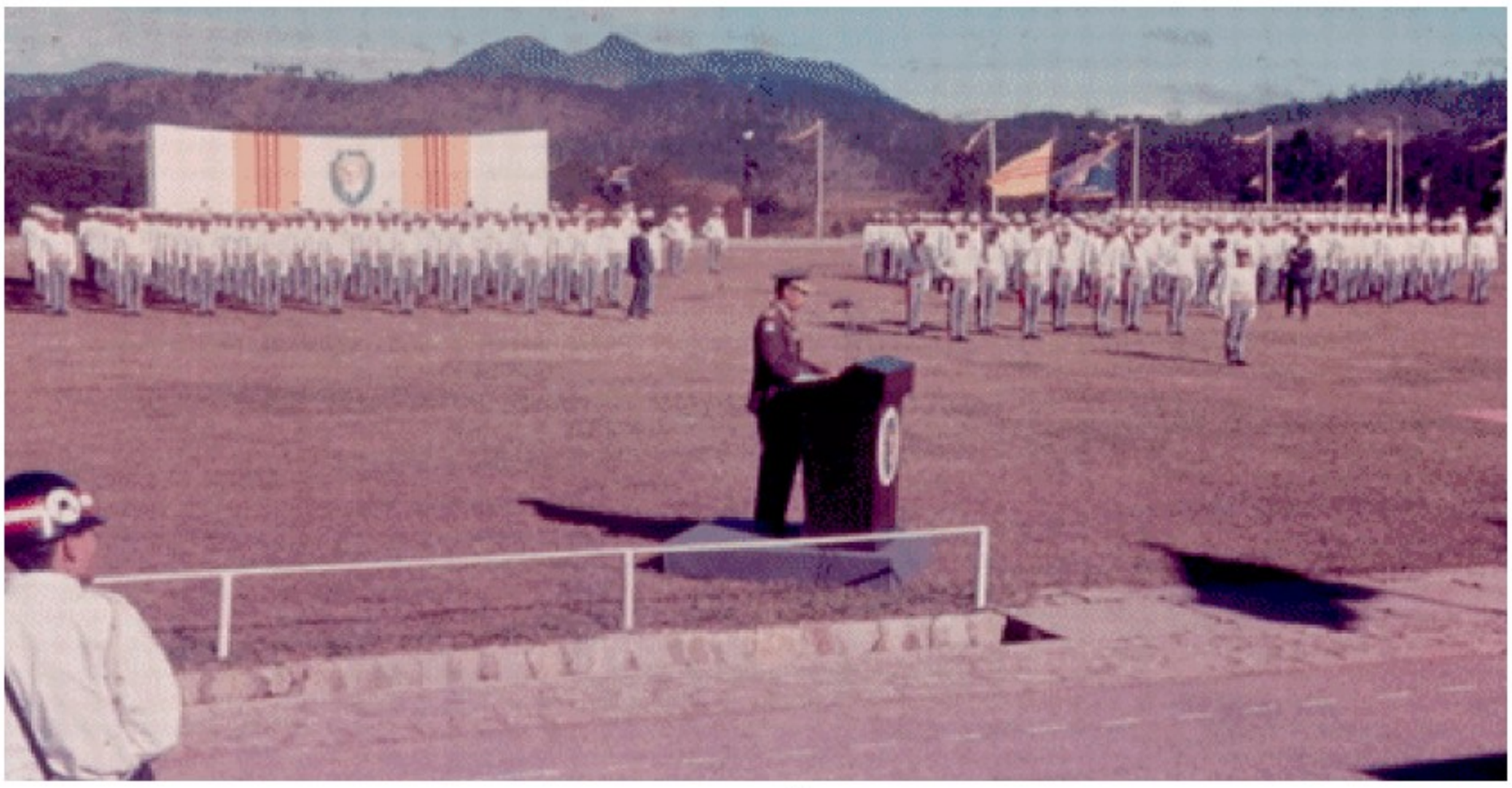

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
Lễ Tốt Nghiệp Khóa 24, 27/12/1971

hình của người Hoa Kỳ, buổi lễ tại Đà Lạt đã không bị sút giảm về sự trang nghiêm, lòng hãnh diện, hay hoài bão. Khi bắt đầu nhập Khoá 24 vào cuối năm 1967, có tổng cộng 311 khoá sinh, 245 người đã bền bĩ theo đuổi và trong chốc nữa đây sẽ lên bệ đài để nhận lãnh văn bằng tốt nghiệp cử nhân và trở thành các sĩ quan thiếu uý hiện dịch, trước mặt đám đông hâm mộ gồm có bạn bè và thân quyến. Sự lo lắng và sự hứa hẹn luôn có trong những lần mãn khoá là tâm trạng của các chàng trai trẻ, họ sẽ luôn giữ tình bạn đồng khoá khi biết tất cả bọn họ, mỗi một người trong bọn họ, sẽ là những người dẫn các người lính đi vào chiến trận chống lại kẻ thù cộng sản.

Ngày 27 tháng 12 năm 1971 là ngày cuối cùng mà Khoá 24 còn được đứng chung với nhau như một khối đồng nhất. Những buổi họp khoá trong tương lai mà họ đang suy nghĩ, nếu có thể, sẻ xảy ra, hoặc trong năm, hay mười, hay ba mươi năm. Những người bạn đồng khoá, có lẽ sẽ có nhiều người trong bọn họ, những người sẽ mau chóng hy sinh cho tổ quốc trong cuộc chiến đấu cho quê hương luôn được sinh tồn, sẽ phải vắng mặt, trước khi họ có cơ hội gặp lại nhau trong các lần họp khoá.

Nhiệm Vụ với Tiểu Đoàn 3

Sau lễ mãn khoá, Thiếu Uý Lương được cấp mười lăm

ngày phép để về thăm gia đình và cô bạn gái quen biết đã lâu, và cũng để cho ông chuẩn bị tinh thần, từ một sinh viên sĩ quan trở thành người lính Thủy Quân Lục Chiến.

Cho dù Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam vẫn đang tiếp tục bành trướng, vào tháng Giêng năm 1972, binh chủng vẫn còn nhỏ bé, đủ để cho mọi người coi nhau, biết nhau như là một gia đình.

Trong suốt cuộc chiến, binh chủng Thủy Quân Lục Chiến luôn sắp đặt để cho các sĩ quan và binh lính có được một tiêu chuẩn cao và binh chủng này không thèm để tâm đến những âm mưu chính trị, luôn là bệnh dịch trong một nhóm sĩ quan cao cấp và các đơn vị của riêng họ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, luôn giống như các quân đội trong các nước nhược tiểu. Trung Tướng Lê Nguyên Khang, tư lệnh binh chủng Thủy Quân Lục Chiến là một vị tướng thâm niên, vẫn còn phục vụ trong binh chủng vào những tháng đầu của năm 1972.

Mười bốn tân thiếu uý tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia vào tháng 12 sẽ được phân chia cho nhiều tiểu đoàn, với chín tiểu đoàn tác chiến, một vài tiểu đoàn sẽ nhận được hai thiếu úy. Tiểu Đoàn 3 luôn là tiểu đoàn đụng nhiều trận đánh lớn, tiểu đoàn luôn cần thêm các sĩ quan mới ra trường. Thiếu Tá Lê Bá Bình (tiểu đoàn trưởng), lần nầy, sẽ được chia cho hai sĩ quan trung đội trưởng.

Thiếu Úy Lương được chỉ định về Tiểu Đoàn 3 là do công việc của một người mà về sau sẽ là vị tướng tư lệnh kế tiếp của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, một nhu cầu cần thiết trong binh chủng, người đó là Đại Tá Bùi Thế Lân, người sẽ lên nắm chức tư lệnh sư đoàn trong một thời gian ngắn. Đại Tá Bùi Thế Lân, một người có máu tiếu lâm, là người chịu trách nhiệm lo việc điều hành các sĩ quan trong binh chủng. Cùng về Tiểu Đoàn 3 với Thiếu Uý Lương là Thiếu Uý Nhái, người bạn thân của Thiếu Uý Lương trong trường Võ Bị Đà Lạt. Giống như các ngôn ngữ khác, từ ngữ hay tên gọi thường có hơn một ý nghĩa. Trong tiếng Việt, nghĩa thứ hai của Lương, hay gọi cùng âm nhưng khác chữ, còn

có nghĩa là "lươn" hay con lươn. Nghĩa thứ hai của Nhái, còn có nghĩa là "nhái" hay con nhái. Vậy thì "Sói Biển" sẽ chơi theo "thú vật", thiếu uý "lươn" và thiếu uý "nhái". Thiếu Uý Lương về với Đại Đội 4, Thiếu Uý Nhái thuộc Đại Đội 2. Mọi người cùng nhau cười thoải mái về sự việc nầy. Đó là việc "hai con vật", vừa sống trên cạn, vừa sống dưới nước và cũng là lính thủy quân lục chiến, là điều tự nhiên, việc tốt lành. Thiếu Tá Lê Bá Bình luôn nhận những điều tốt lành có được. Sau cùng, việc chính yếu, là việc lo tiêu diệt bọn cộng sản.

Sau khi Tiểu Đoàn 3 "Sói Biển" được hoán chuyển từ Đông Hà về căn cứ Ái Tử, tiểu đoàn được bổ sung thêm các người lính tân binh từ căn cứ Sóng Thần, đây là đợt bổ sung quân số đầu tiên kể từ khi trận chiến xảy ra. Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đã không còn cho phép các đơn vị được nghỉ ngơi, dưỡng sức sau những nhiệm vụ quá khó khăn. Sau trận chiếm đẫm máu tại Đông Hà và cuộc lui binh về phía Nam, trách nhiệm nhẹ nhất mà người lữ đoàn trưởng có thể giao cho tiểu đoàn là: làm nhiệm vụ tăng cường cho Tiểu Đoàn 1 việc phòng thủ căn cứ Ái Tử.

Thiếu Uý Nguyễn Lương trình diện Đại Đội 4, Tiểu Đoàn 3 vào hôm sáng sớm đầu năm, và trong hai tuần lễ đầu tháng Tư đã chịu đựng sự thử thách và kinh nghiệm của chiến trường một cách dữ dội và mau chóng, ông trông giống như các người lính Sói Biển lâu năm trong đơn vị. Trong các đơn vị chiến đấu, các sĩ quan mới nắm trung đội cần phải học hỏi nhiều, và con đường gai góc nhất là phải luôn tiến thẳng, giống như cố gắng leo lên một cái dốc thẳng đứng, như tất cả các người lính Thủy Quân Lục Chiến hiện đang nhận lãnh nhiệm vụ quá nặng nề tại phía Bắc tỉnh Quảng Trị.

Tiểu Đoàn 3 Sói Biển, từ sau khi viên cố vấn Ripley giật sập cây cầu Đông Hà, vẫn tiếp tục hành quân với hai cánh A và B. Thiếu Tá Bình và viên cố vấn nằm với cánh A, gồm hai Đại Đội 1 và 3, cùng với hầu hết Trung Đội Vũ Khí và Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn. Cánh B do viên tiểu đoàn

phó chỉ huy gồm hai Đại Đội 2 và 4, cánh B không có cố vấn đi cùng.

TĐ3/TQLC ở Đông Hà 1 đến 8 tháng 4, 72

Đại Đội 4 chịu trách nhiệm bảo vệ sườn tây tiểu đoàn, đại đội nằm bên ngoài căn cứ Ái Tử. Tuy trận chiến không còn là mới mẽ và tuy quân địch đã không thể tràn qua sông Cửa Việt, nhưng, bù lại, chúng đã đưa được quân bộ chiến băng qua đầu con suối ngay cầu xe lửa cũ, và chiến xa địch cũng đã tiến gần hơn từ phía Tây Cam Lộ. Thật là không may cho các người lính Thủy Quân Lục Chiến, cho dù Không Quân Hoa Kỳ đã yểm trợ mãnh liệt, nhưng vẫn không giúp chận đứng được quân địch, và quân cộng sản Bắc Việt, với quân số đông đảo trên chiến trường, hiện đang tràn về hướng Đông, bọn chúng càng lúc càng tiến đến gần căn cứ Ái Tử.

Trung Đội 1 của Thiếu Uý Lương, thuộc Đại Đội 4, nằm xa nhất về hướng Tây trong vùng trách nhiệm của đại đội. Suốt cả ngày, trung đội chạm địch liên tục, và dĩ nhiên, quân địch luôn vượt trội hơn về hỏa lực, chúng tiến sát gần trung đội để tránh không cho hải pháo Hoa Kỳ, từ các chiến hạm đang nằm ngoài khơi, bắn yểm trợ lính Thủy Quân Lục Chiến, trong lúc các khẩu súng cối 82 ly của chúng bắn nhiều nơi cùng một lúc, luôn gây khó khăn cho trung đội nầy.

Gần hai tuần chỉ huy trung đội, Thiếu Uý Lương gần như đã đồng hóa với những người lính cũ trong trung đội, ông đã cố gắng học hỏi cho thật nhiều những kinh nghiệm chiến trường từ trận chiến tuy mới, nhưng quá khốc liệt. Khi trời vừa sụp tối, quân địch từ trước mặt và từ sườn trái được sự yểm trợ của các khẩu cối 82 ly mở cuộc tấn công vào vị trí của trung đội. Với quân số đông đảo và súng cối

địch pháo quá dữ dội, Thiếu Uý Lương biết ông cần phải trì thủ trận tuyến và lui binh về gần một trung đội khác đang ở một vị trí gần đó. Với quân địch đang tiến công nhanh, Thiếu Uý Lương cho thành phần đầu của trung đội lui về sau trong vòng kỷ luật, ông chờ cho ba tiểu đội và một vài người lính trong trung đội vũ khí (được tăng phái cho trung đội) di chuyển an toàn, rồi ông với toán chỉ huy trung đội mới chịu rời bỏ vị trí.

Cùng với Thiếu Uý Lương là ba người lính Thủy Quân Lục Chiến khác, Hạ Sĩ Thanh, người mang máy truyền tin, Hạ Sĩ Được, tên "cao bồi" và một người lính trẻ tên là Lợi. Khi họ vừa bước vào bóng đêm, ngay sau dấu vết của các người lính trong trung đội, thì cối địch cũng đồng loạt rớt vào ngay và chung quanh họ. Hai trong ba người lính chết ngay tức thì, Hạ Sĩ Được bị thương rất nặng và hy sinh trong một thời gian ngắn. Thiếu Uý Lương vói tay tới Hạ Sĩ Thanh, người lính mang máy và biết được chiếc máy truyền tin PRC-25 mà Hạ Sĩ Thanh đang mang trên lưng, đã bị các mảnh đạn cối phá hư, không còn sử dụng được nữa. Lúc ấy, đạn bắn quá ác liệt, Thiếu Uý Lương phải phóng người tìm chỗ an toàn mà không biết rằng mình vừa bị trúng đạn địch. Không thể định chắc được thời gian, ông nghĩ chỉ trong một khoảnh khắc ngắn trước khi ông cảm nhận được dòng máu nóng đang chảy vọt ra từ bên chân trái của ông.

Pháo địch vẫn còn tiếp tục nổ vang, và cho một vài lý do, quân địch vẫn chưa tiến đến vị trí chỉ do bốn người lính Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ, ba trong bốn người nầy đã hy sinh. Thiếu Uý Lương biết quân địch đang đến gần, ông đã nghe tiếng nói và đã ngửi được "mùi" của quân địch. Không thể đứng dậy được vì vết thương ở chân, ông nằm im vì sợ quân địch sẽ phát giác ra ông. Thiếu Uý Lương được đất và bụi che phủ vì những quả đạn cối bắn vào vị trí của ông trước đó, ông đang cô đơn một mình, trong khi trung đội, ông hy vọng, đã thoát được cơn pháo dữ dội của địch và đang ẩn mình ở một nơi nào đó, không xa phía đông của ông cho lắm.

Thiếu Uý Lương nằm kẹt lại một mình trong bóng đêm. Ông biết chắc các người lính trong trung đội sẽ trở lại tìm ông khi tình hình cho phép. Cho đến khi ấy, ông phải giữ bình tĩnh, với ba thân xác đồng đội nằm bất động quanh ông, ông chờ đợi quân địch tiến vào vị trí của ông chỉ trong vòng ít phút nữa. Thiếu Uý Lương giật lấy trái lựu đạn từ thắt lưng của người lính "cao bồi" của ông, ông rút cái chốt an toàn ra, rồi che dấu trái lựu đạn trong người. Nếu quân cộng sản Bắc Việt muốn bắt được ông, bọn chúng sẽ phải trả một cái giá đắt. Bây giờ, ông chỉ còn một việc là chờ đợi, và ông đã chờ.

Hai tuần lễ vừa qua đã cho Thiếu Uý Lương hiểu là, chiến trận không hẳn lúc nào cũng tiến triển theo con đường thẳng. Cho một vài lý do mà ông không biết được, quân cộng sản Bắc Việt lại dừng bước, chỉ trước mặt ông khoảng một vài thước. Thiếu Uý Lương vẫn nằm im, trái lựu đạn vẫn còn trong lòng bàn tay, máu vẫn rỉ dưới chân và ông thở nhẹ, cố gắng thở thật nhẹ.

Thiếu Uý Lương không định được thời gian, sự đau đớn và nhịp đập nhanh từ ngay vết thương, ngay cái lỗ hỗng của chân, mà trước đó, ông đã dùng băng cá nhân quấn chặt, cố gắng giữ không cho máu chảy ra ngoài, đã nhắc nhở cho ông biết rằng ông đang còn sống, nhưng cũng đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. Cứ trong vài phút khi tay đã mỏi mệt vì phải cầm chặt trái lựu đạn, ông vội chuyển trái lựu đạn sang tay khác, vẫn biết quân địch sẽ đến bắt ông. Đôi lúc, ông thiếp đi, nhưng lại cố gắng luôn giữ cho tỉnh người vì sợ trái lựu đạn sẽ nổ tung.

Và sau cùng, chừng một hay hai giờ sau, quân cộng sản Bắc Việt đến, khoảng một tiểu đội quân địch từ đâu bỗng hiện đến. Thiếu Uý Lương nằm bất động, thở nhẹ, mắt nhắm kín, nhưng ông vẫn thấy chúng, vẫn cảm được bọn chúng, với chiếc nón cối đội trên đầu. Bọn chúng với súng AK cầm tay, lưỡi lê ngay đầu mũi súng, luôn sẵn sàng. Đối với bọn chúng, ông là một xác chết, cũng giống như ba người bạn đồng đội của ông.

Thiếu Uý Lương không bao giờ để ý đến, nhưng quân địch biết, ba người đồng đội của ông mang trên lưng các chiếc ba lô. Với kinh nghiệm chiến trường, lính Thủy Quân Lục Chiến biết quân lính Bắc Việt, tuy liều mạng trên chiến trường, nhưng lại là những dân quê nghèo nàn, không thể so bì với sự khá giả của các người lính miền Nam. Thiếu Uý Lương, may mắn lại không mang theo ba lô, nên lúc ấy, đã không bị quân địch lục soát, tìm thức ăn hay các đồ vật khác mà quân địch hiện đang lùng kiếm. Quân địch đâm lưỡi lê vào xác ba đồng đội của ông, rồi bắt đầu lấy các đồ vật trong các chiếc ba lô. Thiếu Uý Lương chờ đợi quân địch chỉa lưỡi lê vào người ông, giây phút và sự việc ấy đã không bao giờ xảy ra. Có thể quân địch đã không thấy ông, có thể bọn chúng thấy nhưng không buồn lục soát người ông. Dầu sao đi nữa, bọn chúng đã bước nhẹ đến và đã nhẹ bước ra đi, để lại người trung đội trưởng Thủy Quân Lục Chiến, hiện đang bị thương, vết thương vẫn còn rỉ máu, và vẫn im lặng, cầm giữ chặt trái lựu đạn trong tay.

Thiếu Uý Lương trở thành kẻ đơn côi sau khi các tên địch bỏ đi, bọn chúng chắc chắn đã rời bỏ vị trí nầy, hay ông chỉ phỏng đoán vậy, khi mà những nhát lưỡi lê đâm vào da thịt các bạn đồng đội vẫn còn mới tươi. Thiếu Uý Lương vẫn còn sáng suốt và trực giác của ông cho biết ông vẫn còn đang ở nơi nguy hiểm, ông nằm im chờ đợi, vẫn với trái lựu đạn trong tay.

Nỗi lo ngại của ông về việc quân địch vẫn còn hiện diện quanh ông nay đã trở thành một nỗi lo khác, ông sợ rằng tinh thần của ông không còn minh mẫn để nhắc cho ông biết việc ông phải giữ chặt trái lựu đạn trong tay. Vì bị mất máu quá nhiều và các sự việc khác vừa xảy ra quanh ông, Thiếu Uý Lương lo ngại ông sẽ bị mất tri giác, ông cố gắng giữ cho mình không đi vào cơn mê sảng, và ông biết cơ thể của ông cũng yếu dần đi, ông biết đến một lúc nào đó, ông sẽ bị kiệt lực.

Bây giờ, việc cầm chặt trái lựu đạn trong tay trở thành việc quá khó khăn, nó giống như việc ông đã nắm chặt trái

banh quần vợt trong nhiều giờ đồng hồ, các cơ thịt và cơ gân bắt đầu phàn nàn vì bị làm việc quá sức. Tuy vậy Thiếu Uý Lương vẫn bắt mình phải giữ chặt nó, ông biết sức khoẻ ông đã suy giảm rất nhiều. Tuy ông biết chắc quân địch đã đi xa, ông vẫn cố gắng giữ trái lựu đạn với ông, Thiếu Uý Lương, giống như mấy giờ trước, vẫn còn trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê, có đôi lúc ông bị bất tỉnh, và rồi ông lại tỉnh lại, ông biết sẽ đến lúc nào đó, khi ông bị ngủ mê, ông sẽ buông trái lựu đạn, hay sẽ làm rơi nó vì quá mệt mỏi. Một trong hai điều nầy, nếu có xảy ra, chỉ làm ông bị thiệt mạng mà không giết chết được tên lính Bắc Việt nào. Đoán chừng ông đang được an toàn, không còn quân địch quanh mình, ông quăng trái lựu đạn ra xa, cố gắng quăng thật xa khỏi ông và xác ba người bạn đồng đội.

Thiếu Uý Lương mất quá nhiều máu hơn ông đã nghĩ, ông thảy trái lựu đạn khi ông đang nằm ngửa, và trái lựu đạn đã không bay xa như ông dự tính. Khi trái lựu đạn nổ, ông cảm được nhiều miểng lựu đạn ghim vào cánh tay trái của ông. Không có những tiếng động chung quanh hay tiếng động di chuyển sau khi trái lựu đạn nổ, và máu từ vết thương cũ vẫn tiếp tục rỉ cùng thêm với vết thương mới.

Bọn lính cộng sản Bắc Việt nay không còn trong vùng, Thiếu Uý Lương không còn lo việc sẽ bị lưỡi lê đâm, bị bắn, hay bị lựu đạn nổ banh người. Bây giờ, ông nghĩ đến việc sẽ bị mất hết máu, quân địch bây giờ là thời gian, sự lo lắng, sự nghi ngờ và sự hy vọng được tiếp máu. Ông có dư thì giờ để nghĩ đến nhiều việc: cuộc đời của ông, những thời gian đẹp nhất mà ông luôn giữ trong đầu, ông

nghĩ đến cha mẹ, anh chị em, cô bạn gái, những người bạn cùng khóa Đà Lạt và các người lính trong trung đội. Và ông đã nghĩ đến những việc này nhiều lần vì thời gian như dài vô tận. Không còn nghĩ đến việc lựu đạn sẽ làm ông banh xác, ông cho mình được quyền thiếp ngủ trong chốc lát. Ông vẫn giữ lạc quan, cố nghĩ đến mình là một người lính Thủy Quân Lục Chiến, luôn cố gắng mang danh dự về cho đơn vị và cho đất nước mình. Tự trong trái tim ông, ông đã biết, nếu cần, ông sẽ cho trái lựu đạn nổ banh xác ông, cùng chung với đám quân địch không đội trời chung, chớ nhất định không chịu để cho bọn chúng bắt làm tù binh. Không một ai có thể cản trở ông được. Thiếu Uý Lương vẫn nằm một mình, không biết được việc gì sẽ đến trước, ông sẽ chết vì mất máu, hay sẽ có một điều linh diệu nào đó, sẽ đến cứu ông.

Ngay một vùng thuộc phía Tây Ái Tử, Thiếu Uý Lương nằm đơn côi một mình, lúc mê lúc tỉnh, trong cái lặng im dị thường, và thời gian như dài bất tận. Thì tại các nơi khác ở Việt Nam, cuộc chiến vẫn tiếp diễn và lan tràn một cách ác liệt. Tại vùng cao nguyên và về hướng Nam của quê hương ông, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang chống trả quyết liệt, nhất quyết không cho quân cộng sản Bắc Việt tràn ngập và chiếm giữ các vùng đất nầy. Không Quân Hoa Kỳ cũng yểm trợ cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa rất tận tình. Riêng tại tỉnh Quảng Trị, cuộc chiến vẫn tiếp tục, ngoại trừ nơi Thiếu Uý Lương đang nằm.

Trung Sĩ Nhất Diệm (Diễm?) dẫn các người lính tìm kiếm toán bị mất tích của Thiếu Uý Lương. Người lính kỳ cựu Diệm. Tháng trước, Thiếu Uý Lương, còn độc thân, đã vui vẻ đưa cho Diệm nửa tháng lương của mình, khi biết Diệm vừa có được đứa con đầu lòng, coi như đây là một món quà cho đứa bé vừa mới sanh ra đời. Việc nầy làm cho Trung Sĩ Nhất Diệm cảm động. Đối với hầu hết những người lính trong trung đội, Diệm là người lính Thủy Quân Lục Chiến đúng nghĩa. Theo Thiếu Uý Lương, Trung Sĩ Nhất Diệm có lẽ đã ở trong Thủy Quân Lục Chiến cả đời,

tuy ông biết Diệm, thâm niên quân vụ hơn ông chưa đến mười năm. Trung Sĩ Nhất Diệm là người giỏi võ, ông ta đối với Thiếu Uý Lương giống như Jack đối với Ripley, gan dạ, tự tin, quả quyết, không hề sợ hãi, kinh nghiệm đầy mình. Trung Sĩ Nhất Diệm đúng là một người lính Thủy Quân Lục Chiến nhà nghề.

Họ đến vào khoảng bốn giờ, hay có lẽ là năm giờ sáng. Thiếu Uý Lương không còn biết được thời gian khi được Trung Sĩ Nhất Diệm lay tỉnh, hai người nói thật nhỏ cho nhau nghe về tình hình và tình trạng vừa xảy ra. Rồi thì, người trung sĩ nhất to lớn vác người trung đội trưởng của mình trên vai, biết rằng người trung đội trưởng đang đau đớn và máu vẫn rỉ trên những vết thương, Trung Sĩ Nhất Diệm quyết tâm mang cho được Thiếu Uý Lương về tới phòng tuyến quân bạn.

Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và luôn cả Lục Quân Việt Nam Cộng Hòa không có đủ những điều kiện cần thiết trong việc lo tản thương hay chăm sóc cho các người lính bị thương vong ngay lúc trận chiến đang xảy ra bằng người bạn đồng minh Hoa Kỳ. Binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam tổ chức gần giống như Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, chỉ khác là họ không trực thuộc Hải Quân, bởi vì việc tiếp liệu, tiếp tế khó khăn nên ít khi họ tổ chức hành quân chung với nhau (Hải Quân Việt Nam). Khi mà Hải Quân Hoa Kỳ lo việc cung cấp y tế, thuốc men và chữa trị cho Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ thì Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam phải tự lo liệu lấy. Mỗi tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam có một bác sĩ đi theo tiểu đoàn và có thêm một toán y tá đi cùng. Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ cũng chỉ có một bác sĩ cho mỗi tiểu đoàn, nhưng số lượng y tá cho tiểu đoàn thì nhiều hơn phía Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam.

Trong tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam, người bác sĩ sẽ đi chung với cánh A, trong lúc viên y tá trưởng đi theo cánh B, các người y tá còn lại sẽ được chia đều cho hai cánh A và B, các người y tá nầy sẽ được phân chia cho các

đại đội, nhưng ít khi xuống tới cấp trung đội như các cuộc hành quân phía Hoa Kỳ. Bởi vì không đủ quân số, nên các y tá nằm lại trong các khu vực dành cho việc chữa trị thương binh và các người lính bị thương sẽ được mang đến chỗ họ.

Trung Sĩ Nhất Diệm dùng hết sức lực để mang cho được người trung đội trưởng của mình đến tận nơi cứu thương gần nhất, ông đã cố gắng bước chân đi, sao cho Thiếu Uý Lương bớt bị đau đớn, ít nhất thì họ cũng đang ở trong tay quân bạn và đang đi đúng hướng.

Sau cùng, họ cũng đến nơi, cả hai thật sự đã kiệt sức, các tấm bảng hướng dẫn cho biết nơi cứu thương và chỗ chờ tản thương. Các vị sĩ quan được mang đi bằng xe Jeep, trên xe có gắn băng ca cứu thương, còn binh sĩ được di tản trên các chiếc GMC cứu thương.

Biết rằng Trung Sĩ Nhất Diệm đã quá mệt mỏi, Thiếu Uý Lương bảo Diệm mang ông đến chiếc GMC, vài phút sau đó, cả hai chiếc Jeep và GMC chạy về bệnh viện dã chiến của Sư Đoàn 3 Bộ Binh, một nơi nằm giữa chỗ họ vừa đi và Quảng Trị.

Đoàn xe chỉ với hai chiếc Jeep và GMC vừa chạy khoảng được hai trăm mét thì bị ăn pháo địch. Chiếc xe Jeep chạy trước bị trúng viên đạn pháo kích, nổ tung ngay trước mặt chiếc GMC đang chạy phía sau. Viên tài xế chiếc GMC tuy bị kích động vẫn tống ga chạy, cố gắng chạy nhanh qua khỏi nơi hung hiểm nầy, những người lính bị thương, ngồi hay nằm phía sau xe bị bốc tung lên như các con thú nhồi bông, nhưng ít ra họ vẫn còn sống sót.

Cuộc hành trình về bệnh viện dã chiến Sư Đoàn 3 Bộ Binh giữa Ái Tử và Quảng Trị chưa phải là nơi an toàn cuối cùng, ngồi phía sau cùng với Thiếu Uý Lương, dĩ nhiên phải là Trung Sĩ Nhất Diệm, tuy rằng bệnh viện được cho là nơi "hậu phương" so với Ái Tử và Đông Hà, nhưng quân cộng sản Bắc Việt hiện đang có mặt ở khắp nơi. Và các người lính trong bộ tư lệnh sư đoàn, hiện đang lo giữ an ninh cho bệnh viện, chắc chắn không phải là những người lính thiện chiến.

Trung Sĩ Nhất Diệm muốn Thiếu Uý Lương phải được đưa về bệnh viện dã chiến Sư Đoàn 3 Bộ Binh, viên trung sĩ nhất đầy kinh nghiệm nầy luôn theo sát người trung đội trưởng của mình, ông ta vẫn nghi ngại, vẫn nghĩ rằng tình hình chưa được sáng sủa cho lắm. Chưa đầy một giờ sau khi họ đến được bệnh viện, khi mà Thiếu Uý Lương còn nằm trên chiếc băng ca chờ được chữa trị, một toán quân địch tấn công thẳng vào bệnh viện. Trung Sĩ Nhất Diệm vẫn còn sáng suốt, ông mang Thiếu Uý Lương chạy sang nơi khác trước khi quân cộng sản Bắc Việt đến chỗ họ vừa ở. Nếu Trung Sĩ Nhất Diệm chờ thêm ít phút nữa, cả hai chắc bị mất mạng. Quân cộng sản Bắc Việt bắn và đâm chết các nhân viên và các bệnh nhân trước khi bọn chúng rút đi. Trật tự rồi cũng được vãn hồi, Thiếu Uý Lương được tản thương về phía Nam Quảng Trị, Trung Sĩ Nhất Diệm luôn có mặt bên cạnh.

Chiến trường Đông Hà, Quảng Trị, tháng 4/72

Tuy thành phố Quảng Trị nằm gần nơi chiến trận, nhưng hiện thành phố vẫn còn nằm trong vòng kiểm soát của quân bạn, an toàn vừa đủ để cho bà Thiệu, phu nhân Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến thăm các thương binh. Thiếu Uý Lương vẫn còn đang chờ tới phiên được bác sĩ chăm sóc thì được bà Thiệu đến thăm. Theo phong tục Việt Nam, bà tặng cho các thương binh một phong bì, bên trong phong bì là một ít tiền, gần giống như các thương binh Hoa Kỳ có thể được ân thưởng huy chương Purple Hearts. Bà Thiệu, khi

được Trung Sĩ Nhất Diệm cho biết về câu chuyện của Thiếu Uý Lương, bà đã tặng cho Thiếu Uý Lương mười phong bì, và bà cũng tặng cho Trung Sĩ Nhất Diệm vài cái phong bì.

Trong bệnh viện tại Quảng Trị, Thiếu Uý Lương nhớ mang máng, hình như mình được gặp bà Thiệu, được các bác sĩ chăm sóc, được tiếp máu, và được mang lên một chiếc máy bay. Chắc là nhờ bà Thiệu gởi gắm. Khi Thiếu Uý Lương hồi tỉnh lại, ông đang nằm trong bệnh viện của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, một nơi gần Sài Gòn.

Các bác sĩ trong hội đồng giám định y khoa tại bệnh viện cho Thiếu Uý Lương biết họ phải cưa chân ông, ngay bên trên đầu gối. Viên bác sĩ trưởng khoa giải phẩu giải thích cho ông biết, lẽ ra không cần cưa cái chân của ông, tuy vậy, cái chân bị thương tích quá nặng, các xương chân sẽ không bao giờ nằm thẳng lại được. Cho dù vết thương sẽ lành, ông sẽ bị đau nhức suốt đời, và cái chân sẽ gầy mòn và suy yếu, cho đến, nếu ông di chuyển bình thường, cũng là một việc rất khó khăn. Nếu họ cắt bỏ chân ông, ít nhất, ông cũng có một cái chân giả để đi đứng. Cả hai điều nầy, mà ông rất thất vọng, sẽ chấm dứt cuộc đời binh nghiệp của ông. Tuy còn rất trẻ, nhưng đã trưởng thành trước tuổi, ông im lặng chấp nhận cái biến cố đau buồn nầy. Trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa vẫn đang tiếp diễn, nhưng lại không có mặt Thiếu Uý Thủy Quân Lục Chiến Nguyễn Lương.

Sài Gòn nhỏ, ngày 24 tháng Chín năm 2009
Nguyễn Văn Phúc

Em Có Về Đà Nẵng?

Thơ Nguyễn Đông Giang
Nhạc Trường Khánh

Thật tình cảm
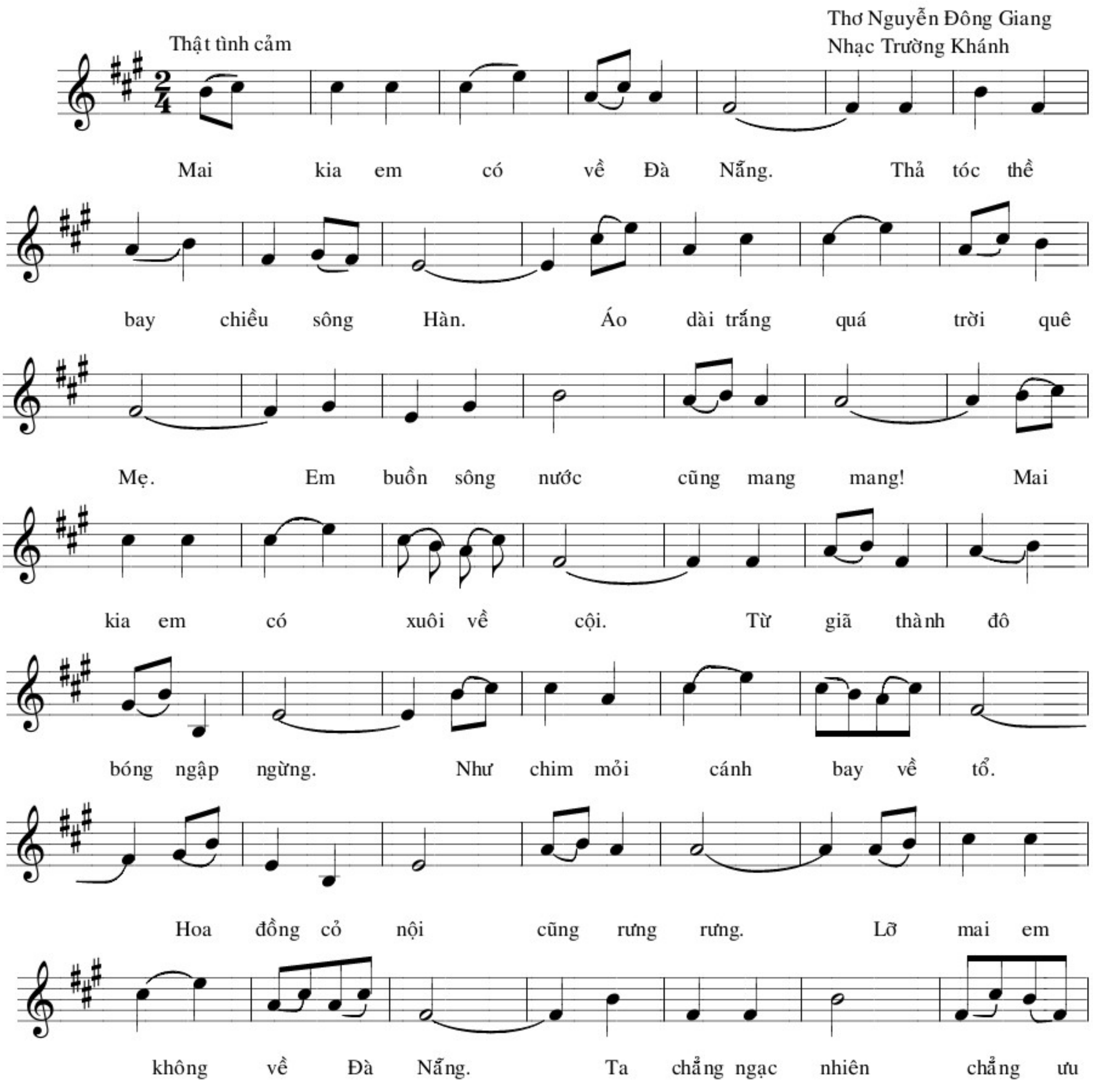
phiền. Chỉ đứng vời trông trời đất cũ. Nghe

hồn sông nước vỗ triền miên. Mai kia em không

về quê được. Đừng khóc nghe em giữa giang hà.

Đừng tủi phận mình dân xa xứ Vì lòng em

là. nỗi sầu ta. Mai kia em lỡ đi đâu

biệt. Ta sẽ tìm em cuối địa cầu. Nhưng chắc em

về nơi cất rốn. Ta trùng phùng lại chỗ chôn nhau.

Đường Việt Nam

Nguyễn Đức Quang
Sau chuyến đạp xe Đà Lạt - Sàigon
Sàigon 1965

Mạnh - Cương quyết
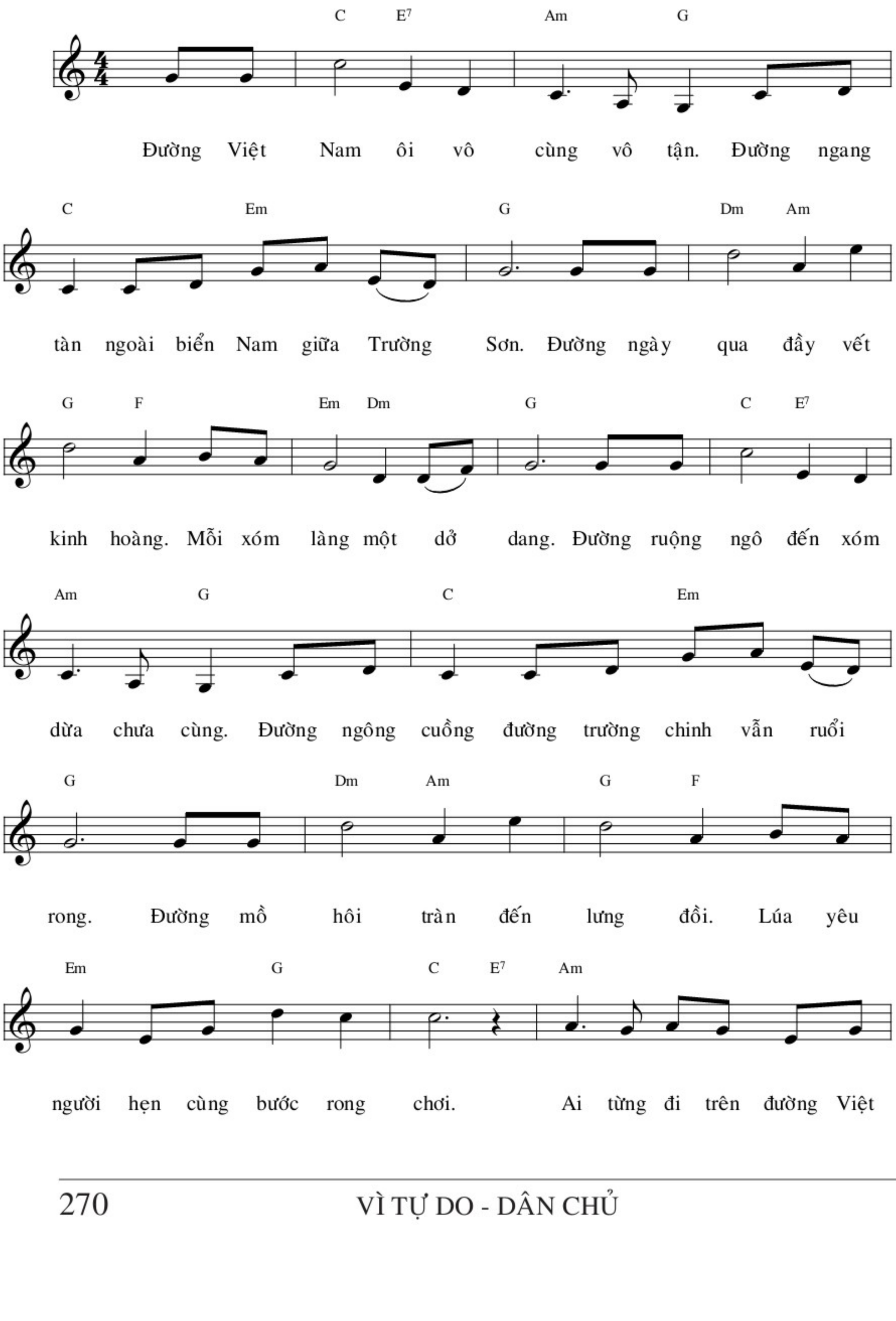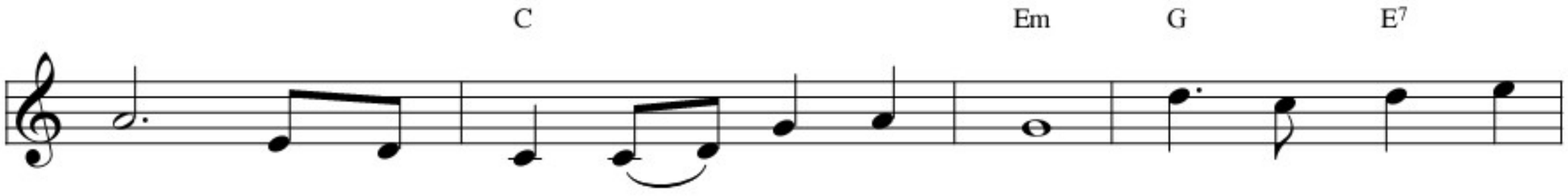
Nam. Bước âm thầm và tim nát tan. Bao lòng tham chất

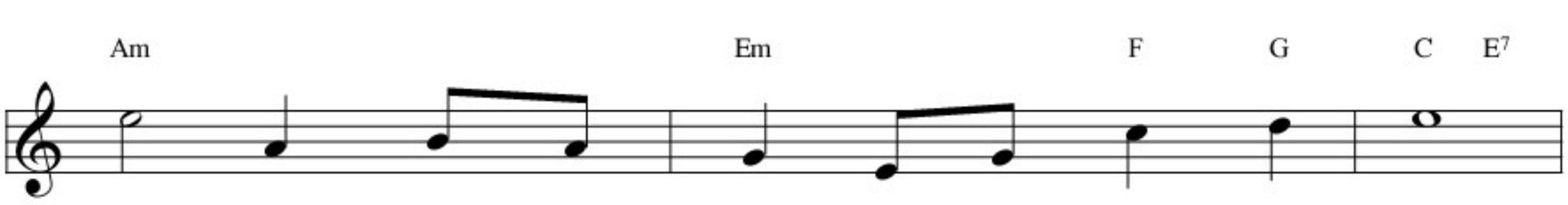

chứa đầy. Những mưu đồ bạo tàn đang ngăn lối.
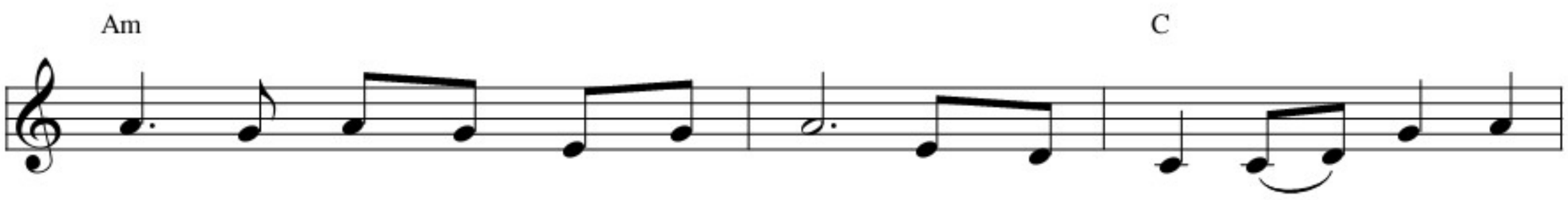
Nhưng càng mưa giông càng vươn tới. Bước chân hùng còn đi rất
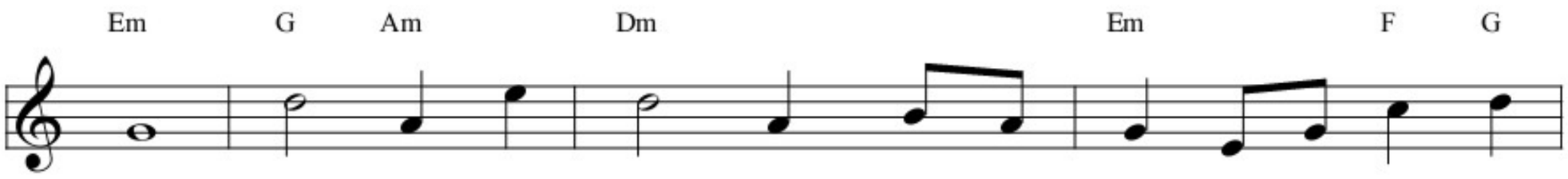
hăng. Đi dựng lấy huy hoàng. Giống da vàng này là vua đấu
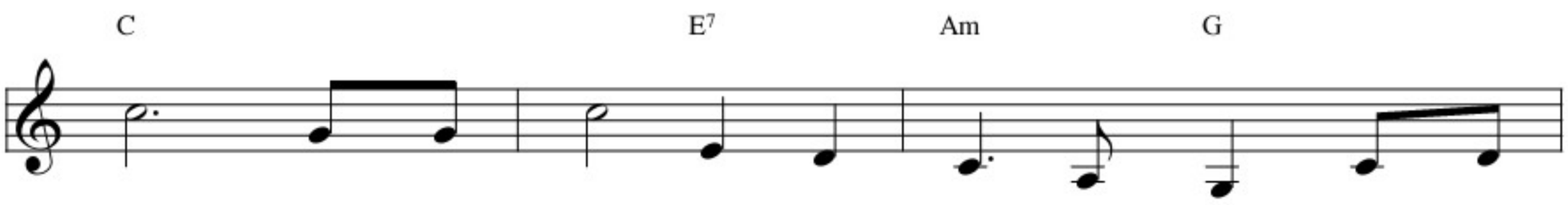
tranh. Đường của ta đưa ta về thanh bình. Đường an
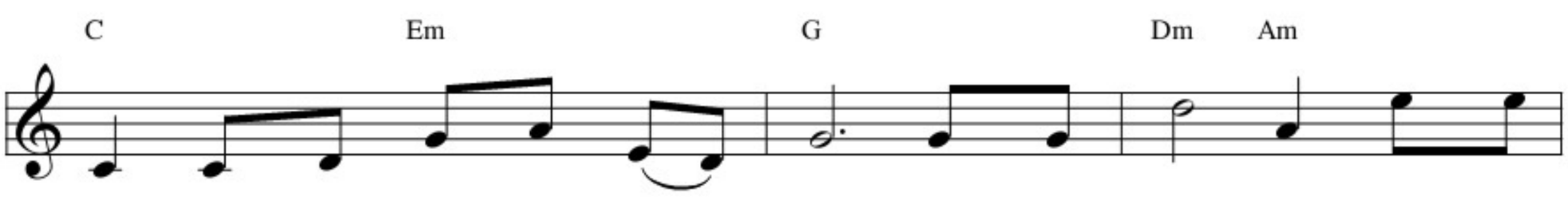
lành đường thảnh thơi những ngày vui. Đường Việt Nam mời những bước
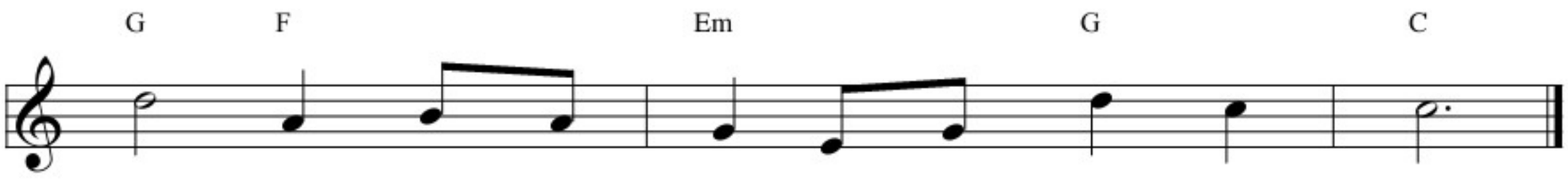
chân rời. Sát nhau lại vì đường vẫn còn dài.

■ *Hồi ký chiến trường*

Lữ Đoàn 147: Từ một cuộc di tản chiến thuật 1975

■ *Mũ xanh Phạm Văn Tiền K20*

LTG: Bài viết này xin dành tặng các chiến hữu TQLC, những người vì nhiều lý do đã không hiện diện tại mặt trận phía Bắc vùng đất trách nhiệm của SĐ/TQLC vào những ngày cuối cùng tháng 3 năm 1975 buồn thảm. Tôi kể lại những gì mắt thấy tai nghe về những đau thương, mất mát, cay đắng, nghiệt ngã của cuộc lui binh lịch sử ngoài khả năng hiểu biết của một người lính mà sự khổ đau, thua thiệt chịu đựng quá nhiều, còn niềm hy vọng sống còn chỉ là điều hiếm mọn ít oi.

Đầu tháng 3 năm 1975, CS Bắc Việt dốc toàn lực lượng tấn công hầu cưỡng chiếm toàn bộ miền Nam. Bình Long, An Lộc thất thủ. Thị xã Ban Mê Thuột sau đó cũng bị bỏ ngõ hoàn toàn với sự rút quân ồ ạt như nước vỡ bờ của Quân Đoàn 2 về Nha Trang và nhiều nơi khác. Trong khi đó phòng tuyến phòng thủ phía Bắc do SĐ/TQLC đảm trách vẫn còn là một vùng đất yên tĩnh trong sự cẩn thận, dè dặt chờ đợi lẫn nhau. Sau sự phối hợp nhịp nhàng của 2 SĐ Tổng Trừ Bị thiện chiến nhất là

Nhảy Dù và TQLC, với thế đánh gọng kìm liên tục từ 2 phía Đông Tây, đã buộc địch phải tháo chạy với nhiều tổn thất nặng nề, bằng chiến thắng tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị ngày 14/9/72. SĐ Nhảy Dù được điều động về mặt trận Đức Dục, Quảng Nam. SĐ/TQLC ở lại chịu trách nhiệm trên một tuyến khá rộng trải dài từ bờ biển Đông sang tận những mỏm núi tận cùng phía Tây thuộc dải Trường Sơn, qua các vùng Mỹ Thủy, Long Quang, Bích La, Triệu Phong, Nam sông Thạch Hãn, Như Lệ, Tích Tường, La Vang, Động Ông Đô, Barbara, Anne, Cổ Bi, Hiền Sĩ, Thanh Tân, Lồ Ồ... Liên Đoàn 911 và các đại đội biệt lập ĐPQ Tiểu Khu Quảng Trị được đặt dưới quyền điều động của BTL/SĐ/TQLC hành quân trong việc phòng thủ này. Mặc dù là đơn vị được giao nhiệm vụ phòng thủ, nhưng SĐ/TQLC vẫn luôn chứng tỏ khả năng cơ động tấn công tận sào huyệt địch, như cuộc đổ bộ vượt sông Thạch Hãn của TĐ6/TQLC vào tháng 10 năm 72, cuộc hành quân thần tốc tái chiếm cửa Việt tháng 1 năm 1973 trước giờ ngưng bắn có hiệu lực của Hiệp Định Paris và đặc biệt Lữ Đoàn 258 TQLC đã hạ một tàu vận tải lớn tiếp tế địch đang mon men ngoài khơi bờ biển Mỹ Thủy tháng 6 năm 1973. Ngược lại, địch quân chưa có lần nào dám liều lĩnh tấn công vào các đơn vị TQLC. Có chăng chỉ là những hành động phá hoại lén lút, đặc công, giật mìn lẻ tẻ trên các trục lộ giao thông tiếp tế. Phải nói rằng đây là phòng tuyến phòng thủ vững chắc nhất, thừa sức ngăn chận mọi cuộc xâm lăng từ phương Bắc xuống của CS Bắc Việt.

Do tình hình xáo trộn chung của đất nước và vì nhu cầu đòi hỏi cấp bách của chiến trường lúc này, Bộ TTM/QLVNCH đã quyết định điều động phần lớn các lực lượng TQLC về Nam gồm các LĐ-258, LĐ-369 và LĐ-486 vừa mới được thành lập. LĐ-147 do Đại Tá Nguyễn Thế Lương chỉ huy gồm các Tiểu Đoàn 3, 4, 5, TĐ Pháo Binh, 2 Đại Đội Viễn Thám và Tiểu Đoàn 7/TQLC thuộc Lực Lượng Đặc Nhiệm Tango do Đại Tá Tư Lệnh Phó trực tiếp chỉ huy đang nằm sẵn trên các tuyến. Thay vào lỗ hổng to lớn

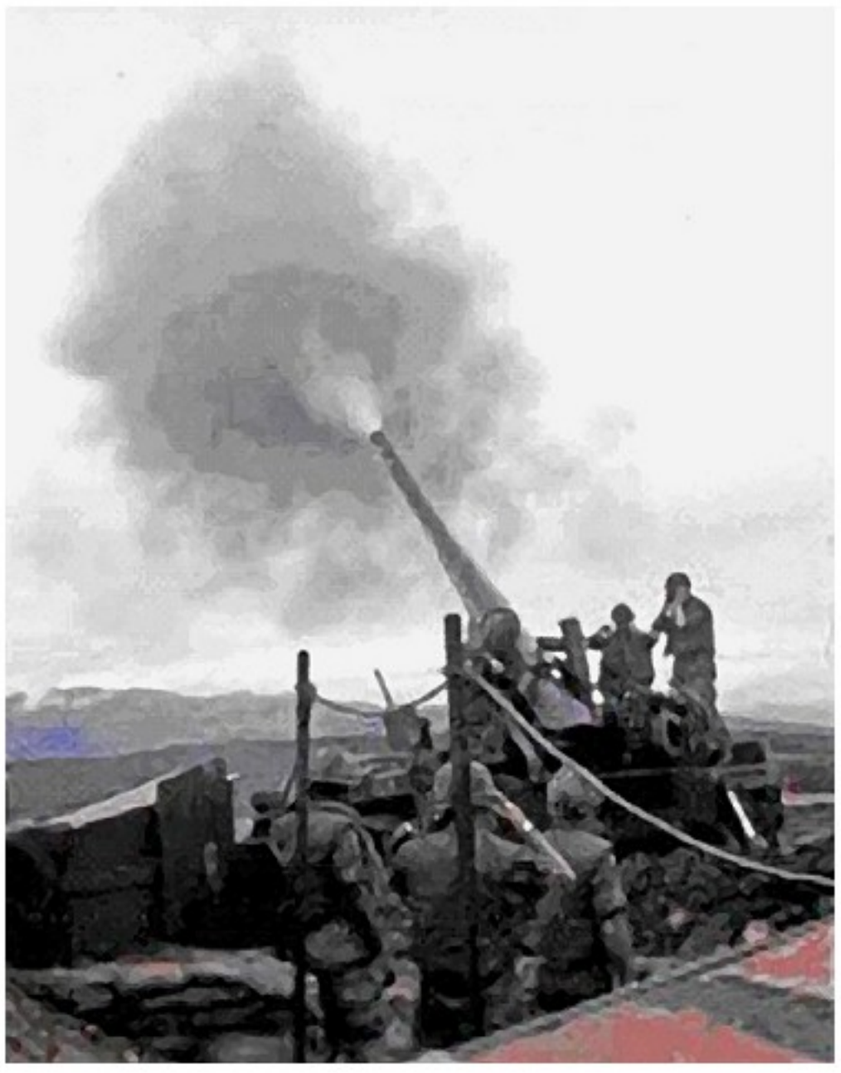

trên là 2 Liên Đoàn BĐQ với trang bị quân số thiếu hụt. Đây là khởi điểm cho tất cả sự bỏ ngỏ sau này ở mật trận Bắc Quảng Trị. Mãi đến chiều tối ngày 7/3/1975, địch bắt đầu mở cuộc tấn công đầu tiên thật mãnh liệt vào một trung đội tiền đồn tại đồi 51 thuộc căn cứ Tư Tưởng, hướng Tây Quốc Lộ 1, cây số 23. Đơn vị này được chỉ huy bởi Trung Úy Sàng ĐĐP/ĐĐ1 Tiểu Đoàn 4 TQLC đã chiến đấu thật can cường, đẩy lui nhiều đợt xung phong biển người của địch. Lần liên lạc sau cùng qua máy PRC-25 vào lúc 4 giờ sáng, anh đã yêu cầu pháo binh chụp thẳng trên đầu mình vì vị trí bị địch tràn ngập. Anh đã tử thương sau đó trong cuộc cận chiến bằng lựu đạn với kẻ thù. Sáng sớm ngày 9/3/75, Thiếu Tá Trần Ngọc Toàn, TĐT/TĐ4/TQLC điều động toàn bộ lực lượng còn lại, nhờ có sự yểm trợ thật chính xác của các phi vụ A-37 thuộc không lực vùng I chiến thuật, ta đã hoàn toàn làm chủ tình hình. Xác địch nằm ngổn ngang trong các bãi mìn của hàng rào phòng thủ, một số đồng bọn khác đang lẩn tránh trong các bụi rậm bị ta bắt sống. Cũng cùng trong đêm đó, tại một nơi khác, Tiểu Đoàn 121/ĐPQ Tiểu Khu Quảng Trị đã tóm nguyên trung đội địch khi chúng tìm cách tiến về hướng quận Hương Điền.

Ngày 22/3/75, đoàn xe tiếp tế cuối cùng của đơn vị rời hậu trạm Mang Cá, Huế, vào vùng hành quân. Chúng tôi được biết hầu hết dân chúng đã di tản vào Đà Nẵng và hậu trạm cũng được BTL/SĐ mang tất cả trang thiết bị về cửa biển Thuận An chờ lệnh. Tôi chỉ thị cho các đại đội thu gọn lại các trang bị và phải gấp rút di tản các thương bệnh binh đi theo chuyến tiếp tế này. Ngày 23/3/75 vào lúc 3 giờ chiều, sau khi đồng loạt pháo kích dữ dội vào tất cả các vị trí, địch từ thượng lưu sông Bồ, xung phong tấn công vào

các tuyến của ĐĐ2/TĐ5/TQLC. Vì quá bất ngờ và thiếu cảnh giác nên 2 trung đội tận cùng cánh trái của đại đội này bị bung tuyến. Tôi liên lạc với Đại Úy Trần Văn Loan ĐĐT hãy cố gắng gom con cái lại và chỉnh đốn đội hình, đồng thời báo cáo tình hình này về BCH Lữ Đoàn. Đại Tá LĐT ra lệnh là phải bằng bất cứ giá nào cũng phải chiếm lại vị trí vừa mất. Chấp nhận mọi hy sinh thiệt hại, ĐĐ4 của Đại Úy Nguyễn Văn Hai được tăng cường và đã hoàn tất nhiệm vụ vào lúc 6 giờ sáng ngày 24/3/75. Cũng trong thời gian này, hầu hết tất cả các đơn vị Biệt Động Quân, Địa Phương Quân tự động rã ngũ bỏ tuyến phòng thủ Bắc Quảng Trị kéo về Huế thật hỗn độn. Thị xã Quảng Trị coi như bị bỏ ngỏ hoàn toàn. Tiểu Đoàn 4/TQLC được điều động về làm nút chặn tại phía Nam cầu An Lỗ. TĐ7/TQLC trấn dọc sông Mỹ Chánh từ cầu Vân Trình ra biển Đông, phòng tuyến cao nhất phiá Bắc của miền Nam.

Khoảng 4 giờ chiều cùng ngày, nhận được lệnh về tham dự cuộc họp khẩn cấp tại BCH/LĐ, Đại Tá Lương, LĐT, cho chúng tôi biết rõ tình hình tổng quát và nhiệm vụ phải thi hành đêm nay là một cuộc di tản chiến thuật cho tất cả các lực lượng về cửa biển Thuận An, vùng đất từ Bắc đèo Hải Vân trở ra rồi sẽ lọt vào tay địch.... Cũng như thành phố Quảng Trị bị vất bỏ một cách vô tội vào sáng hôm nay khi mới chỉ có một vài loạt pháo kích lẻ tẻ đâu đó. Thế là hết, còn gì đâu hào quang chiến thắng *"Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu vừa chiếm lại đêm qua bằng máu"* máu của hàng vạn đồng bào, máu của hàng vạn đồng bào, máu của chiến hữu nằm xuống cho vùng đất hồi sinh và ngay bây giờ, từ tối nay, Huế cũng sẽ chịu chung số phận. Cố đô đầy niềm kiêu hãnh tự hào dân tộc rồi sẽ bị nhuộm đỏ bởi lũ người khát máu CS. Hàng trăm nấm mồ chôn sống

tập thể còn đó, máu xương mồ hôi nước mắt của bao chiến sĩ QLVNCH còn đây trong lời thề quyết tử bảo vệ cố đô Mậu Thân 1968. Còn đâu nữa những ngày tháng vàng son nhất của người lính chiến nơi tuyến đầu lửa đạn lúc nào cũng hùng dũng hiên ngang. Có nỗi đau nào hơn niềm tủi nhục của người lính bại trận?!

Việc cần thiết trước nhất là phải làm sao bảo đảm được đơn vị rút lui một cách trọn vẹn, an toàn hầu đủ sức chịu đựng một cuộc dạ hành trên đoạn đường dài gần 30 km. Thiếu Tá Ngô Thành Hữu - Tiểu Đoàn Phó - và Đại Úy

Giang Văn Nhân - Ban 3 - đang chờ đợi tại BCH tiểu đoàn. Chúng tôi cùng đồng ý với nhau bằng một cuộc lui binh trong bí mật, bất ngờ. Tất cả vũ khí nặng, cồng kềnh như 90 ly, súng cối 81 ly, hỏa tiển TOW chống chiến xa, đạn dược và những trang bị nặng nề được lệnh phá hủy tại chỗ hay ném xuống dòng sông. Đại Đội 1 của Đại Úy Hồ Văn Chạnh đóng chốt từ xa được di chuyển trước, chúng tôi không xử dụng đoạn đường quen thuộc hàng ngày, phải băng qua một xóm nhỏ để đến cây số 17 cầu An Lỗ mà là dọc con đường sắt xuôi Nam, rồi sau đó sẽ đổi hướng về quốc lộ 1 khi các đại đội đã bám sát được với nhau. Đã có chừng cả trăm người lính đủ mọi binh chủng, không còn đơn vị đang tụ tập vây quanh 4 chiến xa M48 nằm chơ vơ giữa lộ, nòng súng chĩa thẳng về hướng quân thù, bình thản cười nói vui vẻ như đang tham dự một cuộc dạ hành ngoài trời. Đến trường trung học Hương Trà nằm sát lề Đông quốc lộ, tiểu đoàn dừng lại để kiểm điểm quân số và củng cố lại đội hình. May mà trong tay chúng tôi còn 1 xe Jeep hành quân, cứ thế chạy lên, chạy xuống để "tha" những người lính bết bát, trễ nải sau cùng. Điều tưởng như không ngờ, thế mà đã xảy ra một cách thật tội nghiệp cho trung đội Nghĩa Quân

quận Hương Trà, tập họp và bị bỏ quên tại đây chờ lệnh thượng cấp từ mấy ngày nay. Người trung đội trưởng già đến xin tháp tùng cùng chúng tôi. Vài chiếc xe M41 nữa cũng bắt đầu nổ máy rầm rộ tiến giữa đoàn quân. Nhiều đám đông dân chúng hòa lẫn hoặc nối đuôi phía sau họ ra đi từ chợ Cạn, Hội Yên, Vân Trình, Hải Lăng, Mỹ Chánh... từ ngày hôm qua hay sớm hôm nay vì không còn gì để hy vọng vào sự bảo vệ của người lính chúng tôi. Tiếng khóc than vang vọng thấu trời xanh. Họ, những kẻ bất hạnh, còn lại sau cùng đang lê lết từng bước một lần mò tìm "tự do" vì một cuộc chủ nghĩa CS bạo tàn. Vài cụ già chống gậy, các trẻ thơ vô tội kia rồi sẽ ra sao? Liệu có còn đủ sức hay phải kiệt hơi ngã quỵ dọc đường?

Rời ngã ba An Hòa rẽ phải tiến về Huế, thành phố bỏ ngỏ tối tăm rải rác còn lại vài bóng bên đường. Nhiều vết lửa tung tóe lên bầu trời u tối do những trái sáng được ném từ các toán lính tan hàng mất đơn vị chẳng biết phải làm gì. Súng vẫn nổ lẹt đẹt đó đây hòa lẫn tiếng chó tru vọng ra từ các căn nhà vắng chủ. Phú Văn Lâu vẫn nằm đây bên bờ sông Hương, nhưng còn đâu bóng dáng các con đò quen thuộc hàng ngày. Tiểu đoàn bắt đầu tiến quân qua chiếc cầu đúc mới xây bên dưới bến bờ Nam dòng sông, rồi từ đó quẹo trái về Đông, hướng ra biển. Tôi cho xe dừng lại ở phía bên này cầu, chờ đợi cho hết người lính sau cùng. Cảm thấy khá an tâm và một chút hãnh diện về những binh sĩ thuộc quyền, tất cả đều can đảm, hy sinh chịu đựng và luôn tuân lệnh cấp chỉ huy ngay trong những giờ phút nguy hiểm nhất như lúc này. Tôi không nhớ là bao nhiêu lần mình đã nhân danh thẩm quyền để mà ra lệnh cho thuộc cấp xung phong vào chỗ chết. Với 12 năm trong cuộc đời binh nghiệp, con số này chắc không ít lắm đâu! Dĩ nhiên là cấp chỉ huy nhỏ, tôi cũng chỉ là kẻ truyền và kiểm soát lệnh và cá nhân mình cũng bị xoay quanh trong các vòng lẩn quẩn ấy! Vài con gió mạnh thổi từ mặt biển vào, cũng nơi đây cây cầu, dòng sông một thời kỷ niệm, tôi bỗng cảm thấy luyến tiếc thèm khát tìm gặp lại một vài nơi chốn quen thuộc lần cuối

may ra hình ảnh cũ để nhớ người xưa! Cho tài xế lùi xe lại tiến về hướng Đại Lộ Trần Hưng Đạo và dự định theo cầu Trường Tiền cũ qua sông. Đường trống vắng chẳng có một chiếc xe nào lai vãng, xa xa trong bóng tối chập chờn, lác đác vài bóng người. Tôi bắt đầu cảm thấy ớn lạnh. Bây giờ ngoài đơn vị TQLC ra, các đơn vị khác chẳng còn gì nữa để mà phân biệt lẫn nhau, quả thật chẳng còn tình nghĩa gì ràng buộc, nếu có ai đó nổi hứng "bóp cò".

Có lệnh cho tôi tiến về phía trước để gặp Đại Bàng Long Mỹ (Đại tá LĐT), ông giao cho một xấp bản đồ và thay đổi lộ trình về phía phà Tân Mỹ, đoạn đường từ đầu thôn Vỹ Dạ về cửa biển Thuận An không thể nào nhúc nhích nổi, nhiều dòng người di tản cùng các đơn vị tan hàng đổ về đây với không biết bao nhiêu xe cộ. Thượng Sĩ Thương,

Thường Vụ Tiểu Đoàn, chẳng biết từ đâu mang về vài két bia 33, có lẽ từ khách sạn Hương Giang bỏ trống. Anh nói với tôi:

- Nhậu đi Đại Bàng, đang buồn ngủ mà gặp chiếu manh.

- Thôi nhanh lên mà đi ông ơi! Non nước này mà còn nhậu với nhẹt.

Từ hướng quán cơm Âm Phủ, một người đàn ông già trạc 60 tuổi tìm đến phàn nàn về một số lính vào đập phá, lục lạo nhà của ông ta.

- Coi chừng Việt Cộng đó Đại Bàng.

Thử hỏi ai mà biết được ai trong thời buổi tranh tối, tranh sáng này, ngay cả toán lính đập phá kia, có điều tại sao trong hoàn cảnh như thế này mà ông ta là kẻ dửng dưng như vậy! Qua khỏi cầu Đập Đá một quãng nữa, bắt đầu rẽ phải vào con đường đất. Thôn Vỹ Dạ chìm đắm trong màn đêm u tịch, đó đây leo lét nhiều ngọn đèn dầu từ khắp các miếu thờ, vết tích vàng son của một thời vua chúa. Chó càng lúc càng sủa vang bên những khu vườn trống vắng,

đoàn quân vẫn tiến đều. Đến khúc lộ bị hư, đành phải vất bỏ xe lại dọc đường.

- Phá hủy xe đi ông thầy.

- Không cần, mình đang di chuyển, không nên gây tiếng nổ.

Lẩm bẩm trong miệng, Liên, tài xế mò vào túi quần lấy ra con dao, cắt hết tất cả dây trong đầu máy xe và quăng bình điện vào một bụi rậm gần đó. Anh cũng không quên hốt thật nhiều cát bỏ vào bình xăng và nói:

- Ai ngu để cho lũ ác ôn sử dụng, mình không dùng, phá hư luôn...

Đến tờ mờ sáng thì toàn thể đơn vị đã có mặt bên này Phá Tam Giang mênh mông, niềm vui rạng rỡ trên mặt mọi người. Phải mất thêm 3 tiếng đồng hồ nữa mới đến được bờ bên kia sát biển bằng một số "ghe gọ" của dân còn lại ở xóm chài. Từ lâu mới có một ngày nắng đẹp như hôm nay, bầu trời trong xanh với nhiều tia nắng long lanh chiếu vào mặt biển. Gió vi vu vừa để mơn trớn các con sóng vỗ ì ạch vào bờ. Không còn gì thích bằng ngồi đây, dưới bóng râm của hàng dương xanh thẩm, trên đồi cát, hướng mắt về đại dương bao la, nơi đó nhấp nhô nhiều con tàu như người tình mơn trớn hứa hẹn. Ăn vội ít cơm ở bao gạo sấy còn lại, trong chớp mắt chập chờn, tiếng la khóc, than van còn mãi ám ảnh trong trí tôi trên đường rút chạy sáng hôm nay. Cuộc đời khổ đến thế là cùng! Tỉnh giấc khi có lệnh cho đơn vị chuẩn bị ra bãi bốc để lên tàu. Đó là khoảng 2 giờ ngày 25/3/75. Cả Lữ Đoàn tập họp trên bãi cát trắng xóa theo thứ tự sẵn sàng như một cuộc hành quân đổ bộ ngày nào. Đâu phải chỉ việc sắp hàng chờ lệnh lên tàu là xong, địch đã rượt theo ta đêm hôm qua, đã mò sát phía sau chúng tôi sáng hôm nay. Địch đã có mặt bên kia bờ phà, địch đã trà trộn trong đoàn quân. Theo lệnh của mặt trời Papazulu nào đó (Tướng Lâm Quang Thi, TLP/QĐ1!!!), chiếc HQ-801 dành riêng cho TQLC đã chực sẵn cách bờ khoảng 50m. Nhưng đâu phải chỉ có chúng tôi cần sống, còn dân chúng, những người lính mất đơn vị hỗn độn kia, họ cũng cần cứu

vớt như chúng tôi, mà chẳng ai có kế hoạch gì riêng để giúp đỡ họ. Trong cơn quẫn bách này, không ai cần nghĩ đến ai, chà đạp tranh giành nhau mà sống, mạnh được yếu thua, khi con rắn đã mất đầu chỉ còn lại cái đuôi tha hồ mà ngóc nguẩy. Như sức bật của các lò xo, tất cả ùa nhau mà ra tàu, người không biết lội ôm sát người biết bơi, ngụp lặn với tử thần trong sóng nước, vài chiếc xe M-113 lội nước ủi tới đè kên, tiếng rên la gào thét. Một cơn sóng nhồi lên, hai cơn sóng đập xuống, những cái đầu lô nhô, nhiều thân hình chìm lỉm, mất hút trong khi con tàu vẫn nổ máy đợi chờ. Địch đã vượt Phá Tân Mỹ, đã có mặt ở cái miếu trên đồi cát đầu làng. Địch đã bắt sống một số lính trễ nải phía sau, địch bắt đầu pháo rải rác khắp nơi trên mặt biển.

Bãi bốc đã không còn an ninh mà trật tự cũng chẳng có. Con tàu đành bất lực rời bến. Để được an toàn hơn, Lữ Đoàn quyết định dời bãi bốc về hướng Nam và bằng đủ mọi cách phải tách rời đám đông hỗn loạn kia hầu dễ dàng đối phó với tình hình mới. Dọc theo mé nước đầy rẫy xác người, những bộ mặt nhợt nhạt, bất động, ngừng thở theo cơn sóng biển dập vùi, có lạ, có quen. Người dễ nhận ra nhất là Đại Úy Ân, ĐĐT/ĐPQ Tiểu Khu Quảng Trị.

Chúng tôi đã di tản chiến thuật bằng con đường máu ở mặt trận Hạ Lào 1971, đã rời bỏ Đông Hà, Quảng Trị dọc đại lộ kinh hoàng mùa hè đỏ lửa năm 1972. Với sự nguy hiểm cùng cực nhưng tinh thần đâu có quá tuyệt vọng như bây giờ vì dù sao cũng còn chút gì để hy vọng ở đoàn quân tiếp tế phiá sau. Còn ở đây rơi vào tình thế vô cùng tuyệt vọng. Cả nguyên lữ đoàn có hơn 3000 quân, tiến thoái lưỡng nan trong cái túi càn khôn chỉ vỏn vẹn 4 km2, đang giơ lưng chịu trận. Tàu chiến Hải Quân QLVNCH vẫn trương cờ lảng vảng ngoài khơi, nhưng các khẩu đại bác đâu rồi?! Niềm hy vọng mong manh còn nhen nhóm là sẽ được tàu vào đón, nhưng sẽ ưu tiên theo thứ tự nào? Đơn vị nào sẽ phải nằm lại chịu trận và làm vật hy sinh sau cùng?

Bóng chiều bắt đầu trải dài trên bãi cát trắng xóa mênh mông để báo hiệu màn đêm buông xuống. Lữ Đoàn quyết

định rải quân phòng thủ. TĐ4 và 7 phụ trách mặt trận Tây, TĐ3 phía Nam, TĐ5 chúng tôi phía Bắc. Đại Úy Tô Thanh Chiêu, ĐĐT/ĐĐ2, và Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam TĐP/TĐ4/TQLC đã hy sinh trong giờ phút thứ 25 này cùng một loạt đạn của tên du kích hèn nhát bắn lén trong khi làm nhiệm vụ điều động quân rải tuyến. Điều đáng thương tâm nhất là hai người vừa mới lập gia đình và cả hai bà vợ đang mang thai. Cái chết thật quái ác, tình cờ bởi bàn tay oan nghiệt của tạo hóa. Định mệnh!

Tin từ BCH/LĐ cho biết là tàu sẽ vào đón đêm nay hay trễ nhất là sáng sớm ngày mai theo thứ tự như sau: BCH/LĐ, TĐ2PB, TĐ4, TĐ3, TĐ5, TĐ7...Đúng theo sự suy nghĩ dự đoán của chúng tôi, lẽ dĩ nhiên các đơn vị tan hàng hay bị sứt mẻ không còn khả năng chiến đấu thì ưu tiên mang họ đi càng sớm càng tốt để không làm vướng bận các đơn vị còn lại. Nhưng cả BCH/LĐ đi hết thì ai sẽ là người chỉ huy chúng tôi. Điều này thật cần thiết và quan trọng nhất. Cái thứ tự di chuyển mà không một binh thư nào viết ra hoặc chúng tôi chưa hề áp dụng trước đây.

Qua ánh trăng mờ ảo, dòng người bị bỏ lại ban chiều đang ồ ạt kéo về tuyến phòng thủ. Không còn cách gì hơn là phải chận họ lại nằm sát phòng tuyến trong tầm bảo vệ hỏa lực để khỏi làm xáo trộn cho sự điều động chỉ huy của quân bạn bên trong. Súng vẫn nổ đều khắp nơi và chẳng có con tàu nào cập bến. Trăng vẫn lên cao, khuya dần. Cùng lúc, vài tốp người xé lẻ, hèn nhát tách bến rã ngũ ra khơi.

Rạng sáng ngày 26/3/75, khi ánh bình minh vừa ló dạng ở phương Đông thì con tàu cùng thủy thủ đoàn cũng bắt đầu tiếp tục nhiệm vụ, ủi thẳng vào bờ theo sự điều động của BCH. Đã có chuẩn bị sắp xếp từ trước, nên việc di chuyển lần này tương đối trật tự hơn. Ưu tiên vẫn là BCH/LĐ và các

thương phế binh từ các đơn vị mang đến. Địch thừa thắng xông lên cố ra sức đánh vào đầu chúng tôi những đòn thù chí tử. Đây là điều nghiệt ngã nhất của chiến tranh, có vay có trả. Chúng tôi đã diệt gọn nguyên Trung Đoàn 48 địch một cách không thương tiếc khi quét sạch chúng ra khỏi hang ổ cuối cùng tại cổ thành Quảng Trị. Những vòng sắt oan nghiệt của đoàn chiến xa M48 và M41 đã nghiền nát vô số lính CS Bắc Việt, sinh Bắc tử Nam, qua các dãy địa đạo ngầm trong hầm khi tấn công tiến vào cửa Việt.

Pháo địch càng lúc càng mãnh liệt hơn và chiếc tàu nằm chình ình giữa biển khơi vẫn là mục tiêu tốt nhất để chúng điều chỉnh tác xạ ngắn, dài.... Một cục lửa, hai cục lửa, rồi quá nhiều cục lửa của loại hỏa tiễn tầm nhiệt AT3 rải rác đó đây. Có cái rớt ngay dòng người di tản ngụp lặn theo sóng nước. Có cái trúng thẳng vào thân tàu. Con tàu tròng trành nhổ neo tách bến. Để bớt căng thẳng, tôi chui ra khỏi hố trú ẩn làm một vùng quanh tuyến. Những vệt sáng của lằn đạn đạo thẳng cùng nhiều quả đạn pháo kích đan chéo nhau vi vút trong gió biển. Các khẩu súng cối 60 ly và phóng lựu M79 của ta đáp lễ cầm chừng, không khả năng nhiều lắm nhưng cũng để chứng minh rằng "vẫn đang có ta đây". Dọc theo mé nước sát biển, thầy trò Thiếu Tá Võ Đằng Phương, TĐT/TĐ2/PB/TQLC, Đại Úy Lê Tự Hào cùng một vài người lính đang gấp rút sử dụng các mũ sắt của mình để cào cào moi hố. Họ là những người sau cùng bị sót lại khi hầu hết đơn vị mình đã được lên tàu.

- 207 đây 416 gọi. Anh ở lại 'take care' con cái.

- Vâng! Nhận rõ 416!

207 là biệt hiệu của Thiếu Tá Phạm Cang TĐT/TĐ7/TQLC, người thâm niên và giỏi nhất trong đoàn bạn tôi. Còn 416 là danh xưng của Trung Tá Nguyễn Đằng Tống LĐP/LĐ147.

Nắng chiều nhạt dần, sóng biển rì rào và bờ cát lại trống vắng đến lạnh lùng, không còn một bóng người lai vãng, họ đang chiến đấu ở tuyến đầu, họ tránh núp đạn dưới hố sâu, họ hối tiếc, thèm thuồng về một con tàu khác. Các

đại đội lại thêm một số bị thương, lại thêm vài người chết nữa. Đạn dược, lương thực cạn dần trong khi chúng tôi cố hết sức giữ vững tinh thần binh sĩ bằng cách liên lạc máy thường xuyên với các đại đội. Cảm giác bị vất bỏ bắt đầu nhen nhúm trong ý nghĩ mình, nhưng tôi vẫn chưa dám tin rằng điều này có thật, vì nếu như vậy thì còn thể thống gì đến quân đội và tổ quốc mà biết bao người đã hết lòng yêu thương và phục vụ. Mò mẫm vào cuốn đặc lệnh truyền tin, tôi vặn máy qua tần số BTL/SĐ đang ở đâu trên đèo Hải Vân, với trạm liên lạc chuyển tiếp giữa Huế và Đà Nẵng. Người tiếp tôi là Đ/U Đan, tùy viên tư lệnh:

- Đại Dương, cho tôi xin gặp Lạng Sơn (biệt danh của Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh SĐ/TQLC).

- Lạng Sơn đang bận lắm. Có gì ông anh nói, tôi sẽ chuyển.

- Nhờ Đại Dương trình với Lạng Sơn cho chúng tôi lệnh kế tiếp.

- Ở đây cũng đang lu bù lắm, không ai có thể giúp gì được cho ông anh. Tốt hơn hết là self-service. Good luck ông anh!

Mặt mày tối tăm, xây xẩm, thất vọng, tôi ném ống liên hợp xuống cát... self service... có nghĩa là tự lực cánh sinh, tùy cơ ứng biến, có thể là mạnh ai nấy lo, có thể là tan hàng!

Khoảng quá xế trưa, mặt trời Papazulu lại xuất hiện bằng một giọng thật đanh thép, ông ra lệnh cho một chiếc HQ khác, bằng bất cứ giá nào cũng phải bốc tiếp chúng tôi. Con tàu lại tách sóng hướng thẳng vào bờ phiá Bắc tuyến phòng thủ chừng 200m. Lần này, TĐ4 sẽ lên tàu dưới sự sắp xếp chỉ huy của Thiếu Tá Đinh Long Thành, tân TĐT của đơn vị này. Bất kể là đơn vị nào, bất cứ là ưu tiên cho ai, thật nhiều đám người từ mọi hướng đổ ập về đây tràn xuống như thác lũ. Con tàu quá tải tròng trành trên mặt nước, chân vịt ngưng quay nằm bất động vì máy đã hỏng

rồi! Lại thêm một đêm nữa rồi sẽ đến với tình thế mỗi lúc một tồi tệ hơn. Phải quyết định ngay bây giờ, nhưng giải quyết bằng cách nào đây? Tôi gọi HS1 Lê Hồng Quảng Nam, người cận vệ thân tín nhất đến, sau khi đã cạo nhẵn bộ râu quai nón của mình, chính nhờ nó mà tôi đã ăn nên làm ra trong đời binh nghiệp và được giấy phép của bộ TTM cấp hẳn hòi với lý do: "uy tín cấp chỉ huy".

- Anh chuẩn bị cho tôi một ít nước uống và vài gạo sấy để phòng thân.

Nam do dự mếu máo:

- Ông thầy đừng bỏ tụi em, có gì cho tụi em theo với. Thuận, Thành hai hiệu thính viên cũng oà lên khóc.

- Yên trí, thầy trò mình sẽ sống chết có nhau mà.

Đầu óc tôi cứ mãi bị ám ảnh bởi lời đề nghị của Đại Úy Đan là ông anh nên "self service". Nhưng chuyện này cũng có 5, 7 cách khác nhau. Hãy tìm một vài người lính thật khỏe mạnh, bơi nhà nghề, mà phải là dân chuyên đi biển ở Nha Trang hay Phan Thiết, mò vào nhà dân hay dọc theo mé nước, tìm sẵn một chiếc ghọ thật tốt, chuẩn bị sẵn sàng, thừa nước đục thả câu sẽ cùng bỏ trốn như loài chuột. Nhưng cũng chẳng phải dễ dàng lắm đâu! Chúng tôi sẽ bị bắn chết bởi đồng đội trước khi nạp mình cho bầy cá mập, hay là tuyên bố hoạch toẹt rõ ràng, đơn vị tan hàng, mạnh ai nấy lo, đâu phải lỗi ở mình. Điều này quá trắng trở và trắng trợn, chẳng còn tình nghĩa gì. Nếu còn sống làm sao dám nhìn lại mặt nhau như Hai Chồn, Pake, Loan Mắt Nhung, Chanh Trọc, Ba Ngành, các ĐĐT lương đen lì lợm, nhậu rượu như uống nước mà đánh giặc rất chí tình. Tôi liên lạc máy với Thiếu Tá Cang TĐT/TĐ7 cùng Thiếu Tá Sử TĐT/TĐ3, chúng tôi cùng đồng ý với nhau là

chẳng còn cách nào khác hơn, mở đường máu xuôi Nam về cửa biển Tư Hiền còn nước, còn tát.

Nói là mở đường máu chứ thực ra chỉ là cách thối thác cho một sự tan hàng, đường về bít bối, vì nếu có trầy da tróc vẩy đến nơi thì cũng chỉ là vùng trời mây nước mênh mông, ngồi đó chờ nộp thịt cho chằng. Di chuyển cũng theo thứ tự lớp lang, nhưng đội hình chẳng còn. Sức mòn, lực kiệt, súng cầm tay, tinh thần đã mất, đạn dược cũng không, cứ nhắm mắt nhắm mũi mà chạy 1, 2, 3, 4... 1, 2, 3, 4 *"đường trường xa con chó nó tha con mèo"* càng xa địch bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nhiều tiếng nổ chát chúa phía sau, của địch thì ít mà của ta thì nhiều. Những người lính bị thương không còn khả năng theo kịp đoàn quân, bò lết lại với nhau, bung chốt lựu đạn nổ để "thà chết vinh, còn hơn sống nhục". Đứa con đầu của TĐ3 Sói Biển đang bị một đại đội du kích chận lại, phía trước ùa về, ở sau đụng tới, vô vọng, tuyệt vọng, chưa bao giờ tôi cảm thấy thèm sự sống bằng lúc này, miệng luôn luôn lẩm bẩm xin Phật Trời giá hộ *"cùng tắc biến, biến tắc thông"*.

Nhóm chúng tôi gồm 5 người tấp vào xóm dân chài, hy vọng sẽ được giúp đỡ bởi tình quân dân cá nước ngày nào, nhưng hiện tại quân đã tan thì tình cũng chẳng còn, mặc dầu đã cố gắng nài nỉ hết sức kể cả tiền bạc thuê mướn, nhưng họ đã từ chối thẳng thừng. Chủ nghe là gã trung niên lực lưỡng, mặt rỗ hoa mè chắc là VC nằm vùng hay du kích gì đó. Thôi thì "tam thập lục kế", kê súng vào đầu là thượng sách nhất. Đây là lần thứ hai tôi chạy giặc, lúc nhỏ vào lúc 5 tuổi theo mẹ trốn vào rẫy, mỗi lần "mới sớm mai thằng Tây nó bố vào rừng ta quyết trốn". Và bây giờ sau 26 năm khi đã trưởng thành trong quân ngũ... vẫn còn súng đạn trong tay cùng những chiến hữu bạn bè, tôi phải chạy trốn giặc cộng, thằng chủ nghe đang ngồi với tôi bây giờ là một tên VC chín rõ mười mươi, hắn phá máy cho ghe ngừng, hắn làm dấu chỉ điểm mỗi lần kề sát ghe địch. Nhân (B3), Ngọc (B2) đã làm thịt tại chỗ, tôi ngăn không cho, chuyện gì rồi cũng phải tính đường về, nếu nhỡ thì sao!

Chỉ vỏn vẹn mấy ngày phù du mà bao điều biến đổi dồn dập bất ngờ, không biết số phận của tôi và bao nhiêu người khác nữa rồi sẽ ra sao khi ánh bình minh của một ngày mới xuất hiện, hy vọng sống còn chỉ là việc hiếm mọn nhỏ nhoi trong cái chết xảy đến mới là điều chắc chắn. Tờ mờ sáng hôm sau, sau khi đã cạn hết nhiên liệu, chiếc ghe đành nằm chênh vênh trên mặt nước mênh mông vùng Tư Hiền, giữa rừng cờ giặc. Xa xa là những dãy núi chập chờn xanh thẳm của đỉnh đèo Hải Vân như réo gọi, mời mọc, thèm thuồng, tiếc rẻ. Và như số phận đã an bài, nhưng rồi cũng có lúc *"chí tuy còn mong tiến bước mà sức không kham nổi đoạn đường dài, sự nghiệp bao năm đeo đuổi thôi cũng đành gián đoạn từ đây bởi đâu? do đâu? vì đâu?"*

Giã từ vũ khí, ném súng xuống dòng sông định mệnh, ngồi chờ địch đến, đổi đời lịch sử sang trang. Chúng tôi bị trói tay lùa lên bờ. Chúng tôi bị "giải phóng" tất cả quần áo, đồng hồ, dây chuyền, đồ đạc. Một vài người bị dẫn đi xử bắn dã man. Chúng tôi bị xỉ vả, đấu tố làm tay sai cho đế quốc. Chúng tôi không còn là chúng tôi nữa chỉ vì chúng tôi là chiến sĩ QLVNCH bảo vệ miền Nam tự do, bị bỏ rơi lại phía sau thề sống chết thủy chung và chiến đấu hết mình. Cuộc đời tù đầy của vài ngàn quân cũng bắt đầu từ cái ngày đáng nhớ ấy... 27/3/75 tại một địa danh nhỏ, hẻo lánh, quen thuộc: ***thôn Vĩnh Lộc, Thừa Thiên, Huế*** ngay trên tổ quốc thân yêu của chúng tôi.

Mũ Xanh Phạm Văn Tiền K20

Sinh Hoạt Tổ Chức Đại Hội 17

Cựu SVSQ Tsu A Cầu K29

Cùng chung trách nhiệm

Chiều hôm qua nhận được Đa Hiệu 89, phải khen "bạn hiền" chủ bút LĐTrí K29 rất có sáng kiến khi đã thêm vào vài tấm hình thật ý nghĩa cho hai bài viết "khô khan". Đặc biệt là loạt bài về Đại Hội 17 tại Nam California. Cám ơn BTS/ĐH và HVB/BCL đã "gói ghém tin tức" gởi đi khắp "bốn phương trời". Đặc biệt, BTS/ĐH đã yểm trợ phần phí tổn về in, ấn và tem thư gởi gần 3000 thư mời. Rất mong quý NT và các Bạn sẽ tích cực ghi danh tham dự và yểm trợ tài chánh càng sớm càng tốt khi nhận được thư mời để "ấm lòng... chiến sĩ".

Hôm nay lại được biết là đã có sự yểm trợ tích cực của Tổng Đoàn TTN/ĐH qua công tác gởi thư mời ĐH17, chúng tôi thở phào "nhẹ nhỏm" vì đây là công tác "nhiêu khê" không kém gì gởi đặc san Đa Hiệu. Sự dấn thân của "nhóm tuổi trẻ" đã giúp "nhóm tuổi già" cảm thấy khỏe re. Các Cô Chú Bác Nam Cali có lời cám ơn và trân quý tinh thần phục vụ của Tổng Đoàn TTN/ĐH qua công tác này.

BTC/ĐH16 đã đi qua cây cầu mà BTC/ĐH17 đang đi, kinh nghiệm tổ chức đang được HVB/BCL dùng lại một cách tự nguyện và thực tiễn khiến chúng tôi rất khâm phục. Chúc HVB/BCL sẽ giải quyết được những "dị biệt, hiểu lầm hay gì gì đó" để chúng ta cùng nhau "đằng trước... bước" trong những công tác sắp đến.

Thay mặt BTC/ ĐH17, cám ơn HVB/BCL, BTS/ĐH và TĐ/TTN/ĐH một lần nữa. Chúng ta, "trẻ" cũng như "già",

sẽ "cùng chung trách nhiệm" tổ chức ĐH17.

Khóa 29 chưa đóng tiền!

Hôm trước một NT Khóa 19 than phiền là K29 chắc ỷ có nhiều "chức sắc" nên lè phè trong việc đóng tiền yểm trợ ĐH17! Nghe xong mới giật mình nên vội vàng xem lại bảng tổng kết ĐH17. Đúng thế, không phải chỉ K29 mà còn vài khóa khác nữa nên cũng đỡ ngượng! Còn riêng Hội và cựu SVSQ thì phần lớn vẫn còn "nhẩn nha đi bộ ngắm hoa"!

Dù sao thì tôi, tư cách cá nhân, cũng lên tiếng trả lời về việc chậm trễ của Khóa 29, còn những khóa khác thì "hồn ai nấy giữ". Trong thời gian qua, khóa 29 đã trải qua nhiều sóng gió nội bộ. Lúc này coi như tạm lắng dịu nhưng chưa hoàn toàn ổn định! Vì vậy, Thủ qũy Khóa 29 đang gặp trở ngại "thu" tiền đóng góp từ anh em trong khóa! Khi quý vị đọc được bài này, hy vọng khóa 29 đã hoàn thành "nhiệm vụ giao phó". Mong lắm thay.

Nổ nhiều, dính miểng!

Chuyện vui trong lúc "lời qua tiếng lại" khi NT NHMiênK19 kêu gọi BTC/ĐH17 đóng góp theo tinh thần "nếu kêu gọi mọi người yểm trợ thì mình phải làm gương trước". Tôi chọc:

- Hình như NT Miên muốn "làm gương" trước thì phải?

NT Miên nhìn qua NT TVệ K19, "bán cái, đưa cây":

- Đâu dám qua mặt ĐDK của tôi, mời anh Vệ trước...

Một chút im lặng, NT Vệ dõng dạc tuyên bố:

- Hôm tiệc tất niên, tôi hơi "ép" BCH/NCL khi quyết định yểm trợ "một số tiền rất ư là... khiêm nhường" từ K19, nhưng hôm nay tôi đóng $100 thay vì $20 như lời đề nghị của BTC/ĐH17!!!

Cả phòng nhốn nháo vui mừng, vỗ tay tán thưởng rồi quay qua "đối tượng đẩy cây", NT Vệ tiếp:

-Chắc anh Miên cũng theo tôi!

NT Miên vui vẻ yểm trợ $100 và nhìn qua Cầu phán một câu "thương mến":

-Bây giờ đến phiên anh HT phải làm gương, anh làm sao tôi không biết, làm sao coi cho được, đừng làm "mất mặt bầu cua"!

Bị hai NT K19 "dí" váo góc tường, Cầu dõng dạc vì hết lối thoát:

-$100 là chuyện nhỏ, đúng, HT phải làm gương dù đã thất nghiệp hơn 7 năm nay, "cơm nấu của vợ, phở mời của bạn"...

Mọi người chờ đợi như lần HT/HVB/NCL đếm tiền yểm trợ Liên Hội, Cầu tiếp:

-Tôi nhất định phải yểm trợ hơn hai NT K19 của tôi! Tôi xin phép được yểm trợ tiền mặt tại chỗ... $101!

Họp Ban Tổ Chức

Phiên họp tháng Tư của BTC/ĐH17 đã đúc kết một số công tác và bàn luận về một vài đề nghị của quý cựu SVSQ nêu ra trong thời gian qua. Riêng phần tài chánh yểm trợ từ các Khóa rất đáng khâm phục. Mong rằng các Hội địa phương và cựu SVSQ cũng yểm trợ sớm như thế để BTC/ĐH17 "vững một niềm tin" mà yên tâm làm việc, thay vì "vừa làm vừa... run". Nhớ lại trong phiên họp này, vì tài chánh chưa được "sáng sủa" nên BTC/ĐH17 "đề nghị" chi phí cho Tiểu Ban Trang Trí chỉ có $100!! Điều này khiến NT Di K10 "lầm bầm" than phiền bằng "hai con mắt dài mà còn có đuôi". Xin lỗi NT Di, vì chưa nhận được yêu cầu từ quý NT K20 nên đàn em chỉ ghi theo câu "liệu cơm gắp mắm" và hứa sẽ điều chỉnh khi tài chánh dồi dào trong phiên họp sau! Cũng vì tình hình khó khăn chung, nên Tiểu Ban Tiếp Tân sẽ phải chi tiền túi và sẽ được bồi hoàn theo "biên lai". NT Vệ K19 lại "cau mày" than phiền "đã bỏ công, bỏ thời giờ nay lại phải ứng của, thiệt... là phiền hà!!!" NT Vệ đừng có buồn, nói nhỏ mà nghe: "NT Quốc K27 đã ứng trước tiền "deposit" cho khách sạn, $2000, qũy K25 đã cho mượn, $1000, quỹ HVB/NCL ứng trước, $4000, Cầu K29 "chịu trận" tiền phòng họp hai ngày, $1500". Chúng ta cùng chung "trách nhiệm", "cùng hội, cùng thuyền", NT Vệ ơi!!!

Tập dượt văn nghệ

Để chuẩn bị tham dự phần văn nghệ "cây nhà lá vườn", HVB/NCL đã thành lập một ban hợp ca gồm 26 "danh ca" thuộc các khóa: 16, 18, 19, 20, 25, 29, và 30 . Màn nhạc

cảnh "Có Những Người Anh" sẽ do các chị "điều khiển". Các Chị sẽ mặc áo dài như... "nữ sinh còn... trẻ" và yêu cầu các Anh cũng phải là SVSQ còn... trẻ, không được trông giống "những người lính... GÌA... xa quê hương"! Tin hành lang: Quý NT và quý Chị K17 cũng đang ráo riết thực tập "Hàng Hàng Lớp Lớp" để lên tiếng đòi "Trả Ta Sông Núi"...

"Pink slip"!

Tổng kết sơ khởi, sau hơn một tháng viết bài kêu gọi, chưa tới 1/7 số người ghi danh cho dạ tiệc! Rồi không biết là "chê" hay "tội nghiệp" khi bạn bè cùng khóa từ tận quê nhà viết: "...theo dõi trên diễn đàn phe ta về ĐH17, thông điệp thì cứ phát đi mà người hưởng ứng thì buồn như lá rụng mùa...Đông? Cầu ta thì cứ "lắc lẻo" còn người thì cứ lờ qua!" Với kết quả "thê thảm" này chắc Cầu sẽ phải tuyên bố "đầu hàng" trước khi nhận "pink slip"! "PLEASE HELP"!!!

Buồn! Ta buồn ta đi... lang thang, cùng vợ, xem show "Happy Mother's Day" để nếu mai mình... lỡ mất "job" ca ngày thì vẫn còn giữ được "job"... ca đêm.

Vài Nét Sinh Hoạt Võ Bị Nam Cali

Cựu SVSQ Tsu A Cầu K29

Tham dự tiệc gây quỹ

Sau khi được tin Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu sẽ phụ trách công tác gửi thư mời dự ĐH17, HVB/NCL trút bỏ một mối ưu tư và đi tham dự tiệc gây quỹ Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Nam Cali trong một tinh thần liên hoan.

*

Nhà hàng đã chật ních thực khách. Khai mạc phần văn nghệ với bản "Xuất Quân", Võ Bị "chơi nổi" nên chiếm hàng đầu với bông hoa của Liên Hội, NQN Diệu Chi. Sau màn trình diễn, Cầu đến chào bàn Hội H.O. Cứu Trợ TPB, chị Thanh Hà "răn đe":

- Anh Cầu, coi chừng tối nay nằm chèo queo, Ngày Hoàng Sa, hai người núp dưới "một bóng ô" trong cơn mưa "nhè nhẹ", hôm nay lại "say sưa" bên nhau hát "Xuất Quân"!

Chị Hạnh Nhơn gọi Cầu đến bên cạnh, nắm tay và nói:

-Bây giờ chị biết ai viết hội của chị là Hội "HO" trong tiệc Tất Niên Võ Bị rồi, mỗi lần chị bị cảm, bị ho thì chị lại nhớ đến em.

Nghe xong "than phiền", Cầu "dọt" lẹ qua chào tướng Nguyễn Bảo Trị, vị chủ tọa lễ mãn khóa độc nhất vô nhị của TVBQGVN, Lễ Mãn Khoá 28&29 tại Long Thành, ngày 21/4/1975.

*

Bắt đầu phần gây qũy là Hải Ninh, $200, Nhảy Dù, $700, Hải Quân, $750, Biệt Động Quân, $1000... Thấy số tiền yểm trợ càng về sau càng lên cao nên Võ Bị đã nhanh nhẹn "tự giác" lên "đóng tiền" bằng cách đếm từng tờ giấy $10 trước sự quan sát hào hứng của mọi người:

- Hội Võ Bị đóng góp... $300.

Hơi "Ẹ"! Nhưng mọi người vẫn vỗ tay hoan hô không phải vì CỦA cho mà là CÁCH cho!

*

Đang ngồi uống "Coke" cùng hai NT TVệ19 và NHàm25 trong bàn Võ Bị thì bị một anh "mặt đỏ ke" yêu cầu qua "căn cứ" Hải Quân. Bàn HQ có thêm vài anh "tôi chưa biết tên" nhưng như đã quen từ lâu khi được giới thiệu:

-Đây là anh Cầu, HT/VB, đã "xịn" hôm trước.

Rồi anh HT/HQ chỉ một anh "mặt xanh xanh" đang pha rượu:

- Đây là anh "bartender" của Hải Quân, anh sẽ "phục vụ" các "đơn vị trưởng" đêm nay.

Đưa "ly cạn" cho anh "bartender", Cầu nói:

- Xin cho "đầy ly cạn" rồi chúng ta cùng "cạn ly đầy". Dô! Dô! 100% đi mấy... cha! Đứng đó ngó hoài à!

Một đêm vui trọn vẹn vì đã có tài xế "bà xã" sẵn sàng đưa về nhà! Nàng dâu Võ Bị cũng Đa Hiêu không kém, ngoài việc "gắp thức ăn cho chồng khi uống" lại còn "lái xe cho chồng khi say"! Cám ơn em, anh còn nợ em hay em còn nợ... anh, dài, dài!

Tổ chức Ngày Quốc Hận 30/4

Năm nay, Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Nam Cali "dính chấu"

vì "bị" tín nhiệm lần đầu tiên vào chức vụ "Trưởng Ban Tổ Chức Tưởng Niệm 35 Năm Ngày Quốc Hận 30/4". Đọc tên chức vụ "dài tho...òng" là biết có chuyện dài "nhiêu khê". Liên Hội đang gặp một trận "cuồng phong", không biết còn lại gì sau khi "trời quang mây tạnh"!

Cá nhân tôi rất thông cảm hoàn cảnh của những người "đứng mũi chịu sào", người làm thì ít mà người xem thì nhiều. Sau gần hai năm "cầm càng", tôi lại càng thấm thía thế nào là "làm dâu trăm họ"... lại càng tự nhủ "Cầu ơi, mau mau đi nhanh qua cầu, qua cầu rồi thì đừng đi lại cây cầu đã qua, cũng đừng đi qua cây cầu nào nữa cả vì cây cầu nào cũng giống như nhau, cầu nào cũng có người "rung... rinh" và rất dễ bị lọt xuống... xình!"

*

Hôm tham dự biểu tình "Revoke" tại TP Westminster, 21/4/2010, Cầu có tâm sự với một anh Không Quân:

- Hôm nay đồng hương chúng ta đứng chung một nhóm mà lại có quan niêm khác nhau về một đề tài đau thương của cộng đồng tỵ nạn, tháng Tư buồn! Chuyện bất đắc dĩ! Anh nghĩ gì về sự kiện này?

Anh KQ tâm sự:

- Tập thể nào cũng có đối cực, ngay cả quốc gia Hoa Kỳ với hai chính đảng. Không Quân cũng không ngoại lệ, thí dụ vụ tướng NCK, cũng có người ưa, dù bị nhiều người "chê". Quan trọng là chúng ta hành sự trong tinh thần dân chủ.

Đổi đề tài, anh KQ hỏi:

- Ủa, đêm nay anh Cầu không vào phát biểu như những lần trước!

Cầu tiếp lời trong tiếc nuối:

- Không! Dạo này tôi bận lo cho Ông Bà Cụ đang đau yếu. Cũng tốt, chứ xuất hiện nhiều quá lại bị cho là "show-off" thì phiền!

Anh KQ an ủi:

- Tôi thông cảm hoàn cảnh của những người sinh hoạt trong cộng đồng dưới con mắt "khó tính" của những "khán gỉa" cho đó là "bon chen". Buồn cười thiệt, khán gỉa chăm chú theo dõi trận banh, chê bai từng cú đá của các "diễn

viên" cầu thủ nhưng chính cá nhân họ thì chẳng bao giờ "chịu" ra sân cỏ để "biết đá, biết vàng"! Thôi thì hãy tự an ủi là sau trận đấu thì người ta "hoan hô" các "cầu thủ" chứ nào ai nhắc đến khán giả, nhất là những khán giả "đứng coi cọp"! Ngoài ra, anh cũng nên nhớ là còn có rất nhiều khán giả thầm lặng đồng cảm, "có mua vé ngồi" như chúng tôi.

Cầu nhủ thầm "Yes, Sir! Cám ơn sự diễn tả rất "trần truồng" của anh "Không Qu...â...n...`".

*

Đang ăn cơm thì NT TKHuyên K14 gọi lại "khen":

- Anh Cầu ơi, còn phong độ lắm, ăn nói "dõng dạc" như cán bộ TKS!

Mới trở về từ đài VHN/TV, ngạc nhiên vì Cầu đâu ngờ là chương trình "live", mới thâu mà đã có người xem rồi! Xin phép được trích lại phần kêu gọi trong chương trình hội thoại này:

...

Theo tôi thì Ngày Tưởng Niệm có ba mục đích. Thứ nhất là nhớ về quá khứ đau thương 30/4. Thứ hai là suy nghĩ về hiện tại. Thứ ba là cùng nhìn về tương lai. Chúng ta phải làm gì? Đối với Cộng đồng tỵ nạn cộng sản hải ngoại thì chúng ta có tự do, có cơm no, có áo ấm. Nhưng nơi quê nhà, đồng bào vẫn còn chịu sự kềm kẹp của chế độ cộng sản, không tự do, không nhân quyền, không dân chủ. Có người cho rằng chúng ta cũng có thể tưởng niệm ở nhà. Đó là điều tốt, nhưng nếu chúng ta không thể hiện bằng hành động, tập trung tại một địa điểm để cùng chứng tỏ rằng chúng ta cùng một ý, cùng một lòng thì tôi cho đó là điều thiếu sót. Hôm nay chúng tôi mạnh dạn mời gọi quý Niên Trưởng, qúy Chiến Hữu cùng Đồng Hương đến đông đủ ngày mai để cùng thể hiện tinh thần 30/4 của chúng ta.

...

Bây giờ "nước đục đã trong", chuyện "lộn xộn" đã được TP Westminster và đồng hương bỏ phiếu "hổ trợ" bằng cách tham dự rất đông trong đêm tưởng niệm, ngoài sự ước tính của BTC.

■

Ra Mắt Global SRBS-HD Radio

Kính gởi quý Đồng Hương,

Đúng ngày Quốc Hận năm thứ 35 (ngày 30 tháng tư năm 2010), Global SRBS-HD Radio đã "ra mắt" website phát thanh suốt ngày đêm trên mạng lưới toàn cầu. Kính mời quý vị vào computer để nghe thoải mái tại:

http://saigonhdradio.com/

SRBS-HD Radio là 1 Đài Việt Ngữ đầu tiên trên thế giới phát thanh trên làn sóng hiện đại nhất: HD (FM Digital). Đồng thời phát thanh trên mạng lưới điện toán toàn cầu và qua máy thu thanh toàn cầu (Global SRBS-HD Radio, có thể nghe trực tuyến 24/7 các tiết mục hữu ích của Bổn Đài tại bất cứ nơi nào trong & ngoài nước Việt Nam). Đây được coi là một bước tiến vượt bực trong ngành truyền thông của nhân loại ngày nay, mà một nhóm người Việt tại Seattle (Washington) đã may mắn lọt vào sự tiến bộ khoa học kỹ thuật này.

Chúng tôi kính mong quý vị giới thiệu Global SRBS-HD Radio đến với quý thân nhân & thân hữu khắp địa cầu, để họ có thể nghe các chương trình phát thanh suốt ngày đêm qua website "www.saigonhdradio.com" - hoặc bằng máy HD Radio toàn cầu (mà trong một thời gian ngắn nữa, họ có thể "order" qua website chúng tôi).

Kính chúc quý vị & gia đình luôn luôn vui mạnh và vạn sự như ý.

Hội Đồng Quản Trị & toàn thể cộng tác viên, xướng ngôn viên & nhân viên của Global SRBS-HD Radio (The first Vietnamese HD Radio in the world),

Đa tạ sự quan tâm từ quý vị.

P.O.Box 18104 Seattle, WA 98118-0104 USA.

Tel: (206) 722-0231; Fax: (206) 722-9686; Email: srbs.hdradio@gmail.com".

Chủ nhân Global SRBS-HD Radio,
Quốc Nam K22

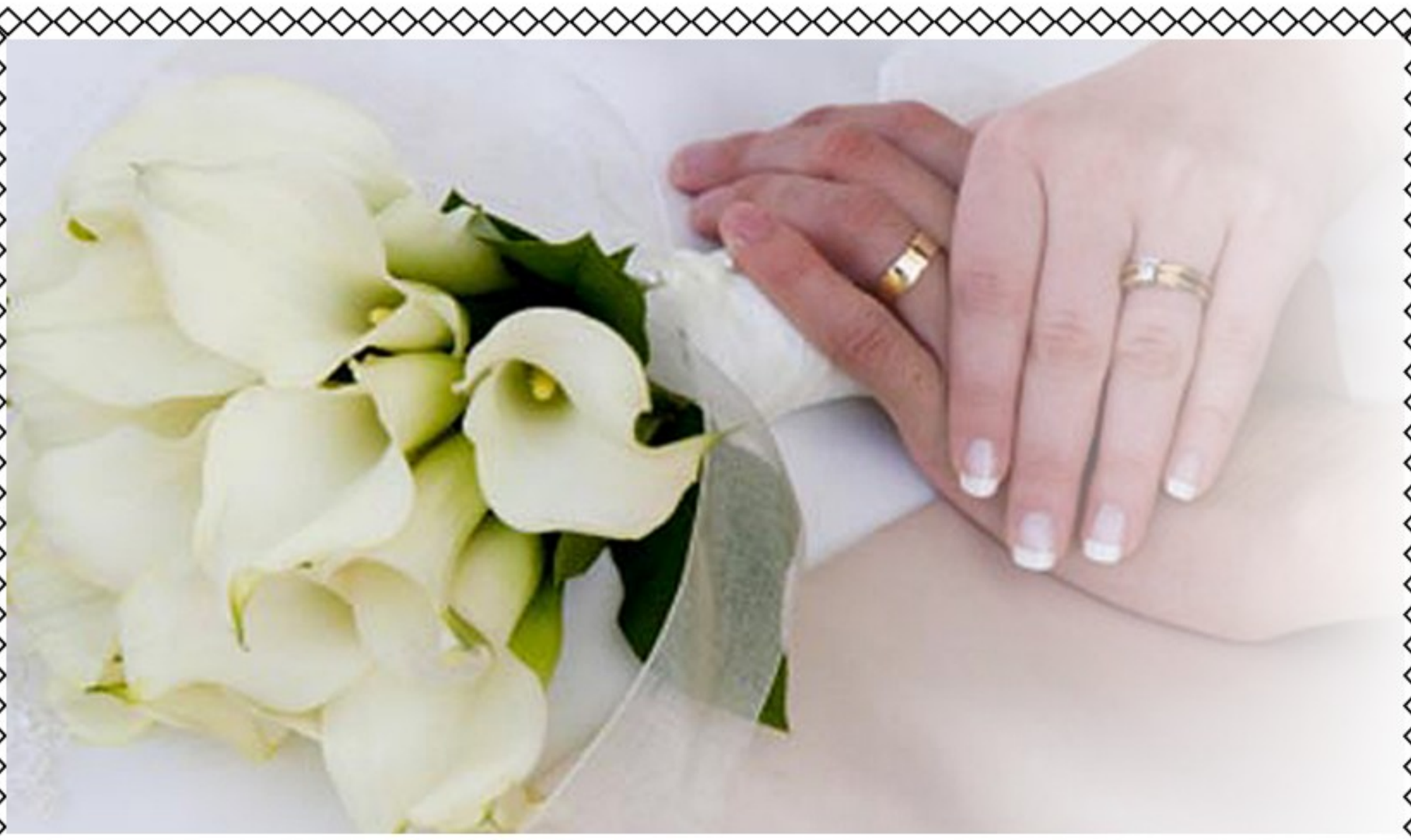

Thiệp Hồng

Nhận được thiệp báo tin lễ thành hôn cho con trai của Cố Đại Tá NGUYỄN HỮU THÔNG, CSVSQ K16 TVBQGVN và Bà Phùng Ngọc Hiếu là cháu:

NGUYỄN PHÙNG QUỐC THÚC

đẹp duyên cùng

TRẦN VIẾT QUỲNH HƯƠNG CHRISTINA

Hôn lễ được cử hành vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, tại Seattle,Washington, Hoa Kỳ.

Chúng tôi toàn thể các bạn Khóa 16 và Gia Đình xin chung vui cùng chị Phùng Ngọc Hiếu.

Cầu chúc hai cháu QUỐC THÚC và QUỲNH HƯƠNG trăm năm HẠNH PHÚC.

Thay mặt các Bạn Khóa 16/TVBQG/VN và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa 16
CSVSQ Trần Khắc Thuyên

Tin Vui

Được tin CSVSQ Trần Trọng Lợi K30 sẽ làm lễ thành hôn cho con trai là:

TRẦN QUANG ĐĂNG

đẹp duyên cùng

NGUYỄN THANH DUNG DELENA

Hôn lễ được cử hành vào ngày thứ Bảy, 17 tháng 7 năm 2010, tại Union City, California, Hoa Kỳ.

Hội Võ Bị Bắc Cali xin chia vui cùng CSVSQ Trần Trọng Lợi cùng gia quyến, và cầu chúc hai cháu

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC.

Ban Chấp Hành HVB/BCL
CSVSQ Trương Thành Minh K28

Tin Vui

Được tin CSVSQ Phạm Văn Pho K31 sẽ làm lễ vu quy cho trưởng nữ là:

PHẠM THÚY VY

sánh duyên cùng

NGUYỄN TRUNG TRỰC

Hôn lễ được cử hành tại Saint Edwards Catholic Church vào lúc 1g30 chiều ngày thứ Bảy, 17 tháng 7 năm 2010, tại Neward, California, Hoa Kỳ.

Hội Võ Bị Bắc Cali xin chia vui cùng CSVSQ Phạm Văn Pho cùng gia quyến, và cầu chúc hai cháu:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC.

Ban Chấp Hành HVB/BCL
CSVSQ Trương Thành Minh K28

Tin Vui

Được tin chị Quả Phụ Hoàng Thúc Kháng, nhũ danh Trương Kim Anh cử hành Lễ Vu Qui cho ái nữ là:

ANN KIM HOÀNG

sánh duyên cùng

AARON BRENT CLARNO

Hôn lễ được cử hành vào thứ Bảy, ngày 8 tháng 5 năm 2010 tại Houston, Texas.

Đại Gia Đình K20 xin chia vui cùng chị Kháng, thương mến chúc hai cháu:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC
SẮC CẦM HÒA HỢP

Lê Tấn Tài K20
Đại Diện Khóa

Được tin bào đệ của CSVSQ Trần Hữu Đức K29 là:

TRẦN HỮU NHÂN, C.M.

thụ phong Linh Mục vào ngày 14/5/2010, tại nhà thờ St. Vincent de Paul, Los Angeles, do Đức Cha Edward Clark, D.D., Giám Mục Phụ Tá Giáo Phận Los Angeles chủ tế.

Gia đình khóa 29 Bắc Cali xin chúc mừng Sister Nicole, bà Cố, và gia đình Trần Hữu Đức.

Nguyện xin Mẹ Maria, thánh cả Giuse và Thiên Thần bản mệnh gìn giữ thầy mỗi phút giây trong suốt hành trình tận hiến.

Khóa 29 BCL

Tin Vui

Được tin Anh Chị Nguyễn Hiền Triết K20 cử hành Lễ Thành Hôn cho Út Nam là cháu:

NGUYỄN HIỀN TÀI

đẹp duyên cùng cô:

SHAQUANNA MARIE LOVE

Hôn lễ được cử hành vào thứ Bảy, 12/6/2010, tại Little Rock, ARKANSAS, Hoa Kỳ.

Đại Gia Đình K20 xin chia vui cùng Anh Chị Triết, thương mến chúc hai cháu Hiền Tài & Marie Love

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC
SẮC CẦM HÒA HỢP

Lê Tấn Tài
Đại Diện K20

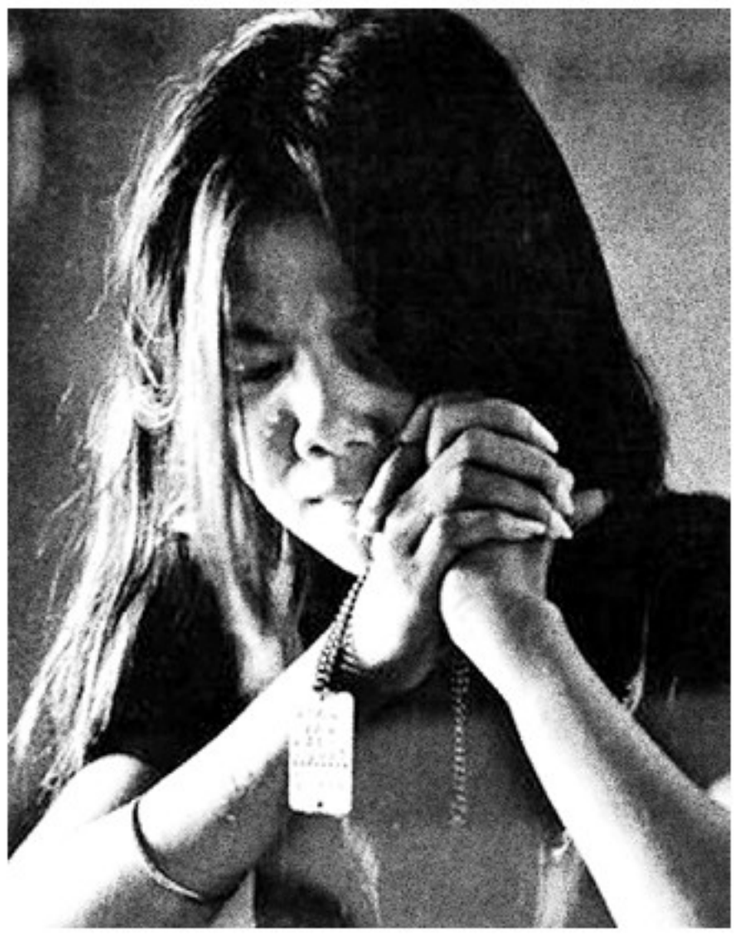

Thương Tiếc
(ảnh NN Hạnh)

■ *tùy bút*

Anh Đi Thật Rồi Sao!

■ *Tô Văn Cấp K19*

(Chuyện tình có thật của chàng sinh viên VB
và cô nữ sinh Bùi Thị Xuân)

Năm 1962, khi vừa học lên lớp Đệ Ngũ thì bố Tuyết-Lê thuyên chuyển từ Tam Kỳ, Quảng Tín vào Đà Lạt nên gia đình cùng di chuyển đến ở một thành phố đẹp, mộng mơ mà cô bé Lê mới chỉ được biết qua tranh ảnh và âm nhạc. Nay, được hít thở không khí của thành phố sương mờ và được theo học trường Bùi Thị Xuân, một trường nữ trung học nổi tiếng vùng cao nguyên thì thật là hạnh phúc. Lê lại may mắn có được mấy nhỏ bạn hàng xóm học cùng lớp nên Lê rất mau chóng hòa nhập vào đời sống mới và ngôi trường mới.

Nhà của Lê và mấy nhỏ bạn nằm trên đỉnh đồi nên hằng ngày Lê và các bạn phải xuôi dốc để đến trường và ngược lên trở về nhà theo con đường vòng quanh đồi thông có những căn nhà xinh xinh với những vườn hoa hồng rực rỡ. Mới đầu leo dốc thì mệt thở ra khói nhưng lâu dần rồi cũng quen và thấy vui, vui nhất là khi canh chừng cho nhau

để một đứa len lén thò tay qua hàng rào của một nhà nào đó để ngắt trộm một nụ hồng nhung trong vườn còn đọng sương sớm, mang hoa vào lớp cắm trên bàn học, cô giáo trông thấy chỉ mỉm cười. Được cô chiều nên trò làm tới, buổi học nào cũng có bông hồng trước mặt, vì vậy một ngày kia gặp nạn.

Sáng hôm đó tới phiên Lê ngắt bông, vừa vươn tay qua hàng rào thì có tiếng chó sủa, mấy nhỏ bạn ù té chạy, Lê vốn dĩ rất sợ chó nên hốt hoảng, lính quýnh chạy theo, bị trượt chân té nhào, sách vở văng tứ tung, đang lui cui lượm thì nghe có tiếng hỏi:

- Em có sao không?

Từ thuở nhỏ Lê đã có tính tinh nghịch như con trai, đối đáp luyến thoắng nên gia đình và bạn bè đặt cho cái tên "cô ba lém", vậy mà nay khi nghe người lạ hỏi thì cô ú ớ không biết trả lời sao, không dám ngước nhìn người đó là ai, mà chỉ biết cắm cúi lượm sách vở bị tung ra! Một lúc sau Lê lại nghe tiếng nói tiếp theo:

- Chết chửa, tay em chảy máu rồi kìa, để tôi giúp cho.

Nghe chảy máu, Lê điếng hồn vội nhìn bàn tay thì mới biết bị té, bị sỏi làm trầy da và đang rướm máu nhưng vì sợ quá nên cô không cảm thấy đau. Thật nhanh, người đó chạy vào trong nhà rồi trở ra, anh ta không cần hỏi ý kiến gì mà cầm đại tay Lê, bôi nước gì vào chỗ trầy da làm cô nữ sinh xót quá rụt tay lại.

- Ráng chịu xót một chút, thuốc sát trùng mà, anh băng cho kẻo bị làm độc.

Bao nhiêu bản tính ngỗ nghịch chạy đi đâu hết! Lê chỉ biết im lặng cúi đầu và để yên tay trong tay cho người xa lạ chữa vết thương. Chừng vài phút sau, Lê cảm thấy bàn tay bớt rát hơn và được buông ra, một giọng nói êm dịu:

- Xong rồi, chúc em mau lành. Chắc em thích hoa hồng lắm phải không? Anh đền em bông hồng nhung đẹp khác, vì tiếng sủa của con Kiki làm em sợ.

Lê lí nhí nói tiếng "cám ơn ông" rồi miễn cưỡng cầm lấy bông hồng và vội vàng bước đi, cô bé chỉ biết đó là

một thanh niên nhưng không dám nhìn mặt "chàng", càng không thể đem bông hồng này vào lớp nên tới chỗ khuất Lê quay lại nhìn và vội giấu nó vào bụi cây bên đường. Mấy nhỏ bạn đứng chờ xa xa nhưng Lê làm mặt giận, đi thẳng tới trường và vào lớp, không ai hay chuyện gì vừa xẩy ra, trừ mấy nhỏ hàng xóm, nhưng chúng thấy Lê giận nên cũng sợ mà im re.

Khôi oai hùng trong bộ quân phục SVSQ Đà Lạt

Từ sau ngày bị nạn, mấy cô nữ sinh thích hoa đành bỏ tật "ta ngắt đi một" bông hồng và khi đi ngang căn nhà có "người ấy" thì vội cúi đầu bước mau. Nhưng niềm vui của các cô thì không giảm mà còn tăng thêm, họ yêu văn thơ lại thêm đa sầu đa cảm kể từ khi bước sang năm đệ ngũ. Cô Thúy và cô Âu Lăng, giáo sư Việt Văn cho đọc và bình giải truyện của Tự Lực Văn Đoàn như Nửa Chừng Xuân, Tắt Lửa, Đôi Bạn v.v.... Lê rất mê đọc truyện Tự Lực Văn Đoàn, mỗi lần đọc đến đoạn nào cảm động là các cô sụt sịt khóc.

Đà Lạt thật đẹp và thơ mộng với những mái nhà như lơ lửng từng mây mỗi buổi sáng sương mờ bao phủ khắp nơi, dưới thung lũng ấp Ánh Sáng, Thái Phiên, thác Cam Ly, trên mặt hồ Xuân Hương, hồ Than Thở khiến những thiếu nữ tuổi trăng tròn đôi lúc cũng thở than, yêu thiên nhiên và mơ một tình yêu, vì thế thỉnh thoảng Lê kín đáo nhìn bàn tay mình bị té hôm nào, tuy đã lành vết sẹo nhưng hình như dấu tay người lạ vẫn còn.

Thành phố sương mù thật hiền hòa nhưng cuối tuần du khách đổ về khiến sinh hoạt náo nhiệt hẳn lên, vui nhất là ngày Chủ Nhật, phố phường tràn ngập những bộ quân phục đẹp mắt trong những thân thể tráng kiện của các sinh viên sĩ quan thuộc trường Chiến Tranh Chính Trị và Võ Bị Quốc Gia mà người dân thường gọi vắn tắt là sinh viên Võ

Bị Đà Lạt.

Chốn dân gian có câu, *"Trai khôn tìm vợ chợ đông, gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân"*, sinh viên sĩ quan không được phép chọn vợ khi đang thụ huấn, nhưng thật hạnh phúc nếu Chủ Nhật được dăm ba giờ phép dạo phố ngắm "hoa" hầu quên đi những hình phạt nhẩy xổm hít đất, tạm xa các huấn luyện viên và sinh viên cán bộ đàn anh mà lúc nào họ cũng muốn phạt đàn em. Với các thiếu nữ Đà Lạt thì dù chưa tới tuổi "tìm chồng" nhưng các nữ sinh vừa độ trăng tròn cũng không khỏi vương vấn mơ mộng một hình bóng nào đó trong các chàng sinh viên sĩ quan ấy nên cũng cùng nhau xuống phố. Nam thanh nữ tú tạo nên một hình ảnh thật đẹp và thanh bình của thành phố Đà Lạt.

Sáng Chúa Nhật nào Lê cũng xin phép bố mẹ để đi chùa cùng các cô bạn hàng xóm, nhưng "vào chùa thấy Bụt muốn tu", mà đang yêu đời thì tu sao được nên các cô sớm giã từ chốn tôn nghiêm để nhập cuộc vui trên phố Hòa Bình, trên sân Cù, dạo quanh bờ hồ Xuân Hương, dừng chân bên vườn Bích Câu, nhà Thủy Tạ v.v.... Nhiều lần họ làm ngơ, tảng lờ như không nghe thấy những tiếng xít xoa "đẹp quá" khi đi ngang các chàng sinh viên sĩ quan. Nhưng cũng có lúc bản tính nghịch ngợm của các cô cũng khiến nhiều chàng lúng túng khi đi một mình, họ cùng nhau hát "lính mới tò te xách que đi đầu" để trêu ghẹo các chàng lính mới mặc quân phục có hai sọc đỏ hai bên ống quần. Lê nhớ mãi cái buổi chiều Chủ Nhật hôm ấy khi cùng các bạn dạo quanh bờ hồ, gần cầu "ông Đạo", thấy một chàng "nai vàng ngơ ngác" đi ngược chiều, mấy nhỏ bạn bèn thách đố Lê:

- Ê cô ba lém, mi có dám làm quen chàng sinh viên kia không, tụi tau bao mi một chầu mì quảng Phan Đình Phùng.

- Sợ chi mà hông dám, tau không cần tụi mi bao mì quảng.

Lỡ mang tên "cô ba lém" lại còn bị bạn khích tướng nên Lê buột miệng nhận lời nhưng khi nhìn người SVSQ đang lại gần thì bụng đánh lô-tô, tiến tới thì mắc cở, lui thì mất mặt nữ nhi, mấy đứa bạn đã lánh đi chỗ khác rồi, còn trơ

lại một mình chưa biết tính sao thì vừa lúc người sinh viên đi tới và khẽ gật đầu và mỉm cười. Thấy chàng ga-lăng, Lê bạo dạn lên tiếng ngay:

- Chào ông, ông có thể giúp em một việc được không?

- Chuyện gì thế cô bé? Nếu việc không khó lắm thì tôi sẵn sàng.

"Xí", người ta lớn thế này mà gọi là "cô bé"! Nghĩ bụng vậy thôi chứ lòng mừng thầm là chàng đã hứa giúp, hơn nữa trông cũng lịch sự dễ thương lại đẹp trai nên Lê không ngại ngùng nói rõ cho chàng biết sự thách thức của đám bạn nghịch ngợm nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò..

- Thưa ông, mấy nhỏ bạn kia thách em hỏi ông khóa mấy và tên gì?

Hỏi xong cô ngước nhìn người SVSQ rồi bẽn lẽn cúi đầu, trở về bản tính nhút nhát cố hữu của bất cứ một thiếu nữ nào mới lớn, nhưng người SVSQ thì nhìn sững cô nữ sinh, ngần ngừ chưa trả lời câu hỏi mà ra chiều suy nghĩ, hình như anh ta đã gặp cô bé này ở đâu rồi. Trong tích tắc, tri nhớ và óc thông minh của chàng SVSQ nhận ra cô bé "ngỗ nghịch" này là ai rồi. Kể từ ngày cầm tay cô băng bó vết thương, anh mong gặp lại "cố nhân" mà chưa có dịp. Đây là lúc may mắn và thuận lợi nhất, nhưng chàng tảng lờ như chưa hề biết nên trả lời:

- Tôi tên Khôi, Nguyễn Đăng Khôi, khóa 19 Võ Bị.

- Cám ơn ông, em sẽ nói cho các bạn em biết là đã hỏi được tên ông.

Nói xong Lê dợm bước quay đi thì Khôi chận lại:

- Khoan đã, cô hỏi tên tôi mà lại không cho tôi biết quý danh của cô thì không công bằng. Hơn nữa nếu cô kể lại tên tôi cho mấy bạn kia nghe thì chắc gì họ tin là cô nói thật? Đã hứa giúp thì tôi phải giúp đến nơi đến chốn. Bây giờ tôi mời cô và mấy cô bạn kia sang bên nhà Thủy Tạ ăn kem, uống café để chứng minh cô đã giữ lời hứa với các bạn.

- Í! Bây giờ thì không được đâu, em phải hỏi ý kiến mấy bạn em trước đã, để khi khác, cám ơn ông.

Nói rồi Lê vội vã đi theo mấy cô bạn nhưng nghe rõ

tiếng Khôi sau lưng:

- Xin tôn trọng quyết định của người đẹp, nhưng tôi mời các cô vào sáng Chúa Nhật tuần sau tại nhà Thủy Tạ, tôi sẽ ngồi chờ từ 9 giờ sáng cho đến tối.

Cô bé tên Tuyết Lê không hề biết người SVSQ vừa nói chuyện với mình là ai, nhưng Khôi thì nhớ mãi cái buổi sáng hôm ấy, khi nghe chó sủa, nhìn qua cửa sổ thấy mấy cô bé bỏ chạy còn một cô đang lui cui lượm sách vở, Khôi vội chạy ra giúp và băng bó vết trầy ở bàn tay cho cô. Lúc đó hình như gia đình cô ta mới dọn về và Khôi cũng đang chờ giấy gọi gia nhập khóa 19 trường Võ Bị. Thời gian trôi qua dễ chừng đã cả năm, Khôi vẫn mong có dịp gặp lại cô bé xinh xắn và tinh nghịch ấy nhưng chưa có dịp, nay niềm vui đến thật bất ngờ. Khôi cười thầm, vừa đi vừa huýt sáo mong sao cho mau tới Chúa Nhật tuần sau.

Y hẹn, Chúa Nhật sau Khôi ra nhà Thủy Tạ bên bờ hồ Xuân Hương ngồi nhâm nhi "giọt đắng" café để tưởng tượng vị ngọt của tình yêu vừa chớm nở, dù cô bé ấy không trả lời nhưng linh cảm cho Khôi biết anh sẽ không bị thất vọng. Nhìn những giọt café đen sánh nhỏ xuống ly nhưng mắt Khôi luôn liếc về phía cầu Ông Đạo, cây cầu nối liền trung tâm thành phố với nhà Thủy Tạ, để mong thấy bóng dáng những tà áo dài với áo len khóac ngoài, nhưng sao hôm nay đồng hồ chạy chậm quá! Mong và đợi làm thời gian như đứng lại, nhưng rồi các cô cũng đến khi Khôi hút đến điếu thuốc thứ 9.

Chuyện gì xẩy ra sau đó thì những ai đã một lần yêu đều biết, "hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng", có duyên với nhau thì dù xa vạn dặm cũng tìm gặp nhau, huống chi Lê và Khôi không chỉ sống cùng một thành phố mà còn chung lối về nên cả hai "thân" với nhau mau chóng, nhưng có điều Lê chưa biết Khôi là người đã cầm tay mình và tặng cô đóa hồng nhung, còn Khôi thì tế nhị nên cứ giữ kín chi tiết này để Lê khỏi ngượng và chờ khi nào tình yêu chín mùi sẽ kể lại để tặng người yêu.

Yêu nhau dù một ngày không gặp đã thấy nhớ, thấy lâu, nhưng kỷ luật quân trường nào dễ đâu! Hẹn em tuần sau nhưng rồi anh bị cấm trại nên đành lỗi hẹn, Chúa Nhật nào dù được phép đi phố nhưng vẫn bị các "thầy" Huỳnh Bửu Sơn, Phan Thanh Trân giữ lại cả buổi sáng để tập cơ bản thao diễn, múa súng! Khôi giận các thầy vô cùng, giận thầy nhớ em khiến chàng bước sai nhịp, tung súng đầu gắn lưỡi lê mà tưởng như lưỡi lê đâm vào ngực! Đại Úy Huỳnh Bửu Sơn và Thiếu Úy Phan Thanh Trân chỉ cho K19 xuất trại sau khi đã tập xong vài màn múa súng! Những giờ phép quý báu bị cắt đầu trừ đuôi, đến khi gặp nhau vừa nói vài câu thì như sắp hết giờ, đã tới lúc phải vào trường! Ôi thời gian không có chân mà sao chạy nhanh thế! Đồng hồ không thiên vị, nhưng vì yêu mà Khôi thấy chờ thì lâu nhưng khi tay trong tay thì đồng hồ chạy như bay. Nhiều lần Khôi muốn ở lại thật khuya, hay ngồi ôm vai em tới sáng, dù cho có bị các ông niên trưởng K17, K18 phạt cũng đáng giá. Nhưng chỉ một lời của Lê, một hơi thở nhẹ bên tai "thôi anh về đi, tuần sau gặp lại" thế là Khôi mềm lòng đứng dậy tạm chia tay.

Thác Prenn hẹn hò: chàng âu yếm ôm vai cô bé tuổi "ô mai"

Thời điểm 1964, sau khi các đàn anh K16, K17 và K18 ra trường hết, K19 được thoải mái và tương đối tự do, vì họ đã là niên trưởng, dù trường có cấm trại hay không thì họ vẫn tìm cách xuất trại "hợp pháp". Vài tháng trước ngày mãn khóa thì những bộ "vét" thay cho quân phục SVSQ, ai có tình yêu thì tự do dung giăng cầm tay mà không sợ bị các con mắt "cú vọ" của đàn anh soi mói, vì nội quy cấm SVSQ cầm tay hay ôm eo người tình dạo phố. Đây là thời điểm huy hoàng nhất đối với Khôi, tình yêu đôi lứa không còn gì đẹp hơn, lãng mạn hơn.

Nhưng với cô bé Lê thì mới chỉ thấy một cảm giác lâng lâng vui vui kèm theo niềm hãnh diện mỗi lần được sánh bước cùng chàng sinh viên sĩ quan Võ Bị Nguyễn Đăng Khôi. Gia đình Lê tuy không khắt khe nhưng cũng không thả lỏng để con rong chơi, Lê là gái duy nhất và là con út nên được cha chiều, còn mẹ thì "săn sóc" hơi kỹ, mẹ giao nhiệm vụ cho mấy anh canh chừng mỗi khi cô đi chơi, vì thế dù quen nhau đã lâu nhưng chưa có cơ hội để Lê cảm nhận được thế nào là tình yêu thực sự của Khôi, và rồi từ một dịp "xui xẻo" đã làm thay đổi tình yêu ấy.

Một buổi trưa Chủ Nhật, Khôi và Lê thả bộ theo quanh bờ hồ và ngồi lại trên ghế đá công viên Bích Câu thì chợt đâu cô nghe tiếng gọi:

- Lê, em làm gì ở đó, em nói đi chùa sao lại ngồi ở đây?

Nghe gọi, Lê giật mình quay lại thì thấy anh Hoàng đang dừng xe ngoài đường, anh chính là người được mẹ giao nhiệm vụ canh chừng cô em. Thường mỗi sáng Chúa Nhật, nhỏ Hiền, bạn cùng xóm, cùng lớp đến rủ Lê đi chùa nên mẹ cô rất hài lòng và cả hai cùng đến chùa thật, nhưng khi có Khôi thì khác, đây là lần đầu anh Hoàng bắt gặp Lê "trốn chùa đi chơi với bồ"! Lúng túng chưa biết trả lời với anh trai ra sao thì Khôi vỗ nhẹ vai Lê và nói:

- Em an tâm, để anh giải thích với anh Hoàng.

Nói rồi Khôi đi thẳng tới chỗ Hoàng, thấy họ bắt tay nhau, nói nhỏ với nhau những gì Lê không biết, chỉ một lát sau, Hoàng đưa tay dứ dứ về phía cô em:

- Anh về mét mẹ à nha.

Thấy anh trai nói "mét mẹ" rồi phóng xe đi khiến cô em mất vui, nhưng khi Khôi quay trở lại mỉm cười thì Lê "quên hết lời anh dặn dò" bèn hỏi nhỏ Khôi:

- Hai người nói gì với nhau vậy? Hai người có quen nhau không?

- Anh nói với Hoàng là anh yêu em, yêu suốt đời, yêu tới chết.

- Xạo hoài, chắc tại Hoàng yêu bộ jaspe' và cặp alfa này.

Đã có lần Lê nghe anh Hoàng nói sau này sẽ đi Võ Bị,

thế nên mọi việc êm xuôi vì tối về không hề thấy mẹ hỏi han gì cả, còn Hoàng thì mỉm cười đòi hối lộ khiến Lê an tâm và cô còn vui hơn khi Hoàng khen Khôi đẹp trai và trông rất oai trong bộ quân phục SVSQ, và hai người có biết nhau sơ sơ.

Kể từ sau ngày bị anh trai bắt gặp Lê theo Khôi, tưởng là xui mà hóa hên, lại thêm vào thời điểm khóa 19 của Khôi làm niên trưởng thì đôi "uyên ương" tự do sánh vai khắp nẻo đường thành phố sương mù mỗi cuối tuần, đôi khi Khôi còn liều mạng nhẩy dù thêm tối thứ Bẩy. Họ rủ nhau đi ăn hủ tíu Nam Vang ở góc đường Tăng Bạt Hổ và dốc Minh Mạng, ngồi café Phi Nhạn, phở Bằng, cháo Như Tĩnh v.v.... Tình tứ hơn thì "ta yêu ta tìm nơi vắng vẻ", họ đi xa hơn, đến Tùng Nghĩa, thác Prenn, Datangla và chính nơi đây, bên dòng thác hoang sơ kín đáo, Lê mới cảm nhận được vị ngọt của nụ hôn tình yêu là thế nào.

Hôm đó Khôi cầm tay Lê vuốt ve những ngón tay búp măng rồi hỏi:

- Những vết sẹo trong lòng bàn tay em lúc trước biến đâu mất rồi?

Lê không nhớ gì cả bèn hỏi lại:

- Những vết sẹo nào hả anh?

- Vết sẹo mà hôm đó mấy con chó sủa làm em bị té đó...

Khôi chưa nói hết câu thì Lê sửng sốt, ngồi ngay lại nhìn thẳng vào Khôi:

- Sao anh biết?

- Em có nhận ra người băng vết thương rồi tặng em đóa hồng nhung....

Lê ngạc nhiên đến độ tròn xoe đôi mắt nhìn thẳng vào mắt Khôi:

- Thế ra là anh, cám ơn anh, nhưng anh nhắc làm em xấu hổ quá....

Vừa nói Lê vừa quàng hai tay qua cổ Khôi định trách móc tiếp nhưng không còn kịp nữa, hai tay Khôi cứng như hai gọng kìm xiết eo Lê nói thật nhanh "yêu anh không" và môi Khôi cũng khóa chặt môi Lê khiến cô bé ú ớ rồi

im lặng, "nói năng chi cũng bằng thừa", họ hôn nhau như chưa bao giờ như thế, vì đó mới thực sự là nụ hôn tình yêu đầu tiên của cô.

Nhưng không phải tình yêu lúc nào cũng ngọt ngào mà không gặp cay đắng. Đó là lần Khôi rủ Lê đi Suối Vàng, cách Đà Lạt khoảng 20km, thuộc huyện Lạc Dương. Hai chữ "suối vàng" khiến Lê rùng mình không dám nói ra điều ghê sợ ấy, mà kín đáo rủ Khôi đi hồ Than Thở. Trên cỏ xanh phủ đều những lá thông, ngồi êm như trên thảm, Khôi chỉ xuống mặt hồ kể cho Lê nghe những kỷ niệm lạnh tê tái khi huấn luyện viên khóa 17 bắt khóa 19 cầm súng đưa lên đầu rồi đi thật chậm, từ chỗ hai người đang ngồi xuống lòng hồ cho tới khi nước vào miệng, vào mũi! "Từng bước từng bước thầm", nước hồ mùa Đông thấm dần qua quần áo, vào da thịt! Nếu có kêu trời lạnh quá! Lạnh quá thì khóa đàn anh nói tập làm quen với lạnh lẽo gió sương của người lính ngoài chiến trường.

Nghe Khôi kể mà thấy thương. Chàng làm cô cũng rùng mình thấy lạnh bèn nép thêm sát vào bên anh rồi bất chợt nũng nịu hỏi Khôi:

- Từ trước tới nay anh đã yêu cô nào chưa?

Đây là một câu hỏi mà bất cứ thiếu nữ nào vừa bước chân tới ngưỡng cửa tình yêu đều hỏi và luôn luôn mong ước câu trả lời phải khẳng định là "chưa", dù rằng anh có yêu bao nhiêu rồi thì cũng cứ nói dối, trong tình yêu có những bí mật không nên bật mí, nói dối để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi. Nhưng Khôi vì yêu thật nên thật thà "khai báo":

- Anh chưa bao giờ yêu ai cả, trừ em, nhưng có lần anh bị yêu. Khi anh còn đi học ngoài Trung, ở trọ một gia đình có cô con gái tên Hương. Một đêm đang ngủ, anh giật mình vì có ai chạm vô người, bừng mắt dậy thì bị cô Hương đè lên anh, anh không chống cự nổi và rồi... rồi sau đó anh không dám trọ nữa.

Nghe xong Lê ôm mặt khóc sướt mướt, với tâm hồn còn trong trắng cô không hiểu hết ý nghĩa câu nói của Khôi "anh không chống cự nổi và rồi..." mà chỉ tưởng tượng có

một cô gái đã nằm bên Khôi là đủ làm tim Lê đau nhói rồi! Lê tự trách mình tại sao lại tò mò đi hỏi những câu chuyện của người lớn? Trách mình rồi thầm trách Khôi "Sao anh ngốc quá vậy, ai bảo anh nói thật làm chi cho em đau khổ! Anh là người thật thà đáng ghét."

Quá đau khổ, Lê lau mắt và đứng dậy im lặng rời chỗ ngồi, dù Khôi có năn nỉ níu kéo giải thích gì đi nữa thì tai người anh yêu vẫn còn ù! Vừa lúc một taxi từ hướng trường Võ Bị chạy trở ra phố, Lê ra đứng chặn đường rồi tự động mở cửa xe trốn vào mà không cần biết trong xe có hành khách hay không. Khôi đứng như trời trồng, nhìn theo taxi cho tới khi nó khuất sau đồi thông rồi chàng vuốt mắt, lắc đầu cho tỉnh cơn mê, lội bộ trở về trường thật sớm. Người Khôi hâm hấp nóng, mệt mỏi như bị cảm, Khôi nói với Trương Khương, bạn cùng phòng:

- Nếu cán bộ có điểm danh, mày nói tao sốt, nằm tại phòng.

Khương quá ngạc nhiên, lẽ ra giờ này "hai đứa" đang tay trong tay, có khi Khôi liều mạng ở lại tới rạng sáng mới trở về trường. Khương hỏi Khôi:

- Chuyện gì vậy, mày và Lê giận nhau hả?

Khôi thuật lại câu chuyện vừa xẩy ra bên bờ hồ Than Thở, Khương vỗ trán:

- Trời ơi! Sao mày thật thà đến thế! Chuyện xảy ra trước khi mày quen Lê thì tại sao nói với người yêu chuyện đó? Mày chẳng hiểu tâm lý phụ nữ cái gì cả, một khi họ hỏi mình về tình yêu trong quá khứ thì cứ nói rằng em là người đầu tiên và duy nhất, họ muốn mình nói thế mà. Mày không nghe "sư phụ" Huỳnh Văn Phú dạy tụi mình à? Nếu có bị vợ hay người yêu hỏi về người phụ nữ nào khác thì phải nói là không biết, không nghe, không thấy. Nếu có bị bắt tại trận cũng chối, bị nắm tận tay cũng giật ra mà chối. Mày liệu mà đi tìm Lê để năn nỉ, đừng có nằm đó mà bịnh luôn đấy, bịnh tương tư khó chữa lắm.

Đêm ấy Khương không thấy Khôi nhúc nhích hay trở mình, sáng ra kèn báo thức tập họp chạy bộ cũng không

thấy nó dậy, Khương vội vén màn, tung mền thì mới biết.... Khương mỉn cười "Thằng quỷ sứ". Chạy bộ xong về phòng thì đã thấy Khôi chỉnh tề trong quân phục tác chiến, cầm sổ chuẩn bị đi khai bệnh.

Càng thương thì càng giận, mà càng giận thì lại càng thương hơn, Khôi và Lê đã cùng tìm lại được niềm tin nhau sau đêm Khôi trốn đi phố ấy. Nhiều lần tâm sự cùng nhau, cùng mong sao cho lâu tới ngày mãn khóa, được làm SVSQ ở lại trường, thế mới biết tình yêu là trên hết. Nhớ lại ngày mới nhập học, sau 8 tuần lễ hành xác, đoạn đường trước mắt còn tới 4 năm! Eo ơi! Tưởng như dài 40 năm, nhưng rồi cả khóa 19 reo hò vui mừng khôn xiết khi chương trình huấn luyện rút xuống còn 2 năm, bây giờ có tình yêu bên cạnh thì Khôi lại mong chương trình dài thêm 4 năm, 8 năm. Nhưng thời gian không chờ đợi ai, họ nắm tay nhau hồi hộp đếm từng ngày, K19 sắp tới ngày xuống núi, tung cánh chim khắp bốn phương.

SVSQ đa tài: "cầm kỳ thi hoạ" chẳng kém ai.

Ngày 28 tháng 11 năm 1964, gần 400 SVSQ khóa 19 quỳ xuống vũ đình trường Lê Lợi để nhận cấp bậc tốt nghiệp và khi đứng dậy đã là các tân sĩ quan, trong đó có Nguyễn Đăng Khôi. Các thiếu úy tốt nghiệp trường VBQGVN sau hai năm trui rèn trong lò luyện thép trên đồi 1515 sẵn sàng lên đường. Tất cả khóa 19 đều ra chiến trường, không có đơn vị chuyên môn như khóa đàn anh. Sau khi một số bốc thăm đi các binh chủng, số còn lại thì tự chọn các sư đoàn Bộ Binh.

Hết 15 ngày phép, bạn bè và Lê tiễn chân Khôi ra phi trường Liên Khương để về trình diện SĐ2/BB! Trên đường đi đến phi trường, Khôi ôm Lê, cầm tay em vuốt ve tràn đầy yêu thương, an ủi em đừng buồn, anh hứa sẽ viết thơ về cho em ngay sau khi đến đơn vị. Lê chỉ biết nép sát vào Khôi như rút hơi ấm từ anh, miệng dạ dạ mà không biết nói gì với Khôi, dù rằng có cả ngàn lời thương yêu muốn nói với anh. Cô nhủ lòng nhất định không khóc để khỏi làm nhụt trí người trai nhưng không hiểu sao nước mắt cứ ứa ra! Mong con đường dài thêm để được nép bên anh phút nào hay phút đó, nhưng rồi xe vẫn đến phi trường, mọi người xuống kéo theo hành lý cho Khôi, vì tay Khôi còn bận nắm tay em.

Thủ tục đã xong, mọi người đứng vây quanh Khôi, chỉ chờ loa phóng thanh gọi tên anh nữa là xong. Khôi ôm vai người yêu vỗ nhè nhẹ, hình như anh cũng đã cạn lời nên vẫn chỉ lập lại mãi một câu "Đừng buồn, anh yêu em, anh sẽ viết thư cho em ngay khi đến đơn vị". Giây phút chia tay đã đến, họ gọi tên Khôi trên loa phóng thanh, Khôi vội ôm Lê hôn giã từ, nụ hôn kéo dài, loa phóng thanh lại réo tên anh lần nữa, bạn bè giục anh, Khôi chần chừ buông Lê ra và chạy vội lên cầu thang, dừng lại tại cửa máy bay vẫy tay giã biệt!

Chân tay Lê cứng đơ, em chỉ biết cố mở thật to đôi mắt để thu hình Khôi, muốn ghi hình ảnh anh vào tận cùng tâm trí, nhưng sao hình Khôi cứ mờ dần, mờ dần, cô mở to mắt nhưng không thấy gì nữa, đưa tay vuốt mặt mới biết mình khóc và bất chợt kêu thầm đau khổ:

"Khôi ơi! Anh đi thật rồi sao!"

Phi cơ bay đi lâu rồi mà Lê vẫn còn đứng đó, đứng như một tượng gỗ! Lộc, một bạn thân của Khôi đến vỗ vai cô và an ủi:

Thôi ta về đi em, đừng buồn nữa, nó sẽ viết thư ngay cho em mà.

Suốt trên đường về, đầu óc Lê hoàn toàn tê liệt, cô cắn môi im lặng để khỏi bật ra tiếng khóc. Đến khu Hòa Bình, cả nhóm vào Café Tùng, nhưng cô thì như kẻ mất hồn,

không biết mình nghĩ gì và làm gì nữa, chỉ có một cảm xúc thật rõ ràng là mất mát, mất một cái gì thật to lớn và quý giá: *"Anh đi thật rồi sao?"*

Mọi người gọi café, Lê chưa bao giờ biết uống café nhưng cô cũng gọi đại một ly café đen như dân ghiền sành điệu uống không đường, dường như cô muốn nếm thử vị đắng của café so với điều cay đắng xót xa vừa đến như thế nào. Thực sự thì Lê không biết mình nghĩ gì làm gì giữa đám đông bạn bè này, mọi khi vẫn có Khôi, giờ thì cô đau đớn với cô đơn rồi bật khóc nức nở!!! Mới chỉ là một cô bé mới lớn, chưa là một "cô gái" nên mọi cảm xúc thật ngây thơ trong trắng, chỉ biết yêu và mong được nhìn thấy người mình yêu, được ôm trong vòng tay, có anh bên cạnh là đủ, nhưng "giờ này anh ở đâu?!"

Những ngày tháng sau đó Lê càng buồn them. "Người đi một nửa hồn tôi mất, một nửa hồn kia bỗng dại khờ", vào lớp không tập trung tư tưởng, lơ là việc học hành, mỗi khi có thể được là cô lại lang thang đến nhà Lộc, nơi còn đầy ắp những kỷ niệm, hình bóng và mồ hôi quân trường của Khôi, nơi mà mỗi khi Khôi và anh Khương trốn đi phố thường đến đây và ở lại, cô đến để tìm chút hương yêu ngày cũ còn vương đâu đó, đến để nghe Lộc nói về Khôi, đến để than thở và được khóc, nhưng quan trọng nhất là để chờ đợi được cầm lá thư của anh từ chiến trường gửi về. Mong sớm nhận được thư tình ngọt ngào, được nhõng nhẽo, dỗi hờn.

Thế nhưng! Chờ và chờ, ngày qua ngày, chờ đợi trong vô vọng, không một tin tức nào từ Khôi! Gần hai tháng rồi, gần như ngày nào Lê cũng đến nhà Lộc, địa chỉ nhận thư, để chờ mong và khóc. Lê có đến nơi Khôi ở trước khi gia nhập Võ Bị, thì được biết Khôi chỉ tạm trú ở đó một thời gian, sau này ít liên lạc nên họ cũng không biết tin tức gì cả. Thấy Lê như mất hồn, Lộc cũng hoảng, bèn đề nghị đi xuống Nha Trang tìm Trương Khương để dò hỏi tin tức, may ra....

Lộc và Lê đến nhà Khương vào mồng 4 tết nguyên đán, sau khi chúc tết gia đình Khương xong, Lộc hỏi Khương:

- Mày có tin tức gì về Khôi không? Lê nó mất tinh thần rồi kia kìa.

- Không, tao tưởng tụi nó...!

Hiểu được tâm trạng của Lê nên Lộc và Khương không dám nói đến những sự nguy hiểm bất ngờ ngoài chiến trường mà xoay quanh chuyện bạn bè, sẽ dò hỏi xem có ai nhận được thư của Khôi không. Bất ngờ Khương hỏi thăm Lộc về người yêu của hắn hiện đang học ở Saigon:

- Thế còn Đinh Lệ Mỹ thì sao?

- Vẫn viết thư cho Mỹ. Lộc nói.

Đang theo dõi hai người "nhỏ to" về tin tức của Khôi thì Lê thoáng nghe "Vẫn viết thư cho Mỹ" xen vào, trong lúc bất an hoảng loạn, cô tưởng lầm rằng Khôi vẫn viết thư cho Mỹ! Thế là cô gập người đau đớn vô tận, cả một bầu trời sụp đổ. Cô bật khóc nức nở khiến ai cũng ngạc nhiên, rồi mọi người an ủi vỗ về. Biết khóc như thế trong nhà Khương ngày đầu năm là điều tối kỵ nên Lê cắn môi cho tiếng khóc không bật ra mà chỉ còn nấc nghẹn trong họng và Lê cũng không dám thổ lộ lý do khiến cô khóc, cô xin lỗi gia đình anh Khương rồi cùng Lộc ra xe.

Trở về Đà Lạt với mặc cảm bị bỏ rơi, như tờ giấy trắng bị đổ mực, vấy chàm, không làm sao Lê có thể gột bỏ được cái tên "Đinh Lệ Mỹ" ra khỏi đầu khiến cô ngày càng thêm tự ái, uất ức nhưng không biết làm gì hơn là khóc và khóc trong vòng tay Lài, cô bạn thân thiết cùng lớp, để Lài chia xẻ những đớn đau và an ủi. Chính trong lúc bất an và tự ái, Lê đã tuyên bố với Lài và bạn bè:

19 tuổi "thiếu phụ ngây thơ"

"Tình yêu của tao đã chết rồi! Tao sẽ lấy bất cứ người đàn ông nào đến hỏi tao lần đầu tiên".

Thế rồi năm tháng trôi qua, Lê tiếp tục kiếp sống "tật nguyền", chán nản buông trôi mặc cho dòng đời đưa đẩy,

không nhắc đến chữ "Khôi" nữa. Thực ra Lê cố nén vào tận cùng đáy lòng để khỏi bật khóc mỗi khi có ai nhắc tới tên Khôi.

Vẫn bặt tin Khôi và thấy Lê bất cần đời nên Lộc tìm cách giới thiệu anh của Lộc cho cô, một trung úy công binh còn độc thân, để hy vọng Lê tìm được một cuộc sống bình thường. Lợi, anh của Lộc, rất có cảm tình với Lê và cũng biết rõ mối tình Lê-Khôi và tâm trạng của cô hiện tại. Lợi lớn hơn Lê 10 tuổi, Lợi hết sức chiều chuộng và nhiều lần ngỏ ý cầu hôn nhưng Lê lại dửng dưng chuyện tình cảm mà chỉ xem như bạn bè. Biết tính của Lê nói là làm nên "cùng tắc biến" Lợi nhắc:

- Em đã hứa với các bạn là sẽ kết hôn với người nào đến hỏi...

Lại bị chạm tự ái, Lê ngắt lời Lợi rồi nói:

- Anh Lợi khỏi cần nhắc thêm, nếu muốn thì đến mà hỏi ba má Lê.

Tưởng nói cho qua chuyện, nhưng vì yêu nên Lợi làm thật, Lợi đã đến thưa với ba má Lê để xin cầu hôn nàng, dĩ nhiên các cụ sẽ vui vẻ trả lời là mọi quyết định là do "em nó"! Nghĩ lại chuyện cầu hôn của Lợi mà Lê phát tức cười dù trong lòng héo như dưa muối. Nhưng Lợi kiên trì theo đuổi, cuối cùng thì cô phó thác mặc đời, gật đầu cho xong. Đó là vào cuối năm 1967, tức là 3 năm sau kể từ ngày Khôi tốt nghiệp, ngày Khôi ra chiến trường và là ngày anh từ giã em!

Sau 3 tháng kết hôn với Lợi thì một hôm Lộc trao cho Lê một lá thư, tên người gửi là Đông, một cái tên hoàn toàn xa lạ, địa chỉ là KBC... nhưng tên người nhận là Tuyết Lê, thư gửi về địa chỉ nhà Lộc. Quá bất ngờ và hồi hộp muốn ngộp thở, tay run không bóc nổi lá thư, không chần chừ Lê trao ngay cho Lộc đọc dùm xem thư của ai, nói cái gì? Nhưng thư chỉ vỏn vẹn có mấy chữ:

Kính gửi cô, (bà) Lê.

Nếu cô (bà) còn ở địa chỉ cũ và nhận được thư này thì liên lạc với tôi, địa chỉ ngoài bì thư, tôi có tin về bạn Nguyễn

Đăng Khôi".

"Trời ơi! Anh Khôi ơi!"

Lê chỉ thốt lên được bấy nhiêu đó rồi đổ gục xuống, Lộc phát hoảng khi thấy Lê không khóc mà đôi vai thì rung lên từng chặp. Một lúc sau cô bật đứng dậy, mắt ráo hoảnh nhưng đỏ au, có lẽ đau khổ tột cùng không còn nước mắt, mặt đanh lại, cô nói với Lộc:

- Đây là tin chẳng lành! Bây giờ phải làm sao hả anh Lộc?

Lộc cũng có linh tính như thế, nhưng trấn an Lê và cho chính mình:

- Không sao đâu, có tin là được rồi, từ từ rồi tính. Địa chỉ nơi gửi là KBC, tức khu bưu chính quân đội, làm sao biết họ ở đâu mà tìm, làm gì có số điện thoại mà gọi, gửi thư thì phải vài ngày mới tới tay ông Đông, cách hay nhất là ngay bây giờ ra bưu điện đánh điện tín hỏa tốc, chậm lắm là ngày mai Đông sẽ nhận được.

Điện tín đánh đi rồi, hai người trở về nhà Lê ngồi chờ, dù biết rằng đó là vô ích, vả lại Lộc không thể để Lê ngồi một mình trong lúc này, cô ấy đang như ngồi trên đống lửa, khóc rồi hỏi chừng nào có tin, rồi lại khóc! Chiều Lợi đi làm về, Lộc vội nói nhỏ với anh về cái tin chẳng lành này, Lợi cũng bị bất ngờ và đau khổ ở một khía cạnh tình cảm khác, nhưng Lợi vẫn vội vã đến vỗ về an ủi vợ rồi tế nhị tôn trọng niềm riêng tư của Lê, Lợi đi lo việc cơm nước.

Lê muốn ngồi một mình, nhưng khi Lợi và Lộc lánh đi chỗ khác rồi thì cô lại cảm thấy sợ hãi, lạnh lẽo, vào giường nằm, bao nhiêu kỷ niệm với Khôi hiện ra từng nét, từ buổi ban đầu hỏi tên đến khi tiễn chân anh ra phi trường, cô lâm râm khấn vái:

"Khôi ơi! Nếu anh có mệnh hệ nào thì về báo cho em biết".

Khấn xong nhắm mắt lại Lê thấy Khôi đến tìm cô trong bộ Jaspé, cầu vai alfa thiếu úy! Lạ nhỉ? Mà sao hôm nay anh buồn thế! Bị cán bộ phạt tội trốn đi phố à? Sao không chạy lại ôm em và hôn như mọi khi? Lê hờn dỗi rồi vùng vằng quay đi và bật khóc nức nở. Giật mình tỉnh giấc trong

tiếng nấc, nước mắt còn chạy quanh, ngơ ngác nhìn nhưng không thấy Khôi, thấy thấp thoáng hai anh em Lợi Lộc đang thì thầm bên ly café trong bếp, đồng hồ chỉ đúng 9 giờ tối.

Tâm trạng Lê lúc này thật khó hiểu, mâu thuẫn liên tục, khấn vái xin gặp Khôi, trong giấc mơ thấy rồi lại đau khổ, không tin là thế và chờ thư hồi âm. Lợi vẫn đi làm như thường lệ, còn Lê không ra khỏi nhà, ngồi chờ tin và lại mong "no news is good news". Nhưng rồi vẫn phải đối diện với sự thật, không phải chờ đợi lâu, Lộc mang đến cho Lê một bao thư dầy, gửi bảo đảm và khẩn. Lê ngồi chết dí xuống ghế, tay vịn chặt hai bên thành ghế, cắn môi để nghe Lộc đọc thư của Đông, một đồng đội của Khôi.

Lá thư khá dài, kể rõ mọi chi tiết kể từ khi Khôi mới về trình diện đơn vị, quen với Đông trong trường hợp nào, tâm sự với Đông về người yêu là nữ sinh trường Bùi Thị Xuân ở Đà Lạt v.v... kèm theo thư là một tấm hình cô gái còn quá trẻ và rất xinh đẹp, phía sau tấm hình có ghi: *"Tặng anh"*, ký tên *"Tuyết Lê"* và ghi thêm địa chỉ nhà Lộc.

Đông cho biết anh là người nhận Khôi khi đến đơn vị, thấy Khôi vừa ra trường, đẹp trai, có tư cách nên kết thân với nhau. Ngay ngày hôm sau là đi hành quân, trong dịp này Khôi tâm sự với Đông nhiều về tình yêu. Sau một tuần trở lại hậu cứ, vì độc thân ngủ chung một phòng nên Đông thấy Khôi bối rối lục tung tất cả ba-lô quần áo để tìm một vật gì đó, mãi sau Khôi mới hỏi Đông có thấy cuốn sổ tay của Khôi không, một cuốn sổ tay ghi địa chỉ đồng thời cũng ghi lý lịch binh sĩ trung đội và lúc nào cũng phải để trên túi áo ngực (thầy Huyến dạy như thế). Vậy là cuốn sổ đã rơi mất lúc đi hành quân rồi, chắc là hôm đụng trận đầu tiên! Không có địa chỉ viết thư cho Lê nên Khôi và Đông phải chạy ra thị xã Tam Kỳ, tìm bạn của Lê là Cẩm Thạch ở tiệm thuốc tây Huỳnh Châu, nhưng rất tiếc là Cẩm Thạch và Lê đã mất liên lạc từ khi Lê di chuyển đi chỗ khác....

Lộc vừa đọc đến đó thì Lê la lên:

Đúng rồi đó Lộc, em vẫn kể cho Khôi nghe về kỷ niệm cũ ở Tam Kỳ, có bạn thân là Cẩm Thạch, con nhà thuốc

tây Huỳnh Châu. Như vậy đúng là Khôi mất địa chỉ của em nên mới nhớ đến Cẩm Thạch và chạy đến xin địa chỉ. Nhưng tụi em đã không liên lạc với nhau từ lâu! Em trách oan anh rồi Khôi ơi!

Chờ cho Lê bớt khóc, bớt nức nở, Lộc đọc tiếp thư Đông:

Khôi cuống cuồng lo lắng vì mất cuốn sổ, trong đó có ghi thêm lý lịch binh sĩ của trung đội, Khôi dặn tôi giữ kín chuyện này, nếu cấp trên mà biết làm mất lý lịch binh sĩ là không xong. Nhưng quan trọng, rất quan trọng là làm sao có địa chỉ để viết thư cho Lê như đã hứa trước khi đi. Tôi đề nghị Khôi nên viết nhiều thư để gửi về bất cứ địa chỉ nào ở Đà Lạt để nhờ nhắn tin. Khôi đã làm theo và sốt ruột chờ thư hồi âm. Nhưng rồi lại đi hành quân hết nơi này đến nơi khác, có khi cả tháng mới trở về hậu cứ tái trang bị rồi lại ra đi..!

Lộc im lặng, ngưng đọc, quay đi, ngước mặt nhìn lên trần nhà, đưa tay dụi mắt như có bụi bay vào, rồi khịt-khịt mũi, Lê bực mình gắt:

- Sao Lộc không đọc tiếp đi?

Lộc im lặng, đứng dậy quay lưng, đưa lá thư về phía sau cho Lê, cô đứng dậy giật lấy thư trong tay Lộc, ngó vào và chỉ thấy mấy hàng chữ viết đậm và rồi cả người lẫn lá thư cùng rơi xuống đất sau khi Lê nấc lên: "Anh đi thật rồi!"

Mấy dòng chữ đó viết như sau:

"Và lần hành quân đó Khôi tử trận váo lúc 5 giờ chiều ngày 17/2/65 tại quận Quế Sơn"!!!

Như vậy là sau khi ra trường và trình diện đơn vị, Khôi là một trong bốn thiếu úy K19/VB hy sinh sớm nhất tại chiến trường. Ba người "đi trước" là BĐQ Nguyễn Thái Quan, thủ khoa Võ Thành Kháng và Nguyễn Văn Hùng thuộc TQLC, họ tử trận tại Bình Giả ngày 31/12/1964 (mãn khóa ngày 28/11/1964)!

Nguyễn Đăng Khôi đã về với "hòm gỗ cài hoa" trong khi người yêu ở hậu phương vẫn đợi và chờ lá thư của anh gửi về em ngay sau khi đến đơn vị! Rồi trong lúc hờn dỗi, hiểu lầm, Lê đã trách Khôi trong khi anh đã nằm sâu trong

lòng đất. Khôi viết, viết nhiều lắm, nhưng âm dương cách trở làm sao tới tay em được!

Ai trong chúng ta đã coi cuốn phim ***"We Were The Soldiers"*** hẳn là hồi hộp, sợ hãi rồi xót xa đau đớn cho những người yêu, người vợ lính ở hậu phương mỗi khi trông thấy xe taxi đưa thư đi vào cư xá, cầu trời khấn Phật đừng đến gõ cửa nhà mình, cái xe taxi chết tiệt kia mang thư báo tử. Trường hợp của Lê, người nữ sinh BTX cũng mong cũng đợi thư người cựu SVSQ thì gần 3 năm sau mới nhận được và không phải thư tình mà là thư "báo tử". Nhìn những người phụ nữ trong phim đau khổ thế nào thì mới hiểu Lê đau khổ nhiều lần hơn thế nữa! Đâu cần phải xem phim, thực tế ngay trong anh chị em chúng ta cũng có quá nhiều anh cùng chung số phận như Khôi, "trả xong nợ nước"! Nhiều chị cùng hoàn cảnh như Lê!

Thư Đông có giải thích lý do anh nhắn tin trễ cho Lê. Tử sinh ngoài chiến trường là chuyện bình thường, người tử trận "lui" về sau để cho gia đình lo hậu sự, người chưa tử thì tiếp tục đi tới, đi vào cửa "tử" để tìm cửa "sinh" cho hậu phương. Vì thế Đông không để ý đến chuyện hậu sự của Khôi cho đến một ngày kia, khi Đông thu dọn hành trang để thuyên chuyển đi đơn vị khác, Đông viết:

Cách nay khoảng 3 tháng, tức cuối năm 1967, trong khi thu dọn hành trang để thuyên chuyển đi đơn vị khác, trên cái bàn mà tôi và Khôi khi xưa dùng chung, trong đám sách vở giấy tờ lộn xộn cũ kỹ bụi bậm tôi thấy một cuốn tập bìa cứng còn mới, định nhét vào ba-lô để dùng, nhưng khi mở ra thì giật mình! Đó là cuốn nhật ký của Khôi, ngay trang đầu tiên là tấm hình ghi chú tên Lê. Tôi biết đây là người Khôi yêu tha thiết, còn nội dung thì chưa kịp viết gì, chỉ mới viết có vài dòng ngày tháng năm. Tôi biết tấm hình này là một kỷ vật quý báu đối với người còn sống nên tôi xếp lại, cất kỹ vào ba-lô với ý định sẽ trả về cho khổ chủ. Nhưng vì đi hành quân liên miên nên nay tôi mới thực hiện được.

Một sự trùng hợp hay linh thiêng nào đây mà đồng đội của Khôi, anh Đông, lại tìm được cuốn nhật ký của Khôi

trong đống sách vở báo chí bụi bậm vào cùng thời điểm Lê miễn cưỡng lập gia đình với Lợi? Duyên số chăng? Lê

Họp mặt các anh chị khoá 19 Houston ngày 22/12/2009, Liễu và Tuyết Lê

đã trách lầm Khôi và gây đau khổ đổ vỡ cho chính mình, lập gia đình khi không có tình yêu, lãnh cảm, gây buồn phiền cho người sống chung, hơn thế nữa không hợp nhau về nhiều phương diện vì thế Lê đề nghị ly hôn với Lợi. Trước sự thật đau đớn, không thể níu kéo thêm, Lợi nói:

- Với hy vọng là sau khi lấy nhau, anh sẽ tạo được tình yêu nơi em, nhưng anh đã thất bại. Xin chia sẻ với em những mất mát to lớn.

Sau khi ly hôn với Lợi, Lê trở về sống với gia đình nhưng để tạm tránh "cảnh buồn người có vui đâu bao giờ" nên Lê thường xuyên xuống Nha Trang ở với Lài, cô bạn gái thân thiết nhất kể từ khi còn ngồi cạnh ở trường BTX. Lài là chỗ cho Lê nương tựa, giúp Lê giấu kín được tình yêu của Khôi vào tận đáy tim mà mỗi khi ngồi một mình là như mới xẩy ra hôm qua, tim Lê không còn chỗ cho tình yêu nào nữa dù xung quanh có nhiều người theo đuổi.

Vận nước nổi trôi đưa đẩy Lê trôi đạt đến một miền đất xa lạ, không một người thân quen bạn bè kể cả đồng hương, Lê nhận Hòa Lan làm quê hương thứ hai chờ tới ngày "đoàn tụ" với Khôi. Nhưng, sau 45 năm (1964-2009) kể từ ngày Khôi ra trường và tiễn chân anh ra chiến trường thì Lê bất ngờ gặp lại hình ảnh và kỷ niệm với Khôi trên đất Mỹ.

Cuối năm 2009, từ Hòa Lan qua Hoa Kỳ thăm bạn bè Đà Lạt và Bùi Thị Xuân ngày xưa. Tại Houston, Lê được BTX Lệ-Liễu dẫn đến tham dự tiệc tất niên của các bạn đồng Khóa với Khôi. Thật xúc động, nói sao cho hết mừng

vui lẫn tủi buồn. Các anh chị Khóa 19 Houston, Texas, yêu thương chiều chuộng người con dâu "hụt" K19VB hết lòng. Cám ơn các anh chị Cường, Em, Doan v.v... rồi như có người hướng dẫn, đưa Lê đến San José, Bắc California, vẫn được các bạn của Khôi đón nhận quá thân tình, đặc biệt là cố nhân Trương Khương, một bạn thân thiết như ruột thịt của Khôi, gặp anh chị Khương như được trở về mái nhà xưa.

Họp mặt tất niên với các anh chị khoá 19 Nam CA 24/1/2010 ba nữ sinh BTX Dalat (Nguyệt,T.Lê, Báu)

Anh chị Khương chiều chuộng an ủi cô em, đi thăm viếng khắp nơi và xuống Little Saigon, Nam CA, được tham dự tiệc tất niên với các anh chị K19, vui quá! Cảm động quá! Nhưng cũng tủi thân quá: "bạn bè anh đây mà anh ở đâu!"

Trước ngày Lê qua Hoa Kỳ thì trên diễn đàn Nguyễn Trãi của khóa 19 đã phổ biến một tin về người em của Khôi ở Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn nên các anh K19 đang tìm cách giúp đỡ và trong bữa tiệc tất niên ấy, dù nhiều hay ít các anh chị mỗi người một tay và dĩ nhiên cũng có bàn tay của Lê. Đây lại là một sự tình cờ trùng hợp khác nữa hay có bàn tay nào hướng dẫn Lê.

Quý giá hơn là được các anh chị K19 kể cho Lê nghe những kỷ niệm của Khôi, tặng cho những tấm hình khi Khôi còn là tân khóa sinh, là sinh viên sĩ quan, cả tấm hình Khôi và Lê chụp chung ở thác Prenn Đalạt và quan trọng hơn nữa đã biết nơi yên nghỉ của Khôi ở nghiã trang Đà Nẵng, Lê đã và đang nhờ các bạn K19 của Khôi dò tìm xem "họ" di chuyển Khôi đi đâu sau khi nghĩa trang ở Đà Nẵng bị giải tỏa, hầu có thể mang hài cốt anh vào chùa, cho vong hồn anh bớt lạnh lẽo. Khi nghe Lê tâm sự về chuyện tình của

Khôi và cô, chị Cường cho đó là ý tưởng đầy tình nghĩa sâu đậm, chị Cường đã gọi đùa Lê là "thiếu phụ ngây thơ". Ngây thơ nên đã trách lầm người yêu khi anh đã nằm sâu trong lòng đất, Lê đau khổ hối hận:

"Khôi ơi! Em quỳ đây với mớ kỷ niệm tình yêu chúng mình, thắp nén nhang này cầu xin vong hồn anh hãy hiểu và tha thứ cho em, những vụng dại ngày xưa, em đã trách lầm anh, đã nghĩ oan cho anh, xin lỗi anh! Ngàn lần xin lỗi anh!"

"Nhưng Khôi ơi! Thân xác đã trở về với cát bụi, dù tìm được "tro bụi" hay không thì em vẫn lập bàn thờ anh, bàn thờ anh đã và mãi mãi trong lòng em, người yêu của anh. Tuyết Lê"

Xin cám ơn tấm lòng yêu thương của tất cả các anh chị đồng môn, đồng đội của Nguyễn Đăng Khôi, khóa 19/ TVBQGVN.

Lễ cầu siêu cho Nguyễn Đăng Khôi
tại chùa Vạn Hạnh Hòa Lan, ngày 3/4/2010

Ghi chú: *Hiện nay, tại Hoà lan, Tuyết Lê đã đem hình Nguyễn Đăng Khôi vào chùa Vạn Hạnh, cách nơi ở gần 2 giờ lái xe để có thể thường xuyên đến thăm Khôi, với Lê đó là tất cả và không mơ ước gì hơn.*

■ ■

Khóc NT Tôn Thất Chung K16

Kính Hương Hồn NT Chung,

Nghe tin NT ra đi về cõi Vĩnh hằng, nơi không còn hận thù ganh ghét đố kỵ... lòng Đệ thật là thương cảm xót xa. Tuy biết rằng ngày này ắt phải đến với mọi người không ai tránh khỏi...

Ngày nghe tin NT lâm cơn bạo bệnh lòng Đệ không khỏi bùi ngùi...

Đệ nhớ những ngày Huynh Đệ mình còn ở trại tù Gia Trung Pleiku... sáng sáng Đệ vác rựa lủi thủi đi trên con đường mòn dẫn vào rừng đốn củi về đốt lò gạch. Trời Pleiku buổi sáng se lạnh, chân bước tới nhưng mặt luôn ngoảnh lại nhìn đằng sau như để chờ một cái gì ... NT biết không!? Đệ mong hình bong NT ngất ngưởng ngồi trên chiếc xe trâu trên đường vào rừng lấy củi về nấu bếp. Lúc nào NT cũng không quên mang theo bên mình một lon guigoz gạo lẫn lúa mà NT đã lấy trộm ở chuồng heo trong nhà bếp để cho Đệ có được một bữa cơm trưa tạm đỡ đói lòng khi đốn củi trong rừng. Đệ còn nhớ giọng nói trầm trầm chậm rãi của NT: "Đem xuống suối giã, đãi cho hết lúa và trấu rồi nấu cơm mà ăn!"...

Tuần nào cũng vậy, ít nhất Đệ cũng được NT nuôi cho ba bữa cơm trưa bằng ba chén gạo tình nghĩa...

NT biết đó! Ở những trại tù Việt cộng – Buổi sáng nào cũng chỉ được một chén cháo lỏng, chua như hèm cho vào bụng rồi đi lao động đến trưa mới về thì nó đói đến mức nào!? Bát cơm Phiến Mẫu của NT đã vực Đệ đứng nổi trong những ngày khốn khổ ở trại tù Gia Trung Pleiku. Những hình ảnh đó không bao giờ phai nhòa trong tâm tư của Đệ ...

Ngày ra tù, Huynh Đệ mình có gặp nhau một vài lần ở Saigon, đều nhắc đến những ngày khổ ải khi còn ở trong trại tù Gia Trung mà lệ còn rưng rưng khóe mắt.

Khi qua đây, sống ở Cali này, nhân ngày ĐH của Khóa 16/TVBQGVN tại nhà hàng Grand Fortune ở San Jose năm nào và cả những ngày ĐHVB toàn cầu kỳ thứ 16 cũng tại Bắc Cali – Huynh Đệ mình có gặp lại nhau... Không ngờ đó lại là những ngày gặp nhau lần cuối...

Khi nghe tin NT ra đi... Đệ nghĩ nhớ về NT với thật nhiều kỷ niệm khó quên để rồi ngồi viết những dòng chữ này như để tâm tình cùng với NT. Lòng Đệ không khỏi xót xa thương tiếc một người khóa đàn anh VB với tình Huynh Đệ keo sơn tình cảm đã được thể hiện trong những giây phút khốn khó nhất của cuộc đời.

Thôi NT ạ, có sinh thì có tử, luật tạo hóa đã an bài. Ai rồi cũng phải ra đi... Thành tâm cầu nguyện NT sớm được về cõi vĩnh hằng, hưởng nhan Thánh Chúa. Và xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và Đại Gia Đình K16/TVBQGVN.

Đệ Phan Nghè – K19

Như Những Vầng Mây

Có bao giờ anh một mình tự hỏi
Cuộc sống này có ý nghĩa gì đây
Đến, rồi đi, rồi chợt mình tự thấy
Hình hài này mang dáng những vầng mây

Rồi hiện hữu giữa cuộc đời trôi nổi
Rồi lang thang trong cùng tận bầu trời
Và với anh, tình yêu như sương khói
Chả là gì, chỉ như áng mây trôi

Những áng mây đã từng mang mưa tới
Những cơn mưa làm tươi mát cuộc đời
Anh đã đến, đã đi và vĩnh viễn
Để một người mãi mãi nhớ anh thôi

Nhớ tới anh, như nhớ vầng mây trắng
Trôi lững lờ trong trời rộng bao la
Còn lại chăng chỉ như là giọt nắng
Lóng lánh trên mi, rơi xuống nhạt nhòa

Tường-Thúy 20B

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn, phu nhân của Cựu SVSQ/TVBQGVN Trần Quang Khôi K6 là:

BÀ LÂM TÚ ANH

đã từ trần ngày 23/04/2010 (nhằm ngày 10 tháng Ba năm Canh Dần) tại Manassas, Virginia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 81 tuổi.

Toàn thể hội viên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN vùng Hoa Thịnh Đốn và Phụ cận xin:

- Chia buồn cùng Cựu SVSQ Trần Quang Khôi và gia quyến.
- Cầu chúc hương linh bà Lâm Tú Anh an vui nơi đất Chúa.

T/M Ban Chấp Hành Hội
Ủy Viên Xã Hội: Vũ Quý Khang, K30

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn, nhạc mẫu của CSVSQ Vũ Quý Khang K30 là bà:

QUÁ PHỤ NGUYỄN VĂN ĐƯỢC,
nhũ danh Nguyễn Thị Thuận,
pháp danh Nguyên Thảo

đã từ trần ngày 14/04/2010 (nhằm ngày 01 tháng 03 năm Canh Dần) tại Fairfax, Virginia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 76 tuổi.

Toàn thể hội viên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN vùng Hoa Thịnh Đốn và Phụ cận xin chia buồn cùng gia đình Vũ Quý Khang và toàn thể tang quyến.

Cầu chúc hương linh đệ tử Nguyên Thảo an vui nơi cõi Phật.

T/M Ban Chấp Hành Hội
Hội trưởng Võ Nhẫn

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của GS Lê Đình Cai là:

CỤ ÔNG LÊ ĐÌNH DƯƠNG

tạ thế lúc 16 giờ ngày 20/4/2010 nhằm ngày 7 tháng 3 năm Canh Dần, tại ấp Phú Tân, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, hưởng thọ 91 tuổi.

Đại gia đình Hội Võ Bị Bắc Cali xin thành kính phân ưu cùng giáo sư & tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ Ông sớm được thanh thản nơi cõi Vĩnh Hằng.

BTT/HVB/BCL
CSVSQ Lê Đình Trí K29

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của CSVSQ LÊ VĂN YẾN K18, Hội Trưởng Hội CSVSQ/TVBQGVN ARIZONA là cụ Ông:

GIOAN BAOTIXITA LÊ VĂN TIÊN

đã thất lộc ngày 21 tháng 3 năm 2010 tại Phoenix, Arizona, USA, hưởng thọ 99 tuổi.

Toàn thể CSVSQ khóa 18/TVBQGVN thành thật chia buồn cùng bạn Lê Văn Yến và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ Ông sớm được hưởng nhan thánh Chúa.

TM Ban Đại Diện Khóa 18/ TVBQGVN
CSVSQ Lã Quí Trang, ĐD Khóa

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
- Quý niên trưởng và anh em Võ Bị các khóa 12, 15, 18, 20, 26, 28, và các khóa khác.
- Hội Võ Bị Bắc Cali
- Hội Võ Bị và Đoàn TTNĐH Pennsylvania

đã gửi thư, điện thoại, điện thư chia buồn và góp lời cầu nguyện cho nhạc mẫu của chúng tôi là bà Maria Vũ Thị Chất vừa mãn phần ngày 27/12/2009 tại Việt Nam, hưởng thọ 76 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong các niên trưởng, các bạn 26 và quý anh em niệm tình tha thứ. Xin cảm ơn.

Thay mặt tang gia,

CSVSQ Nguyễn Bắc Ninh K26

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn:

CSVSQ TÔN THẤT CHUNG
K16/TVBQGVN,

đã mệnh chung ngày 09/04/2010 tại San Diego, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 68 tuổi.

Gia đình Phan Nghè K19 thành thật chia buồn cùng chị Tôn Thất Chung và các cháu.

Nguyện cầu linh hồn NT sớm về nước Chúa.

Phan Nghè K19

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn Nhạc Mẫu của Cựu SVSQ TRẦN NGỌC TOÀN K16/TVBQGVN là:

Cụ Quả Phụ TRẦN HỮU ĐẠM

Nhũ danh Mai Thị Quế

Pháp danh Tâm Thanh

vừa qua đời tại Huế, ngày 29/03/2010, nhằm ngày 4 tháng 2 năm Canh Dần, hưởng thượng thọ 101 tuổi.

Chúng tôi, toàn thể các bạn cùng khóa 16, xin chia buồn cùng Anh Chị Trần Ngọc Toàn và Tang Quyến. Nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm tiêu diêu miền tiên cảnh.

Thay mặt các bạn khóa 16/TVBQGVN và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa 16

Cựu SVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu Cựu SVSQ Trương Thành Tâm K16/TVBQGVN là:

Cụ Bà Anna NGUYỄN THỊ SEN

mệnh chung ngày 24 tháng 2 năm 2010, nhằm ngày 11 tháng Giêng năm Canh Dần, tại Fountain Valley, California, Hoa Kỳ, hưởng thượng thọ 94 tuổi.

Khóa 16 thành thật chia buồn cùng Anh Chị Trương Thành Tâm và tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn Anna sớm được về hưởng nhan thánh Chúa.

Thay mặt các bạn khóa 16/TVBQGVN và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa 16

Cựu SVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động được tin buồn:

Bạn TRẦN VĂN ĐÍNH,
CSVSQ/K16/TVBQGVN

đã từ trần ngày 18 tháng 2 năm 2010, nhằm ngày 05 tháng Giêng năm Canh Dần, tại Nashville, Tennessee, Hoa Kỳ, hưởng 74 tuổi.

Toàn thể CSVSQ K16/TVBQGVN xin chân thành chia buồn cùng chị Trần Văn Đính và tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn bạn Trần Văn Đính sớm về Miền Cực Lạc.

Thay mặt các bạn khóa 16/TVBQGVN và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa 16
Cựu SVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin hiền thê của CSVSQ Nguyễn Văn Ơn K16/TVBQG/VN là:

Chị NGUYỄN THỊ HỒNG HOA

đã từ trần ngày 07 tháng 2 năm 2010, tại Gò Vấp, thành phố Sài Gòn, Việt Nam, hưởng dương 57 tuổi.

Chúng tôi, toàn thể các bạn cùng Khóa 16, xin chia buồn cùng bạn Nguyễn Văn Ơn và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Chị sớm tiêu diêu Miền Tiên Cảnh.

Thay mặt các bạn Khóa 16/TVBQGVN và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa,
CSVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn:
CSVSQ ĐÀO MỘNG XUÂN K8,
Pháp danh Thiên An
đã từ trần ngày 03 tháng 4 năm 2010, nhằm 19 tháng 02 năm Canh Dần, tại Fairfax, Virginia, USA, hưởng thọ 77 tuổi.

Toàn thể hội viên Hội CSVSQ/TVBQGVN vùng Hoa Thịnh Đốn và phụ cận xin chia buồn cùng tang quyến và đại gia đình khóa 8.

Cầu chúc hương hồn CSVSQ Đào Mộng Xuân được an vui nơi cõi Phật.

Thay mặt Ban Chấp Hành Hội.

Ủy Viên Xã Hội,
CSVSQ Vũ Quý Khang K30

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn thân mẫu của CSVSQ Phạm Kim Đan K16/TVBQGVN là:
Cụ Quả Phụ PHẠM THƯỞNG
nhũ danh Nguyễn Thị Lai - pháp danh Diệu Thành
vừa mãn phần ngày 25/2/2010 nhằm ngày 12 tháng Giêng năn Canh Dần, tại Virginia, USA, hưởng thượng thọ 91 tuổi.

Gia đình CSVSQ/K16/TVBQGVN thành thực chia buồn cùng bạn Phạm Kim Đan và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ Bà sớm về miền Vĩnh Hằng.

Thay mặt các bạn khóa 16/TVBQGVN và gia đình.
Ban Đại Diện Khóa,
Cựu SVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được tin buồn:

Bạn Francisco Xavier TÔN THẤT CHUNG

CSVSQ/K16/TVBQGVN, đã từ trần ngày thứ Sáu, 9/4/2010, tại San Diego, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 68 tuổi.

Toàn thể Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 16/TVBQGVN và gia đình xin chân thành chia buồn cùng Chị Tôn Thất Chung, các cháu, và tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn Francisco Savier sớm về hưởng nhan thánh Chúa.

Thay mặt các bạn Khóa 16 và gia đình.

Ban Đại Diện Khóa

Cựu SVSQ Trần Khắc Thuyên

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động được tin ái nữ của CSVSQ Lê Văn Hưởng K22 là cô:

LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG

sinh ngày 30 tháng 4 năm 1985, đã vĩnh viễn về cõi vĩnh hằng vào tháng 4/2010 tại Fairfield, California, hưởng dương 25 tuổi.

Đại gia đình Hội Võ Bị Bắc Cali thành kính chia buồn cùng CSVSQ Lê Văn Hưởng và gia đình.

Nguyện cầu linh hồn của Lê thị Bích Phương sớm được hưởng nhan thánh Chúa.

BTT/HVB/BCL

Tri Le 29

Tưởng niệm quí cố CSVSQ/TVBQGVN năm xuống trong 2 năm qua

Hội Đồng Tư Vấn và Giám sát Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN, thành kính dâng lời cầu nguyện và tưởng niệm quí CSVSQ sau đây đã vĩnh viễn ra đi, sau ngày Đại hội thư 16 tổ chức tại San Jose tháng 7 năm 2008 (tính đến ngày 15-5-2010):

Trần Văn Thiệt	K13	4/7/08, Kansas
Lý Bá Phẩm	K2	31/7/08, Michigan
Trần Cao Khiêu	K7	18/8/08, Canada
Hồ Văn Quang	K10	13/8/08, California
Nguyễn Bùi Thức	K1	25/8/08, California
Đinh Sơn Trung	K19	28/8/08, Việt Nam
Nguyễn Văn Ba	K18	21/9/08, India
Trần Thanh Liêm	K11	1/10/08, California
Châu Văn Túc	K18	12/10/08, Việt Nam
Nguyễn Thành Chuẩn	K6	21/10/08, Pháp
Hoàng Thọ Nhu	K10	25/10/08, California
Đỗ Hùng Long	K30	25/10/08, Việt Nam
Trần Đức Tiên	K12	28/10/08, Oregon
Đỗ Ngọc Tùng	K4	8/11/08, California
Phan Văn Hiệp	K17	10/11/08, California
Nguyễn Văn Xiêm	K23	10/11/08, Việt Nam
Triệu Việt Hồng	K12	2/11/08, Việt Nam
Phạm Văn Khôi	K15	26/11/08, Việt Nam
Hồ Văn Phàng	K5	27/11/08, California
Dư Thành Nhựt	K10	4/12/08. California
Nguyễn Văn Xin	K29	12/12/08, Việt Nam
Lương Thành Lập	K19	12/12/08, Đức quốc
Trần Tấn Hòa	K20	17/12/08, California
Lưu Vĩnh Triều	K12	22/12/08, California
Nguyễn Hữu An	K10	2/1/09, California
Đinh Văn Tôn	K15	15/1/09, Úc đại lợi
Nguyễn Đức Nhuận	K19	6/3/09, Việt Nam
Dương Văn Thụy	K3	22/5/09, Canada
Nguyễn Đ. T. John	K4	2/3/09 California
Bùi Đức Thiệu	K11	14/3/09 California
Nguyễn Quang Sang	K12	16/3/09 N. Carolina
Đinh Công Hiếu	K8	4/4/09 California
Lê Ngọc Ẩn	K20	9/4/09 Tenessee
Nguyễn Văn Bé	K18	18/4/09 Pennsylvania
Huỳnh Trung Chân	K22	20/4/09 New York

Trần Xuân Bàng	K19	23/4/09, California
Lê Khương	K21	1/5/09, Texas
Dương Tấn Sở	K9	19/5/09, California
Bùi Đình Đạm	K1	30/5/09, California
Trần Thanh Chiêu	K5	13/6/09, Washington
Nguyễn Thế Truyền	K28	21/6/09, Việt Nam
Dương Đức Sơ	K17	28/6/09, California
Phạm Hy Dung	K6	1/7/09, Michigan
Nguyễn Đình Bảng	K5	22/7/09, Nevada
Vũ Quang Khánh	K10	15/8/09, Texas
Trần Văn Trương	K20	23/8/09, California
Trương Thái Tôn	K4	25/9/09, Texas
Tạ Văn Đức	K6	01/10/09, Virginia
Hoàng Thúc Kháng	K20	04/10/09, Texas
Nguyễn Đức Bảo	K11	21/10/09, Texas
Nguyễn Huy Hoàng	K21	10/9 ,Việt Nam
Nguyễn Mạnh Tân	K10	1/11/09, Texas
Phạm Ngọc Cầu	K9	6/11/09, Missouri
Nguyễn Văn Thuận	K13	21/11/09, Việt Nam
Hồ Minh Châu	K6	1/12/09, Pháp quốc
Trương Hữu Chất	K16	24/12/09, California
Hoàng Thanh Tùng	K29	9/1/10, Minesota
Trương Đình Hà	K20	16/1/10, California
Đào Đình Thảo	K12	21/1/10, Florida
Nguyễn Văn Triệu	K11	9/2/10, California
Nguyễn Bơn	K28	7/3/10, California
Bùi Quang Huy	K13	12/3/10, California
Trần Sĩ Thiện	K25	1/4/10, Alabama
Trương Hoàng Quới	K10	16/4/10, California
Trần Thanh Hùng	K28	27/4/10, Vietnam
Lữ Tấn Hồng	K12	30/4/10, Texas
Phạm Văn Thái	K28	6/5/10, Việt Nam
Tôn Thất Chung	K16	9/4/10, California

Và quí cố CSVSQ khác chưa biết đến....

Nguyện cầu hương linh của quí cố CSVSQ yên giấc ngàn thu trong lòng đất Mẹ Việt nam hay tại hải ngoại. Có linh thiêng xin liệt quí vị hãy trở về dẫn dắt Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN luôn đoàn kết và thương mến lẫn nhau, để nuôi dưỡng truyền thống trường Mẹ và bảo vệ lý tưởng dân tộc Việt Nam.

Ngày 15 tháng 5 năm 2010
TM. Hội Đồng Tư Vấn và Giám sát
Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
CSVSQ Cao Chánh Cương, K15

Trả Lời Thư Tín

Thẩm Vân

■ ***Ông Nguyễn Xuân Thông, San Jose, CA***

Qua bức thư ông gửi, chúng tôi được biết ông thuộc khóa 13 Thủ Đức, rất thích đọc Đa Hiệu và hay mượn Đa Hiệu của người bạn hàng xóm để đọc. Ngoài ra, ông cũng kèm theo tấm check ủng hộ và thư yêu cầu đươc làm độc giả thường xuyên của Đa Hiệu. Tòa soạn Đa Hiệu đã cập nhật địa chỉ của ông vào danh sách và cũng đã gửi đến ông cuốn Đa Hiệu 89 mới phát hành tháng 3 vừa qua. Hy vọng ông đã nhận được. Chúc ông có những giây phút thật thoải mái bên những trang Đa Hiệu nồng ấm tình chiến hữu.

■ ***Mrs. Hoàng Thị Sâm, Greensboro, NC***

Tòa soạn đã nhận được check ủng hộ và thư của bà. Qua thư, chúng tôi được biết bà là độc giả lâu đời của Đa Hiệu, và cũng theo thư bà viết, bà *"...rất ghiền đọc Đa Hiệu đến nỗi nhà tôi nói: 'Cô thích đọc Đa Hiệu hơn cả SVSQ Võ Bị.'"* Điều này khiến chúng tôi rất vui nhưng rất tiếc bà đã không nhận được Đa Hiệu số 88! Tòa soạn sẽ gửi đến bà hai cuốn 88 và 89 để không phụ lòng ủng hộ của bà. Chúng tôi thành thật cáo lỗi và chúc bà những ngày vui.

■ ***NT Trương Tấn Thiện K23***

Trung tuần tháng 4 vừa qua, tòa soạn đã nhận được thư và check ủng hộ tập thể một số CSVSQ thuộc tiểu bang Victoria, Australia, qua đó, mỗi người đã ủng hộ Đa Hiệu $50 Úc kim. Ban Trị Sự đã đổi sang Mỹ Kim là $44.44 mà không phải trả tiền lệ phí đổi cho ngân hàng. Để tiện cho toàn thể độc giả Đa Hiệu, qua trang thư tín này, tòa soạn xin nhắn với những CSVSQ và thân hữu hiện cư ngụ ngoài nước Mỹ, khi quí vị cần gửi ủng hộ cho Đa Hiệu, quý vị có thể sử dụng check ngân hàng của quốc gia mà quý vị đang cư ngụ. Ngân hàng Mỹ sẽ đổi sang Mỹ Kim mà không đòi tiền lệ phí nào cả. Xin cảm ơn NT Thiện cùng quý NT và các bạn bang Victoria, Úc châu.

■ ***NT Đoàn Túc K10/TBT, Canada***

Trong thư gửi đến tòa soạn, NT viết: *"Tôi người lính già K10/TBT xin lời thăm hỏi sức khỏe đến quý huynh đệ và quý bảo quyến. Tôi vô cùng biết ơn quý bạn đã và đang gánh vác gánh nặng Đa Hiệu. Tôi cũng rất tri ân các cây bút đã có những bài vở đăng trên báo này. Sắp sửa bước vô cái tuổi bát thập, không còn sức, tài làm ra của cải nữa, thật vô cùng xấu hổ cứ phải xao nhãng nghĩa vụ của mình đối với Đa Hiệu. Hôm nay, lòng thành gửi về ngân phiếu $100US, xin vui lòng nhận cho."*

Đọc đến đây tôi thật sự cảm kích tấm lòng của NT đối với Đa Hiệu nói riêng và trường Mẹ nói chung. NT đã đóng góp cả tuổi thanh xuân và cuộc đời mình cho quê hương và dân tộc rồi thì tuổi già là lúc NT được quyền vui hưởng. Xin NT đừng bận tâm và cố gắng giữ gìn sức khỏe để tìm được những niềm vui của tuổi già. Thân kính.

■ ***NT Đặng An Hòa, K10, Pittsburgh, VA***

Tòa soạn đã nhận được check ủng hộ và thư NT gửi. Trước tiên, thay mặt BBT/ĐH, xin có lời cảm ơn những lời chúc tốt đẹp của NT. Chúng tôi rất vui khi biết NT rất thích đọc Đa Hiệu như NT viết trong thư: *"Cá nhân tôi, tôi ngưỡng mộ tất cả quý bạn đã bỏ công sức trí tuệ làm nên Đa Hiệu và gần đây nhứt quý bạn đã có sáng kiến đặc biệt là lập nên Giải Sáng Tác Đa Hiệu.... Tôi đọc bài nào cũng thấy hay quá! Không hay sao quý bạn chọn, phải không? Còn các đề tài mà các tác giả khác nhau viết thật có công sưu tầm tài liệu, dù đã cũ nhưng chắc chắn là mới lạ với độc giả và cũng quá hay!"*

Trong trang thư tín số 89 vừa qua, tôi có trả lời cho NT về việc NT "unhappy", thật ra, tôi chỉ sợ NT buồn vì đề tên NT sai, nhưng hóa ra không phải vậy! NT là người vui tính nên đã "trách mát" thằng em này vậy mà tôi lại quá tối dạ đã không nhận ra điều trách đáng mến ấy. Thôi mọi chuyện đều ổn cả, phải không NT? Chúc NT và gia quyến những ngày vui và mong có ngày nào gặp lại NT.

■ ***NT Tăng Minh Dũng, K13, San Francisco, CA***

"Đến Mỹ từ 1990, nhưng mãi đến hôm nay là lần thứ nhì được đọc Đa Hiệu (qua số 89). Thấy các anh viết hay quá, có những bài thơ, chuyện ngắn rất dễ thương!..." Đó là những giòng NT gửi đến tòa soạn kèm theo "đóng góp chút phương tiện cho các anh". NT có biết là đọc thư NT chúng tôi cảm thấy thật vui không? Chúng tôi đã quên hết chán nản và nhọc nhằn những ngày qua. Cảm ơn NT nhiều lắm và chúc NT cùng gia quyến vạn sự như sở nguyện.

■ ***Phu nhân cố Đại Tá Nguyễn Hữu Thông K16 (Mrs. Phùng Ngọc Hiếu), Seattle, WA***

Trong thư gửi đến tòa soạn, chị nhờ chúng tôi "add vào group V.B. để tôi trở thành member được không?" Tôi xin trả lời chị như sau, để trở thành member của diễn đàn Võ Bị, chị cần có email riêng. Sau đó, chị nhờ người quen hay tòa soạn Đa Hiệu cũng được, gửi email yêu cầu của chị đến điều hợp viên của diễn đàn Võ Bị xin ghi danh thì chị sẽ được nhận vào egroup. Để đọc Đa Hiệu online, chị vào website này: www.dahieu.com (có ghi sẵn trong Đa Hiệu.) Hiện tại, tòa soạn đã ghi tên chị vào danh sách nhận Đa Hiệu. Rất ngưỡng mộ phu quân của chị.

■ ***NT Nguyễn Phiêu Bồng K13, Sacramento, CA***

Tòa soạn đã gửi thư của NT đến CSVSQ Trần Văn Hổ K27 để khen tác giả bài tùy bút "Ngày Trở Lại", bài đã khiến NT "không cầm được nước mắt". Ngoài ra, tòa soạn cũng nhận được hình và ***Giai Phẩm Đất Quê 2010, 35 Năm Viễn Xứ***. Cảm ơn NT nhiều. Thân kính.

■ ***Chị Mai Phương Thủy 15B, Antelope, CA***

Trong lần nói chuyện vội vã với chị qua phone trong lúc đang lái xe ngoài freeway, tôi đã nói là trong ĐH90 đã có đăng thơ của chị, nhưng khi về xem lại, tôi mới biết là thơ của chị được dành cho ĐH91, số mùa thu sắp tới, chứ không phải ĐH90 kỳ này. Ngoài ra, tòa soạn cũng đã nhận được thơ chị gửi nhưng đã quá trễ để đăng trong số này. Xin thành thật cáo lỗi và chúc chị những ngày vui.

Lời Cuối

Ban Biên Tập Đa Hiệu xin chân thành tri ân quý giáo sư, quý NT, quý tác giả, và toàn thể đại gia đình Võ Bị đã đóng góp tài chánh, bài vở, bỏ nhiều công sức, và thì giờ để đặc san Đa Hiệu 90 đến được với bạn đọc bốn phương.

Vì số trang có hạn, một số bài gửi đến toà soạn đã không được chọn đăng trong số này, xin quý NT và các bạn thông cảm. Chúng tôi vẫn mong được đón nhận những sáng tác mới của quý vị.

Mặc dù BBT đã rất cố gắng nhưng chúng tôi biết vẫn còn nhiều thiếu sót trong việc in ấn, những lỗi phạm về chính tả, đánh máy và layout v.v... xin quý tác giả và bạn đọc niệm tình bỏ qua.

Sau hết, toàn Ban Biên Tập Đa Hiệu xin kính chúc quý giáo sư, quý NT cùng toàn thể bạn đọc xa gần những khoảnh khắc thật thú vị bên những trang sách nồng ấm tình chiến hữu của một thời chinh chiến đã qua.

Tinh thần ngày 19/6 bất diệt.

Hẹn một ngày tái ngộ.

BBT/ĐH